

TÔ HOÀI

QUÊ NGƯỜI

Tiểu thuyết



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Giới thiệu

Quê Nhà: Nhà văn Tô Hoài đã viết một bộ tiểu thuyết gồm ba tác phẩm: tiểu thuyết “Quê người”, tiểu thuyết “Mười năm”, tiểu thuyết “Quê nhà.” Mỗi tiểu thuyết, câu chuyện, hoàn cảnh và nhân vật đều khác nhau, nhưng tất cả được nối tiếp có hệ thống về các sự kiện lịch sử và xã hội của một vùng nhất định. Câu chuyện về một địa phương, đây là các làng mạc ở Hà Đông và Sơn Tây, vùng tây bắc thành phố Hà Nội xưa kia, nơi nhà văn Tô Hoài sinh ra và lớn lên. Ở cả ba tiểu thuyết trên đều in dấu vết những nhân vật trong đó có tác giả và gia đình, bè bạn ở sự việc, ở hoàn cảnh, ở những kỷ niệm hồi thơ ấu và đương thời. Bộ ba tiểu thuyết này đã được liệt kê trong danh sách các tác phẩm của Tô Hoài vinh dự được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học đợt 1 (1996).

Tiểu thuyết **Quê người** (viết 1941) cũng một khung cảnh ấy, những vùng Hà Nội đã bị chiếm đóng. Cảnh điêu linh và khốn cùng diễn ra, biết bao nhiêu người đã phải tha hương. Đi phu, đi làm đường, vào Nam, sang Tân Đảo và các thuộc địa Pháp ở ngoài châu Đại Dương, làm cu li đồn điền. Trong cảnh khốn đốn, phải đi “đất khách quê người”. Tiểu thuyết Quê người đã được tác giả viết trước nhất, cách đây nửa thế kỷ, từ khi nhà văn Tô Hoài mới bắt đầu cầm bút. Điều đó chứng tỏ đề tài của vấn đề đã nung nấu lâu dài trong tâm tư và tình cảm tác giả theo bước với sự phát triển của số phận cuộc sống và lịch sử.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI GIỚI THIỆU

Nhà văn Tô Hoài đã viết một bộ tiểu thuyết gồm ba tác phẩm: **Quê người, Mười năm, Quê nhà**. Mỗi tiểu thuyết, câu chuyện, hoàn cảnh và nhân vật đều khác nhau, nhưng tất cả được nối tiếp có hệ thống về các sự kiện lịch sử và xã hội của một vùng nhất định.

Câu chuyện về một địa phương, đây là các làng mạc ở Hà Đông và Sơn Tây, vùng Tây Bắc thành phố Hà Nội xưa kia, nơi nhà văn Tô Hoài sinh ra và lớn lên. Ở cả ba tiểu thuyết trên đều in dấu vết những nhân vật trong đó có tác giả và gia đình, bè bạn ở sự việc, ở hoàn cảnh, ở những kỷ niệm hồi thơ ấu và đương thời. Bộ ba tiểu thuyết này đã được liệt kê trong danh sách các tác phẩm của Tô Hoài vinh dự được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học đợt 1 (1996).

Tiểu thuyết **Quê nhà** (viết 1978) nói về sự việc hai lần quân Pháp tấn công chiếm Hà Nội cách nay đã hơn một thế kỷ. Tuy nhiên, những nhân vật lịch sử của các trận đánh: Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, các tướng tá Pháp như Phơ-răng-xi Gácniê, Hăng-ri Rivie không phải là các nhân vật chủ yếu. Mà ở đây tác giả đã miêu tả tình hình các phường xóm và làng quê trong thành ngoại nội mà nhân dân - các anh hùng vô danh đã dũng cảm nổi lên chống quân xâm lược như thế nào.

Tiểu thuyết **Quê người** (viết 1941) cũng một khung cảnh ấy, những vùng Hà Nội đã bị chiếm đóng. Cảnh điêu linh và khốn cùng diễn ra, biết bao nhiêu người đã phải tha hương. Đi phu, đi làm đường, vào Nam, sang Tân Đảo và các thuộc địa Pháp ở ngoài châu Đại Dương, làm cu li đồn điền. Trong cảnh khốn đốn, phải đi “đất khách quê người”. Tiểu thuyết **Quê người** đã được tác giả viết trước nhất, cách đây nửa thế kỷ, từ khi nhà văn Tô Hoài mới bắt đầu cầm bút. Điều đó chứng tỏ đề tài của vấn đề đã nung nấu lâu dài trong tâm tư và tình cảm tác giả theo bước với sự phát triển của số phận cuộc sống và lịch sử.

Tiểu thuyết **Mười năm** (viết 1957) cũng vẫn quang cảnh và tình hình ở vùng ấy, nhưng bước sang một giai đoạn quyết liệt nhất, mười năm 1935 - 1945. Nước Pháp đã bại trận ngay khi bắt đầu cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Phát xít Nhật can thiệp vào Đông Dương. Đất nước ta bị hai tròng áp bức và bóc lột, nạn đói vô cùng thảm khốc đã xảy ra mà mỗi con người chỉ còn có con đường một sống một chết.

Trong khốn cùng ấy, lá cờ nghĩa đánh Pháp đuổi Nhật cứu nước do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo giương cao đã tung bay khắp nước, từ rừng núi xuống đồng bằng. Tiểu thuyết **Mười năm** ấy là thời gian mười năm toàn dân chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, tiến tới Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

Đến nay, hơn năm mươi năm đã qua, để thấy được nguyên nhân sâu xa những điều tâm huyết của Tô Hoài với một vùng đất ông từng gắn bó. Trải ba mươi năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ngày nay đương bước vào giai đoạn xây dựng đất nước hùng vĩ chưa bao giờ từng có, xin được in lại trọn bộ cả ba tiểu thuyết: **Quê nhà, Quê người và Mười năm**.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

PHẦN THỨ NHẤT

I

BẢY GIỜ CẢ BỌN CÓ BỐN NĂM ANH, đều là con trai xóm Duối, ngồi bên một mảnh chiếu rải ở giữa căn nhà Hời, bên gốc cau, chỗ khoáng đáng nhất, để trăng sáng chiếu xuống đầy đủ cho tất cả mọi người. Ai cũng chỉ muốn ngồi chỗ nào mà nhòm được lên mặt trăng. Và cũng bởi có trăng sáng, những anh con trai xóm Duối sau khi dệt đoạn hai cuốn cửi, tuy trời đã khuya, mà vẫn chưa ai buồn đi ngủ. Họ kéo đến sân nhà Hời, ngồi chơi vui, nói chuyện gẫu. Ở đây rộng rãi và thoáng mát. Nhà lại vắng vẻ, chỉ có một mình Hời ở với bà mẹ già; bởi kém mắt, bà cụ có cái lệ bao giờ cũng đi ngủ từ chập tối. Bọn con trai tha hồ ngồi hát xướng và nói những chuyện sở thích nhảm nhí.

Ngoài đầu ngõ, mặt trăng mười sáu đã lên tới lưng cây đề. Nó to lừng lững bằng cái mẹt và rực một màu vàng ối. Gió phe phẩy, những lá đề tròn mà dài cuống nhuộm ánh trăng lấp lánh, óng ánh trên nền trời trong. Bầu trời quang, không vương một ngọn mây, trở nên to rộng và bao la vô cùng. Chỉ có một vùng trăng làm chủ. Những ngôi sao long lanh nhất của mọi đêm tối trời, giờ là những vệt sáng mờ.

Thoại nằm ngửa trên chiếu, hai bàn tay lót xuống gáy. Chẳng biết tại hứng gì, anh cất giọng, hát mấy câu lý giao duyên:

- Lý... ý... lý giao duyên, không tiền... ừ... không lý. Anh quảng... anh quảng xu vào... vào em lý... lý anh nghe...

Giọng anh ông ổng, khàn khàn. Không cảm nổi tai mọi người. Có tiếng phản đối:

- Thôi im đi, ông cả. Để Hời nó gảy đàn cho mà nghe.

Và anh bình phẩm tiếp:

- Cái giọng gà tồ của thằng này thì cứ để đến tháng tám cho sang làng Thượng hát đối với cô Ế.

Cả bọn cười ồ... Thoại không chịu im, và cũng không trả lời bọn anh em chế mình. Chàng lại cao giọng chèo ngâm sâu một câu rằng:

- *Ối thương ôi!... Buồng vàng lạnh ngắt, trận gió từ heo hắt mảnh tương, khéo sương ấy tuyết tưởng một tường, song phiền não nghĩ càng thêm sắc mắc. Duyên nguyệt lão tơ hường nào đã chắc, bệnh tương tư như dao cắt ruột tằm... ừ ruột tằm.*

Rồi anh gật gù ra lối hiểu biết:

- Cu cậu hát cái chỗ Tất Chính tương tư nàng Kiều Liên.

- Đây hẳn là cu Thoại tương tư cô Ế?

Một nhịp cười nổi lên. Thoại cũng cười, vui vẻ. Chàng lại định hát nữa. Nhưng khi nghe tiếng dạo đàn của Hời, Thoại ta bèn nằm im nhìn lên mặt trăng, lắng tai nghe.

Hời đến ngồi bên gốc cau, trên một tảng đá trắng, để được rộng chỗ kê đàn, không vướng ai. Chàng ngồi thẳng, đặt chớm một bàn chân lên mặt đàn và một vế đùi ngả xuôi theo thành đàn. Dây vận lên ken kết. Một tay rút cái que tre cật ở dưới lòng đàn, một tay bắt vào chiếc cần uốn cong xuyên qua một nửa quả bầu lọ, như hình nậm rượu. Chàng dạo thử mấy tiếng lên sợi thép. Tang... tang... tang... tàng... tang... tình... Tay Hời đưa nhẹ thanh thanh. Chàng vốn là một tay đàn giỏi ở làng Nha. Sở trường nhất của Hời là chơi đàn bầu. Chàng hỏi các anh em:

- Gì nào? Hành vân chứ?

- Ừ, ừ... Hành vân.

Theo với bàn tay lướt trên dây và theo với ngón tay buông bắt chiếc vôi đàn, những tiếng

thanh, tiếng trầm rồn rập bay ra, Hời tay đàn, miệng hát:

- *Dặm băng ngàn, dặm băng ngàn, nhớ bạn phòng loan, đường non nước, trở bước quan san, lánh mình đưa tiễn bạn, chừ nên quyết, vinh nhàn hoa chiếm bằng khô khoa, hạp một nhà giao hòa trâm quạt... Lòng tôi ước...*

Nằm đằng kia, Thoại cũng lẩm bẩm đánh nhịp:

- *Sự sang hồ, sự sang hồ, xế sang hồ xừ sang, sàng xê cống, xế lưu cống xề, cống xề sang hồ sự...*

Tiếng đàn và tiếng hát quện nhau, tỏa ra, vang đi, trong cái thời khắc rất tĩnh mịch của làng xóm. Làng xóm bây giờ ngủ yên cả rồi. Những cung hồ, cung liú trong vắt, bay lửng lơ vào ánh trăng. Những tiếng ú ngán và rít, những tiếng sang như rền rĩ, phiêu diêu, tản mát trên các mảnh lá mướp, lá đề vàng rươi những trăng. Cái không khí âm nhạc đó bao trùm lấy tất cả, khiến cho người nghe phải ngẩn ngơ. Hời không còn là Hời nữa. Anh ta đã tan ra với tiếng đàn của mình. Chỉ còn có một bàn tay nắn, uốn rất nhẹ chiếc cần tre và một bàn tay chúm lại, chạy thoăn thoắt trên làn dây. Ấy thế là những âm thanh kỳ ảo nẩy ra, chơi với, yếu đuối. Giữa bàn tay với một sợi dây thép căng, ngân lên những tiếng vang xưa của linh hồn đất nước cổ sơ. Những tiếng tự nhiên của đất nước rất ảo lả và náo nùng. Bao nhiêu là tiếng sắt, tiếng đồng chen nhau...

Mặt trăng đã vượt khỏi ngọn cây đề. Tiếng đàn của Hời như oán, như than, càng vang dài vào trong đêm sâu. Những anh bạn nằm dưới chiếu đều im lặng. Có anh mở thao láo đôi mắt mà nhìn lên vòm trời sáng. Có anh thiu thiu ngủ gà. Có anh đã ngáy o o. Chỉ còn nguyên những tiếng đàn bầu vờn lên.

Hời ngừng tay. Thời gian như bị ngắt quãng. Sự tịch mịch đã sẵn có lại càng thêm sâu xuống thăm thẳm. Chàng thở một hơi dài. Chùng như trong khi gảy đàn chàng đã thở rất ít để cầm lấy hơi, phả lên những tiếng đồng điểm ảo.

Thoại ngóc đầu hỏi:

- Thôi hả?

- Thôi. Khuya rồi.

Cả bọn lục tục uể oải trở dậy. Họ vươn vai và ngáp ồ ồ.

- Giờ độ mười một giờ chứ mấy?

- Độ thế. Trăng mới cao hai ngọn tre.

- Các cậu về thôi. Cho tở đóng cửa đi ngủ.

Thoại nhìn Hời, hóm hỉnh:

- Sang xóm Giếng mà ngủ chứ?

- Nhảm.

Họ đi ra ngõ và phá ra cười. Tiếng guốc lóc cóc ra đến phía gốc đề mà Hời còn nghe tiếng khúc khích dội lại. Chàng đứng ngẩn một lát, miệng tùm tùm bâng quơ. Cất chiếu, cất ghế và treo đàn vào trong nhà, rồi chàng vào mặc áo, lấy cái thắt lưng có đựng thẻ thuế thân giắt vào người cẩn thận. Chàng rút trong kẽ ngạch ra một cái gậy tre lớn và chàng ấn thật chặt chốt cánh cửa lại, chứ không khóa. Chàng nghĩ: “Nhà rỗng tuếch, việc cóc gì mà phải khóa mấy khiếc. Đứa nào có giỏi ăn trộm, vào khiêng biển ngay bà cụ đi mới là tài”.

Trong nhà lẫn với tiếng muỗi vo ve, có tiếng ngáy khò khò của mẹ Hời. Hời yên trí, xách gậy đi ra ngõ. Vừa đi, Hời vừa ngược mắt nhìn trăng. Hời nhếch mép cười với mặt trăng. Cái vầng trăng tròn vành vạnh đó như cũng mủm mĩm với Hời. Dáng hảnh ông trăng cười anh chàng mê gái, đã khuya khoắt như thế, mà còn lằm lũi đi đến nơi hò hẹn. Ô, cái ông trăng phải gió mới hóm hỉnh làm sao.

Phía trước mặt, nước sông Lịch óng ánh sáng. Ra đến đầu xóm, tự dưng Hời nghĩ: “Giá bây giờ

thằng Thoại đi theo, hẳn tóm trúng được mình”.

Hời bước xuống con đường mòn nhỏ, dọc theo bờ sông. Từ đây sang xóm Giếng hết một chặng đường đi ven sông, tạt vào một ngõ ngoắt, rẽ qua cửa đền Tam Thánh. Hời rảo cẳng. Gậy vác lên vai, chàng đi như người chạy. Nước ở con sông nhỏ sáng ngời những ánh trắng chảy róc rách như thầm thì nói chuyện với ai.

Hời dừng lại trước cửa đền Tam Thánh rồi tạt vào trong sân. Bóng chàng lặn vào bóng một cây ngọc lan. Cây ngọc lan già, không biết mọc từ đời nào, mang từng ôm cành lớn và hai ba tán lá rộng như những tán lá bàng. Một mùi hoa thơm ngọt và dịu tản mạn trong không khí. Hời cúi xuống gốc cây, nhặt một gói lá, đem soi ra ngoài ánh trăng. Gói lá trong có đựng hai đoá hoa ngọc lan mà Hời đã ngắt ở trên cây xuống, từ lúc chiều. Hời vứt lá, bỏ hai đoá hoa trắng nõn vào túi. Chàng đi thẳng vào trong xóm.

Mọi nhà đã ngủ yên. Qua các rặng cây vườn không có một đốm sáng đèn. Giờ này, những khung cửa đã hết tiếng thoi chạy. Nhưng khung cửa nhà ai thì tắt tiếng thoi đưa, chắc khung cửa nhà cô Ngây hẳn là vẫn hoạt động. Cô Ngây rất chăm chỉ. Thợ cửa nhà cô dệt đoạn được một cuốn thì nghỉ, cô lại vào khêu đèn, dệt nối thêm một cuốn nữa. Đêm nào cũng thế, suốt cả tháng và suốt cả năm. Chỉ nghỉ những đêm phiên là những buổi ngày cô phải đem lĩnh vào chợ tỉnh bán. Đi chợ cả ngày, đêm đến cô không dám dệt cửa khuya, sợ hôm sau sinh ra mệt mỏi. Tuy những đêm ấy không mớ vào chiếc thoi, song cô cũng ngồi quay tơ đến tận chín mười giờ mới đi ngủ. Cô tiếc công tiếc việc. Con nhà làm ăn, ngồi chơi không một mảy, cũng đã xót xa thì giờ.

Trăng vàng vạc. Thấp thoáng qua những bóng cây xao động. Hời đã nhìn thấy đầu hồi nhà Ngây. Ở cái nhà ấy, trên hai lỗ cửa sổ vuông chỉ bằng hình một viên gạch bát, có ánh sáng đèn hắt ra để cho chàng biết Ngây còn thức dệt cửa. Chàng Hời thấy nao nao trong lòng. Chắc cô ả cũng khá sốt ruột. Rửa mình có hàng tá là ít. Nào ai muốn đến chậm. Nếu có tiện, mình đã tới ngồi bên cửa sổ ngay từ sâm sẩm tối, chứ chẳng dám để ai phải đợi ai.

Hời và Ngây yêu nhau đã lâu. Đôi bên thường có những buổi hẹn hò ban đêm. Vì Hời cũng như Ngây, cũng rất sợ tai mắt những người cùng làng. Lỡ đứng nói chuyện tay đôi ban ngày, người ta trông thấy thì xấu hổ quá. Nhưng vốn đứng thì có mạch, vách thì có tai, một việc đã xảy ra, không thể bịt im hẳn đi được. Nên tất cả làng Nha, không hẳn là ai cũng đều không biết. Câu chuyện Hời và Ngây yêu nhau đã lưu thông lắm trong cửa miệng bọn trai gái cùng trạc tuổi của hai người.

Hời rón rén bước kiễng gót chân, men đến cửa sổ. Chàng đi rất khéo. Lũ chó ở những nhà xung quanh đấy không con nào biết. Nếu biết, chúng cắn nhâu nhâu thì hỏng to. Hời nhìn lên cửa sổ. Ánh đèn chập chờn ở hai cái lỗ vuông, cao hơn Hời một đầu và một vớ. Cửa sổ nào cũng cao sát lên gần tới mái. Ở ngoài, ở trong không ai ngó vào, ngó ra được. Người ta bảo: “Nhà cửa phải cho kín đáo. Giá nhà mình có ăn bát cháo ngô cũng không ai biết được!” Bởi thế cửa sổ nhà ai cũng ở cao tít tận đầu nhà và mỗi bề chỉ vuông vắn được chừng hơn một gang tay.

Hời lắng nghe. Tiếng chân đòn lạch cạch dưới lỗ đập. Cái vỏ khổ đưa lên đưa xuống sát vào những thanh go và tơ hồ kêu sột soạt. Tiếng thoi trao qua mặt cửa đều đều. Tất cả những tiếng ấy hòa thành những thanh âm hỗn độn nhưng phát ra đều đặn. Lạch cạch... lạch cạch... tách. Lạch cạch... lạch cạch... tách. Ngoài tiếng động khung cửa trong nhà im lặng. Hẳn ông Nhiều Thục, bà Ba và thằng Toàn, mọi người đều đã ngủ yên.

Móc túi, Hời lấy hai bông ngọc lan. Hai bông lan trắng muốt, thon và nhỏ như ngón tay út của người con gái có bàn tay búp măng. Chàng nghiêng mình, gơ tay ném cả hai bông hoa cho lọt vào trong cửa sổ. Rồi Hời đứng yên đợi.

Muốn gặp, hai người vẫn báo tin cho nhau bằng cách ấy. Chàng ném hoa ngọc lan vào cửa sổ nhà người yêu. Bao giờ Hời cũng ném hai đoá. Ý để cho khỏi sai. Những đoá hoa ngọc lan ném vào, dù Ngây trông hay không trông thấy, dù chúng rơi xuống lỗ đập, hay rơi trên mặt cửa, chỉ một chốc đã gây lên một mùi thơm là lạ. Hương lan thoang thoang khiến cho Ngây biết rằng có chàng tới, đã đứng đợi mình ngoài cửa sổ. Nàng bèn dừng đưa thoi, lấy tay nắm một mũi văng, kêu đập một cái và khe khẽ hát lên một câu. Thế là, cách bức vách dày, Hời biết được người yêu

đã nhận được tin của mình rồi. Hời chỉ việc đi xuôi xuống phía bờ ao. Để một lát sau, Ngây cũng khêu nhỏ ngọn đèn đi men xuống đấy. Đã nhiều lần bắt đầu của những cuộc hẹn hò là như thế.

Hời thấy im tiếng thoi. Một cánh văng nẩy đập trên mặt hàng. Hời mỉm cười một mình: “Cô ả đã ngủi thấy mùi hoa”.

Thế rồi trong cơn tĩnh mịch êm ả, bỗng nổi lên - nói rằng gọn lên mới đúng - mấy câu kể chuyện bằng một giọng rất nhỏ, rất thanh, rất sắc:

Nàng rằng khoảng vắng đêm trường

Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa

Cái tiếng “hoa” cuối cùng văng ra và rồi vút đi, sự im lặng trở lại với một không khí thanh nhẹ quá.

Ngây hát xong lại tay đưa thoi, chân đạp chân đòn, đều đều dệt cử. Ngoài cửa sổ, Hời lẳng lẳng đi lần xuống nơi hẹn. Bởi vì như thế là Ngây đủ biết hiệu và Ngây đã trả lời. Nàng chỉ dệt nốt cho hết cái suốt rồi nàng cũng đi ra nơi hẹn mà hai bên đã ước định với nhau từ lâu. Đó là cái dải bờ ao phía trước cửa nhà Ngây. Từ nhà Ngây qua một mảnh sân đất nhỏ đến bụi chuối. Chỗ ấy, một bên là ao, một bên là bãi cỏ giáp ngay lề đường xóm. Có một hàng rào tre cật vững chãi chắn ngang.

Hời men ra ngoài bãi cỏ và đứng sát vào hàng rào. Lát nữa Ngây cũng ra đấy. Nàng sẽ đứng đối diện với chàng, qua một bờ rào. Hai người nói chuyện cách bức như vậy, lần nào cũng thế.

Trên nhà đã im tiếng dệt từ nãy. Sao Ngây vẫn chưa xuống? Hời buồn buồn nhìn ra ngoài mặt ao. Mặt ao đầy bèo, chỗ đặc chỗ loãng. Ánh trăng in xuống từng khoảng trắng trắng. Mỗi một vết cá đớp, một đợt sóng nhỏ lại cuộn lên và làm cho ánh nước lung lay. Nhìn nước chán, Hời lại nhìn trời. Trời chỉ có trăng và có sao. Ánh trăng đầy bóng chàng in xiêu trên thảm cỏ. Những cái ấy Hời không nhìn thấy. Đầu óc Hời chỉ nghĩ ngợi về mỗi một người những lúc chờ đợi, sao mà thời giờ dài lâu đến thế!

Ngây đã ra, từ trong bụi chuối. Nàng mặc áo trắng. Ngây vịn tay vào bờ rào nhòm ra.

Tuy thường vẫn đứng nói chuyện với Ngây, nhưng bao giờ chàng cũng hồi hộp và ngây ngất. Không biết sửa soạn thế nào được một lời đứng đắn, chàng buông vội một câu, một câu cộc lốc và không tình tứ.

- Sao lâu thế?
- Em còn xích con vện. Việc gì thế? Sao hôm nay anh sang khuya?
- Bọn Thoại nó giữ lại chơi đàn, thành thử...
- Những anh ấy gặp em họ cứ cười cười. Mình ngượng quá.
- Chả ngại. Họ cũng tốt.

Im lặng. Chừng như anh chị đã cạn chuyện.

Có mỗi một câu định nói thì Hời hãy còn ngần ngại không dám nói. Bởi thế cuộc nói chuyện yêu đương của đôi trai gái này gồm những câu ngắn ngủi, trúc trắc, gần như buông xõng, gần như nói trống không. Mãi, Hời mới thốt:

- Này...
- Gì?
- Này mấy hôm nữa đi xem nhé?
- Xem gì hả?
- Xem cúng cầu mát ở chạ Thượng. Có cả hát chèo.

Ngây nói chùng chảng:

- Để liệu. Tối phải dệt cử mà.
- Cầu mát những ba ngày ba đêm cơ. Đi xem vào tối hăm mốt. Tối ấy là tối ngày phiên, chắc đi được đấy.
- Đi thì đi được nhưng ai biết, ngượng chết.
- Ngượng chó gì. Có đi với tôi đâu mà sợ. Rủ cái Bướm, cái Lụa hay cái Mơ đi một thể cho vui. Lúc nào về, tôi đưa về tận ngõ.
- Ừ ừ... Ai biết...
- Chẳng có ai biết đâu.
- Còn phải xin phép thầy.
- Tối ngày phiên thông thả, thế nào thầy chẳng cho đi. Cứ “ừ” một tiếng chắc chắn cho tôi liệu trước. Ừ, đi nào.
- Ừ. Thì ừ.
- Chắc chứ?
- Chắc.
- Tối hăm mốt.
- Ừ, tối hăm mốt.
- Có thể chứ. Tối nào cũng chuyện thì thăm cách rào thế này thì chán ngắt. Mấy lì hôm nào đi xem đám tôi sẽ nói rõ to một câu chuyện vui lắm.

Ngây lườm yêu người bạn tình:

- Chỉ được cái thế là nhanh. Thôi khuya rồi, về đi. Bầm anh ở nhà thức giấc không thấy thì chửi cho vỡ xóm.
- Ừ thì về.
- Về ngay đi.

Hời vác gậy lên vai, ngoái cổ lại nói:

- Tối hăm mốt. Nhớ đấy nhé.
- Không nhớ.

Hời lại đứng dừng.

- Ừ thì nhớ.

Dưới ánh trăng khuya, Hời rảo bước về xóm Duối, nét mặt hí hửng, tươi như hoa nở.

II

ĐÊM HAI MƯƠI MỐT. Đêm nay đám hội làng Thượng mới thực là đông. Bởi là đêm nghỉ ngơi của tất cả những làng theo về công nghệ làm lĩnh, làm lụa trong vùng Bưởi như làng Thượng, làng Nha, làng Sài, làng Bái.

Từ buổi chiều, đi chợ lĩnh về qua làng Thượng, nghe trống đánh thòm thòm trong sân đình, Ngây đã thấy lòng hớn hởi khắp khởi mừng. Không biết nàng mừng gì. Được gặp người yêu hay được đi xem hát chèo? Nàng chẳng rõ.

Là con nhà làm ăn chân chỉ, Ngây không hề dè dặt đi xem hội ban ngày. Vả lại, đám làng Thượng ban ngày chỉ có cúng sông, không rước xách gì, nên chẳng đợi để bố phải cấm, tự ý

Ngây cũng không đi xem. Phần ấy để cho trẻ con. Như thằng Toàn thì phải biết. Nó chạy nhông suốt ngày trong đám. Xem leo cột mỡ, đi cầu noi, xem hát xẩm, đánh súc sắc và xem tất cả mọi người ta. Nó sướng mê lên, không tưởng đến sự về nhà, ông Nhiêu cũng không đánh mắng gì nó. Cả năm, nhiều lắm được vài ngày vui ớn, cho trẻ nó thả cửa vui chơi.

Cơm nước xong trời vừa chập choạng tối. Ngây bắt đầu trang điểm. Thấy chị thắp đèn để soi gương, Toàn hỏi:

- Chị Ngây đi xem chèo đấy chứ?

- Ai bảo mày thế?

- Em biết. Cho em đi với.

Ngây mắng:

- Ranh con! Đi mà đi với chúng nó. Lãng nhăng không ai chịu được.

Nói thế rồi, Ngây móc túi lấy cho Toàn hai xu. Thằng bé cầm tiền, nhe răng cười, chạy biến ra ngõ. Hắn nó sang rủ thằng Bò, thằng Ech, thằng Tâm bên hàng xóm cùng đi xem cho khỏi sợ trẻ làng Thượng cậy gần nhà mà bắt nạt.

Ngây mặc áo the thâm. Nàng không thắt quả găng hai vạt áo nâu non đằng trước như những khi đi chợ mà nàng buông thõng xuống cho hai vạt bao lỏa tỏa. Lấy một mảnh giấy đỏ bao hương, Ngây nhấm nước bọt rồi bôi nhẹ lên hai má, đôi vành môi. Cái thói bôi môi bằng giấy hương, Ngây học lỏm được của một chị bán thông phong, bắc đèn trong chợ Đơ. Nàng thấy thế là đẹp mà lại không tốn tiền kem phấn thì nàng vội bắt chước ngay. Nàng bắt chước mà dạy cho Mơ, cho Bướm, cho Lụa cũng biết cách làm đẹp má, đẹp môi như mình. Chẳng bao lâu, cả xóm Giếng, các cô gái đều theo lối làm đóm của Ngây. Ngây cũng lấy sự đó làm hạnh diện đôi chút.

Mặc áo, bôi môi xong, Ngây cúi xuống gặm phấn lấy đôi guốc. Nhưng Ngây nghĩ: “Lịch kịch đôi guốc, đám hội đông người ta chen, dễ mất như chơi. Chân đất mà lại thành mảnh hơn”. Ngây cất đôi guốc vào gậm.

Bỗng có tiếng gọi nheo nhéo ngoài cổng. Ngây nhận ra tiếng Bướm. Nàng nói một mình: “Gớm, con bé chăm đi xem tậ”. Ngây chạy ra ngõ:

- Chị đợi em lấy mấy miếng giầu cái đã.

- Nhanh lên bà. Còn phải rủ mấy cô nữa đấy.

Ông Nhiêu Thục đã đi ngủ. Chiều nào uống rượu xong ông cũng đi ngủ khềnh. Ông ngáy khò khò như người kéo gổ, rầm cả nhà. Ngây xin phép bà Ba:

- Cô đóng ngõ, cho cháu sang làng Thượng xem chèo. Cô cứ tra chốt cẩn thận, lúc nào về cháu gọi.

Đương quay tơ, bà Ba ngẩng đầu:

- Thằng Toàn đâu?

- Thằng ranh đã bước đi từ nãy rồi đấy.

Ra đóng cửa, bà Ba bảo cháu:

- Lúc về rủ thằng Toàn về một thể. À mày nhớ mang cái gậy đi đánh chó; vào trong ngõ này tối lắm, phải có gậy mới đi được.

Bà lão tưởng như cháu mình còn là trẻ con. Mà nó chẳng trẻ con thì đã người lớn với ai. Bà nhớ như, mới ở một năm rất gần đây, hồi còn mồ ma mẹ nó, thỉnh thoảng ẵm nó, bà vẫn vạch yếm ra để nó tưởng vú mẹ, cứ ngoáp lấy ngoáp để. Bà tặc lưỡi: “Ê tên tên phải lừa...” Phải, chỉ mới như hôm qua thôi. Bà lại hỏi: “Mang gậy đi chưa?” Ngây cười khúc khích: “Con gái đi xem hội, ai lại cầm gậy bao giờ. Người ta cười”.

Bà lão lẩm bẩm:

- Cha con để mẹ mày, giữ giá giữ nệm vừa vừa chứ.

Bà vừa nói thế vừa cười.

Đứng ngoài ngõ, Bướm nói:

- Bà Ba đi xem với chúng cháu nha?

- Chịu thôi. Các bác tôi cũng chả đi. Đứng mỗi gậy cả lưng. Ở nhà ngủ cho béo mắt.

- Ai cũng như bà thì hội chả có ai xem.

Hai cô bé dắt nhau đi và chuyện ríu rít như chim hót. Bà Ba vừa cài then ngõ vừa nghĩ bụng: “Con gái bây giờ chúng lém lỉnh tợn. Chả bù với ngày xưa”. Bà lừ đừ quay vào. Dưới ánh ngọn đèn Hoa Kỳ, bà lại ngồi gật gù quay tơ. Tiếng cái vầy tơ kêu lóc cóc giòn giã.

Ngây, Bướm đi rủ Mơ và Lụa. Bốn cô họp làm một bọn.

Con đường sang làng Thượng dọc theo bờ sông, qua trước cổng xóm dưới, qua tam quan, qua cầu Phụng bắc ngang sông Lịch.

Khỏi cầu Phụng đã nghe tiếng trống vắng vắng phía trước mặt. Lụa bảo:

- Trống giáo đầu đấy.

Bướm cãi:

- Bây giờ còn sớm, làm gì đã giáo đầu. Có họa tiếng trống dạo trò.

Mơ đoán:

- Có nhẽ bây giờ phường còn đang ăn cơm.

- Chị này rõ lẩn thẩn. Bây giờ ăn cơm thì bao giờ mới phẩn sắp.

Cả bọn cười rúc rích. Bốn cô cùng đi khoác cánh tay nhau.

Chưa vào tới đám mà đường cái cũng đã khá đông. Người ta từ các xóm ở làng Nha đổ sang, từ bên làng Sài, làng Bái kéo xuống, ồn ào như vỡ chợ. Trong bóng tối, tiếng cười, tiếng nói vang vang.

Ngây nhìn lên trời:

- Chưa có trăng, các chị nhỉ?

- Hai mươi giắc tốt, hăm một nửa đêm. Đã làm gì có trăng. Họa lúc chúng mình về thì trăng mới tới ngọn tre.

Bướm hát ti tỉ:

- *Này chứ chị em ơi! Sáng giăng sông sáng cả đêm hôm rằm; nửa đêm về sáng, giăng bằng ngọn tre.*

- Hát hay thế sao không đem cái chậu đi đựng tiền thưởng.

- Nói bậy. Thích thì hát chơi.

- Thích thì hát chơi. Con này hôm nay động cốn hay làm sao.

Các cô phát vào lưng nhau đồn đập.

- Không có giăng, trời tối gớm nhỉ?

Trời mờ mờ. Hai bên đường, cây cối và nhà cửa đứng lù lù. Trên không, vô vàn những sao. Ngôi sao Hôm mọc chếch về phía trước mặt như một giọt ánh sáng, trong vắt và lấp láy. Trước cửa

đình làng Thượng, ánh sáng của nhiều những đèn dầu, đèn đất, những cái đuốc hồng rực lên, từ tam quan trở vào. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng thanh la náo nức, tiếng người xôn xao, ồn ã, không thể phân biệt được tiếng gì với tiếng gì. Rõ ra đám hội đương lúc cực đông.

Ngây nhón nhác nhìn ngược, nhìn xuôi. Nàng nghĩ thầm: “Quái, sao không thấy Hời đâu?” Dọc đường, nàng cũng chú ý. Nhưng tuyệt nhiên không bóng. Chả nhẽ cu cậu lại không đi?

- Đông quá.

- Chúng mình xem gì trước bây giờ đây?

- Vào lễ thánh. Đến đây mà không lễ, phải tội chết.

Bốn cô vào tới cửa tam quan. Ánh đèn ở hai bên hàng nước chiếu lên, soi bốn cái bóng thướt tha. Những anh trai ngồi uống nước chè tươi bầm, véo, nháy nhau. Có anh xuýt xoa khen ngất rằng bốn cô cùng đẹp. Có anh bạo dạn nói bô bô: “Chào bốn chị sang xem chè ạ! Mời bốn chị xơi nước”, khiến cho các cô đỏ mặt, đi riu lấy nhau và ghé mắt nhìn tíu tít mãi vào tận trong đình, không dám trông ngang. Bọn trai cười hê hê. Tuy các cô tỏ ý thẹn nhưng trong bụng cũng thích. Đương chen để lấy lối đi vào cửa đình, bỗng nhao nhao những tiếng “chào các chị”, Ngây ngẩn đầu: Hời, Thoại, Lục, Thìn và mấy anh nữa đều là người làng, đã đứng trước mặt. Họ ở trong đình, vừa ra đến đấy. Tính nghịch, Thoại to tiếng đếm từng cô một:

- Chị Bướm này... chị Mơ này... chị Lua này... chị Ngây này... Ái chà chà! Con gái chạ Nha cả đấy, anh em ơi!

Lua không chịu kém:

- Phải gió cái anh nỡm! Anh đọc sổ việc làng đấy hả?

- Liền bà con gái, đâu có được việc làng việc liếc gì!

- Anh vô ý vô tứ quá, đi xem hội thiên hạ mà cứ đọc vanh vách tên người làng ra.

Thoại toan cãi thì trong bọn con trai có anh nói: “Chị Lua nói phải đấy. Thối cái thằng Thoại”. Mọi người quay lại xem ai, thì ra Lục, cái anh chàng có tiếng là lù đù xưa nay. Cả hai bọn cùng cười ầm. Rồi cánh con gái đi vào, cánh con trai lần ra. Từ đấy, thỉnh thoảng họ vẫn gặp nhau. Tuy không dám đi họp làm một bọn, nhưng Hời vẫn cố ý kéo bạn đi lảng vảng gần gần.

Trước cửa đình, trên một khoảng sân gạch, bày các thứ đồ mã. Một con voi lớn, đen và to lù lù như con voi thật. Nó có cái vòi cử động được. Lũ trẻ tinh nghịch thỉnh thoảng đến đùa lắc lư cái vòi chơi. Một con ngựa, đầy mình dán các thứ giấy trang kim óng ánh đứng gờ khuynh khuynh chiếc cẳng chân. Có hai anh lính bằng sứ, mặt gỗ trắng bóng và trơ khấc.

Suốt năm gian đình, đèn nến sáng trưng. Mũ mã, cờ quạt bày thành đàn tràng, một đầu cao, một đầu thấp, ngang từ hồi đình nọ sang hồi đình kia. Từ trên xuống đồ cúng Ngọc hoàng Thượng đế và các chư Phật; cấp thứ hai cúng Thần linh: quan ôn, quan tướng mùa hè; cấp thứ ba cúng chúng sinh: những bà cô, ông mãnh, ma đói, ma khát. Vì đêm nay cúng chúng sinh nên ở cấp thứ ba bày la liệt mọi thứ quả và hoa quả như bánh đa, bỏng trắng, khoai sọ, chuối tây, keo bột. Và một nồi ba mươi đầy cháo hoa, khói bốc nghi ngút. Sư ông chùa Vạn, cái đầu trọc trắng hếu, khoác áo cà sa mảnh đỏ, mảnh vàng, ngồi cao ngất ngểu ở giữa cấp thứ hai, chỗ cúng quan ôn, vừa ê a đọc kinh vừa cầm dùi gõ vào một cái mõ lớn, to cũng đúng bằng đầu nhà sư. Dưới chiếu, một lũ sư trẻ con các chú tiểu cũng gõ mõ, đánh trống và ê a đọc theo. Một đàn họa vằn với nhau, trông đến hay. Giọng tụng niệm chập chờn qua những ánh đèn nến lung linh sáng. Một toán trẻ con đông nghịt đứng vòng tròn, vòng ngoài vây chặt mấy nong quả bánh và nồi cháo. Có vài đứa, mắt nhón nhác, ôm khư khư một cái liễn màu da lươn. Chúng đứng rình để lúc sư ông cúng xong là xô tới cướp quả và múc cháo. Coi bộ đứa nào cũng lắm le. Chúng hích vai nhau, đưa dần chân vào. Thỉnh thoảng có một bà già len lỏi qua đám trẻ, đến đứng trước đàn, chấp tay vái lia vái lia và xuýt xoa khấn ầm ĩ. Nhìn đám trẻ mà cái không khí so sánh, tranh cướp đã hiện lên tận trán bởi có nong quả cúng cháo để trước mặt, Ngây nói đùa với các bạn:

- Hình như có cả thằng Toàn nhà mình trong đám kia.

Mỗi cô đến trước đàn vái mấy vái. Lũ con trai làng Thượng đứng ngấp nghé ngoài bậc cửa, cười ồm ồm, làm cho các cô ngượng cuống quít, chỉ dám chấp tay vái lễ gật vội mấy cái rồi chạy rúm lại với nhau. Bướm bảo:

- Đi ra, các chị. Đứng ở đây chết ngạt được vì nóng.

- Ra xem chèo đò.

Khắp nơi từ sân gạch tới bãi cỏ, đầy ứ những người và ngổt những mùi mồ hôi với mùi hôi nách nồng nặc. Nhưng rồi mũi các cô cũng ngửi quen. Hoặc là mê mãi xem, các cô quên khuấy đi.

Ở đám chèo đò, một lũ các bà vãi đứng xúm quanh một cái nia, trên để vài trăm vàng và mười nén hương đen đương cuộn cuộn tuôn khói. Trước mặt các vãi có một chiếc thuyền giấy: cái hình nhân mang bộ râu bạc phếch, vai vắt mảnh khăn mặt, tay cầm bơi chèo là ông sãi. Ông sãi thì chớ đò qua suối Vàng, đưa các vong hồn xuống âm ti. Một bà vãi đứng xế một bên, tay cầm gậy, giả làm ông sãi đương chèo đò. Mỗi khi bà này kể kê đoạn một câu thì cả bọn những bà vãi đứng phía kia, tay lần tràng hạt, miệng niệm nam mô dẽo quèo quèo. Bà lão đóng vai ông sãi rún rẩy đẩy cái sào trên cạn, vênh mặt lên ra dáng hãnh diện rằng ta đây thuộc nhiều câu kệ hơn các bạn. Bà quai dài mồm lấy giọng:

- A a... Sãi tôi chớ khách đêm ngày...

Ba bốn bữa rày, sãi chữa được ăn.

Khoan lới hồ khoan...

Bà rún một cái:

- Khoan lới hồ khoan...

Các bà khác đồng thanh:

- Nam mô a chi là à...

Cứ thế thay đổi câu kệ, các bà run rẩy mãi. Vô khối những đàn bà nạ dòng đứng ngẩn mặt ra xem. Cũng vô khối đồng xu đồng chinh ném vào trong nia, y như thương xẩm. Bướm bảo Ngây:

- Già không trót đời, rún với rẩy, trông dơ cả mắt!

- Sang đám hát chèo, các chị ạ.

Họ dạo qua vài đám xẩm. Những anh xẩm ngồi ngây, bởi có đám chèo ầm ĩ, ai còn thiết gì đến họ. Có anh vắng khách quá, cuốn chiếu lại rồi cũng đi nghe chèo cùng với mọi người.

Khắp các xó, chỗ nào cũng lập lòe ánh đèn của những đám súc sắc, đám cua cá với mấy anh cò mồi và một lũ con bạc trẻ ranh, cãi nhau chí chöhe. Năm nay có thêm một trò mới. Trò đi đào chai. Người ta để chum mấy chai bia và nước chanh vào một đám. Cách chừng hơn một sải chân vẽ một cái vạch, như vạch đánh đáo. Họ bán một xu một cái vòng nan. Hề đứng ở dưới vạch, cứ thả chiếc vòng nan vào lọt cổ chai bia hoặc chai nước chanh thì được lấy chai ấy. Mọi người xúm đen, xúm đỏ vào đám chơi.

Ở một góc sân dựa vào bức tường hoa, bên ngọn đèn Hoa Kỳ tù mù, một ông lão bó gối ngồi nhìn bàn cờ thế rải trước mặt. Lão ngồi đợi khách đến chơi cờ. Chốc chốc lão lại đưa tay lên vuốt râu và gật gù nhìn mọi người đi qua, đi lại trước mặt. Nhưng chỉ có người đi không có người đứng. Và chẳng có ai vào chơi cờ thế ăn tiền với lão. Đường buổi hội đồng người ta còn ồn ào đi xem các trò vui khác. Chốc nữa, khuya lắm, họa chăng mới có một anh thợ cửi nào lân la tới đánh. Bây giờ lão chỉ ngáp vặt. Ngáp đến sái cả quai hàm, nhưng không hề buồn ngủ. Lão thức đêm đã quen mất rồi.

Từ lúc vào qua cửa tam quan, vẫn có một bọn con trai làng Thượng đi theo bốn cô gái thôn Nha. Bọn đó đã nói pha với các cô từ lúc họ ngồi ngoài hàng nước. Các cô vào, họ theo chân

luôn. Và lúc đi xa, lúc sát lại gần, họ không rời các cô. Góm, cậylà trai làng vào đám có khác, họ đùa nghịch, họ trêu chọc, họ táy máy như quỷ sứ. Họ nói pha đủ giọng:

- Các chị lễ Phật dẻo quá.
- Các chị niệm nam mô đi nào!
- Mời các chị đi dạo vòng. Ăn chai bia ngon ơ.
- À có chị nào vào chơi cờ thế?

Các cô ngơ đi, tảng như không ai nghe tiếng. Họ càng trêu già. Ngây lo nhất. Chẳng biết Hời có để ý đến bọn con trai nghịch ngợm ấy không. Xung quanh, người chen đi, kẻ đẩy lại, đông quá khiến nàng không thể ngó được Hời đứng ở chỗ nào.

Có một lúc, ở đám chèo đồ ra, Ngây thoáng trông thấy Hời đứng ở bên kia cột trụ. Tay chàng cầm lăm lăm chiếc gậy tre lớn. Đôi mắt chàng quắc rất dữ tợn. Và thoáng trên môi nở một nụ cười thoáng, hơi gằn, Ngây rung mình. Nàng băn khoăn nghĩ đến những điều rắc rối không đâu.

Chị em đi vòng ra đám chèo. Bọn trai vẫn lẳng nhẳng theo. Sao mà Ngây ghét chúng thế! Những đứa đầu dơ dảng mặt trơ ra như mặt gỗ. Chúng ăn mặc lối đá tỉnh đá quê. Quần trắng dài. Áo tấc trắng, bẻ vành hai cái cổ một tây như hai cái tai chó. Có thằng, tối mà cũng đeo kính rộp như thầy bói. Có thằng cầm vung vẩy cái đèn bin. Đầu đứa nào cũng bóng nhẫy và sặc mùi bờ-li-ăng-tin. Tinh nghịch, mỗi đứa ghép nhau với một cô. Nó làm như của nhà nó vậy. Một thằng đi sát vào Ngây. Ngây phải lẩn và giữa đám chị em. Nó nhe răng ra cười và nói: "Mợ ghét tôi đấy hả?" Ngây vừa tức lại vừa sợ. Hời đứng ở đâu? Hời mà nghe tiếng thì ra sao bây giờ. Ngây hỏi Buồm?

- Cái thằng đi sau lưng em là con trai làng Thượng?
- Thằng Khói con lão lý So.
- Lý lẽ gì mà đều thế!

Tất cả đám hội, chỉ có đám chèo là quynh rữ được nhiều người đến xem nhất.

Chèo diễn ở trong một cái cầu ngói, ngay trước cửa đình. Ngày thường cầu này vẫn dùng làm điểm tuần. Trong ngày đám, những giáo, những mác, những côn, những thùng lũng, đình ba, những cái cờ ba góc bằng nan tre và tất cả một cái giá cắm những dụng cụ và việc tuần phòng của các ông trương phiên, khán thủ đều được người ta bê lên bày trước sân đình, cùng một dãy với năm lá cờ giấy phấp phới, cho thêm oai. Cầu chỉ có ba gian hẹp. Gian giữa là cả một cái thềm gạch cao có giải chiếu dùng làm sân khấu. Hai bên để chỗ cho mọi người xem. Buồng trò ở ngoài sân, giữa trời.

Lúc mấy cô gái làng Nha tới thì đám chèo đã đông lắm. Đông lắm. Tưởng tượng như người ta xô nhau chui vào một cái vỏ. Vì có thể nói rằng những người bị ép trong cùng tường kia, đến bị mùi mồ hôi nách, mùi mồ hôi đầu, mùi người làm cho họ bị chết ngạt mất. Hàng trăm con người nôm nhau, nhét nhau vào trong một cái quán. Đã thế, lại còn thêm bao nhiêu người đứng ngoài. Tiếng beng beng, tiếng trống cơm bập bùng rớt rít. Tiếng trẻ con khóc, reo và kêu to hơn cả tiếng hát. Bây giờ mà đứa nào ngã xuống đất, đánh hẳn bị người ta xéo chết.

Làng Thượng thiếu gì đất rộng để cất một cái rạp chèo mà lại phải cho hát chui rúc vào đây như vậy. Nguyên bởi thế này: năm xưa, làng vẫn dựng rạp bên tường đình. Một đêm, không biết có đứa nào khoanh hay tại tụt lạt buộc mà đương hát, đương bao nhiêu là người xem vòng trong vòng ngoài, vòng cả dưới gậm, bỗng sà sụp bị đổ sập xuống như một cái bẫy chuột. Tai nạn ghê gớm xảy ra. Một thằng bé lên mười bị vỡ đầu, chết. Một đứa suýt gãy cổ. Hai đứa nữa hộc cả máu mồm, máu mũi. Từ đấy người ta không dám cất rạp giữa trời để hát chèo nữa. Họ hát trong cầu. Trời tháng Tư thì nóng. Mà người thì nhiều vô kể. Mặc! Chả ai cần. Quanh năm đầu tắt mặt tối vào cái khung cửi, cái lồng tơ, mấy khi có được trò về mà xem.

Bốn cô gái cũng chịu khó len vào xem một mảy. Hơi người xông lên nhúc cả mũi. Phường chèo đương diễn tích *Tô Thị vọng phu*. Nàng Tô Thị tiến chồng đi thú lên xứ Lạng. Nàng Tô đây là

một đào nà dòng chít khăn mỏ quạ, mặc áo the thâm và thắt lưng xanh. Miệng nàng đã rộng, lại bôi son đỏ, thành thử nó loe loét ra. Đôi hàm răng đen há ra, tối ngòm như nom vào hang. Một tay cầm quạt, một tay uốn éo, nàng rún rún mấy cái mà hát lên những câu náo nùng rằng: “*Ồi à!Ồi à! Mà là tình bằng... tình bằng con chim xanh ứ hự... ứ hự con chim xanh...*” Nàng hát một hơi, rồi im. Tự nhiên, một anh đương ngồi gõ trống, dọng giọng hỏi réo thực to: “*Ồi cô mình, cô mình đi đââu?...*” Tô Thị che quạt lên miệng trả lời: “*Em nên xứ Nạng!*”. Thế là cái gánh hát có được bao nhiêu người, cả ngoài sân khấu, cả trong buồng trò, từ anh quảy hòm trở lên tới ông trùm, đều thườn quai hàm ra mà ồn ã lấy lại một nửa câu nói của nàng Tô “*... em nên xứ Nạng...*” Rồi lại bung nhoóc... bung nhoóc... tiếng mõ và tiếng beng beng, tiếng trống con với trống cơm bung bập bùng... bung bập bùng...

Người ta xem, thích mê, quên cả nóng. Bên sân khấu, dưới ánh ngọn đèn đất, một ông lão cầm dùi trống thỉnh thoảng lại điểm tom tom đôi ba tiếng chầu. Trong đám trai trẻ, có người xì xào:

- Dơ quá. Hát chèo mà cầm chầu!
- Cái thằng Khán Mè dở hơi, đương say rượu bí tí đấy!
- Làng này không ai biết bảo lão à? Thiên hạ đến xem người ta chửi cho.
- Ai bảo! Ai cũng rúc vào đánh bạc! Lý Cờ xóc cái, chánh hội Đàm hồ ly, tuần để gác. Chức dịch đương thứ cả đấy. Còn có đứa chó nào ngồi chỗ cầm chầu mà bảo!
- Tệ thật. Dột từ nóc dột xuống, nát cha nó làng ra.
- Ông mà đi báo thì chết bỏ mẹ cả.
- Ấy, mới ai hoài hơi. Rồi lại đâm thù đâm oán. Này con bé nào mà trông kháu thế kia?
- Con Ngây nhà lão Nhiêu Thục bên Nha.
- Thằng Khôi cảm tít, theo mãi miết từ chập tối đấy.
- Liệu chả kéo thằng nào bên Nha nó đánh cho ốm cơm không?
- Con trai lạ đi xem hội người lại dám đánh con trai làng người ta.
- Nó đương sợ!
- Kia kìa thằng Khôi đi đến sát tận dít con Ngây.

Khôi đến tận nơi thật. Đám hát đông. Khôi cứ chen bừa vào. Ngây ngoảnh lại, trông thấy Khôi, nàng hoảng hốt nắm chặt áo Bướm. Nàng cố đưa mắt tìm Hời, tuy nàng luống cuống không biết tìm Hời để làm gì. Cầu cứu hay sợ hãi?

Trong sân khấu diễn đoạn Tô Thị lên tới xứ Lạng, đến chỗ thấy chồng có vợ lẽ thì đánh ghen. Anh chồng, mồm bôi nhọ trắng, đứng ê mặt, mặc cho vợ túm ngực áo. Thằng Khôi véo ngằm Ngây một cái, nói bằng quơ:

- Gớm liền bà ghê quá!

Ngây vội vã lôi Bướm ra khỏi đám đông. Bướm quay lại gọi Lua và Mơ. Nhưng chèo đương đến chỗ hay, hai cô ả còn dùng dằng. Ngây gắt: “*Mặc kệ các chị ấy!*”.

Ra đến ngoài mới có gió mát thoang thoang.

Ngây bảo:

- Ta về đi, chị Bướm ạ!

Hóm hỉnh, Bướm hỏi Ngây:

- Về hả? Nó làm gì chị thế?

Ngây ấp úng:

- Không. Trăng đã lên rồi, em phải về, mai còn dậy dẹt cử sớm.

- Ừ về. Mình xem cũng chán cả mắt. Không rủ Lụa, Mơ về à?

- Mặc họ. Hai đứa mê con trai làng Thượng ra phết. Những thằng mất dạy ghét cái mặt.

Hai chị em bỏ đám hội, tong tả ra về. Càng đi ra, người càng loãng dần và càng có nhiều gió. Gió hây hây. Gió quạt mát cho mọi người. Hai cô vừa ra khỏi tam quan nghe có tiếng ai gọi đằng sau. Tưởng ai, hóa ra lại cái thằng Khói khốn nạn vừa cầu Ngây ban nãy. Nó đi với một thằng nữa.

Hai người con gái nhìn sang hai bên đường cái vắng vẻ, chỉ có bóng cây và ánh trăng. Trăng vừa lên, khuyết vệt một góc, lưng lửng ở chân trời. Hai cô sợ, cứ cắm cúi đi. Thấy thế hai gã càng theo miết. Giữa lúc ấy cũng từ đằng sau, tiến lên hai người đàn ông. Họ đi nhanh gần như chạy. Trong nháy mắt, họ đã kịp bọn Ngây. Ngây nhận ra đó là Hời đi cùng với Thoại. Nàng giật mình giục Bướm: “Khuya lắm đấy!” Khói đã đi sát bên Ngây, nói:

- Mơ...

Nó vừa thốt được ra có thể, Hời đã xô đến trước mặt:

- Mày định làm trò gì nào?

Đẩy đến đầu cầu Phượng. Là hết địa phận làng Thượng. Khói nhón nhác xử nhũn:

- Không, tôi có...

- Không? Thế mày đi theo người ta làm gì? Bận sau thì ông dẫn cho...

Thoại nóng mắt, giơ gậy lên phang luôn. Khói chúi người đi, tránh được. Gã vội cùng thằng bạn cắm cổ chạy miết trở lại, vừa chạy vừa kêu rầm rĩ với nhau. Đường vắng, chẳng ai biết.

Bấy giờ Bướm và Ngây mới hoàn hồn. Nhưng hai cô vẫn bấu vào nhau. Ngây run run hỏi:

- Các anh đấy à? Chúng nó gớm quá.

Thoại đáp:

- Thằng Khói lại còn phải kể!

- Từ giờ thì em kệch đến già, không đi xem hội làng này nữa.

Thoại cười:

- Sợ gì. Có chúng tôi.

Đêm đã khuya. Trăng lên cao, mờ một góc nên có dáng buồn buồn. Đi trên cầu Phượng, thấy mặt trăng nằm rung rinh dưới đáy sông. Bướm ở ngõ ngoài, Ngây ở ngõ trong. Hai cô sắp chia tay nhau. Hời nói:

- Anh Thoại đưa chị Bướm nhé!

Bướm cười, từ chối:

- Em đi một mình cũng được. Có đây vào kia thôi mà. Chị Ngây về nhà. Chào anh.

Tuy Bướm nói ra lời thế, nhưng Thoại cũng cứ tự nhiên cùng Bướm đi vào trong ngõ tối.

Ngây bảo Hời:

- Hai cậu mợ còn vờ vịt mãi.

- Cái Bướm ra phết đấy!

- Lúc nãy sợ quá. Mà sao suốt đám không thấy anh đâu?

- Tôi nấp một chỗ. Thằng Khói làm gì đằng ấy, tôi cũng biết.

Ngây chạnh lòng, dấm vào lưng Hời một cái. Nếu ban ngày, chắc đã nhìn thấy nàng đỏ mặt. Nàng nói khẽ:

- Thăng tồi quá!
- Thế mới định giã cho nó một trận.
- Nó biết mặt anh không?
- Biết.
- Nó thù thì chết.

Hời vung gậy lên:

- Ngũ ấy làm gì nổi ai!
- Em sợ lắm.

Hời cười:

- Sợ đếch gì!

Ngũ đập khế vào vai Hời, nói: “Giỏi nhỉ”. Anh chàng đưa được câu chuyện đến chỗ đảm thắm. Nhưng đã vừa tới đầu ngõ.

- Chúng mình đứng lại một tý.
- Không biết thằng Toàn nhà em về chưa? Khuya quá.

Hời cầm tay Ngũ. Do dự từ lâu, bây giờ anh chàng mới dám mó nhẹ thôi.

- Hẹn đi chơi nói chuyện. Thành thử cũng chả nói được chuyện gì.

Ngũ cười. Dưới ánh trăng nhạt, hai hàm răng đen lóng lánh. Đôi mắt Ngũ cũng lóng lánh. Còn đôi má thì phúng phính. Bàn tay người con gái nóng hổi hổi.

Hời nghĩ bụng: “Nóng đúng như da gà”. Và ngũ ngất, chàng thở phào ra đằng mũi một hơi. Thanh vắng quá.

III

BUỔI SÁNG, có mấy đứa trẻ trong xóm Giếng đi học chữ nho ở nhà thầy đồ Miên về. Chúng đi từ lúc tờ mờ sáng, sớm bằng những người thợ đi dệt cử. Học nhốn nháo một lúc đứa nào thuộc bài thì thầy đồ cho về trước. Nên chỉ lúc mặt trời tới lưng bụi tre, chúng đã chạy ủa cả ra đường.

Sớm hôm ấy, lũ trẻ về qua cửa đình trông thấy một mảnh giấy dán ở một cột trụ bên phải. Tò mò, chúng rủ nhau đứng lại xem. Trong mảnh giấy có chữ quốc ngữ viết bằng bút chì. Nhưng vì dán hơi cao, nên chúng phải công kêêng nhau lên mới đánh vắn được những chữ ấy. Lúc một đứa đã đọc xong, chúng cười và reo ầm ĩ, rồi chạy tất cả vào trong làng. Đứa nào về nhà đứa ấy và mỗi đứa lại bảo cho nhiều người trong làng biết rằng có cái giấy gì hay lắm, dán ở ngoài cửa đình.

Bấy giờ là sau bữa cơm sáng. Mọi người chưa phải vào khung cử, đều đứng ở các cửa ngõ, cái tầm ngậm trên miệng. Nghe lũ trẻ nói bi bô, họ kéo ra cửa đình xem, đi lũ lượt như đi xem hội. Những người đàn bà thấp thò trong các cổng tán. Ở bờ rào này hỏi qua bờ rào khác. Nhưng chưa ai biết gì cả.

Trên cột trụ có dán một tờ giấy thực.

Một anh trai nhanh nhẩu chen vào tận nơi, nói: “Xem giấy má gì nào...” Rồi anh cất giọng y a đọc to và thông thả cho mọi người xung quanh nghe:

Cáo bạch

Làng ta lắm chuyện nực cười

Có ông Nhiều Thục mặt thời đỏ gay

Được cô con gái, gớm thay

Mười chín tuổi rày, tính đã trắng hoa.

Làng Thượng cho chí làng Nha

...

Tấm thân bán rẻ đồng tiền,

Huýt còi một tiếng thời liền ra ngay.

Con đi mua rượu bố say,

Con hỡi, tiền này con lấy ở đâu.

Ai ơi, đứng lại đầu cầu

...

Đứa nào mà bóc của ông cái giấy này thì chết một đời cha ba đời con đấy.

Người ta cười rầm lên. Ra đấy là một tờ giấy kể về nói xấu. Rồi họ lại hò anh con trai giỏi giang chữ nghĩa kia đọc lại một lượt thực rành rọt thực ngân nga. Lần này họ cười, vỗ tay đôm đốp. Ai cũng lấy làm khoái chí. Cái gì chứ cái điều được nghe bói xấu nhau thì ai cũng có tính ấy.

Câu chuyện lan trong đám đông.

- Nhiều Thục xóm Giếng phồng?

- Cái dĩ Ngây ư?

- Con bé thế mà đồn. Hừm, thời buổi này, ai biết đâu được. Mới nứt mắt ra.

- Con gái không có mẹ là chúa đoảng.

Nhưng có người nghĩ kỹ hơn, nói:

- Thôi, ắt lại chuyện bôi xấu nhau, con gái nhón mang tiếng thế khó mà lấy được chồng. Đời thâm thực...

Người ta còn lào xào dò đoán và phẩm bình nhiều câu nữa rồi mới giải tán. Nhưng không ai sờ tay vào tờ giấy. Có bận chi đến họ mà họ phải bóc! Thế là cái tin “có giấy nói lão Nhiều Thục” bay khắp bốn xóm làng Nha. Những người đàn bà ở trong nhà cũng đều biết.

Một lúc sau ông Nhiều Thục cũng biết. Đầu tiên ông nghe mang máng như có một chuyện gì ở ngoài cửa đình mà con trai họ kéo nhộng nhốc ra xem. Rồi họ về trong xóm, vừa đi vừa cười hô hố. Ông Ba Cấn tạt vào nhà ông chơi. Ông Ba Cấn với ông Nhiều Thục là hai anh em con nhà cậu về đẳng ngoại. Ông Ba hốt hoảng ghé tai ông Nhiều, nói nhỏ nhỏ. Vậy là mặt ông Nhiều cũng hốt hoảng chẳng khác gì ông Ba. Hai ông chạy ùng ùng ra ngõ. Ngây đương ngồi quay tơ, chẳng hiểu việc gì, ngẩn ngơ nhìn theo. Hai ông nối nhau chạy ra ngoài cửa đình trông lên tờ giấy dán ở cột trụ, rồi lại vội vàng chạy về trong xóm. Hai ông chạy về tìm thằng Tuế, con ông Ba Cấn. Bởi vì nó biết đọc chữ quốc ngữ.

Thằng Tuế lóc cóc theo bố và ông Nhiều ra cửa đình. Người xem không còn ai nữa. Ông Nhiều xốc nách nâng Tuế lên cho nó đọc. Nó mới đọc đến câu “có ông Nhiều Thục...” thì ông buông nó xuống. Trán ông mồ hôi đọng thành từng giọt. Ông bóc tờ giấy ở tường ra, rồi nói: “Mời ông với cháu về nhà tôi”.

Cả ba người tất tưởi về nhà ông Nhiều. Ông sai thằng Toàn ra đóng ngõ lại.

Rồi ông cùng với ông Ba Cấn, thằng Tuế vào tận trong buồng. Tuế cầm tờ giấy mà đọc. Bà Ba và Ngây đứng nghe ngoài cửa. Thằng Tuế đọc xong giấy “cáo bạch” đó thì bà Ba xô vào buồng. Ngây chạy ra đằng sau nhà đứng khóc rưng rức. Ông Nhiều buông hai tay xuống, dờ dẫm đôi

con mắt và thở dài một tiếng náo ruột. Bà Ba mím môi, phát một câu chữ rít trong hai hàm răng:

- Đứa nào ăn dáy ngựa miệng! Nó lại muốn bà bới cha đào ông nhà nó lên đấy.

Ông Ba Cấn bàn:

- Ta đem giấy này lên tường phủ. Nên làm cho ra nhẽ.

Ông Nhiều mơ màng xua tay:

- Thôi ông ạ.

Nhưng chỉ thôi cái việc lên tường phủ, bởi vì vốn nhà lành hiền, chẳng ai thông thạo việc quan tư kiện cáo. Nhưng cái việc của bà Ba thì bà làm ngay. Tuy ông Nhiều Thục, ông Ba Cấn chẳng tỏ ý hoan nghênh, nhưng cũng không ra vẻ phản đối.

Buổi trưa hôm ấy, vắng vắng có tiếng mõ cốc cốc. Người ta thấy bà Ba đi giữa đường, một tay cầm cái ống tre, một tay cầm cái dùi. Đằng sau, một đứa trẻ đi theo. Áo bà thắt lưng bó que. Hai bên thành váy xắn cao, gọn gàng. Mỗi khi đi đến một ngã ba, bà đứng dừng lại. Bà gõ một hồi mõ, rồi chắp hai tay ra sau lưng, bà cất cao tiếng réo một bài vừa chữi vừa rửa:

- Ới thằng liền ông! Ới con liền bà! Ới đứa già! Ới đứa trẻ! Ới đứa nào đem hôm qua xỏ xiên gì nhà tao thì nó dỏng mái tai, gài mái tóc, gọi ông bà ông vải cụ kỵ nhà nó lên để nghe bà chữi, để nghe bà ỉa vào đầu lâu hoa cái nhà nó...ó...ó. Nó đi đằng xuôi, chết đằng xuôi; nó đi đằng ngược, chết đằng ngược; đi tàu, đắm tàu, đi ô-tô, chệt ô-tô. Nhà nó đương đông đàn dái lũ thì chệt lẩn đùng thổ tả cả ra...

Và còn nhiều nữa, dài nữa. Mỗi một lần gõ mõ để dọn một câu, bà lại có thể đổi ra đủ các thứ bài chữi khác nhau. Mặt bà bình thản, tự nhiên y như khi bà ngồi quay tơ ở trong nhà. Bởi đó cũng là một việc quen thuộc vậy.

Về sự lắm điều, ở làng Nha, bà Ba đã nổi tiếng. Ngày trước, đến năm hai mươi tám bà mới có chồng. Chỉ vì, tuy là con gái, mà bà đã chua ngoa quá lắm. Cả làng, không ông bà nào dám rước cái của “đứt dây trên trời rơi xuống” về cho con cái nhà mình. Ở với bà Nhiều Thục - hồi ấy còn mồ ma bà Nhiều - một tháng có ba mươi ngày thì đôi chị dâu em chồng cãi nhau đủ hăm chín ngày rưỡi. Về sau, có một người đàn ông góa ở bên Phú Gia nhờ người sang mai mối, lấy bà. Tất nhiên là cái tiếng lắm điều của bà, người ta không hay biết chi. Cứ đàn ông góa mà dòm được gái tân, đã là may mắn lắm rồi. Cái báo chường được rước đi... Bà Nhiều mừng. Chắc hôm cưới bà cũng có ném gạo muối theo. Nhưng cái sở trường cả tiếng của bà Ba, sang bên Phú Gia, chẳng may lại không hợp đất. Chồng bà là một anh có tính hay cục. Mỗi khi bà quang quác mồm, anh ra rút ngay rồi cửa phang liền. Lắm điều nhưng nhát đòn, bà phải cầm miệng hén ngay. Lâu dần, sự sợ hãi biến thành thói quen, bà cũng bớt mồm bớt miệng đi được nhiều. Cái tiếng ấy bay về bên làng Nha, người ta nói rằng thế là ông bốn tai gặp bà hai đầu. Bà ở với chồng ngoài mười năm, cũng không đẻ dái gì. Một hôm, chồng bà cãi nhau với một người làng. Đôi bên cùng tức khí, liền nện nhau. Người kia cầm cái giáo quạt đại choảng vu vơ thế nào lại trúng vào tinh mũi ông ta. Ông ngã bổ chửng và nằm nhuôi ra... chết. Việc lên đến quan, người kia bị kêu án năm năm tù. Người ta không có một chút của nả nào mà bồi thường. Thế là bà Ba mất chồng rất tự nhiên. Bà đến ở chung với gia đình nhà em chồng, nhưng không có ai kiềm chế, cái thói xưa lẳng lơ của bà lại bùng dậy. Tuy ở nhà người ta mà không mấy ngày bà không cãi nhau với em dâu. Bác với thím chữi nhau ới ới. Song về bên cánh của họ đông quá: chồng, vợ, bốn đứa con và cả tứ bề hàng xóm nữa. Bà Ba có mỗi một mồm đành chịu thua. Chẳng bao lâu, bà dọn về ở bên Nha. Khi ấy bà Nhiều ốm bệnh tê, đã qua đời từ mấy năm trước. Bà Ba ở với anh, ăn giúp làm đỡ vào đấy. Đầu đã ngả hai thứ tóc - đã năm mươi dư rồi! - Bà Ba không còn quang quác mồm miệng như xưa. Vả, bây giờ ăn nhờ ở đậu, anh là đàn ông, các cháu thì bé, xung quanh không thể có người đàn bà tương đương nào để bà cãi nhau. Ông Nhiều Thục lại nghiện rượu. Mỗi khi ông say mà nghe tiếng bà Ba cãi nhau léo xéo thì dù có chân bà là sắt, chắc ông cũng phang cho đến gãy.

Đã lâu lắm bây giờ mới được nghe bà Ba chửi rửa con cà con kê, có ngành có ngọn. Bởi vì bà tức quá. Đứa nào vô phúc đã dán cái giấy kia. Nó quên tài chửi của bà rồi hay sao? Bà có thể trồng cây chuối ngược lên mà chửi suốt tháng. Bà có thể chửi cho đứa nào đứa ấy và cơm vào miệng rồi mà phải miệng nôn trôn tháo cả ra. Bà đi chửi từ đầu làng đến cuối làng, từ xóm Giếng sang xóm Đình, ra xóm Mới, vào xóm Lẻ, khắp các ngã ba ngã tư. Lũ trẻ đi theo rêu rêu, hợp thành một cái đuôi dài đáo để. Có đứa bỏ cả đánh suốt để đi theo, xem bà Ba chửi. Bố nó phải chạy ra đánh đuổi nó về, thành thử khắp làng cứ nhộn lên thôi.

Đến tận chiều sẩm, khan cả tiếng, bà mới chịu vác ống tre và cái dùi trở về nhà. Bà đe rằng ngày mai bà còn chửi nữa. Bà còn chửi mãi tới khi động đến mồ mả nhà đứa nào ấy, làm cho nó ăn uống, ngồi đứng không yên, phải đến tận cửa nhà bà mà lạy, bà mới chịu thôi.

Kể bà chửi cũng hay thực. Hôm nay, chắc có nhiều bà và nhiều cô con gái cố lắng nghe học lỏm lấy những câu hóc hiểm để nhớ ra có bạn nào chửi nhau với ai chẳng.

Bà Ba về nhà, trời vừa chạng vạng tối. Ông Nhiều đã bảo thợ nghỉ dệt. Ông ngồi uống rượu ở bên cái chõng tre, kê ngoài đầu hiên. Một cút rượu trắng để bên một đĩa đậu nướng với một chút muối. Ông nhắm có vậy. Mà thế còn có hơi đồ nhắm, nhiều khi, ông chỉ uống rượu suông với rau muống.

Ông Nhiều vào hạng cừ rượu trong làng. Trước ông cũng được tiếng là uống rượu đứng đắn, không nát lắm như nhiều người khác. Lúc thường, chốc mồm ông cũng chẳng nói một câu, lúc rượu vào ông cũng chỉ ba hoa ít nhiều, rồi ông đi ngủ khì. Nhưng bây giờ ông không còn giữ hản được nết ít nói như xưa nữa. Bởi ông uống rượu đã thành lệ mà hóa ra nghiện. Cũng chỉ vì ông buồn về chuyện gia đình. Thằng trưởng Khiếu là con trai lớn của ông. Nó đã có vợ con rồi. Trước nó vẫn làm ăn với ông, về sau, không biết nó đã nghe ai xui xiểm cứ một mực nặng nề đòi cho vợ chồng nó ra ở riêng. Bấy giờ bà Nhiều cũng đã về với ông vài rồi. Ông thì nghĩ rằng nhà neo người, có mỗi mình nó là nhón, mấy bố con hãy dùm dùm lại với nhau, đợi bao giờ chúng nó nhón nhao cả, ông sẽ liệu lo cho đứa nào có phần nấy. Nhưng phải thằng trưởng Khiếu là đứa mất dạy. Nó cứ nói với mọi người rằng ông tham, cái gì cũng chỉ muốn vợ vào mình, không muốn cho con cái khá. Nó lại mượn giọng rượu để nói láo. Tức mình ông Nhiều đánh nó. Ông già rồi, đánh vào lưng nó như giũ bụi, không thấm thía. Nó lại càng nói bậy hơn. Nó giả say, say trong lúc tỉnh, để nói hỗn với bố. Rồi một hôm, hai bố con cãi nhau. Trưởng Khiếu đang cón cáu, thấy bố chửi và sỉ mắng thì tức lắm, cũng chửi và sỉ lại bố đủ điều. Ông Nhiều hầm hầm vác cái đòn ống đuổi đánh nó. Khiếu lại tức mình, giằng lấy đòn ống, phết ông Nhiều một trận ngã bổ chửng. Phải có hàng xóm đổ sang lôi nó ra, nó mới chịu thôi. Hôm sau, nó lên về ăn cắp của ông ba cái mâm đồng, một cái nồi đồng, một cái chậu thau, mười con tơ mái đem bán, rồi nó ra làm nhà ở một miếng đất công phía đầu xóm, không ở với bố nữa. Bố con gặp nhau cũng chẳng chào hỏi. Ngày rằm tháng ấy, ông Nhiều mang một cơi trầu, một chai rượu ra đình, tường với hội đồng làng rằng ông từ thằng trưởng Khiếu, chẳng bố con gì với nó từ giờ. Nghe tin ấy, trưởng Khiếu cười mà nói với mọi người: “Ông ấy từ tôi để khỏi phải chia của cho tôi đấy. Nhưng hương hỏa mả dãi nhà ông ấy thì có đech gì. Đòi cái thằng tôi, tôi có cần đâu!” Ông Nhiều cảm lắm, và càng chán mà uống rượu tợn. Bắt nghiện từ đấy.

Ngũ của ông là mỗi buổi chiều uống một cút năm xu. Nhưng hôm nay, ông uống hơn năm xu. Ngây đã lên đèn dệt cửi mà ông vẫn còn ngồi uống tì tì. Bà Ba đoán chắc có sự khác thường. Ngây im lặng, rầu rĩ đưa thoi. Từ sáng, nàng ủ dột âu sầu khóc thầm mấy bận. Thằng Tuế đã đọc lại cho nàng nghe cái tờ giấy góm ghê nọ.

Chao ôi! Bao nhiêu người đã xem cái vè cái giấy này. Mọi người đều biết cả. Cả anh Hời cũng biết nữa. Nàng chẳng dám đi ra ngõ; cả đến ở trong nhà, nàng cũng cúi mặt xuống đất, không muốn ngừng lên nhìn ai. Đứa khốn nạn nào đã vu cho nàng. Chẳng biết có ai cho là nàng oan uống không. Ở cái đời bới bèo ra bọt này, người ta chỉ đợi cho nhau có điều không phải để mà cười thôi.

Ông Nhiều vẫn uống rượu. Ông uống cạn già nửa chai hai cút rồi. Ánh đèn ở trong khung cửi

chiếu ra, hắt bóng ông và bóng chai rượu gập gù trên vách. Bỗng ông đứng dậy, chệnh choạng đi vào trong nhà.

- Ra tao bảo, Ngây!

Nghe bố gọi, Ngây cầm mũi văng xuống mặt lĩnh, rồi đi ra ngoài hiên. Bà Ba ngồi dưới nhà quay tơ. Trong nhà, về ban đêm, mỗi người có một việc, không mấy khi ai ngồi nói chuyện gì với ai. Thằng Toàn chỉ có cái việc chập tối thì ra ngõ đóng cửa, vào trèo lên giường, xát hai chân vào nhau cho sạch đất rồi nằm lả ra ngủ. Chỉ về mùa rét, hôm nào chị Ngây có nhắc, nó mới nhớ đến rửa chân. Bây giờ nó đã đương đánh một giấc ngon.

Ông thu thu sau lưng cái gậy. Ngây nhón nhác nhìn bố. Ông Nhiều thở ra phè phè, nói bằng một giọng rên rĩ khác hẳn cái tiếng hàng ngày ông vẫn nói:

- Con ơi! Con làm hại bố! Ới con ơi! Con làm hại bố!

Ừ, con ông nó hại ông thực. Nó là con gái. Nó làm cái trò gì mà để đến nỗi người ta đàm tiếu, người ta dán giấy ở cửa đình mà chửi cho như thế. Ới trời ơi! Bảo rằng có đứa nào thù cho nên nó mới xỏ nhà mình. Thì không chọc, không trêu tức, làm sao nó lại thù! Cho là con ông có chính chuyên lắm, đứng đắn lắm, nhưng mà để cho chúng nó nói đến cả nhà ông là cái thằng đẻ ra nó ấy cũng là đứa hư rồi.

- Con mẹ mày chết rồi, không ai dạy mày cho nên mày mới làm cho nó chửi ông. Ới con ôi là con ôi! Ông nghĩ ông căm lắm. Tao phải cho mày một trận, nghe chưa. Nằm xuống đây... Nằm xuống đây...

Ngây vẫn đứng yên. Ông Nhiều giơ gậy lên, vụt một gậy ngang lưng. Ngây kêu rú, chạy vào khung cửa. Ở dưới nhà, bà Ba nghe tiếng, nhào lên thì thấy hai bố con đang đuổi nhau quanh cái phản giữa. Bà xô vào.

- À con mụ này lại muốn lôi thôi cái gì?

Ông phang hục một gậy...

- Con bà cô! Ông quật chết tươi đơng đơng bây giờ!

- Làm cái gì thế! Hàng xóm người ta nghe tiếng.

- Mặc cha bố con ông!

Rồi ông Nhiều lại hầm hè đuổi con gái. Ngây chạy thoát ra sân. Ông lập cập theo, vấp phải bậc cửa, ngã rúi xuống. Rượu đã ngấm đến cực độ, khiến ông không thể cất nổi đầu nữa. Ông chúi xuống, bò đi kèn càng như một con cua. Ông khua hai tay, rồi khuyu hẳn xuống. Thế là ông kêu lên rên rên: “Gậy của tôi đâu?... Đánh bỏ mẹ nó đi!... Tôi có say đâu!...”

Tự nhiên, ông cong cổ lên, hoác miệng ra mà nôn thốc một hồi. Cơm rượu phòi từng đồng.

Như cũng đã từng quen những cuộc say sưa như thế, bà Ba để yên ông Nhiều mửa một lúc thực lâu rồi ông gục hẳn xuống, như một con gà đã cắt tiết, bị ngoạ oạt cái cổ, bấy giờ bà mới vào lấy một chiếc chiếu, bà rải chiếu xuống cạnh chỗ ông Nhiều nằm. Bà lấy tro dưới bếp đổ lên những đồng cơm mửa. Rồi bà lẩn ông Nhiều vào giữa chiếu, kéo một nửa lên đắp. Ông nằm dang chân, dang tay. Mồm lảm nhảm nói những câu đầu Ngô mình Sở, chắp chắp nổi nổi chẳng ra nghĩa lý gì cả.

Bà Ba vào tắt đèn khung cửa. Ngây nằm gục trên phản. Chẳng nói gì, bà Ba lò dò xuống nhà ngang, ngủ. Một lúc sau thì những câu nói bơ vơ của ông Nhiều đổi ra một điệu ngáy bổng trầm.

Đến sáng ông vẫn nằm tùm hum trong chiếu, hai cẳng chân đen và khô khăng thò ra ngoài nom ròn rợn và lạnh lẽo như chân người chết.

Ngây không được đi chợ bán lĩnh một mình như trước nữa. Đêm ấy, ông Nhiều có say đánh

Ngây thực, nhưng không phải là ông say đến lú lấp trí khôn. Ông cũng biết có đứa xấu bụng đã đặt điều ra vu oan cho nhà ông, cho con gái ông, nhưng ông cũng phải giữ cho nó hết nhẽ. Bởi vậy, những ngày phiên chợ ông cùng đi chợ bán lĩnh với con gái.

Ngây thì như đại đẳng đại cay cả người. Cứ một cái việc bà Ba đi khắp làng xóm mà rêu rao chửi bới người ta cũng đủ ê chề cho nàng rồi.

Đêm trước Ngây đương cầm cúi dẹt, thấy một đóa hoa ngọc lan ném qua cửa sổ rơi xuống khung cửa. Nhưng nàng không ngừng thoi dẹt, mà cũng không dám tắt đèn để đi ra vườn.

Nàng cầm cúi đưa thoi liên liền, trong lòng nao nao, nước mắt rỏ cả xuống mặt cúi. Cho đến khi vắng vắng ở ngoài tiếng chó sủa gần gần rồi lan ra xa xa. Biết là Hời đã về rồi, Ngây mới im thoi. Nàng vào giường nằm, không thể nhắm mắt ngủ được. Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần... Nàng phải nói cho Hời biết những sự lo lắng, những nỗi khó khăn nguy hiểm, nếu hai người còn gặp nhau. Nàng nhớ đến Bướm.

Chiều hôm sau, Ngây sai thằng Toàn đi vào nhà ông Hội ở đầu xóm gọi chị Bướm ra chơi. Từ bữa xảy ra sự lôi thôi. Ngây ít đi ra đến ngõ.

Bướm tới. Hai cô ngồi ngoài đầu hè rủ rủ. Loanh quanh những chuyện làm ăn, chuyện chợ búa, Bướm muốn hỏi thăm để an ủi bạn một câu mà chưa biết nói thế nào cho tiện. Còn Ngây thì cũng chưa biết mở đầu câu chuyện mình định ngả ra sao. Tiếng là hai người chơi với nhau cũng thân, nhưng chưa bao giờ nói chung một tâm sự tí mĩ gì. Sau Ngây nói nhỏ:

- Em muốn nói với chị một chuyện này...

Và Ngây nắm tay Bướm, nói tiếp:

- Chắc chị đã biết câu chuyện có đứa khốn nạn nào nói xấu em?

- Vâng. Từ nãy em vẫn định hỏi chị.

Hai cô cùng nhũn, đều xưng mình là em.

- Lòng em như cái bánh, giá có thể bóc được em cũng bóc cho chị xem. Chắc chị chẳng nở nghi ngờ em.

- Ấy chết! Chị đừng lấn thẩn thế! Em nào dám nghi chị. Chẳng qua là đứa xấu bụng, đặt điều cho người. Thế chị có biết được đứa nào đấy không?

- Em không biết được đứa nào. Vì em chẳng có thù hằn gì với ai bao giờ.

- Tức thật. Em cũng nghĩ mãi.

Ngây nhìn vào mặt Bướm, cúi mặt nói khe khẽ:

- Em muốn nhờ chị... một việc...

Bướm nhoẻn cười, hai mắt lóng lánh:

- Vâng, chị cứ nói.

Mặt trời đã lặn. Ngoài thành tre, có tiếng những con liều điều cãi nhau lao xao.

Ngây nhìn ra, nói mơ màng:

- Em nhờ chị bảo cho Hời biết rằng từ giờ em không thể gặp anh ấy được nữa. Bây giờ mà gặp nhau, đứa nào biết thì thật chết.

Bướm mủm mỉm:

- Nhưng em làm thế nào mà nói được?

- Lại còn làm thế nào? Chị đừng giấu em...

Bướm cười tí hai mắt:

- Em giấu chị cái gì mới được chứ?
 - Anh Thoại với chị...
 - Chị này tinh như mẹ ranh!
 - Chính em là mẹ ranh đây. Mẹ ranh nên các người vụng trộm cái gì với nhau mẹ ranh này cũng biết cả.
 - Còn cậu mợ thì dễ không đấy. Có muốn người ta kể xấu cho nghe không? Lạy em đi, chóng em giúp chị.
 - Vâng, em lạy chị cả hai tay. Chị nói với anh Thoại bảo Hời hộ rằng đừng gặp em nữa. Những lời em đã nói với anh ấy, thì anh cứ để ý mà lo liệu việc sau này. Lúc nào em cũng định ninh một lòng...
- Bướm đứng dậy:
- Chị đừng ngại, em sẽ bảo cho. Tới phiên tơ mồng một này, em bảo Thoại nói với anh Hời. Kia, Toàn nó đã dọn cơm. Chị vào ăn đi, rồi còn dệt đầu hôm chứ.

IV

THOẠI VÀ BƯỚM không đến nỗi nhút nhát với nhau lắm.

Chỉ sang khỏi cầu Phụng, hai người đã sát cánh nhau, đi song song. Họ men theo thành tre, ngược về phía ấp Hồ. Bấy giờ vào khoảng tám chín giờ tối. Một bên là lũy tre tối om, một bên dòng sông Lịch đen kịt. Bên kia sông là đường cái, có tiếng guốc lóc cóc của những người đi vào trong làng.

Bướm bảo tình nhân:

- Ta đứng lại thôi. Sang kia là địa phận làng Thượng, cậu à.
 - Ấy chớ. Lối này đi lên chợ, ai trông thấy thì rầy rà to. Quá sang gốc đa kia, trời cũng chẳng biết được.
- Bướm nắm cánh tay Thoại:
- Tối quá. Đi ghê cả chân.
 - Ai bảo không đi guốc. Hay mợ để tôi cõng?
 - Phải gió! À cái việc lúc nãy tôi nói, cậu nhớ bảo ngay Hời. Ngây nó dặn đi dặn lại mãi đấy.
 - Nhớ rồi. Tối mai tôi đến Hời chơi thì nói. Anh cu Hời cáu lắm.
 - Cáu gì?
 - Cáu vì tờ giấy dán chửi cái Ngây ở cửa đình.
 - Cậu có biết đứa nào dán không?
 - Còn lạ gì nữa. Thằng Khói bên Thượng chứ ai?
 - Thế mà em với cái Ngây đoán mãi không ra. Chắc nó thù hôm hội cầu mát đấy nhỉ? Sao cậu lại biết?
 - Tôi với Hời đi nghe thì thấy người bên Thượng mách rằng nó dán. Chính nó lại đi khoe với người ta. Chúng tớ đương bàn nhau hôm nào giã cho thằng Khói một mẻ cật lực.
 - Thằng đều nhỉ?

Hai người đi tới gốc đa. Xung quanh tối như mực. Trông sang sông, những đóm lửa trong xóm Giếng, leo lét qua bờ tre như những con đom đóm chập chờn.

Hai anh chị cùng ngồi xuống bệ gạch, trước cửa quán Cây. Họ ngồi khít vào nhau và nói lan man đủ thứ chuyện. Thỉnh thoảng Bướm cười rúc rích. Và thỉnh thoảng Thoại lại véo cô nàng một cái khá đau. Họ gọi nhau bằng “cậu” và “mợ”. Ít lâu nay, những tiếng nói ngây ngô và mới mẻ như thế, thường thấy ở miệng bọn trai gái trong làng. Cái đó lại do những anh chị nào được ra Kê Chợ tải về, truyền cho các bạn, kiểu như kiểu bôi giấy bao hương vào môi của cô Ngây.

Bướm không phải là con gái làng Nha. Bướm là người trong vùng Giá. Đi ngược lên đường Sơn Tây, cách làng Nha chừng hơn ba mươi cây số thì đến làng nhà Bướm. Nhưng Bướm ra Hạ Nha từ thừa mả còn toét đỏ hoe, mặc cái áo tấc hở cả lưng và cái váy bạc phếch chỉ ngắn cùn cốn đến cẳng khoeo. Bướm ở quay tơ liền cho nhà ông Hội và được coi như người nhà. Bởi vì vợ ông Hội ngày xưa có bệnh sưng vú, vào mua thuốc cao Giá của bà nội Bướm về dán mà khỏi. Do cái quen biết ơn huệ ấy nên Bướm ở lưu cữu nhà ông Hội. Và lại, bởi ông Hội không có con, nên Bướm cũng được mến. Bướm chỉ về quê vào những ngày có giỗ ông và mấy ngày Tết Nguyên Đán. Đến vụ mùa, u Bướm ra chơi, thể nào cũng đeo ra một tay nải khoai lang để biếu ông bà Hội. Bướm lớn lên ở đất Hạ Nha. Đối với nàng, đây cũng là một chốn quê. Có phần nơi này lại đáng luyến hơn quê thực.

Hai người yêu nhau đã lâu. Nàng định đến sang Giêng, ngày rộng tháng dài, sẽ dẫn Thoại về Giá chơi cho biết nhà cửa. Và nếu có tiện, sẽ uớ m cho thầy u rõ chuyện của nàng nữa. Bướm chắc thầy u mình bằng lòng ngay. Bởi vì Thoại bảnh bao bằng vạn các anh trai làng. Thoại lại ở đất có nghề làm lĩnh nhàn nhã; được một chàng rể như Thoại, cũng đã sang, dù Thoại, ở trong làng chỉ là một anh đi dệt cử mướn. Thầy u Thoại mất từ lâu. Thoại có đông anh em, nhưng anh em ai phận nấy, không ai lo giùm cho ai được. Thoại đi dệt cử và ở nhờ nhà anh cả. Nếu Bướm lấy Thoại, nàng sẽ tránh được cái nạn mẹ chồng nàng dâu. Nàng ở riêng với chồng, vợ chồng làm ăn cổ kính thì chẳng mấy lúc mà khá. Bướm vẫn mơ thầm như thế. Cái mơ ước loàng xoàng thôi.

Một đôi khi, những tối ngày phiên tơ, hai người thường hẹn nhau đi chơi như đêm nay. Thoại bước gần, ngồi cạnh Bướm ngửi thoảng cái mùi bồ kết gây gây lạ lạ ở tóc Bướm tiết ra, sung sướng tưởng như được đi, đứng bên cô vợ mới cưới.

Ngồi nói vắn vơ hết cả chuyện, Bướm bảo Thoại:

- Tối nay em phải về sớm. Ở nhà nghỉ dệt, đóng cổng từ chập tối.

Thoại không nói gì, chàng chỉ cười hừ hự. Chàng đương say sưa. Bởi vì trong bóng đêm mung lung bao la, hai người ngồi với nhau ở một nơi thực là hẻo lánh và thực là tối. Thoại đụng má vào mái tóc người yêu. Thoảng thoảng có mùi lá hương nhu giắt trong vành khăn của nàng.

Đến lúc Bướm đòi về một lần nữa thì Thoại chiều lòng, đứng dậy. Hai người men bờ tre, đi về cầu Phượng.

Nhưng thực là chẳng may. Ban nầy, lúc cặp tình nhân này qua cầu Phượng, có mấy anh trai làng Thượng đi chơi tối, ngó thấy. Họ bảo nhau:

- Có trai gái vào quán Cây.

Một anh bàn xõng:

- Bắt đi!

Một anh bàn thêm:

- Ta vào trong xóm rủ mấy thằng nữa.

- Đánh bỏ bố những thằng làng Nha đi. Chúng nó đấy. Bắn nhằng lắm.

Ấy thế là họ chạy vào trong làng, báo cho mấy đứa nữa biết cái tin có bồng ngoại lạc đến. Thằng Khôi cũng được anh em cho hay. Nó reo lên, hưởng ứng ngay. Ba thằng vác gậy chạy rầm rập đi.

Cái lối bắt bò lạc khốn nạn thế xảy ra thường liền.

Chúng rõ có hai người trong quán Cây, nhưng không ai dám men vào. Bởi vì chỉ có mỗi một con đường đi tới, đi thẳng lộ họ biết mà họ phòng bị thì không ăn thua. Vả lại tiếng chó sủa nhiều quá, ầm ĩ lên. Họ bàn nhau nên đứng nấp ngoài thành tre, đợi chúng ra rồi đánh cho thẳng đàn ông một chập tối mắt lại và cướp lấy con đàn bà...

Tay đôi Thoại, Bướm đi ra, dò dẫm trong bóng tối. Khói nấp ngay bên vệ đường. Nhưng bởi hai người đi sát nhau, và bởi trời tối quá. Thằng Khói sợ lạc tay không dám đánh. Nó chạy ra giữa đường quát:

- Ai?

Thoại dừng chân, hoảng hốt:

- Tôi.

Nhưng Thoại định thần được. Chàng móc túi lấy ra bao diêm và đánh lửa. Que diêm vừa bùng, Thoại trông lên thấy lơ nhố ba bóng người sừng sững trước mặt. Nhờ ánh lửa, thế là Khói nhận được mặt Thoại, nó vội vàng choáng một gậy xuống đầu Thoại.

- Thằng Thoại! Thằng Thoại làng Nha!... Đánh chết nó đi! Tội vạ đâu tao chịu.

Những đầu gậy vụt liên tiếp vào Thoại. Bướm rú lên. Trong lúc cuống cuồng, Bướm lách thoát ra ngoài đám quần thảo vù chạy được về cầu Phượng. Thoại giơ gậy lên đỡ rồi rít. Gậy vụt chan chát bốn phía. Một gậy trúng vào trán Thoại. Chàng thấy nẩy tia đom đóm mắt. Một gậy nữa vào cánh tay, lại một gậy nữa ngang hông. Rồi lại một gậy nữa vào sườn. Thoại như cái thân chuối cho người ta tập võ. Nhưng chàng cũng đã tỉnh trí mà chui người xuống, luồn được qua mấy đũa. Trời tối quá. Bọn Khói cũng quáng quàng, Thoại thoát được vòng vây, chạy tuốt về cầu Phượng. Ba thằng rượt theo, song chỉ đến chân cầu thì dừng lại.

Thoại vượt qua cầu Phượng, gặp Bướm ngang đấy. Nàng hót hải hải:

- Có việc gì không?

- Chẳng sao cả. Chúng nó cản trở. Mợ có nhận được mặt những thằng nào không?

- Không.

- Hình như trán tôi ươn ướt.

Bướm rờ lên trán Thoại, thấy ươn ướt tay thực. Nàng móc túi chàng, lấy diêm đánh soi. Một dòng máu đỏ hoe chảy từ trán Thoại đến cằm rồi nhỏ giọt xuống.

- Chết chưa, chảy nhiều máu quá.

Bướm lấy khăn tay lau máu cho Thoại. Nhưng máu vẫn tuôn rùng rùng. Nàng cúi xuống vệ cổ, rút bừa một nắm cỏ ấu đưa lên mồm nhai bết ra dẹt vào chỗ đau của Thoại. Thoại đứng yên cho Bướm loay hoay làm, như một đứa trẻ dễ bảo. Lòng chàng rung động nhẹ nhẹ, man mác. Tuy lúc bấy giờ Thoại thấy trán mình xót và chân tay đau lắm, nhưng chàng lại mỉm cười, cho là may mắn mình mới bị đánh để bây giờ được nâng niu như thế này.

- Dừng động dậy mà máu lại chảy. Mai lấy lá mảnh bát đắp vào là khỏi ngay.

Thoại nói khẽ bên tai Bướm “Cảm ơn mợ” rồi chàng ôm Bướm. Lần đầu tiên, Thoại chum miệng hôn chụt một cái vào má Bướm... Bướm không nguẩy như mọi lần. Ấy là vừa qua một tai nạn, họ đương yêu và chiều nhau.

Trời tối đậm. Đôi tình nhân nghe thấy cả hai hơi thở không được đều lắm. Bướm bỗng bảo Thoại:

- Cậu đánh rơi mất cái gậy rồi à?

- Mất.

RỒI CÁI CHUYỆN THOẠI VỚI BƯỚM sang bên quán Cây làng Thượng, bị người ta đánh cho vỡ đầu lại âm khắp làng Nha. Con trai và con gái trong nhà từng ngõ kháo nhau, cười với nhau. Nhất là người ta lại thấy rõ ràng, ngày hôm sau, ở trán Thoại có một vết đau phải buộc lá nhọ nôi và Thoại kêu nhức tay, không dặt được cử.

Khi cái câu chuyện kín kia hở ra, Bướm tức lộn ruột. Dù là chuyện thực, nhưng Bướm vẫn muốn lấp liếm đi. Đó là thói thường của các cô con gái, nàng không dám đi chửi rong ngoài đường. Nếu nàng có một bà cô, bà dì như kiểu bà Ba của Ngây, thì hẳn bà ta đã đi khắp bốn xóm chửi tan hoang lên rồi. Ở nhà ông Hội, bọn thợ trước còn nói xa nói xôi để chế giễu, sau chúng sát sát tận nơi. Tức mình, Bướm chửi um lên mấy bận. Chúng cũng chẳng chịu im. Đằng kia, Thoại cũng bị như Bướm. Nhưng khác Bướm, hễ Thoại nghe thấy đứa nào bảo mình bị đánh vỡ đầu thì Thoại ục liền. Đã xảy ra mấy vụ thui nhau rồi.

Thoại đi dặt cử kiểm ăn, không lụy đến ai. Thoại chỉ ở nhờ ông anh Cả - ông trưởng Phao - một gian nhỏ ở cạnh bếp. Tuy ông trưởng Phao có một vợ và ba con nhưng suốt ngày, nhà vắng như nhà hoang. Bởi vì, từ đứa bé nhất trong nhà là thằng bé lên bảy tuổi cũng đã đi đánh suốt mướn. Cả nhà đi làm trọn ngày, cửa ngõ phải khép lại bằng một cánh dong.

Thoại đi dặt cử, cũng có dành dụm được năm mười đồng. Bấy lâu nay Thoại và Bướm một lời giao kết rằng hai đứa sẽ lấy nhau. Bướm vẫn định sang năm thì dẫn Thoại về quê nhà mình, nói chuyện cho thầy mẹ hay. Thoại sẽ đưa ra đồng bạc nộp lệ cheo làng nhà vợ. Cùng nghèo, lấy nhau giản tiện như vậy cũng được.

Bây giờ chúng nó nói ra nói vào, Thoại rất bức mình. Chắc Bướm cũng then lăm. Để cho Bướm then thì không nên. Hay là, nếu có thể, hai đứa lấy quách nhau. Chỉ có thể mới rửa được tiếng cho Thoại và Bướm. Người ta yêu nhau thì người ta lấy nhau, đứa nào nói gì đụng chạm đến là nó thối mồm lăm.

Thoại đem chuyện của mình bàn với Hời, anh bạn tri âm hơn hết, nhất là từ sau khi có cái vè dán nói xấu người yêu của Hời, hai người lại càng thân hơn. Hời rất tán thành lời bạn. Chàng lại khuyên bạn nên thực hành ngay ý kiến ấy đi. Thoại gật gù ra vẻ tư lự.

Một đêm, Thoại dặt xong hai cuốn cử đầu hôm thì đã quá mười giờ. Thoại đến nhà Hời chơi. Hời đã đi ngủ. Nghe tiếng gọi, Hời trở dậy ra mở cửa và thắp đèn lên. Thoại lấy ở trong túi ra một tờ giấy trắng và một mẫu bút chì. Anh để giấy xuống phản, kê bên ánh đèn, rồi nằm bò ra, vừa hí hoáy viết, vừa nhấm đầu bút chì, ngẫm nghĩ. Hời hỏi:

- Làm gì vậy?

- Viết thư cho Bướm.

- À.

Rồi Hời cũng ngồi cúi xuống, hai bàn tay chống lên má, tròn mắt nhìn những chữ loăng quăng, như hình vẽ những sợi thuốc Lào rơi trên mặt giấy, mà ra ý khâm phục cái tài hoa của bạn. Bởi vì Hời dốt đặc cán mai.

Mãi đến quá một giờ đêm, gà đã te te gáy, Thoại mới hì hục nghĩ, viết và chấm bút chì viết xong được bức thư cho người bạn tình.

Thư rằng:

Mợ ơi! Nỗi niềm ngậm đắng nuốt cay. Bây giờ mới tỏ lòng này cho nhau. Đôi ta chung một chữ tình, bấy nay thực là khăng khít. Chẳng hay trể mỗ đành hanh, trên người chỉ mấy tá, nên đêm hôm nọ mới xảy ra cái chuyện giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha. Mợ ơi, tôi nghĩ lấy làm tức lăm. Cho nên tôi định rằng thôi thời trước sau cũng là một lần thời hôm nào hết cử, mợ đưa tôi về quê nói chuyện với các cụ để cho đôi trẻ được sum vầy thời tôi lấy làm mãn nguyện lăm. Để cho thiên hạ chúng nó trông vào, biết cho ta là chung thủy hữu tình. Mợ ơi! Tôi thời

nghĩ thế, mợ nghĩ ra sao thời trả lời ngay cho tôi được rõ. Tối mai đoạn cử đầu hôm thời tôi đợi mợ ở ngõ xóm Duối, mợ ra cho tôi nói chuyện.

Giấy ngấn tình dài, bút cùn mực cạn, kể sao cho xiết, nay tạm có mấy lời.

Thoại nay thư.

Viết xong, Thoại đọc cho Hời nghe. Hời thấy chữ nghĩa lý thú quá.

Và Bướm cũng bằng lòng về quê.

Thế là, một buổi sáng, Bướm cắp thúng - tuy trong thúng chẳng đựng gì, nhưng cũng cắp cho ra vẻ - đội chiếc nón Chuông vành to bằng cái mẹt, về làng Giá.

Nàng đi tắt đường đồng vào đến cầu Diễn thì đứng lại để đợi Thoại. Hai người đi chung một chiếc xe tay bánh sắt. Chiếc xe lóc cọc trên con đường đá trắng, ruối giữa đôi bờ ruộng mạ. Những người đi bên đường, nhìn họ, đoán chắc là một đôi vợ chồng mới cưới. Nghĩ thế, Bướm mủm mỉm cười liếc Thoại và đôi má nàng tự dưng hây hây đỏ.

Mà hai người có vẻ vợ chồng mới cưới thực. Thoại diện choàng lấm. Đầu chàng chít khăn nhiễu tây, nổi cát óng ánh. Tầm áo the La Cả phủ ngoài áo trắng nổi rõ từng sợi dọc sợi ngang, nom tựa như mặc áo sa bóng. Nhưng diện nhất là cái thắt lưng lụa hoa rút để nhuộm điều mà anh chàng thắt bỏ lưng xuống đến gần đầu gối. Mỗi lần gió thổi bay hai tà áo, lại phơ phất đôi dải lụa đỏ tươi.

Quần của chàng cũng là quần lụa hoa, thứ lụa hoa vân sa trơn nuồn. Đôi chân mốt đen và to bè bè của chàng được xỏ vào đôi giày Gia Định. Tuy đôi giày này mua đã ba năm nay, nhưng chỉ trong những ngày hội hè và Tết nhất, Thoại mới lấy ra đi. Nó lịch sự thật, song Thoại ít ưa diện giày. Bởi vì chân chàng thô kệch thò vào giày tựa như chân trâu thò vào guốc, và mỗi khi đi, cứ phải lấy gân bấm năm ngón xuống thì hơi khó chịu một chút. Tay Thoại cầm một cái ô trắng. Ô trắng xanh xanh có cái cán bằng song hun đen, khum khum choãi ra. Người ta gọi ô ấy là ô Tây Cống - chẳng biết vì lẽ gì. Thoại ăn vận ngất ghê. Đủ cả bộ cánh Tết đấy. Mà cũng chưa đủ hẳn: trong túi chàng còn một cái kính gọng đen, hai mắt xanh màu lơ và cái mùi xoa lụa trắng xung quanh viền chỉ đỏ, một bên góc thêu cành hoa hồng với con bướm. Của này là của Bướm tặng chàng.

Bướm cũng mặc toàn những quần áo xưa nay vẫn cất kỹ trong thúng. Áo the đối vai Đồng Lầm. Giữa cái thắt lưng lụa bạch dài sum sê lại xen vào một dải lụa màu hoa đào tươi tắn. Quần lĩnh Bưởi bóng nhoáng. Trong túi nàng có cả một lọ bi-ăng-tin thơm phưng phức mua bốn xu rưỡi ở chợ.

Bướm đem Thoại về quê, lòng chứa chan hy vọng. Chuyến xe ấy là chuyến xe xuân. Và có lẽ là nàng đã nghĩ nhiều đến cuộc đời mới sắp đến. Nàng không bận tâm lo lắng về sự nếu cha mẹ chẳng bằng lòng Thoại. Làng nhà Bướm là một làng quê mùa, hủ lậu. Cả làng không có ai mặc quần áo trắng. Cả làng toét mắt, và nếu không toét nhèm hẳn thì có lòng quặm, nhìn hớ háy. Các cụ bảo rằng làng vốn có cái đất toét mắt như thế. Con gái thì cô nào cũng vẩy màu da bò, mặt mũi ngấn ngơ. Mười bảy, mười tám tuổi đầu mà còn đeo vòng đồng ở cổ và mặc áo có đóng dấu nhà chùa đằng sau lưng. Nếu Bướm không được ra ngoài Bưởi làm ăn có lẽ nàng cũng đến toét mắt và mặc vẩy da bò như các nàng ấy. Thoại mà về làng, ắt được tôn trọng và nổi đình đám lắm. Chắc ai cũng tấm tắc khen ngợi. Người ở tỉnh, chứ có phải thường đâu.

Mặc dầu bề trong không có gì, bề trong cũng nghèo kiết như mọi người cả, nhưng Bướm nghĩ rằng cái đó chẳng đáng ngại. Vợ chồng ở với nhau, chơi tên phường tên họ, dành dùm bóp chặt ít lâu lấy một cái vốn nho nhỏ rồi dênh lên một khung cử. Người ta ở đâu lạ nghề, lạ nghiệp còn làm ăn được, hưởng chi đằng này cả hai vợ chồng cùng thạo và khéo chân khéo tay. Tính trước con đường đi, lòng Bướm nhẹ nhõm, vui vui.

Nhưng cái mộng ấy sụp đổ.

Thoại về nhà Bướm một hôm. Bướm nói dối rằng đây là cháu ông Hội, chỗ Bướm quay tơ, về chơi. Quê mùa, người ta thường dễ tính và quý người, bố mẹ Bướm coi như thường và vồn vã

thân mật với Thoại. Thoại ở đấy một ngày, một đêm thì trở về làng Nha. Khi Thoại đã về khỏi, Bướm thừa thật chuyện mình cùng bố mẹ. Đã nói thật thì Bướm cũng phải nói nốt rằng đất nước nhà người ta quen ăn trắng mặt trơn như thế nhưng cũng tiếng cả nhà thanh, không có gì. Xin cho nộp đủ tiền treo cưới lệ dân, còn cái việc cỗ bàn mời làng xóm thì sau này hẵng hay.

Ông bố sinh ra Bướm vuốt râu, bảo con:

- Không được. Tao đã nhận lời một đám rồi. Nơi này danh giá lắm, con ông phó Nguyên ở xóm dưới. Thôi từ mai ở nhà không được lên Nha nữa, sang Giêng người ta đã xin cưới đấy.

Bà mẹ thì dễ dàng hơn:

- Trông cái cậu Nha ấy cũng được mẽ người. Con mà lấy người ta thì cũng phải đôi. Nhưng ở nhà đã trót nhận lời rồi. Vợ chồng là cái duyên số, con phải nghe thầy mẹ. Vả lại lấy chồng gần thì được năng đi năng lại...

Bướm khóc.

Có một điều cay cực bên trong mà thầy mẹ Bướm giấu, không để Bướm biết. Nhà Bướm đã chạy mượn nhiều quá của ông phó Nguyên. Mấy năm nay, mùa màng cấy cày chẳng ra sao cả, công nợ cứ để dần mãi, bám vào cái gia đình nghèo này nhiều như ốc bám vào cọc rêu. Đuối quá, không còn có thể trả được nợ của ông phó Nguyên, bố mẹ Bướm đã nghĩ đến Bướm và nghĩ đến anh trai út nhà lão ta. Mất có lông quặm, mở chẳng ra nhưng là con nhà danh giá, giàu có. No ấm là được rồi. Bị thúc nợ nhiều, mẹ Bướm thú thực ý định của mình với lão phó. May mà lão bằng lòng. Và con lão thì thích mê, bởi vì Bướm đẹp nhất hàng xã, lấy nó, như lấy được tiên trên trời.

Thầy mẹ Bướm mừng hí hửng, đợi Tết thì Bướm về. Hai ông bà cùng chắc công việc xong xuôi mười mười.

Đùng một cái, xảy ra sự chẳng ai đợi. Bướm ngoay ngoáy khóc rưng rức. Giá như mọi khi, bố Bướm đã đánh cho con gái một trận. Nhưng lần này ông im lặng và mặc hai mẹ con nói năng với nhau. Bướm khóc suốt đêm thì mẹ Bướm cũng khóc suốt đêm. Sau mỗi một câu nói, bà lại rủ rủ: "Con thương mẹ, thương bố, thương anh, thương cả nhà là hết...". Lắm lúc Bướm cũng thấy cảm động. Nhưng thực bởi Bướm đi từ thuở bé nên cái tình cha mẹ cũng có phần phai mờ. Hình ảnh đất Hạ Nha, những người con trai con gái ở đấy - nhất là Thoại - làm cho Bướm háo hức, bồn chồn. Chao ôi! Đất làng Nha mới thực là quê hương của nàng. Bởi vì ở cái tuổi hai mươi, ái tình vừa nảy nở thì quê hương của ái tình mới thực đáng là quê.

Một đêm, Bướm bỏ nhà trốn đi. Nàng quên cả. Mặc mẹ. Mặc bố. Mặc anh. Nàng lên Hạ Nha với ái tình.

Nàng nói dối Thoại rằng thầy mẹ đã bằng lòng. Thế là hai người về ở với nhau, một buổi chiều dễ dàng như hai người bạn trai rủ nhau ngủ chung một giường.

Nàng đâm liều lĩnh không nghĩ ngợi gì nữa.

Thoại mua hai con vịt về giết thịt. Thoại mời ông trưởng Phao xuống chén. Và bạn thì Thoại rủ cái anh tri kỷ nhất là cu Hời.

Được mười hôm, có ba người từ trong làng Giá đi bộ ra đầu làng Hạ Nha. Một ông già, một bà già và một người con trai. Đó là bố, mẹ và anh của Bướm. Khi vào đến nhà ông Hội thì Bướm đã lẫn mất. Họ chia nhau đi lùng nháo cả lên. Nhưng không thấy. Bướm và Thoại đã chạy qua cánh đồng, trốn sang tận ấp Hồ.

Hôm sau, bà lão ngồi khóc bù lu bù loa ở ngoài đầu làng. Ông lão đứng cạnh, ai hỏi chuyện thì vừa nói vừa thở dài, mặt ỉu xiu. Mọi người xúm lại xem, ai cũng ái ngại.

Nhưng Bướm vẫn không chịu dần mặt. Nàng đã liều rồi. Được ba hôm, thế không ở lại được nữa, ba người đành trở về Giá. Và cái gia đình ấy còn khổ cực đến bao nhiêu vì món nợ tiền không trả được. Định trả bằng người thì lại hụt, thì cũng không ai biết rõ. Bởi vì sau này Bướm không còn dám về nhà một lần nào.

Câu chuyện của Thoại và Bướm lại được tỏa rộng trên những ghế hàng nước, trong những khung cửa và khung hồ... Người ta reo cười. Và lũ trẻ con, mấy hôm bố mẹ Bướm ra lòng bắt con gái, được một bữa chạy đi xem, vui như xem hội.

Thoại và Bướm không cần. Nhờ hàng đương chạy tay, họ sống với nhau cũng phong lưu. Rằm tháng Bảy năm ấy, hai vợ chồng đưa nhau ra tận ngoài Hà Nội chụp một cái ảnh.

Cái ảnh ấy khổ to bằng một quân ích xì, xung quanh có vẽ hình cảnh hoa, cảnh lá. Họ chụp ở một hiệu khách. Dem ảnh về mà con trai, con gái làng Nha phải trầm trồ khen ngợi là đẹp quá, tài quá. Nước ảnh bóng loáng, màu nâu nâu, trong ảnh Bướm ngồi bên một cái bàn, trên để bốn cái chén và một cái đồng hồ. Bướm mặc quần trắng áo tân thời có lốm đốm hoa trắng. Tay Bướm đeo vòng vàng. Cổ chẳng vô khối hạt vàng, nom thấy óng ánh vàng hoe. Đầu vấn khăn nhưng có gài con bướm và chân thì đi giày cườm. Nàng ngồi một tay ghéch lên bàn, một tay để trong lòng, cầm cái khăn mặt. Còn Thoại cũng đặc biệt ra phết. Anh mặc quần áo tây và cái áo bành tô tây. Cổ anh thắt cà-vạt lòng thòng loăn xoăn xuống khỏi thắt lưng. Anh đội mũ dạ lệch về một bên. Mắt đeo kính trắng. Tay đeo đồng hồ, và cái nhẫn ma-dê. Một bên tay cặp quyển sách thực dày và thực to vừa bằng cái gối xếp. Một tay anh cầm điếu thuốc lá. Anh đứng một bên góc bàn ngang với vợ. Đằng sau hai người là cảnh sơn thủy, có chậu hoa, có hình sông, hình núi và mấy con chim đang bay lượn.

Ai cũng tấm tắc khen và hỏi chụp đâu.

Thoại bảo:

- Ở hiệu chú khách chỗ gần bờ hồ “Hàng Gươm”, đến đấy hỏi ai cũng biết.

- Quần áo kia thì làm thế nào?

- Ở đấy người ta khỏi. Đủ thứ. Cả mũ áo phùng tuồng nữa cơ. Muốn chụp thế nào cũng được. Thích lắm.

Thích thật. Bướm, Thoại vui lắm. Tuổi tàn nhẵn, bông bột và dễ quên.

VI

NHƯNG TÌNH BÈ BẠN CỦA CÔ BƯỚM VÀ CÔ Ngây bị một cơn gió bắc trái tiết. Bởi vì sau khi đã lấy Thoại, sau cả cái hôm mà bố mẹ Bướm từ Giá ra Hạ Nha tìm Bướm, một ngày phiên, Bướm đến chơi nhà Ngây. Ông Nhiều đương ngồi quay cửi thừa ở trước cổng tán. Bướm đơn đả chào, nhưng ông Nhiều lăm lăm nét mặt. Bướm vào nhà ngang, thì ông Nhiều cũng lừ lừ đi vào và ông chửi ngay Ngây. Ông cứ chửi vung lên rất tự nhiên. Coi như không biết có Bướm ngồi đấy. Bướm hiểu ngay là ông Nhiều mượn cớ chửi con để đuổi mình. Người ta chẳng muốn con gái người ta ngồi nói chuyện với một đứa con gái hư hỏng, đi theo không một thằng con trai.

Bướm bùi ngùi về. Ông Nhiều bảo Ngây:

- Ông cấm mày từ giờ không được chơi bời trò chuyện gì với con dĩ Bướm. Rồi mà bắt chước nó nhé! Bố mẹ nuôi con bằng ngần ấy tuổi đầu, để cho con vác xác đi theo trai. Ông cấm chỉ đấy!

Bà Ba cũng chép chép miệng:

- Con gái bây giờ tân thời hư quá.

Bướm lại biết rằng chẳng những một mình lão Nhiều Thục không ưa nàng mà tất cả mọi đứa ở làng Hạ Nha đều đem lòng ghét guống và xa lánh nàng. Từ đấy, nàng không đến nhà Ngây nữa.

Kể cũng chẳng ích lợi gì cho Bướm cái sự đến chơi nhà Ngây. Nhưng thực là thiệt hại lớn cho anh Hồi. Hồi ta bị cắt mất đường chim xanh. Bướm không đến nhà Ngây thì Hồi không tin tức đi lại được với tình nhân. Bởi vì từ cái ngày có cái “cáo bạch” ác hại kia, và từ sau những trận phải đòn, Hồi không được gặp Ngây trong những đêm dẹt cửi khuya nữa. Song hôm nào Hồi cũng vác gậy lặn mò lên xóm Giếng, đi qua sau nhà Ngây để được nghe tiếng nàng dẹt cửi lạch

cách.

Trời! Còn gì bút rút và bắn khoăn bằng yêu nhau mà không thể gặp nhau. Dù là Hời ít hay nghĩ ngợi, cũng thấy lòng mình sầu não vô cùng. Ngày dật cử, cứ nhắm mắt lại mà đưa thôi. Để cho khỏi phải tư lự bơ vơ. Nhưng chân tay anh cứ mỗi rời ra thôi. Đêm đến, anh lấy cây đàn bầu xuống, gảy chơi mấy khúc tiêu khiển. Tự nhiên, tiếng đàn càng nào nùng thêm. Chán đàn, anh lại đến nhà Thoại. Bởi vì chỉ có thể đến chơi đây, Hời mới nói ra được những tâm sự u buồn của mình. Rất những chuyện Ngây. Và có lẽ anh cũng chỉ muốn người ta gấu lại với mình độc một mặt chuyện ấy.

Một chiều tối, Hời đến nhà Thoại. Thoại đi dật cử về, đương ăn cơm.

Bướm ngồi phẩn bên quay tơ. Ban ngày nàng đi làm hồ, tối đến lại lấy tơ về quay cho thêm việc. Vừa thấy Hời vào, Bướm đã nhoén cười:

- Anh đến chơi. Tôi đương mong.

Hời hấp tấp:

- Có chuyện gì thế chị? Lạ không?

- Cũng lạ vừa vừa thôi. Anh ngồi xuống đây.

Bướm buông vầy tơ, với tay lấy ấm nước. Nàng dịch cái khay, trong đựng bốn chiếc chén hoa xanh, về phía Hời rồi nghiêng ấm - cái ấm bình tích mới, cũng có loăng quăng những đường vẽ hoa xanh - rót một chén đầy. Toàn những đồ mới sắm. Từ ngày có vợ, Thoại ăn ở ra lối có nền nếp. Những thứ đồ lặt vặt, Thoại cũng để ý mua sắm. Mọi khi có bao giờ Thoại biết đến. Muốn uống nước, Thoại chỉ việc chạy ra sân, lấy cái gáo dừa vớ vục vào cái vại đựng nước giếng lẩn vẩn rêu xanh lẩn những con nòng nọc đen. Lại có khi thẳng Họa nhà ông Cả Phao thả mấy con sắn sắn vào vại nuôi. Thoại vẫn ngửa cổ ra uống ừng ực cái thứ nước có đựng sắn sắn, đựng nòng nọc và đựng rêu xanh đó.

- Mời anh xơi nước. Nụ với nấu ban chiều, ngon lắm.

Thoại cũng đã ăn cơm xong. Chàng vào ngồi một bên góc phẩn, rửa tằm quèn quẹt lên răng. Bướm bảo Hời:

- Hôm nay tôi gặp chị Ngây ngoài cổng xóm. Chị ấy rủ tôi ra đồng.

- Thế hả?

- Chị ấy bảo rằng cũng định gặp anh để nói cho hết chuyện. Cái việc tối đến anh chị vẫn ra đứng với nhau ở góc vườn, cũng có người biết.

Hời giật mình - và có lẽ anh đã đỏ mặt:

- Quái nhỉ?

- Thằng trưởng Khiếu gọi chị ấy ra ngõ, bảo vào tận mặt thế rồi đánh cho chị một trận, kịch liệt. Ông Nhiều cũng choảng luôn một trận nữa đau quá. Hai cánh tay chị ấy hãy còn lằn vết gậy thâm tím lại. Ông xé của chị ấy cái áo cánh, lại chặt mất cả đôi guốc mới. Chị ấy nhằn tôi rằng những điều gì chị ấy đã nói với anh từ trước thì anh liệu đi.

Hời ra vẻ nghĩ ngợi. Thoại chiêu một ngụm nước, nói mუმ mუმ:

- Thế là chị ấy muốn giục anh phải lo việc mỗi lái đi đấy.

- Ra cái ý thế!

Hời buồn buồn ngược nhìn ngọn đèn Hoa Kỳ, ánh đèn lung lay theo làn gió thoảng từ ngoài hiên vào. Trên nhà trên, nhà ông Cả Phao đã ngủ yên tở. Lồng tơ của Bướm lóc cóc chạy. Tiếng vang lên lạnh lạnh. Hời khe khẽ thở dài:

- Lo. Tiền đâu mà lo!

- Như thế là cả nhà chị Ngây đã biết chuyện kiarồi. Phải liệu trước đi, kéo có ai dòm thì ông Nhiều ông ấy giả phăng đấy. Ông ấy đang bức mình mà.

Hời buồn. Rồi Hời lại còn buồn hơn nữa.

Cách mấy hôm, Hời đến chơi, Bướm bảo:

- Có người đồn là nhà lý So bên làng Thượng cho người sang hỏi chị Ngây cho thằng Khôi.

Thoại nói:

- Thôi chết! Nó trả thù cánh mình.

- Ừ, cũng có lẽ. Nhưng chị Đôi (Hời gọi cho ra vai vế của Bướm) có biết đích xác không? Ai bảo thế?

- Đích. Mấy đứa bên Thượng nói.

Thế đủ cho Hời choáng người.

Ông thân sinh ra Hời mất từ ngày chàng còn nhỏ lắm, độ lên ba. Cái Nghiên thì mới đương ẵm ngửa. Hời có ba anh em: anh Từ, Hời rồi đến cái Nghiên. Bà Vạng góa chồng từ năm hai mươi tám tuổi. Bà ở vậy, nuôi ba con. Cái gia đình gái góa ấy nghèo. Nhưng bà chỉ vất vả nhiều trong những năm mà các con còn bé. Chúng lớn dần dần và dần dần làm đỡ bà, nuôi bà nữa.

Cách đây năm năm, tháng Giêng ấy hàng ế gạo kém quá. Thằng Cả Từ đua anh đua em nô nức nhau đi Sài Gòn làm ăn. Bà Vạng cản ngăn thế nào cũng không được. Từ vào Sài Gòn làm được hai năm thì có về chơi nhà một lần. Người ta thấy hăn khác, lạ hăn cái thằng Cả Từ ngày trước. Da hăn đen sạm, nhưng khỏe. Hăn mặc một bộ quần áo lụa đen nhánh. Và có một sự mới mẻ nữa, là khi hăn nhếch mép cười, nhìn thấy trong miệng hăn có hai chiếc răng vàng chóa. Hăn rất hay cười, để cho người ta trông thấy răng vàng luôn luôn. Hăn đi với một người đàn bà cũng mặc quần áo đen như hăn, mặt dài ngoẵng, cái búi tóc chon chón, thê lể xuống gáy, mà tiếng nói thì líu ríu như tiếng chim chích chòe hót kể chuyện. Đây là vợ hăn. Và hăn bảo vợ hăn gọi bà Vạng bằng má. Khi mọi người làng đã biết những công việc của hăn làm ở Sài Gòn thì người ta gọi hăn là bác sếp Từ. Hời và Nghiên thấy anh về mừng quýnh. Từ mang về khối quà, hai anh em đi chia cho bà con hàng xóm. Bà Vạng cũng mừng, nhưng lại cũng buồn. Bà thấy con bà bây giờ bướng bỉnh và văn minh quá. Có lẽ nó chỉ về chơi nhà. Mà nó chỉ về chơi nhà thực. Chưa được nửa tháng sếp Từ đã mang vợ đi. Hẹn sang năm thông thả lại về. Nhưng từ ngày ấy không thấy về nữa. Chỉ thỉnh thoảng nhận được thư và tiền - hoặc để đóng sưu, hoặc cho mẹ. Ai hỏi thăm, bà cũng nói chưa chắc con bà về được. Bởi đi vào tận Sài Gòn mà lấy người nước ấy, khó lòng mà trở lại quê. Cũng như nhiều người lên mạn ngược lấy Thổ, lấy Mán làm vợ, chúng giữ ngay lại, chúng bỏ thuốc bỏ bả làm cho đầu óc u mê chẳng chịt không còn nhớ ông bà ông vải ở đâu nữa! Song bà chỉ ôm một mình cái điều đau khổ ấy, không dám đem nói với ai.

Từ vào lại Sài Gòn được một năm thì cái Nghiên lấy chồng. Nó lấy chồng làm chân thư ký hội đồng ở một làng bên tỉnh Bắc. Cái tiền của người ta dẫn cưới Nghiên ấy, bà Vạng định để cưới vợ cho Hời. Chẳng may, bà Vạng lại bị một trận đau mắt nặng. Thuốc thang hết mấy chục bạc mà vẫn chưa khỏi hăn. Hôm mừng mười tháng Bẩy, cái Nghiên về thăm mẹ. Đạo đó nước sông Hồng đương cỡ lớn. Chuyến đò ngang ấy chở tham khách quá, đắm lìm ngay ở giữa sông. Chết tất cả hai chục người sang đò, chỉ thoát có mỗi một anh lái. Cái tin Nghiên chết đắm đò ở bến Hối đưa về đến Hạ Nha thì bà Vạng khóc ngất đi. Bà thương con gái, khóc đến nỗi sưng húp cả hai mắt. Nó lấy chồng chưa được một năm. Tội nghiệp, đôi mắt của bà Vạng, từ ngày ấy díp hăn lại không khỏi được. Cho đến bây giờ thì lòa hăn. Ở hai bên con người, nổi lên một cái màng trắng. Trông cái gì cũng tối ngòm ngòm.

Hời là một đứa ngoan. Anh đi dệt cửi mướn nuôi mẹ. Hai mẹ con sống như thế, với thỉnh thoảng có một món tiền của sếp Từ gửi về, cũng có thể gọi là tạm đủ. Và Hời lại chí thú chơi được một bát họ tám chục. Mỗi tháng góp hơn hai đồng, ba mươi tháng thì dốc ống. Hời đã đóng được gần hai mươi tháng rồi. Nếu nói đường ngay, rồi tất Hời cũng lấy được Ngây. Tháng

Chap sang năm đóng hết họ, là chàng đã đủ tiền để cưới một con vợ hẳn hoi. Nhưng chàng yêu Ngây mà Ngây lại đương có người hỏi. Chàng tin Ngây sẽ chẳng bằng lòng lấy thằng Khôi. Song chàng lại ngai ngại mừng tượng như sẽ có một sự gì rẽ duyên của chàng, nếu chàng không hỏi Ngây ngay bây giờ. Ấy là cái tâm lý của một gã có người yêu nhất đời đương bị có kẻ dòm ngó. Anh lo. Anh sợ. Anh tính toán. Anh băn khoăn. Và cuối cùng những nỗi lo sợ bối rối ấy đưa đến cho anh sự mạnh dạn, khiến anh dám ngỏ nỗi niềm tâm sự của mình cho mẹ rõ.

Nghe con nói, bà Vạng mỉm cười như mếu:

- Việc nhân duyên của mày, bầm đã nghĩ đến từ lâu. Chẳng may, vận hạn trong nhà mấy năm nay đầy thôi. Nhà ta thì nghèo; anh mày thì đi làm xa đồng đất nước người; con em mày ăn cướp công mẹ, bầm không muốn nói đến nữa. Bây giờ có mỗi mình mày ở với bầm. Cửa nhà vắng vẻ. Không phải là kén, nhưng bầm phải suy kỹ. Chỉ sợ lấy phải chỗ càn cao càn thấp, nó về nó lại ỏe hợ nhà mình.

- Nhưng nhà ông Nhiều Thục cũng...

Bà Vạng ngắt lời con:

- Nhà ông Nhiều Thục với nhà ta thì cũng được. Cùng chỗ sàn sàn cả. Mắt mũi bầm bây giờ kém cỏi, nhưng ngày trước bầm trông cái Ngây cũng đầy đặn phúc hậu đấy. Chỉ hiềm nổi thẳng trưởng Khiếu nhà nó hư hỏng.

- Ông Nhiều đã đem trầu cau ra đình từ nó rồi.

- Phải, con cái gì ngử ấy.

- Bầm đừng ngại...

Bà Vạng cười:

- Là bầm nói thế thôi. Việc của nhà ta lại đi một nhẽ khác. Hôm nào, mày qua nhà ông Nhượng bảo mời ông lại chơi lại xơi nước.

Mỗi khi có việc gì cần, bà Vạng thường cho con đi mời ông Nhượng đến chơi “xơi nước”. Nói thế ông Nhượng đủ hiểu. Ông Nhượng là em ruột ông Vạng. Khi ông Vạng mất thì ông Nhượng hãy còn trẻ tuổi và nhàn vi lắm. Nhờ cái tính thật thà cẩn thận, chặt bóp của ông, bây giờ ông cũng khá. Trong nhà cũng có được mấy chục bạc vốn, một khung cửi và nuôi được đôi lợn. Ông hàn gấn đến nỗi, mỗi khi ông ra ngõ, thấy có sợi tơ vương ở bụi cúc tần, ông cũng vội chạy ngay về nhà, lấy cái lông ra quay sợi tơ vào ống. Làm việc gì, ông cũng mở lịch. Ra cửa đi đâu, ông dừng bước lại, trông ngược trông xuôi, xem có phải là gặp đàn ông thì mới đi. Tháng tháng, cứ sáng ngày mồng một, ông lại gọi thằng bé con bên nhà hàng xóm sang “xông” nhà. Mỗi lần thế, ông cho thằng bé một trinh. Có cái bổng ấy, sáng mồng một tháng nào nó cũng hí hỏn sang. Đó mới chỉ là những cẩn thận rất thông thường. Một lần kia, chẳng biết có việc đi đâu ra đồng, ông trông thấy một toán lính tập đội mũ vàng, đi giày kệt kệt, có dắt cả ngựa, cả xe đạp, sắp trẩy qua làng Nha. Ông nhón nhác đi rất nhanh - đi nhanh chứ không dám chạy - về nhà, đóng sập cửa lại, ngồi hút thuốc lào, nghe ngóng. Khi tiếng giày cộp cộp, tiếng nói bí bô đi đã xa, ông mới mở cửa.

Bà Vạng tin ông Nhượng lắm. Hời bảo, ông đến ngay. Hôm ấy, Hời đi dẹt cửi vắng. Bà Vạng đem chuyện bà định hỏi cái Ngây cho thằng Hời ra nói.

- Nó đã nhón. Xem ý ra con trai nhón có vợ con thì mới đứng đắn, chăm chỉ làm ăn được. Mà nhà neo người, mắt tôi kém, chẳng nói tắt ông cũng rõ. Tôi muốn lo cho nó đám ấy, ông nghĩ sao?

Ông Nhượng rít một hơi thuốc lào, đờ đẫn nhìn khói thuốc, rồi chiêu một ngụm nước. Đoạn ông nói:

- Cũng được đấy. Món ấy kháu. Làng ta, không phải mấy cô con gái nhà giàu đông đa đông đánh, thì món ấy vào bậc khó rồi. Nhưng chỉ hiềm nổi thẳng trưởng Khiếu hư.

- Ấy, tôi cũng đã nghĩ đến chỗ ấy. Nhưng nó cũng đã có vợ con, ở riêng ra rồi. Vả lại, nó còn ít tuổi, nông ngáo.

- Cái ấy cũng được. Cái giấy “cáo bạch” đạo nọ cũng của nó dán.

- Giấy gì?

- Cái vè nói xấu ông Nhiều Thục.

- Chết chữa! Tôi chẳng biết gì.

- Ông Ba Cấn bảo với tôi rằng chính thằng trưởng Khiếu dán cái giấy ấy.

- Con nhà trời đánh nhĩ!

- Tôi nghĩ nên hỏi cái Ngây cho nó là phải. Những điều kia khác thì cũng nên bỏ đi. Nếu có kể thì phải kể cả rằng ngày xưa, ông cụ hai đời nhà ông Nhiều đi ăn trộm bị đâm chết ngay trên nóc nhà. Thời buổi Tây Tàu bây giờ cái gì cũ là nhàm rồi. Bà thì già, mắt mũi không có. Việc này tôi vẫn định bảo bà từ lâu. Thế chẳng biết thằng Hời có bằng lòng không?

Bà Vạng tủm tỉm:

- Xem ý cu cậu thích mê.

- Phải, đời bây giờ có thỏa thích đôi bên mới hay. Thờ các cụ ta ngày xưa khác. Bà cứ lo đi, tôi chả có nhưng cũng xin đỡ cháu ít nhiều.

- Được thế thì còn gì bằng. Nhưng tôi lo nhất cái chuyện tiền. Định mới nói qua loa với ông là chỗ người trong nhà đấy thôi.

- Định gì nữa? Có ai lấy vợ cho con lại để dành tiền sắm bao giờ. Cứ lo đi. Rồi mai một vợ chồng chúng nó bảo nhau làm ăn. Bây giờ tôi hãy làm cái việc đánh tiếng trước, xem sao đã. Rồi mới đến hỏi han so đôi tuổi tác, việc nọ việc kia chứ.

Bà Vạng sung sướng bùi ngùi:

- Trăm sự nhờ ông. Tôi mặc ông đấy. Chú cứ lo thế nào cho cháu đẹp nhà đẹp cửa thì lo.

Ông Nhượng vừa khẽ gõ điếu, vừa nói:

- Tôi bạn với ông Ba Cấn. Ông Ba Cấn lại là người thân nhất của ông Nhiều Thục. Nhờ trời, có nhờ được.

Ông Nhượng hút một điếu thuốc nữa, rồi mới đứng dậy ra về.

Giá Hời mà ở nhà, nghe lỏm được câu chuyện của chú với mẹ mình hẳn sướng phổng mũi.

Dù nhà không có tiền sẵn, nhưng cũng cứ lo. Nhà nghèo lo được việc gì thì lo dần, chứ ngần ngại trù trù thì chẳng bao giờ xong được. Ông Nhượng nghĩ thế tất nhiên là Hời đồng tình ngay, và đến cả bầm Hời cũng nghĩ như vậy.

Ông Nhượng đến chơi nhà ông Ba Cấn nói ướm câu chuyện trăm năm của cháu mình thì được ông này hoan nghênh ngay. Ông bằng lòng giúp ông Nhượng, nói hộ với ông Nhiều Thục. Và ông bảo rằng chẳng cần mối lái gì nữa. Vì đối địa vị, ông cũng có thể ví là một ông Nhượng đáng tin cậy của bà Vạng, đối với ông Nhiều Thục. Ông Ba Cấn nói với ông bạn:

- Cháu Hời hử? Được, được. Tôi nói vào một câu là được. Chỗ ông với tôi, với bà Vạng, với ông Nhiều Thục, cùng như anh em chị em cả.

Rồi ông ngửa cổ lên cười ha hả:

- Chúng mình cứ được đánh ngã vài chai bố là đủ thích rồi!

Ông Nhượng dặn:

- Ông nhớ hỏi rón trước hộ cái tuổi của cháu Ngây đằng ấy để tôi về so xem.

- Cái ấy là cần nhất, tôi nhớ rồi.

Mười hôm sau, ông Ba Cấn đến chơi nhà ông Nhiều Thục. Ông Nhiều đánh đụng được một đùi thịt chó bên hàng xóm. Hai ông ngồi nhắm rượu với nhau. Rượu đã ngà ngà, ông Ba Cấn khơi mào:

- Cái Ngây năm nay nhớn rồi...

- Còn gì nữa! Hai mươi đấy. Ông xem có đám nào, tôi tổng khứ.

- Được rồi. Tôi đương định nổi đuôi thần lần đây.

Rồi ông nói chuyện về ông Nhượng, về bà Vạng, về Hời. Ông Nhiều ngồi xoe quần lên tận bẹn, vừa tộp rượu, vừa nhai thịt chó luộc chấm muối... Ông cứ gật lia gật lia:

- Xong! Xong! Tôi tổng khứ ngay! Tổng khứ ngay!

Bữa ấy, ông Nhiều say rượu. Hôm sau, lúc ông Ba Cấn đến để nói lại câu chuyện hôm qua cho chắc chắn, thì ông Nhiều đã tỉnh, và ông ngần ngừ:

- Thằng Khiếu nó nói bô bô với làng nước rằng con Ngây tăng tịu...

Ông Ba Cấn gạt đi:

- Tôi đã bảo ông là nó muốn ông giết cái Ngây để ông mất làm ăn nên nó mới đặt điều ra thế. Cái “giấy” cũng ở nó. Mà cái câu xấu xa kia cũng ở nó. Con ông chí tình hại ông. Tôi biết rõ thế.

Thực tình, ông Nhiều cũng khôn chán. Từ khi có cái “cáo bạch” dán ở cổng đình, và từ hôm thằng trưởng Khiếu nói loạn lên rằng con Ngây hư hỏng thế nọ, con Ngây hư hỏng thế kia, thì ông sợ lắm. Ông chỉ sợ con gái ông ế chồng. Rồi ông đâm ra ngại cả sự có một đứa con gái lớn ở trong nhà. Miệng tiếng của thiên hạ bây giờ ghê gớm lắm. Ông đã phải một đứa không ra gì rồi. Bởi vậy, nghe ông Ba Cấn nói, ông cũng xuôi xuôi lòng. Nhưng ông còn băn khoăn:

- Có mỗi mình nó là đầu sai chợ búa, cơm nước.

- Thì khó đâu. Ông lấy vợ cho thằng Toàn đi. Cao tầy cột đình rồi đấy, còn bé bỏng gì nữa!

Ông Nhiều ngẫm nghĩ và phục lời ấy là phải. Ông nói:

- Thôi được. Hôm nào ông mời ông Nhượng lại tôi chơi.

Ông Ba Cấn về rồi, ông Nhiều xuống nhà ngang, nói chuyện với bà Ba. Bà Ba nói:

- Nên, ông ạ. Thằng ấy hiền lành mà ngoan đáo để. Gặp tôi đâu cũng chào. Nghe nói nó cũng chịu khó làm ăn. Con trai cứ hay làm là biết thương vợ thương con. Bà Vạng, chỉ phải nổi mắt mũi trời bắt tội, chứ bà ta cũng là người khá.

Thế là ông Nhiều bằng lòng trọn cả mười phần. Lúc ấy, Ngây cũng ngồi quay tơ gần đó. Nhưng tuyệt nhiên, ông không nói một lời nào với con gái. Như là ông nói câu chuyện với bà Ba không bận gì đến Ngây vậy. Ông cho rằng cái bốn phận của nàng là bốn phận phải vâng lời. Mai kia, chốc nữa lúc nào ông muốn nói thì ông nói, không lúc nào là muộn.

Song nàng Ngây đã nghe lỏm được tất cả. Và tất cả những việc quan trọng giữa những người lớn của hai nhà, nàng cũng đã biết hết. Do Hời nói chuyện với Bướm, và Bướm thuật lại cho nàng nghe. Nhưng chẳng lần nào Bướm nói lại chuyện trưởng Khiếu đánh Ngây và lời đồn bên Thượng nhà lý So có đánh tiếng sang hỏi con gái ông Nhiều, chẳng biết là thực hay là Bướm đã nói dựng đứng lên thế.

Một hôm, có một đám ăn hỏi đi vào xóm Giếng. Một thằng bé con mặc áo chùng thâm, bụng cái khay, trên để hai chai rượu trắng. Sau lưng thằng bé ấy có một thằng bé lớn hơn, cũng mặc áo dài đội một cái mâm gỗ sơn đỏ, trên đặt một buồng cau to và hai lọ chè. Một mảnh vải điều phủ lên trên các lễ vật đó. Có hai người đàn bà ăn vận tề chỉnh và một ông đứng tuổi che ô đen đi theo. Những người trong xóm thì thảo với nhau:

- Đám hỏi cái Ngây đấy.

- Lão Nhượng đi dẫn hỏi cho cháu.

Có người độc miệng:

- Ăn nằm với nhau rồi, việc quái gì phải vẽ vờ hỏi hiếc che mắt thế gian!

Chiều hôm ấy, Ngây và Toàn đã chia cau cho các nhà bà con quen thuộc trong xóm. Toàn cấp thúng, cầm cái gậy đánh chó, tung tăng đi trước chị. Ngây bước nhẹ nhàng. Trời không nắng, trời cũng không hanh, mà đôi má nàng hồng hồng.

VII

HÒI NÉM ĐÔI QUỐC TRE BÊ BẾT BÙN vào một xó nhà. Mới mưa xong, con đường sang bên lão lý Chi lội quá, bùn ngập đến mắt cá chân. Bà Vạng ngồi ở đầu hiên nghe tiếng con về, hỏi:

- Thế nào? Ông Nhượng đâu?

- Ông Nhượng đi ăn cỗ hàng tròm. Không xong, bầm ẹ.

- Giá cứ như một mình lão lý thì ông Nhượng nói cũng xuôi. Nhưng vợ lão nhất định bắt bầm hay con phải ký giấy gán đất làm tin thì nó mới cho vay năm chục.

Hời nhìn mẹ, cắn môi. Việc chạm ngõ, việc hỏi thế là xong. Bây giờ đến lo cưới.

Bởi vì ông Nhiêu ngỏ ý muốn cho cưới ngay. Ông thách một thúng gạo nếp, một thúng gạo tẻ, một con lợn và hai mươi đồng bạc mặt. Phần nhà trai thì phải lo sắm sửa cho cô dâu. Ông Nhượng cũng bảo nên cưới năm này. Ông đã so đôi tuổi, và mở sách ra xem, Ngây lấy Hời hợp lắm. Nhưng chỉ hợp tuổi cưới năm nay, nếu không, để hai năm nữa mới lấy nhau được. Chẳng ai muốn hỏi vợ rồi để lâu như thế mới cưới.

Các cụ nói chẳng câu nào bỏ đi. Cưới vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha.

Đáng lẽ cứ theo ý ông Nhiêu thì ông cho cưới vào tháng Mười một. Bởi tháng Mười thì ông cưới vợ cho thằng Toàn. Ông giữ ý như thế, khỏi để người ta nói rằng nhờ tiền cưới con gái mới lấy được vợ cho con trai. Song ông Nhượng lại bảo cưới tháng Mười một không được, tháng Mười một là tháng tuổi của Hời. Phải cưới vào tháng Mười. Bởi vậy, ông Nhiêu Thực định lại rằng cưới thằng Toàn đầu tháng, cho cưới cái Ngây cuối tháng.

Hời lo tiền cưới. Cứ kể ra anh có cái món tiền họ tám chục ấy nhưng anh không muốn mua non. Anh là người hay lo xa. Anh định cái món tiền đóng đó để làm vốn về sau của hai vợ chồng. Tiền của anh dành dụm, cốp nhặt cũng được một chục bạc. Tiền của bà Vạng giữ lại, mỗi khi anh sắp Từ gửi về cho, bây giờ cũng được ngót một chục bạc. Ông Nhượng lại hứa cho cháu đúng một chục. Nhưng ông kiêng, không cho trước khi cưới, mà sẽ đưa lúc hai vợ chồng cần tiền làm vốn. Bởi vẫn có cái hèm rằng đưa tiền cho đám cưới thì sái. Có như thế, chỉ cần độ vài ba chục nữa là vừa. Và ông Nhượng định bầu chủ cho cháu vay tiền nhà lý Chi. Song cứ như cái tình hình lúc này, thì không xong.

Lý Chi thuộc vào hạng những mặt khá trong làng. Làng Nha không có ai giàu, chỉ có ít người khá giả thôi. Lý Chi mới độ năm mươi. Nhưng cứ thích người ta gọi mình bằng cụ, cụ lý hào.

Vợ lão là người đàn bà tài đảm, chỉ ra đời bằng cách đi quay tơ mướn, như cô Bướm. Mụ quay tơ. Chồng mụ dệt cửi. Để dành được ít vốn, hai vợ chồng làm một khung lĩnh. Gặp năm đất hàng, vợ chồng phát to. Mụ làm nhà, cưới vợ cho con, mua lý hào cho chồng. Mụ cho vay lãi, nhưng ai vay, mụ cũng bắt người ta viết gá là cầm nhà, cầm đất cho mụ. Những món tiền nhỏ, nếu chậm trả, lãi nẩy ra chóng như sen Nhật nở. Lãi lại đập vào gốc. Chẳng bao lâu, cái gốc to lên lù lù. Nặng quá, không thể trả được. Do đấy, mụ có nhiều nhà, nhiều đất trong làng.

Lão lý Chi vốn là người hiền lành và cổ quái. Cái đức sợ vợ với cái đức ở bản của lão ngang nhau. Lão sợ vợ là vì thói quen, là vì cái tước “lý hào” của lão do vợ mua. Thường vợ lão vẫn

túm râu lão, nhốt vào buồng cầm phất trần đánh chơi. Cả làng ai cũng biết. Bởi sự đã nhàm, nên khi nghe ông lý Chi, ở trong buồng tối, rên ầm ừ và khóc hu hu, cũng chẳng ai ngạc nhiên. Ông khóc rồi ông lại nín, có làm sao và có hề gì ai đâu. Cho nên ông có một tên nữa là ông lý Quập. Còn cái đức ở bản của lão thì có lẽ do tính trời phú cho.

Lão thường kể rằng từ năm vua Khải Định ra Hà Nội chơi đến giờ, lão chỉ mới tắm có vài bận. Không hiểu vì lẽ gì mà cứ mỗi lần tắm, lão lại ốm một trận tưởng chết. Mười mấy năm nay thì lão chưa hẳn tắm. Những ngày mùa hè có nắng to, lão chỉ rấp cái khăn mặt ướt lau mình. Có một điều kỳ lạ là trông người lão cũng trắng trắng, chứ không vằn ám lên những đốm. Nhưng một đôi khi, ngồi nói chuyện với người ta, buồn tay lão gãi gãi thường xoe được những viên đất to bằng hạt ngô nếp. Lão co móng tay, gẩy tách đi một cái. Còn lão có hơi nách không thì ít ai rõ. Vợ lão cũng chỉ chửi và đánh lão những tội lỗi đâu đâu, chứ không hề hạch đến tội ở bản. Bà lão cũng cho là cái việc trời sinh ra thế. Bởi bà vẫn nói: “Lão nhà tôi mà giờ chứng ra tắm là giờ chứng chết đấy!”.

Ông Nhượng có quen thuộc buôn bán với bà lý Chi. Ông đã hỏi vay hộ Hời từ hôm nọ. Nhưng bà lão nhắc ông bảo Hời đến. Hôm nay Hời đến thì bà lão nói:

- Tôi cho bác vay năm chục. Nhưng bác phải làm giấy đoạn mai cho tôi chỗ đất nhà bác. Gọi là làm giấy cho phải phép với nhà nước thôi, chứ đến cuối năm bác tính toán trả tôi cả gốc lẫn lãi, hay là bác trả góp tháng cho đến hết, thì tôi lại viết sang trả bác.

Ai đi vay cũng biết rằng đấy là một cái bẫy. Anh Hời và ông Nhượng đành cáo thoái. Hẹn rồi sẽ đến trả lời sau. Nói cho có có thể chứ, Hời còn đến cửa nhà ấy làm gì nữa, khi Hời không muốn mất nhà.

Từ lúc con về nói như vậy, bà Vạng không bàn thêm một câu nào. Ăn cơm chiều xong, bà mới bảo Hời:

- Bầm nghĩ thế này, có nhẽ tiện hơn.
- Bầm nghĩ sao?
- Mai mày thử sang bên anh thơ Bảy.
- Sang Bắc hử?
- Có nhẽ được đấy. Mà lại nhẹ mình, chẳng phải nói khó với ai.

Bà Vạng đã nghĩ đến nhà chồng người con gái xấu số của bà ở bên kia sông. Nó làm thư ký trong làng, nhà nó có hai trâu cày. Nó lại tử tế, thỉnh thoảng vẫn sang chơi với bà. Vả, tiện hơn nữa là, nó vẫn chưa tục huyền. Vì hết trở vợ, thơ Bảy lại phải chịu ngay tang ông bố.

- Hôm nay đã là hai mươi bảy tháng Chín. Phải liệu viện phiên phiên đi thì vừa. Mày sang bên ấy, có thể nào, sáng ngày kia về sớm, đừng có ở nấn ná như mọi khi mà nhờ cả công việc đấy.

Hời cũng thấy rằng công việc của mình sắp đến nơi rồi, nếu không mau mau tay thì nhỡ bét. Đến cuối cùng mới đi chạy tiền thì làng nước người ta cười cho. Mừng năm này là cưới thằng Toàn. Thằng Toàn lấy cái Lua. Toàn mười bốn, cái Lua hơn Toàn đúng năm tuổi. Nếu Ngây về nhà chồng thì ở nhà cần người làm lắm. Cưới là cưới người về làm đấy chứ. Vả lại, Lua là bạn Ngây, Ngây biết tính nết nó.

Song Ngây chẳng biết Lua đã yêu anh Thìn, người bên xóm Lẻ. Cái chuyện tình ấy vừa chớm lên, chưa mấy ai rõ. Thìn mới chỉ rủ được Lua ra đồng nói chuyện có một buổi trưa. Đồng vắng mà lúa tháng Chín thì cao ngập đầu người. Hai người ngồi ở vệ ruộng tay tần mẩn bứt cỏ nói chuyện băng quơ. Mới có thể, và Lua mới chỉ cười tí hai mắt lại. Thế rồi bỗng nhiên làng nước người ta nói rằng ông Nhiều Thục sắp lấy cái Lua cho thằng Toàn. Đến đầu tháng Mười này thì cưới. Thìn choáng người, cơ hồ như có ai giội cả một chậu nước lạnh vào cổ. Thìn đón Lua để hỏi. Nàng bùi ngùi mà rằng:

- Thầy u em bắt buộc.

- Thăng Toán bé bằng cái nhép ranh mà em cũng bằng lòng à?

- Thừa anh, chỉ vì thầy u em bắt buộc.

Thìn im, không hỏi nữa. Hai người bạn yêu chia tay nhau lần cuối. Anh chàng biết ngay thôi thế là mình thất vọng vì tình rồi. Giá có gắng nữa, chắc nàng cũng chỉ nói độc một câu buông lỏng ấy. Mảnh tình nhỏ bé của anh Thìn bay nhẹ lên trời. Thìn buồn lắm. Mấy bữa sau, nhân có giấy sức về làng gọi lính khố xanh, Thìn liền vào phủ đi tuyển và được trúng cách ngay. Người ta đem chàng lên tỉnh tập vác súng và đi ắc ê. Chàng cũng đương muốn được đi đâu khỏi làng Nha cho khuất mắt.

Thìn cũng là bạn của Hời. Nhưng khi Thìn đi vào lính, Hời vội, chẳng chạy lại hỏi thăm được. Chàng còn vội bao nhiêu việc nóng. Đại khái như cái việc mẹ bảo anh sang nhà anh thơ Bảy bên Bắc để hỏi vay tiền.

Sáng hôm đi sang Bắc, Hời tạt lại đằng nhà ông Nhượng, để nói chuyện cho ông rõ. Và để bảo con bé nhà ông Nhượng lại ngủ và thổi cơm cho bà Vạng.

Bác trạm tráng lò khò dặt cái xe đạp đi vào làng Nha. Ấy là người đưa thư của hàng tổng. Bác mặc áo vải vàng, quần nâu, đầu đội chiếc nón chóp đã rách toét, như dính những lông gà, lông vịt. Đôi guốc gỗ mộc ở chân, có hai cái quai đen bằng lốp xe đạp cao tới gần một gang tay. Những xỏ vào chân cũng đã nặng. Mặt, và hai mu bàn tay bác đen sạm. Ở tất cả người bác tiết ra một cái màu gì mốc trắng trắng. Đó là màu bụi đóng, màu nắng dãi và màu mồ hôi kinh niên.

Bác dặt cái xe đạp và đeo trên lưng chiếc bì khố tải, trong đựng các thư từ giấy má. Chiếc xe đạp ấy cũng như bác, đen dũi và ngẩn ngơ. Có nhiều thứ đồ máy móc ở trên xe đã được thay cẩn thận. Ví như hai miếng cao su ở phanh thì là hai mảnh lõi rế. Cái ghi đông ngồng ngoèo không còn là cái ghi đông bằng sắt ngồng ngoèo, mà là một cành duối rất cẩn được đẽo, gọt, hun bóng lên rồi cắm thực chặt vào cái nõ xe. Có sao đâu! Ngồi lên xe, bác vẫn có thể dễ dàng lái sang bên phải, lái sang bên trái như chơi. Cũng vì cái xe đạp ấy mà bác đưa thư đã làm cho một cô con gái ấp Đông tương tư lẫn lóc. Hời bấy giờ, xe đạp còn hiếm lắm, ở vùng này. Có ông chánh tổng lý trưởng, bác trạm tráng, ngoài ra chẳng một ai có xe đạp. Mỗi khi nghe tiếng chuông kính coong lanh lảnh ở ngoài vệ đê, hàng đàn trẻ con chạy theo xem. Bác trạm ghéch cái xe ở đâu, cũng có người đứng ngắm nghía. Lũ trẻ thì quay cái bê đan trở lại để được nghe những tiếng kêu tạch tạch. Ai cũng tấm tắc khen ngợi và phục bác trạm, ngồi trên cái xe có hai bánh dựng đứng một chiều, chỉ đạp đạp có mấy đạp mà đã chạy ve ve biến bóng đi rất xa. Thuở ấy, bác trạm còn trẻ. Bác làm việc đưa thư cho nhà nước hơn mười năm rồi. Mỗi hôm, bác ra trạm phủ lĩnh thư rồi đi phát khắp hàng tổng. Bác làm việc từ khi những người trong làng còn ngơ ngác về sự làm ăn của bác. Bây giờ thì đã thường. Bác chỉ là anh phu trạm đi đưa thư cho những người đi xa, nhờ nhà nước mang hộ. Thế thôi.

Ngày trước mỗi lần bác phu trạm đi vào trong ấp Đông qua một ngõ xóm có nhiều rặng cúc tần, nghe véo von có tiếng con gái hát:

Thương nhớ ai ra ngẩn, vào ngơ

Đêm quên giấc ngủ, ngày mơ trận cười.

Đêm năm canh, ngày sáu khắc, chàng ơi!

Chàng cười nửa miệng, thiếp tôi vui nửa lòng.

Đầu tiên, bác cũng không để tâm. Sau, thấy câu hát buổi nào cũng láy lại một cách mãi mê như thế, bác mới để ý. Và một hôm, bác nhìn qua lũy cúc tần xanh rờn giăng mắc những sợi tơ hồng vàng óng thì thấy có đôi mắt đen lay láy nhìn ra. Từ ấy hai đôi mắt thường gặp nhau. Cũng từ ấy, người ta thấy bác trạm tráng hay chải đầu mượt và mỉm cười. Năm sau, bác cưới người con gái ấp Đông. Vợ chồng ở với nhau được ba năm, đẻ hai lần nhưng đều bỏ cả. Rồi bác trạm gái theo người nhà ngược lên Chũ buôn củ nâu. Và bác trạm gái lấy chồng khác trên ấy, không về với bác trạm tráng nữa. Bác trạm trai biết vậy, do những người quen về kể chuyện, nhưng bác

cũng chẳng có dịp nào lên tìm tận Chũ, bác bận việc quan luôn luôn. Rồi bác cũng lấy vợ khác. Người đàn bà này sinh với bác một thằng con trai. Hiện bác gái đang ốm tê liệt giường liệt chiếu từ tháng Hai tới giờ. Ấy là những đoạn tình buồn của bác phu trạm làng Nha.

Hôm nay, bác dắt xe đạp vào làng Nha và rẽ về xóm Duối. Chó ở trong xóm nghe tiếng xe ranh rách tạch tạch, cắn inh lên. Bác đi ngoắt vào một cái ngõ trồng dừa, lá xanh lửa tủa, qua gốc cây đề, qua lạch nước trên bắc một hòn đá tảng xanh lớn. Bác vượt cái cổng tán, vào trong sân nhà anh Hời. Con chó đen thấy người lạ, xổ ra cắn ăng ăng. Nhưng người ta tiến thì con chó lùi. Sau cùng nó thụt và lổ gạch tối om, chỉ thò cái mõm có hai hàm răng trắng tợn nhe ra chửi mắng người ta. Như đã quen lệ, bác trạm trắng bóp chuông. Cái chuông xe đạp kêu lộc cộc. Bởi cái chuông ốm bệnh rỉ và cái lá mía gãy.

- Có ai trong nhà không?

Cái Nhi - con ông Nhượng - thò đầu ra nhòm. Bà Vạng nghe thấy tiếng chuông xe đạp, run run hỏi Nhi:

- Ai thế hử cháu?

- Bác trạm trắng.

Bà Vạng chớp chớp mắt, thở mạnh ra.

Chắc bà cảm động lắm. Bà chào vọng ra:

- Chào bác trạm. Mời bác vào chơi trong này.

Bác trạm cúi đầu khom khom qua cửa. Bác ngồi xuống phản, cởi cái bao vải ở lưng xuống. Bác nhìn quanh, hỏi:

- Bác cả có nhà không, cụ?

- Cháu nó đi vắng.

- Có lơ-com-măng-đê Sài Gòn.

- Thư của cháu cả nhà tôi?

- Phải. Nhưng lơ-com-măng-đê cơ.

Và bác cắt nghĩa:

- Lơ-com-măng-đê là măng-đa, măng đa là tiền. Măng-đa năm kia cũng có đấy mà.

Nghe tiếng măng-đa, bà Vạng choáng người, chớp mắt liên liên:

- Thế hử? Cháu lại đi chơi sang nhà em nó ở bên Bắc.

- Chốc nữa có về không?

- Chắc là mai mới về được. Cháu vừa đi ban sáng.

- Thôi thì mai tôi đến. Com-măng-đê phải lên phủ lĩnh thư, rồi lên tỉnh lĩnh tiền đấy.

Trong khi bà Vạng và bác trạm nói chuyện, cái Nhi đã chạy tót về gọi bố. Ông Nhượng lật đật đến thì bác trạm đã dắt xe đạp ra đến đầu ngõ. Ông hỏi:

- Gì thế, bác trạm?

- Lơ-com-măng-đê Sài Gòn.

Rồi bác lại cầm cúi đi, cái nón lông gà ngật ra đằng sau. Bác lên nhà ông lý để giao thư. Phàm những thư từ gửi cho người làng đều do bác trạm đưa ông lý, rồi ông lý phát chuyển cho mọi người. Hôm nay bác đến nhà Hời trước, vì đấy là cái thư có măng-đa. Tiền của người ta, bác cũng hy vọng được chấm mút chút đỉnh.

Cả đêm ấy, bà Vạng trần trọc ngủ không yên. Bà mong Hời và nghĩ đến hai chữ măng-đa. Măng-

đa là những đồng bạc trắng tròn tròn, những chiếc giấy bạc thơm thơm của sếp Từ gửi nhà nước đem về cho bà.

Hôm sau, Hời về. Anh đi bộ từ lúc gà gáy tan canh đến lúc mặt trời lên khỏi ngọn tre thì tới nhà. Chú thơ Bảy đã hứa cho Hời vay mười đồng. Nhưng nửa tháng nữa thì hẳn mới sắp được tiền thóc và bấy giờ sẽ mang sang tận nơi. Hời vừa về đến nhà, bà Vạng đã thì thầm khoe:

- Có măng-đa Sài Gòong, mày ạ!

Chắc Hời cũng sung sướng ngang như mẹ... Bởi vì mắt anh sáng lên:

- Thế ạ?

- Hôm nay, bác trạm lại đến. Thế thì có tiền nhỉ?

Hời giảng cho mẹ:

- Bác trạm mang tờ giấy đến thôi. Ta phải đem giấy lên trạm phủ cùng với một người có giấy căn cước và ông lý. Bấy giờ mới lấy được măng-đa ra, lại phải đem măng-đa đi lên tỉnh với ông lý. Ông lý đóng triện, tôi điểm chỉ. Rồi sở Kho Bạc mới phát tiền, bầm ạ.

- Việc nhà nước, quái nhỉ? Cũng may, đương lúc nhà ta lo tiền. Nói lạy trời, thầy mày thiêng lắm. Thầy mày giục thẳng cả gửi tiền về cho đấy.

Hời mỉm cười. Trưa hôm ấy, bác trạm lại dắt xe đạp, đeo bì thư, lò dò đến.

Bác đưa cho Hời một tờ giấy chi chút chữ nho và quốc ngữ. Hời lại nhờ ngay bác trạm đọc. Hời nói pha:

- Biết chữ sướng thật. Đọc thoát một cái xong.

- Dễ lắm. Bác học đi. Chỉ có một tháng chịu khó là đã đọc được Truyện Kiều vanh vách rồi.

Bác trạm đọc rằng anh Hời phải lên trạm phủ lĩnh thư cùng với lý trưởng, cùng với hai người có giấy căn cước. Đại khái cũng như Hời đã biết và đã giảng nghĩa cho mẹ nghe.

Ngay hôm ấy, Hời cùng với ông lý Kha và bác bếp Trạch - một ông binh mãn khóa - ngồi xe tay lên phủ Hoài. Máy lần lĩnh thư, Hời đều nhờ hai người ấy nên đã quen. Ông lý Kha đi xe đạp trước. Hời ngồi cùng một xe tay với bếp Trạch. Đường xa chừng mấy cây số. Giá đi một mình tất Hời lẽo đẽo đi đất.

Vào trạm phủ, ông lý Kha áp triện, bác bếp Trạch đưa căn cước ra cho ông cai trạm xem. Ông này xem thực cẩn thận, biên lại rồi đưa ra một cái thư cho Hời sau khi Hời đã điểm chỉ vân ngón tay rất rõ ràng vào hai quyển sổ. Ông cai trạm bảo Hời:

- Bác lấy một cái căn cước có phải nhem việc không?

Hời khúm núm, lúng túng:

- Bầm...

Trở về đến làng, Hời biểu bác bếp Trạch năm hào. Bác bếp nhăn nhó cười, nói: “Vẽ chuyện!”, nhưng cũng cầm tiền, bỏ tốm vào cái túi áo bành tô vàng. Tối hôm ấy, Hời mời Thoại đến chơi. Anh đi mua chè mạn, pha một ấm đầy. Hời đưa phong thư ra cho Thoại. Cái phong thư, ngoài bì đề là tên ông Bùi-Văn-Từ, surveillant N.217, plantation Lộc-ninh, Thủ-dầu-một, gửi cho ông Bùi-Văn-Hời, xóm Duối, Hạ-nha thôn, tổng Vọng, phủ Hoài, tỉnh Hà-đông.

Thoại kê thư vào ánh đèn trịnh trọng đọc cho Hời và bà Vạng nghe. Thư rằng:

Lộc-ninh le 3 tháng Chín năm 193...

Thưa bầm,

Nay vợ chồng con cái nhà con là Từ có vài lời về thăm bầm với chú Hời được bình yên mạnh khỏe, làm ăn buôn bán phát tài thì vợ chồng nhà con lấy làm mừng lắm. Còn chúng con ở trong này nhờ ơn thánh tổ cũng được như thường. Sau con lại có nhờ hỏi thăm ông Nhượng, bà

Nhượng, các em con, vợ chồng chú Ba Ty, ngoài nhà bà Hiệt, đồng nội ngoại gia quyến trong họ ngoài làng đều được mạnh giỏi, vợ chồng chúng con mừng lắm. Sau con xin thừa chuyết tái bút để bầm biết rằng con gửi măng-đa này hai mươi nhăm đồng bạc về thì năm đồng để biếu bầm ăn quà, năm đồng cho chú Hời để dành làm vốn lấy vợ, năm đồng để mua thuốc đau mắt. Còn mười đồng thì bầm bảo chú Hời xem có cái linh thực tốt, mua cho vợ chồng tôi một tấm đăng dầy để nhà tôi mấy hai cháu may quần áo Tết. Trong này không có cái linh tốt như ở làng ta.

Bắt được thư này chú Hời đi lĩnh tiền rồi mua linh gửi ngay vào cho vợ chồng tôi. Cứ gửi com-măng-đê đề tên tôi vào sổ tôi thì thế nào tôi cũng nhận được.

Thư bắt tận ngôn

Kính thư

Kèm với lá thư, là tờ măng-đa vẽ hoa vàng và chữ đỏ. Thoại về rồi, bà Vạng bảo con:

- Ban chiều, ông Nhượng đến bảo rằng con mẹ lý Chi nó lại bằng lòng cho vay. Nhưng chỉ có mười đồng thôi. Lãi mười phân.

- Thế là bao nhiêu?

- Mười đồng thì mỗi tháng lãi một đồng.

- Chịu thôi, bầm ạ. Lãi thế thì bằng cửa cổ người ta.

- Mày rõ không biết liệu. Bầm thử tính cho mày xem nhé! Mười đồng của anh thơ Bảy, của nhà hai chục, hơn hai chục của anh cả mày gửi về đấy, hãy cứ mượn tạm, rồi ít nữa mua linh sau, hay là gửi thư vào cho anh ấy biết mày cưới vợ để có tiền gởi thêm ra càng hay. Thế là vị chi đi hơn năm mười đồng. Với mười đồng của ông Nhượng cho là hơn sáu mười đồng. Rồi nào tiền dẫn cưới, tiền lợn gà, để cưới một mình, không mời ai nữa phỏng? Chỉ biết đi ăn của người ta thôi ư?

Lại tiền may mặc cho cô dâu chú rể. Trăm thứ tiền đều tiêu vào đấy. Bầm đã bàn để nhờ ông bà Nhượng sang mua bán, khách khứa giúp tất cả.

Thế thì cứ cầm mười đồng của nhà lý Chi. Bằng mà không phải tiêu đến, ta trả lại cũng được cơ mà.

Thôi mày đi ngủ để mai còn dậy sớm lên tỉnh.

Tờ mờ sáng hôm sau, Hời đã lên đến tỉnh lỵ Hà Đông. Cố nhiên là đi đất. Ông lý Kha thì đi xe đạp thông thả đằng trước. Ông lý, đợi giờ hầu, dẫn Hời vào sở Kho Bạc. Hời đưa măng-đa, ông lý Kha đóng đồng triện nhận thực. Hời lĩnh đủ hai mươi nhăm đồng bạc giấy mới tỉnh tươm.

Ông lý Kha và Hời ra chợ Đợ, chén một bữa rượu thịt chó. Hai người cùng say chệnh choáng. Hời đưa biếu ông hai đồng. Ông không lấy, chê ít quá. Vì ông phải đóng những hai lần triện và phải lên phủ, lại lên tỉnh. Hời đưa thêm một đồng, ông mới bằng lòng.

Trở về, ông lý phóng xe đạp về trước. Hời đi đất lững thững. Bữa ấy, cao hứng, anh đi xe ghép với một tay lái bò, hết hai hào ruỡi, về tận cầu Phượng.

Hai hôm sau, bác trạm tráng lại đến. Vừa trông thấy Hời, bác nhoén miệng cười:

- Thế nào? Người anh em...

Hời đã hiểu. Anh vào mở chìa khóa cái hòm phản lấy ba hào, đưa biếu bác trạm tráng.

VIII

ĐÃ TOAN QUAY VỀ, Ngây chột nhớ còn nhà cô Khuyên, nàng chưa vào.

Nàng bảo cô em dâu mới:

- Vào nhà chị Khuyên nữa, thím Ba ạ!

“Thím Ba” tức là vợ thằng Toàn. Và tức là cô Lua, xóm Đình, bạn “cũ” của Ngây. Toàn vừa được cưới vợ hôm mừng năm vừa rồi. Nó cũng hơi thích. Nhưng thực tình nó thích ăn cỗ nhiều hơn. Còn ông Nhiều Thục thì cưới vợ cho con trai bé là để lấy người làm, Ngây cũng sắp về nhà chồng. Chiều hôm nay, Ngây và em dâu đi mời trầu các cô bạn. Nhà trai vừa cho dẫn cưới ban này. Tuy ông Nhiều thách khác, nhưng “đằng ấy” chỉ mang đến một thúng gạo, một con lợn và đồng bạc, thì ông cũng nhận. Thách chỉ để lấy tiếng với thiên hạ, chứ ai ăn thua gì sự cưới con gái.

Ngày mai đã là ngày cưới Ngây. Ngày mai, hăm bốn tháng Mười. Hai chị em đã đi mời khắp lượt. Chị Mơ xóm Lẻ. Chị Quý, chị Hợi xóm Đình, và còn quên chị Khuyên. Hai cô tong tả đi. Lua bưng cái tráp trầu trên để mấy bông hoa hồng đỏ. Đến nhà Khuyên, Khuyên đương quay tơ. Ngây lấy trầu cau ở trong tráp ra, đưa cho Khuyên và nói:

- Thưa chị, ngày mai thầy em cho em ra ở riêng, em có miếng trầu mời chị tối hôm nay lại xoi nước với thầy em, với em.

Khuyên cười. Hàm răng đen nhánh và đôi má đồng tiền lúm xuống.

- Chỗ chị em mình, chị lại vẽ. Nhưng tối nay thì quả em bận.

- Chị bận gì tối nay?

- Thực tình là em phải quay tơ vội để mai mắc cửi. Em đã bảo chị em mình thì em nói thật. Mai em sẽ xin đến làm giúp chị.

- “Đi” nữa cơ đấy!

- Vâng, đi.

- Thôi thế em về, chị cứ nhớ cho như thế.

Ngây lại tạt lên nhà để mời thầy Khuyên. Khuyên tiễn bạn ra tận cửa, các cô đứng nói chuyện riu rít một lúc nữa, rồi Khuyên mới lại quay vào.

Ngây và Lua về đến nhà thì trời đã tối sầm sẫm. Cả năm gian nhà, đèn thấp sáng trưng. Chốc nữa, sẽ có thêm một ngọn đèn treo ở ngõ. Cho sáng, để người đi lại khỏi vấp ngã. Người đến làm giúp đã nhiều. Đàn bà, con gái thì ngồi dưới nhà ngang tằm trầu. Vợ những anh những những nhỡ nhỡ như vợ cu Toàn, phải lúi húi vào bếp. Trên nhà, các cụ, các ông họp thành những bàn chẵn, bàn tổ tôm. Ông Nhiều Thục đứng ngoài hè, hò hét người nhà lấy nước, đun nước, và mời mọc, đưa đón tíu tít. Bà Ba và Ngây ở dưới nhà ngang tiếp các bà, các cô.

Trưởng Khiếu không đến. Chỉ có vợ và con hăn. Những cô bạn của Ngây cũng có cô không tới. Nhưng ai cũng gửi đồ mừng.

Ngây nhận được một đôi khăn mùi xoa lụa hồng viền xanh, thêu cánh hoa lan.

Một hộp sáp đỏ và thơm để bôi môi. Hai lọ nước hoa “con voi”, đáng hai hào ruỡi. Ngây hớn hở, cùng với Lua xem xét tỉ mỉ từng thứ rồi cất vào hòm.

Mới bảnh mắt, đã rộn lên những tiếng lợn bị chọc tiết, kêu eng éc ở dưới bờ ao. Lũ trẻ đương ngủ cũng vùng dậy, chạy xuống xem và rình lấy bong bóng. Người ta làm sớm, ăn cỗ vào buổi trưa. Vì nhà trai đã hẹn mười một giờ trưa thì rước dâu. Nghe tiếng lợn kêu, bà con hàng xóm đến mỗi lúc một đông.

Trong nhà, ngoài vườn, dưới ao ồn ã, rộn rịp, tấp nập lên.

Cổ bàn vừa ăn xong thì sắp tới giờ nhà trai sang đón dâu. Trong nhà gái, dần dần có một không khí trang nghiêm. Ai nấy đều ăn vận tề chỉnh. Trẻ con cũng được chít khăn. Ngây và Lua còn tíu tít đi lôi kéo, đón mời các cô bạn phù dâu. Người ta chờ đợi. Các cụ, các ông ngồi lên phản trên. Nói chuyện bông phèng vui vẻ. Bỗng có tin trẻ con chạy vào báo:

- Nhà trai đã đến gốc đa!

Và liên tiếp:

- Nhà trai đã đến cổng xóm.
- Nhà trai đã đến ngõ ngoài.
- Đông quá.
- Sắp đốt pháo đấy.

Mọi người rộn rục, hồi hộp, nghe ngóng. Đột nhiên tiếng pháo lạch tách giòn giã vang vang ở phía ngoài đầu nhà. Khói xanh bốc um lên. Lũ trẻ chạy thục nhanh ra ngõ, đóng sập luôn hai cánh cổng lại. Thằng Toàn đứng đầu bọn trẻ. Nó nói to vọng ra ngoài:

- Xin quan viên họ nhà trai năm dê.

Có tiếng đáp:

- Cứ mở cổng ra. Mười dê cũng sẵn.

Toàn không mở. Một đồng hào đôi trắng xóa đưa vào qua khe cửa. Toàn chưa bằng lòng. Lại ba đồng hào một nữa đưa thêm. Toàn đương ngần ngừ thì những đứa trẻ đằng sau lưng xô vào cướp, rồi chạy ra vườn. Toàn tức quá chửi loạn rồi đuổi ra vườn đánh nhau í ới, linh tinh cả lên.

Thế là đôi cánh cổng từ từ mở. Khói pháo và khói hương bay vào trước. Rồi đến một ông cụ không lưng, râu tóc bạc phơ, mặc tấm áo thụng xanh cũng bạc phếch, hai tay ôm một bó hương đen, quần giấy đỏ, khói lên nghi ngút. Cụ cầm hương đi cùng với mấy ông bà thuộc về những tay ăn nói sắc sảo bên nhà trai. Sau mới đến chú rể, các bạn phù rể và mấy cô đi đón dâu.

Chú rể Hời ăn mặc rất chững, nhưng nèn. Đầu chít khăn lượt, đội nón chóp có quai lụa. Áo the cặp áo trắng. Cổ còn là cứng đuồn ra. Chắc hơi đau, nên thỉnh thoảng cứ thấy ngo ngoay cổ. Trong lần áo, thấp thoáng dải lưng điều bỏ giọt. Quần chú cũng là cứng. Những quần áo phải gửi là từ mười hôm trước tận trong phố Phủ. Chân mang bít-tất nâu non vào đôi giày Gia-định mới, bóng ngời. Bởi chân chú nẻ miếng, khía ra xung quanh gót, nên phải trang sức kiểu cách mà có ý giấu giếm khéo như vậy. Các bạn, phần nhiều như anh Thoại, anh Lục, thì ăn mặc một lối như chú rể. Nhưng cũng có anh ra kiểu một mới. Ấy là anh Mẫn làm bồi ở ngoài tỉnh. Anh mặc áo sơ-mi trắng bớp vạt trước ngắn, vạt sau dài, so le nhau. Chân đi đôi giày tây có cổ màu gan gà, đầu đội cái mũ nời. Mắt đeo kính rộp. Điều thuốc lá ngậm lệch về một bên mép. Và răng anh trắng bóng. Người ta nói: “Anh Mẫn làng ta mặc một công tử Hà Nội!”.

Lại có anh Thìn, mặc quần áo lính, cũng đi phù rể. Thìn xin nghỉ phép về ăn cưới Hời. Tất cả người anh, từ cái áo vàng, khuy tết đóng giữa ngực, cái quần quần xà cạp xanh, cái thắt lưng da ngang sườn, cái chân đi đất, đều theo kiểu nhà binh. Nhưng anh không đội nón, mà lại chít khăn nhiễu tây. Người ta có hỏi cái chân đi đất của anh thì anh trả lời rằng: “Đi đất khỏe người lắm. Nhà binh ai cũng đi đất”. Và ai cũng tin ngay như thế.

Trong nhà, tiếng mời vang vang:

- Xin rước các cụ giải tọa.
- Xin rước các cụ xơi thuốc lá.
- Mời quan viên hai họ...

Chú rể cùng các bạn ngồi vào một chỗ. Gia nhân nhà gái bày ra hai bao thuốc lá Mê-li-a. Họ uống nước chè mạn, hút thuốc phập phèo và ăn trầu mუმ mუმ. Ở phần giữa, các cụ hai họ cãi nhau choang choang. Nhưng cãi nhau vẫn vẻ vui vẻ. Ở đây, người ta thì nhau trổ tài ăn nói. Ông Nhiêu Thục đứng bên phần, chắp tay trước bụng áo, ai nói cái gì, ông cũng: “Dạ”, “vâng”. Chốc chốc, ông lại chạy vào cửa buồng:

- Mau mau lên chứ, các cô. Sắp đến giờ rồi.

Bà Ba cũng tít lên, chạy ra lại chạy vào. Ở trong buồng, các cô bạn đang sắm sửa cho cô dâu. Khi họ nhà trai giục đến lần thứ ba thì các cô đã sắm sửa xong. Các cô bước khỏi buồng. Cô dâu ra lễ gia tiên. Người ta thấy đôi mắt Ngây đỏ hoe, nằng khóc. Các cô con gái, khi bước chân về

nhà chồng phần nhiều có những giọt nước mắt làm vị ấy. Không, đấy Ngây khóc thật. Bởi, lúc các chị em đương sắp sửa cho mình, thấy bố chạy ra chạy vào, nàng chột chạnh lòng thương mẹ. Nàng nhớ đến hôm cưới thằng Toàn, mẹ cái Lua sẵn sóc cho Lua từng ly, từng tý. Chao ôi! Mẹ nàng không còn được sống đến bây giờ để mà lo cho nàng về nhà chồng.

Sau khi ông Nhượng nói mấy câu xin rước dâu về, thì ông Nhiều Thục tiếp lời:

- Thừa các quan viên hai họ, bây giờ cháu còn là người nhà tôi, mà chốc nữa là con cháu các cụ bên ấy. Cháu còn bé dại, bầm cháu chẳng may về sớm, tôi gà trống nuôi con; cháu mà về bên ấy, có điều gì chưa biết, cũng xin các cụ thể tất đi cho...

- Nhịa! Ông cứ dạy vậy.

Bà Ba móc thắt lưng bao, lấy ra một phong giấy đỏ, đưa cho cô dâu mà nói:

- Cháu về nhà chồng, cô chẳng có gì cho cháu. Đây cô có cái yếm rãi gọi là của thơm của cô.

Đó là một xâu tiền năm hào, bà Ba để dành đã lâu. Ngây cảm động, bùi ngùi, man mác.

Đám cưới khởi hành. Lại vẫn cụ cầm hương đi trước. Bây giờ thêm vào đằng sau cùng một bọn đông những quan viên nhà gái. Ông Nhiều Thục ở lại nhà. Ông Ba Cấn và bà Ba, cùng mấy người nữa đưa cháu đi sang nhà trai. Cả Toàn cũng theo. Vì nó lắt nhắt, nên ít ai chú ý.

Đám rước dâu đi thành hàng dài. Trong xóm Giếng, ở hai ven đường, chật ních người xem. Người ta chú ý nhìn cô dâu. Nhìn lừng li, từng tí, dù đấy vẫn là cô Ngây thường ngày. Ngây đi giữa đám những cô Mơ, cô Khuyên, cô Bướm, cô Hoi, cô Quý và cả cô Lua. Ai cũng ăn mặc từa tựa như nhau. Khăn sa tanh vấn lằn, vắt vẻo cái đuôi gà. Yếm lụa thì cổ xẻ. Áo the, không đóng khuy, trong cặp áo trắng, áo màu hoa đào. Cô dâu thắt ra ngoài cái thắt lưng nhiễu Tam Giang. Chiếc dây xà tích bạc lủng lẳng, lách cách. Ở trong thêm cái thắt lưng hoa hiên. Ở trong nữa, lại còn đôi dải yếm lụa bạch. Đôi guốc nàng đi là đôi guốc mới, sơn then. Tuy hôm ấy dịu trời nhưng cũng nhiều cô đội nón. Cô dâu mang nghiêng chiếc nón Chuông to bằng cái mẹt. Để ít ai nhìn thấy, đỡ then. Nhưng sắc sỡ trong bọn nhất là cô Hiền, bạn cô Khuyên mà không quen Ngây. Cô này không phải người làng Nha. Cô ở trong phố phủ Hoài, con ông ký rượu Phong-ten. Cô mặc áo nhiễu tây nâu dài lướt mượt, đi dép Nhật Bản, chít khăn nhung. Mặt cô bôi phấn trắng bệch, tay cô cầm cái ô nhỏ màu hoa đào, giương lên thì khum khum. Đó là cô tân thời, ăn mặc diêm dúa như nhà trò.

Cả đám cưới đẹp đẽ, nhiều màu tung bừng đi ra cổng xóm Giếng rồi dọc theo bờ sông Lịch. Bóng người in xuống mặt nước rung rinh vỡ ra những mảnh hoa sắc sỡ. Lúc qua nhà trưởng Khiếu, những người đứng xem đám cưới nghe hắt hè nè giọng rượu, cứ đóng một trong nhà chửi đồng ra:

- Bố chúng nó chứ! Ông thèm nhờ vả gì đứa nào! Mẹ chúng nó chứ!

Về đến nhà trai, cỗ bàn đã dọn sẵn. Mâm gỗ la liệt trên các phản, ở dưới đất và cả ở ngoài sân. Mỗi mâm hai đĩa xôi lá diệp đỏ hây, hai đĩa thịt lợn luộc, một bát sáo cần, một đĩa lòng, một bát bung chuối, một đĩa dưa cải xanh, một liễn nước xuýt trắng nhờ nhờ. Rượu mỗi mâm một chai. Lại cũng còn nhiều rượu để xếp đầy ở gậm giường thờ. Đây là rượu của bà con đem mừng. Bà con đem mừng hai chai rượu hay là năm hào bạc. Có người cẩn thận, sợ mừng tiền thì nhà chủ không bằng lòng. Họ khăn áo chỉnh tề, đến cửa, nháy một người quen ra, đưa năm hào. Người kia đã biết hiệu, vào mang ngay hai chai rượu ra cho ông ấy. Ông ấy ung dung xách hai chai rượu vào. Để đánh tiếng, làm như ta cũng mua rượu mừng đây.

Cô dâu và chú rể lễ tơ hồng xong, rồi phải chèo kéo mãi quan viên họ nhà gái mới chịu ở lại ăn cỗ. Nhưng cô dâu chui vào trong buồng, ai gọi cũng không ra. Mọi người khởi sự ăn. Thực là một cuộc xô xát dữ dội. Ba gian nhà trên, các cụ, các ông ngồi chật ních. Chái bên phải, anh em phù rể và chú rể. Bọn các cô phù dâu phải bưng mâm vào buồng cô dâu. Bà Vạng cũng ngồi trong ấy. Mắt bà kém, không muốn ra nhà ngoài. Nhưng cô dâu cũng nhất định không ăn. Ngoài hiên suốt dọc, các bác đến làm giúp lúc này bây giờ ăn đỡ. Giữa sân một dãy những đàn bà và trẻ bé. Có mụ ngồi xem xếp, đứa con ngủ lắc lư trong lòng, mà cũng và lấy và để. Đàn bà, trẻ con

cả xóm kéo đến, ăn như trống đánh. Ăn xong, chúng chia nhau xôi thịt còn lại, lấy phần đem về. Ngoài cổng ngõ, lũ hành khất cũng được ăn. Từ thằng ăn mày, từ đứa trẻ con nứt mắt đến cụ cầm hương có bộ râu ba chòm, ai cũng uống rượu thả cửa. Khắp mọi chỗ, om lên những tiếng soàn soạt, sùn sục, cười, nói, văng tục văng rác ba hoa, lảng nhảng. Không khí rượu thịt sục bên. Những người nhà như ông bà Nhượng, anh thơ Bảy, chạy rối rít tiếp rượu, tiếp cơm, tiếp nước xuýt, tiếp dưa, tiếp nước mắt. Nét mặt ai cũng hớn hở. Vì có tốt, mới được làng nước chiếu cố đến ăn đông như thế.

Ăn uống xong, các chị em phù dâu đưa Ngây trở về nhà. Đến sâm sẩm tối, chị Bướm và bà Nhượng lại sang xóm Giếng đón cô dâu về. Cho tới bây giờ mới thật tan cuộc chén của các cụ. Mọi người lại chong đèn lên và bày ra trò đánh xóc đĩa. Người ta sát phạt ăn thua tận tình tiền bạc của nhau, mãi tới nửa đêm mới tàn. Ai còn thích chơi thì nằm vạ vật đầu đấy mà ngủ.

Anh Thìn, cứ đóng nguyên cả bộ quần áo lính khố xanh, cái khăn trật ra, lồng vào cánh tay, lưng khùng ra về, mặt và tai đỏ gay. Anh ngừng nhìn trời, thở dài. Rượu vào, anh buồn thắm thía. Vì anh xem ý cái Lụa chẳng còn tơ tưởng gì đến anh nữa. Nó không liếc anh cái nào. Nó vui như đứa trẻ bắt được của. Ô, anh Thìn khéo nghĩ vẩn vơ. Nó đã có chồng rồi mà! Anh nghĩ: “Thằng chồng nhãi. Ông chỉ đá một cái thì chết”.

Tự nhiên, anh sầu ỉn ỉn. Và anh cảm thấy rằng cái tình của đàn bà thì nhẹ, mà người đàn bà thì tệ bạc lắm.

Bấy giờ đã quá nửa đêm, mọi người đều ra về hết. Có mấy người ở lại nhà ngoài thì đã ngủ ngáy khò khò. Hời ra đóng cửa ngõ. Trông vào trong buồng, thấy ánh đèn le lói qua khe vách, anh mỉm cười một mình. Từ chập tối, các bạn và mọi người chế báng anh đủ điều:

- Đêm tháng Mười tha hồ dài nhé!

- Thích thật! Trời lại hơi lành lạnh...

- Sáng mai đừng có bạch nhật ra mới dậy mà làng bắt vạ đấy!

Còn nhiều câu bông lơn nhảm nhí nữa. Hời chỉ cười tùm. Và ngồi góc giường đằng kia, bà Vạng vừa sờ tay lấy miếng trầu, vừa cười mỉm một mình. Nhưng Hời không vào buồng - ai lại vào buồng thế! Anh làm ra lối ta đây không thích và không cần. Anh chúi vào đánh xóc đĩa với mọi người. Đánh bốn mà anh cũng thua mất chín hào. Anh thua là phải lắm. Bởi vì óc anh có nghĩ đến nước bạc chẵn, lẻ thế nào!

Bây giờ mới thực là anh đi vào buồng. Anh bước nhẹ tiếng guốc; lòng cũng nhẹ và như nháy nhót theo nhịp chân. Ngây ngồi ở góc giường về phía trong; quần áo vẫn y nguyên như lúc ban ngày. Chiếc đèn Hoa Kỳ để trên mặt cái hòm phấn, kê trước giường. Thấy Hời vào, Ngây đứng dậy, miệng hơi chúm chím, liếc nhìn Hời rất nhanh, rồi lại cúi mặt. Anh đèn loáng vào đôi mắt long lanh. Tự dưng, Hời thấy mình nuốt nước bọt. Anh quay lại, đóng cửa. Và anh hỏi Ngây, rất tự nhiên:

- Hầy còn thức à?

- Vâng.

Cái tiếng “vâng” vang ngân vào trong đêm khuya, tưởng như tiếng “lú” trong vắt của Hời buông tay đàn. Anh chàng mới cảm động làm sao. Người con gái kia là vợ anh đấy. Có một cái gì êm ái và thú vị thay. Hời ngồi xuống giường, ngáp khẽ nói một câu thứ hai:

- Suốt ngày hôm nay quần quật! Mệt quá!

Và lại tiếp theo:

- Những thằng ranh chế mình tợn ghê! Nhất là thằng Thoại. Rồi mai mình gõ cho... À... này... rửa chân chưa?

- Rửa rồi.

- Thế cởi bớt áo ra chứ?

Câu chuyện đến chỗ ấy mới được đối đáp có nhịp và đều đặn. Nhưng Hời vẫn cứ hỏi và nói trống không, chưa biết gọi vợ thế nào cho tiện. Ngây nhẹ nhàng cởi áo ngoài. Hời ngấm, đồ dẫn người. Nàng vắt áo lên thành giường. Chàng đón lấy:

- Để tôi cất vào hòm cho cẩn thận. Cả những cái gì thế này?
- Đồ của các chị mừng đấy. Chị Khuyên mừng đôi mùi soa. Chị Bướm lọ nước hoa. Chị Mơ hộp... Hời chẳng ai mừng gì cả. Không có gì để khoe, anh bèn đánh trống lảng:
- Các cô chỉ khéo vẽ trò con hươu.
- Chuyện! Chỗ chị em với nhau.
- Lúc này ai vào trái chiếu đấy nhỉ?
- Ông Nhượng.
- Thế hả?
- Ông ấy vừa trái chiếu vừa nói đến nhảm?
- Cái tính ông ấy vẫn thế.

Anh Hời vẫn mặc cái áo tấc lục. Mọi khi đi ngủ, anh chỉ mặc cái áo nâu rách cụt một tay. Có tiếng gà xa xa te te gáy. Hời bó gối, nhìn ngọn đèn nghĩ ngợi một lúc lâu rồi mới nói:

- Mơ ạ! Có mơ về thì sang năm, ta làm một khung cửa. Tôi chẳng đi dệt cho ai nữa. Nhà mình có mà làm vẫn hơn.
- Bao giờ nhà có mà làm chả hơn! Đi làm mướn còm còm đời nào khá được. Tôi vẫn bảo... cậu từ trước đấy chứ.

Bắt đầu, tay đôi rủ rủ nói nhiều chuyện làm ăn buôn bán với nhau. Cặp vợ chồng son này cùng nghĩ rằng họ sẽ có một cái khung cửa. Chàng dệt, vợ quay tơ. Ngày phiên, vợ đi chợ về, quà với tơ bỏ đầy đầy. Rồi thì này cái sân lát gạch, này cái bể đựng nước mưa mái khum khum, này cái ngõ có hai cột trụ.

Gà đã gáy dồn sang canh khác. Tiếng eo óc dậy lên khắp xung quanh. Chó sủa mơ hồ xa xa.

Hời vươn vai:

- Khuya lắm rồi đấy, mơ ạ.
- Có nhẽ đến gần sáng.
- Thôi, ta đi ngủ. Mai còn phải dậy sớm dọn dẹp, trả bớt mâm nôi bát đĩa của nhà người ta. Rồi về bên nhà ăn "lại mặt". Ồi, còn khối việc. Mơ mặc màn đi. Cũng có muỗi đấy.

Trong khi Ngây bỏ những cánh màn nâu xuống, giắt cẩn thận vào khe chiếu, Hời mở cái cửa sổ nhỏ ở cuối vách nhìn ra ngoài. Trăng hăm bốn đã lên, nhọt nhạt trên ngọn tre. Những tàu lá dừa ướt nhoáng ánh trăng, gió làm rung lên lạch bạch.

- Trông thấy giăng lại nhớ đến những đêm đứng đợi đằng ấy ở bờ rào... Kể mình cũng bạo thật!
- Cái chần của cậu cũng giống cái chần của tôi ở nhà.
- Hay là tôi ăn trộm về đấy?

Như chợt nhớ, Hời hỏi vợ:

- Có phải nhà thằng Khói đã sang hỏi lấy mơ phải không?
- Không.
- Vợ Thoại nói với tôi mà. Bảo mơ nói chuyện với các hần thế?

Ngây cười:

- Không phải. Dĩ thường chị Bướm nói dọa để cho nhà sợ đấy.

- Thế mà dựng đứng ngay lên. Mình lo cuống cả kê. Mình phải nói ngay với bà. Mà xong đấy.

Ở trong màn, Ngây phì cười. Hời đứng ngẩn ngơ, nhìn quanh quẩn lên rui nhà một lát rồi vạch cửa màn, chui vào. Bóng Ngây ngời tóc buông dài xõa xuống sau lưng. Phảng phất một mùi gậy gậy, thơm thơm, ngọt ngào và say say nữa. Hời khẽ lách lá màn, đưa tay ra chỗ cái hòm phản, kêu đèn nhỏ xuống. Ánh đèn bé, xanh xanh mờ hồ trong bóng đêm đen thẫm.

PHẦN THỨ HAI

I

MỘT BUỔI TỐI, mùa xuân năm sau. Làng Thượng tháng Ba vào đám lễ, có hát chèo.

Các nhà ở xung quanh mấy làng đấy, đều nghỉ dệt cử tối kéo đi xem. Vậy mà trong xóm Duối, ở một nếp nhà ba gian, hai chái giữa một khoảng vườn nhỏ, vẫn còn thấp thoáng ánh đèn và có tiếng dệt cử, có tiếng quay tơ. Ngó qua khe cửa liếp, người ta thấy một người đàn ông ngồi trên khung cử, cầm cúi đưa thoi. Thoi đưa liên liên, thoăn thoắt qua mặt cử vàng muốt. Chiếc đèn ba dây treo cạnh đấy, đủ sáng cả cho một người đàn bà ngồi quay tơ. Người đàn bà ngồi duối chân trên phản, tựa lưng vào cột, một tay giữ mối tơ, một tay xóc đều đều chiếc lồng. Cái lồng cuốn tơ vào ống. Chiếc vầy ở dưới tháo tơ ra. Tiếng lóc cóc, lóc cóc giòn giã và nhịp nhàng. Đôi khi, người đàn bà ngừng tay quay, đặt ống xuống gỡ một cái ghẻ tơ, hoặc nối một đoạn tơ xấu.

Trong ánh đèn vừa sáng, người đàn bà ấy có một thần sắc cũng dễ trông. Đôi mắt đen mà sáng. Cặp má bầu bĩnh. Khuôn mặt đầy đặn. Nàng cất tiếng hát nhỏ nhỏ. Giọng ấy là giọng thợ cấy mà những người làm ruộng thường hát ở ngoài đồng. Tiếng vơi vợi đưa cao êm nhẹ, lẫn vào những tiếng khua động của lồng tơ, của khung cử.

Anh đã có vợ hay chưa

Mà anh ăn nói gió đưa ngọt ngào.

Mẹ già anh để nơi nao

Để em tìm vào hầu hạ thay anh.

Chả tham nhà ngói rung rinh

Tham về một nổi anh xinh miệng cười.

Miệng cười anh đáng mấy mươi

Chân đi đáng nén, miệng cười đáng trăm.

Tờ giấy hồng, anh phong chữ thọ

Anh gửi thư này cả họ bình yên...

Người đàn ông, tuy chăm chú dệt cử nhưng chắc cũng lắng tai nghe. Anh chàng tủm tỉm cười, càng bấm bố dệt nhanh nhoay nhoáy. Chị chàng cũng múm mím tình tứ lim dim đôi mắt liếc nhìn chồng. Rồi tiếng vầy tơ lại rền lên đầm đằm.

Đây là hai vợ chồng anh Hời. Cái mộng mà bấy nay anh hằng mong mỏi và xây đắp có thể nói rằng bây giờ đã đạt. Năm ngoái anh lấy vợ. Cưới xin xong ông Nhượng tính toán vừa vặn, không còn thừa xu nhỏ, tiêu hết cả món tiền mười đồng vay của mụ lý Chi mà bà Vạng cầm tạm. Bấy giờ ông Nhượng mới đưa ra cho hai vợ chồng mười đồng. Đáng lẽ, mười đồng bạc ấy dùng để mua linh gửi vào Sài Gòong cho anh Từ thì vừa. Bà Vạng muốn thế, mà cả Hời nghĩ cũng như vậy. Song may quá, đương khi sắp sửa mua linh gửi đi, thì nhận được thư của sếp Từ. Thư nói rằng nếu Hời lấy vợ thì thôi, chẳng phải mua linh gửi vào nữa. Ở trong ấy anh Từ xuống Chợ-lớn mua lấy cũng được. Cái món tiền mười đồng kia là tiền của Từ mừng Hời, Hời mừng quá. Chàng nhờ ngay Thoại viết giúp một lá thư “đánh” luôn vào, để cảm ơn anh. Cũng bắt chúc anh, và để chung với vợ một sự sung sướng rất danh dự, Hời nhờ Thoại viết cho câu đầu lá thư như vậy:

“Nay vợ chồng chúng em là Hời, có mấy lời vào hỏi thăm anh chị...”

Có món tiền mười đồng ấy, Tết Nguyên đán năm đó, gia đình Hời được những ngày êm đềm - và lại nhiễm cả vẻ phong lưu. Ngày mua dưa hành về muối từ hăm hai tháng Chạp. Hời chung

tiền với hàng xóm để đựng thịt bò, lại cả thịt lợn. Bánh chưng gói từ hăm bảy, xôi mãi đến rằm tháng Giêng mới thực cạn. Tết đó trong bếp treo lủng cùng những quang nồi, quang niêu. Đây là nồi cá kho; đây là nồi thịt bò buộc lạt; đây là thịt đông; lại đây niêu thịt kho tàu, niêu xương sườn om, niêu tôm rim. Chỉ đôi mươi đồng bạc mà cả một nhà được no ấm phê pha.

Riêng với Hời, từ thừa bé, chưa cái Tết lớn nào anh được ăn ngon và thú vị đến thế. Hôm mừng Một, anh sang lễ và mừng tuổi bên bố vợ. Anh ăn cỗ bên ấy, uống rượu khê khà với ông Nhiêu, với cậu Ba Toàn rồi quanh quẩn mãi đến chập tối mới về. Mừng Hai, anh đi lễ mấy nhà trong họ, rồi lại sang bố vợ. Ông Nhiêu cùng Ba Toàn dẫn anh hai Hời đi Tết khắp các nhà quen.

Vì năm nay có chàng rể mới, nên ông Nhiêu dẫn đi nhiều nhà quá. Chiều về, hai đầu gối anh mỏi như dầm. Giá yếu và không lễ quen thì đã sưng lên rồi. Anh kể cho vợ nghe đã vào từng nhà ai, nhà ai một. Vợ anh giảng cho anh rõ là những nhà ấy, nhà ấy thì họ hàng xa hay gần, nội hay ngoại thế nào với nhà ta đó. Sang ngày mừng Ba, mới thực là ngày của anh. Nhưng anh cũng chỉ loanh quanh ở nhà với vợ thôi. Không đi xóc đĩa, không thò lò, mà đến chơi tam cúc anh cũng không chơi; vợ anh cũng như anh, ít đi ra ngoài. Phải như khi còn con gái ở nhà bắt đầu từ ngày mừng Hai trở ra đến ngày mừng Bảy, không ngày nào Ngây không cùng các chị em bạn riu rít rủ nhau đi lễ các chùa.

Khuyên lại chơi, nói đùa: “Năm nay chị lễ chùa nhà rồi, chẳng thiết đi đâu nữa!” Nàng mỉm cười. Bởi nàng cho rằng đã có chồng mà còn đi chơi la cà, người ta sẽ bảo là gái không đứng đắn. Hôm mừng Bốn, nàng mới cùng Bướm, cậu Ba Toàn xuống lễ dưới chùa Vạn. Nàng xin quẻ thẻ rồi gài trong vành khăn, mang về nhờ người xem và đoán hộ. Ấy là quẻ trung bình chi triệu, thánh dạy rằng làm ăn cả năm nay, cái gì cũng phát tài thường thường thôi. Và cuối năm sinh con gái.

Còn bà Vạn, năm nay cũng khác mọi năm. Những năm xưa, có khi Hời bực mình đã phải gắt nhau với mẹ. Bởi vì, chiều Ba Mươi nào bà cũng khóc lóc rên rĩ. Bà ngồi bên cái hương án mộc, hai tay ấp lên mặt. Bà khóc đưa con gái chết đuối dờ ở bến Hối, bà khóc người con cả đi làm ăn xa xôi Tết nhất quên cả ông bà ông vải, bà khóc cho hai con mắt đui mù của bà, và bà khóc chồng bà, bỏ bà bơ vơ tay trắng nuôi con từ năm bà hai mươi tám tuổi đầu. Bà cứ ngồi kể lể lải nhải, tỉ tê khóc lóc, lúc gào thành tiếng om sòm, lúc rên rầm ran rĩ. Trong một đêm quanh quế, nghe thảm thiết như trong nhà vừa có người nằm xuống. Bà thường khóc từ chập tối cho tới lúc gần sang canh, nghe xa xa đã dạo lên những tiếng pháo và tiếng trống lác đác. Trước Hời cũng can mẹ. Nhưng rồi biết không thể nào can được, những năm sau, Hời để mặc mẹ khóc lóc nỉ non.

Năm nay, bà không khóc trong đêm Ba Mươi nữa. Bà bảo con thắp hương từ chập tối, rồi bà đi ngủ, thường thường như mọi ngày. Đến Giao thừa bà trở dậy và ngồi chơi, nói chuyện với con trai và con dâu từ bấy giờ tới sáng. Trong mấy ngày Tết, chỉ thỉnh thoảng, bà mới nhắc: “Giá có thằng cả về nữa thì vui quá nhỉ”.

Bà kém mắt, không đi lễ bái chùa chiền nào được, đành giữ việc trông nhà. Nhưng bà cũng chẳng quên dặn Ngây xóc hộ cho một quẻ thẻ ở dưới chùa Vạn.

Sang giêng, có mấy nhà trong làng định gọi Hời dết cưới. Nhưng Hời từ chối, nói rằng năm nay chàng làm ăn ở nhà. Hời chẳng ngoa chút nào. Hời mua non tên họ tám chục. Được năm mươi tám đồng. Là thừa vốn để làm một khung cửi lĩnh rồi.

Ngây đi chợ mua tơ mở hàng. Nàng lấy bốn nén tơ Hưng-yên, nhỏ con mà đẹp, sợi vàng ong óng. Hai vợ chồng làm một khung lĩnh năm bàn, thứ lĩnh này nhẹ để dết và bán đương chạy tay. Mỗi phiên, Hời dết cổ được sáu tấm. Hời dết cửi, Ngây làm hồ. Bà Vạn sờ sẫm quay cũng đủ theo được sợi ngang để đánh suốt. Chỉ phải mượn có một suất thợ hồ và một thằng bé con ở tháng làm việc vặt. Thằng bé mượn không mất tiền. Nó ở không cốt để học lấy nghề. Nó là con ông Cả Thao, cháu của Thoại. Còn tơ để mắc cửi dọc thì Ngây cân đi cho người ta quay, chứ không mượn thợ về nhà. Ngày phiên, Ngây đi chợ bán lĩnh.

Khung cửi nhà Hời bắt đầu dết từ mười sáu tháng Giêng. Cái khung còn tốt, may mà chàng mua lại được bằng một giá cũng rẻ. Hời dết ngày, Hời dết đêm, rất chịu khó chăm chỉ. Ăn cơm xong

chàng vào khung cửa. Hễ có việc phải đi đâu, anh chạy cung cúc để về cho chóng. Để đến cả phiên chợ, anh không bước ra tới đầu xóm.

Người ta cố kỉnh làm ăn cho người ta cũng khác. Trước kia, Hời ít dầu tắt mặt tối như thế. Cơm nguội, dẹt thuê lấy tiền tắm, anh làm phải chẳng, có chừng. Cuộc đời đứng đắn và tính toán, từ khi lấy vợ.

Hời gõ cánh văng xuống mặt cửa:

- Hết suốt rồi!

Ngây duỗi chân hỏi:

- Nghỉ thôi chứ?

- Nghỉ.

Hời bước ra khỏi khung cửa trong khi Ngây xách đèn vào, treo lên móc, gỡ nhíp những sợi tơ dộc. Gỡ xong, nàng lấy những tờ nhật trình lớn bọc kín cả mặt cửa và mặt hàng lại. Phải đầy cẩn thận như thế, sợ đêm hôm những con gián ở trong các khe cửa ngửi thấy mùi hồ chua chua, mà bò ra nhấm nháp sợi tơ đứt thì nguy lắm. Làm nghề này sợ nhất cái giống quái ác ấy. Những người đàn bà nhiều khi tránh không dám gọi tên con gián mà gọi là con giời. Và hễ ai trông thấy các chú thập thò ở khe ngách nào, cũng bắt cho kỳ được, ngắt đầu đi, giết chết.

Hời xách đôi guốc mộc ra sân rửa chân. Ấy là cái dấu hiệu để tỏ rằng chàng đã nghỉ dẹt và sắp đi ngủ. Không bao giờ, trừ khi ốm và những ngày Tết, người ta mới kệnh rệnh ban ngày đi đôi guốc.

Hời chỉ giội tí nước ao, day qua mấy cái, xỏ chân vào guốc. Thế đã cho là đủ sạch. Vào trong nhà, Hời bảo vợ:

- Đứng ngoài sân cũng nghe rõ mồn một tiếng trống chèo bên Thượng.

- Thấy nói chèo vui lắm. Nhà đi xem chứ?

Ngây nghe chị Khuyên cũng rủ Ngây vậy. Ban chiều, Khuyên đến chơi, rủ Ngây đi xem, Ngây từ chối: “Bạn ít dộc mắc cửa, em xin kiếu”. Khuyên biết ý Ngây không muốn đi, thôi chẳng rủ nữa. Mà cũng là Ngây không thích đi xem thực. Phải như xưa, bạn mấy cô ả cũng hãy để dập dấy, đi nhón cái đĩa.

Hời vớ tay lên mắc, lấy cái áo lụa nâu. Chàng cười, bảo vợ:

- Ừ, chả nhẽ. Mình cũng phải nên đi xem một tẹo. Chúng nó cứ nói tức, khó chịu quá. Sao mợ không đi từ chiều với cô Khuyên?

- Tôi ý à? Tôi không đi. Nếu đi thì đã đi với các chị ấy rồi.

Hời xách gậy, ra sân. Ngây cũng tắt đèn khung cửa bước ra khỏi bậc cửa. Trời tối như ở trong đĩa mực. Trăng non nhạt nhẽo xế đi và đã lặn từ lúc nãy. Nền trời đen thẫm và sâu bát ngát. Vô vàn những vì sao to, sao nhỏ lấp láy, ẩn hiện. Không có gió nhưng cũng mát, hơi mát ngấm ngấm lạnh. Đó là cái khí hậu dịu dàng, riêng của những đêm cuối xuân. Văng vẳng, xa xa tiếng trống chèo.

Ngây bỗng nói với chồng, như là một điều gì nàng vừa nghĩ ra.

- Này, nhà ạ...

Nàng rất thích gọi chồng bằng nhà. Bởi dùng chữ “cậu” ngại ra lối Kẻ Chợ quá mà gọi chồng là mình thì người ta bảo là cô nhà trò nhà thổ. Nhà nhà ơi, nhà nó ơi. Nghe tiện lắm.

Hời thấy vợ nói thì dừng lại:

- Gì hử?

- Cái việc lúc chiều nay.

Hời hấp tấp:

- Ừ nhỉ. Lú đi mất. Thế nào hử mợ?

- Bầm bảo vậy thì đúng đấy.

- Đúng hả?

Nếu ban ngày thì biết là Ngây cười, nên nàng nói chậm chậm.

- Ừ... đúng.

Hời bước ra ngõ xóm. Lòng chàng rung lên một hồi hộp và cảm động mới mẻ, sung sướng, không nói ra lời được.

Cái sự “ban chiều” Ngây nói nhỏ với chồng rằng bữa kia, nàng chẳng ăn gì mà lại rạo rức nôn khan và trong người gầy gầy váng vất. Nàng chia với chồng sự ngạc nhiên ấy - dù là sự ngạc nhiên cố ý, bởi nàng đã biết sự đó ra sao rồi. Nhưng nàng cũng cứ hỏi. Chàng cũng trả lời ngờ ngợ:

- Dễ thường phải.

Và chàng xui vợ hỏi mẹ. Thì bà Vạng cảm động trợn mắt lên mà rằng:

- Thế à? Mà có mang đấy. Tuần trăng này thì là qua một tháng rồi.

Chẳng may bà Nhiêu lại mất sớm, nếu không ắt Ngây đã chạy về khoe với mẹ. Bây giờ nàng nói lại với chồng cái chuyện ấy, làm bộ ra lối hơi ngượng ngượng, nhưng ngày mai, ngày kia mà đi ra đường, chắc nàng sẽ ngượng thực. Bởi các cô con gái mới lấy chồng, thấy mình chưa sớm, thường cảm có một chút dơ dáy ra sao ấy. Chỉ một chút thôi, rồi cũng quen.

Anh Hời lù khù đi sang đình làng Thượng. Vẫn đám chèo mọi năm và cũng vẫn đông người như thế. Anh đứng vào một xó. Nhưng anh chẳng trông, chẳng nghe thấy gì cả. Cái tin mừng mà vợ anh báo cho biết lúc nãy với một công nhận rõ rệt, hãy còn làm đầu óc anh bối rối. Vợ anh có mang. Anh mỉm cười, ngượng và ngây ngất mà nhớ lại những ngày vừa qua của hai vợ chồng. Anh lại nghĩ liên miên, man mác đến những sự đã xảy ra từ trước. Phải lòng nhau. Ném hoa lan. Cái “cáo bạch”. Đám cưới. Làm khung cửu lĩnh. Ngây chữa, rồi vác cái bụng đi nghêu ngهن, mười tháng nữa, một đứa trẻ khóc oe oe. Đứa trẻ kháu khỉnh, bụ bẫm. Nó bú ngoằm ngoạp vào vú mẹ nó. Anh đứng lặng yên, nhìn vợ, nhìn con, mỉm cười. Cuộc làm ăn bấy giờ đã khấm khá. Bữa cơm nào cũng có thịt lợn chưng vào cái niêu con để vợ ăn khem.

Nghĩ thế, anh Hời thấy người rộn lên. Và, một lát sau, vợ anh đã nghe tiếng anh nâng cổng tán vào đập cửa.

- Hát gì thế?

- Không biết.

- Tưởng nhà đi xem?

- Đi chưa đến nơi đã về. Không thích.

Vợ anh chẳng biết rằng anh đã đi đến sân đình làng Thượng rồi, có đứng nhìn vào rạp chèo, nhưng không xem thấy gì cả. Đầu óc chàng còn mãi nghĩ đến chuyện vợ con ở nhà.

II

TOÀN HỜI HỜI:

- Chị có nhà không, anh Đôi?

- Có. Chị đương đánh suốt đấy.

Toản đi vào. Ngây ngồi đánh suốt ở hiên sau. Cánh suốt vè vè, bắn nước ra như mưa bụi, cuốn thành những cái suốt ướt, vàng mịn, xinh xắn. Hời được dịp đợi suốt, rảnh tay dẹt ra đứng cửa ngõ. Toản đến bên chị, nói:

- Thày bảo chị về có việc gì ấy.

Ngây dưng tay quay, ngừng lên hỏi em:

- Có việc gì thế, cậu?

- Em cũng không biết.

- Ồ sao nước mắt vòng quanh thế. Làm sao? Con trai đã nhón rồi mà...

Toản mủi lòng vì được thế, hai hàng nước mắt tuôn rùng rùng xuống hai bên má. Mồm nó méo xệch ra, đã toan khóc lên một hồi cho hả cơn ức. Nhưng chị nó gạt đi:

- Ấy chớ! Đừng khóc, anh ấy cười cho. Về đi rồi chị sang...

- Không, chị sang ngay... em đợi.

- Để chị đánh nốt cái suốt này đã.

Ngây ra bảo chồng:

- Tôi về bên nhà.

- Gì thế?

- Chẳng biết. Nhà cứ dẹt nốt ba cái suốt ấy đi, tôi về tôi đánh thêm.

Rồi Ngây rút vội cái áo nâu non dài. Nàng quàng vắt áo lên vai để lòng thông đôi ba cái vạt phất phơ ra đằng trước và đằng sau. Người nọ dòng, người đã chồng con có cái lối, đi đâu vội, chỉ quàng qua cái áo như thế, không phải mặc cẩn thận.

Ra đường, Ngây hỏi em:

- Thày đánh cậu hử?

Nước mắt Toản ở đâu lại trào ra đầm đìa:

- Thày vừa đánh em...

Toản ngập ngừng:

- Nó về rồi.

- Ai? À cái Ba hử? Nó dỗi về nhà nó hử?

Toản gật. Ngây có gắng hỏi thêm, nhưng cu Toản chỉ tặc tặc, ầm ức mà không nói hẳn được nên lời. Ngây vừa thương, vừa bực mình, nhưng không muốn dỗi em, cái nghề trẻ con mà được nói ngọt thường hay làm già. Nàng chỉ yên lặng vừa đi vừa nhìn em. Chợt Ngây bảo Toản:

- Này, trông cậu độ này xanh quá. Làm sao thế?

Toản lơ dờ đôi mắt đỏ ngầu nhìn chị:

- Không, em có sao đâu!

Toản đã nói dối. Thực ra, ít lâu nay từ ngày có vợ đến giờ, nó cảm thấy trong mình nó khác đi nhiều lắm. Một hôm nó ngồi quay tơ. Lúc đứng dậy, thấy trước mắt nở ra những hoa tròn tròn vắn vèo. Một cơn choáng váng qua rất nhanh, khiến Toản có cảm giác như mình lao đao sắp ngã. Song Toản không ngã và dần dần trở lại như thường. Rồi nó cũng quên. Nhưng nó không quên hẳn, bởi vì từ sau hôm ấy, mỗi lần ngồi làm cái gì lâu, lúc đứng lên, thoáng một phút, hai mắt lại hoa lên, Toản cho là bệnh trở trời trở đất của người ta, ai cũng thế cả. Nhưng một hôm nữa, sáng ngày ra, lúc trở dậy, Toản thấy mình đau thắt ngang lưng. Những đốt xương sống như cọ vào nhau mà tạo nên một cơn ê ẩm. Thằng bé mười lăm tuổi mà khi ngủ dậy thấy đau

lưng như ông già tám mươi.

Rồi Toàn lại có thêm cả chứng đau bụng nữa. Thỉnh thoảng bị một cơn lăn lộn dữ dội.

Hoa mắt, đau lưng, đau bụng; ba cái quái ấy làm cho mặt Toàn hóp lại, chân tay gầy khẳng như những đũa mía và con mắt lơ lơ đi. Khốn khổ thằng bé chưa lớn mà đã gầy kheo khư thế. Nó chỉ mới mười lăm tuổi. Nhưng con vợ hai mươi tuổi của nó thì khác nó, Lua có cái thân hình béo lẳn, nung núc những thịt. Miệng Lua hay cười toe toét, đôi mắt him lại tí hí. Nó thực là một người đàn bà ai cũng khen, vì tốt việc, tốt ăn và tốt nái.

Ông Nhiêu ưa cô nàng dâu này lắm. Nó xốc vác được vô khối việc, làm khỏe gấp mấy Ngây. Ngây cũng mừng thầm. Nhà nàng chẳng may đã phải một người con trai vô phúc, may trời còn thưởng lại mà cho hai mụn hiền lành.

Về đến nhà, Ngây mới biết, ông Nhiêu vừa đánh thẳng Toàn thực. Bà Ba kể:

- Tối hôm qua, hai vợ chồng nó đi xem chèo. Chẳng biết thế nào, lúc bấy giờ đã khuya lắm, hai đứa về đến ngõ còn đánh nhau kêu làng nước âm ỉ cả lên. Sáng nay cái Ba dậy thổi cơm, dọn bát đĩa ra, rồi bỏ đấy đi đâu mất. Chắc nó dối, về nhà rồi. Ông mới đánh thẳng Toàn.

- Chết chữa! Thế cô có biết tại sao chúng nó đánh nhau không?

- Ấy con vợ không nói gì. Thằng chồng thì bảo rằng con vợ phải lòng trai...

Ngây chép miệng:

- Thằng chết hư thật. Nút mắt ra đã học cái thói ghen tuông xằng xịt!

Ông Nhiêu Thục gọi Ngây lên nhà. Ông bảo:

- Chị sang gọi hộ tôi cái Ba về. Nhà ùn lên những việc, nó lại dở dối ra đánh vợ đánh con loạn lên. Từ sáng, không có ai quay tợ ngang, thợ cửi hết suốt dẹt phải nghỉ đấy. Chị đi ngay đi. Bên nhà đã được mấy cuộn rồi?

- Bốn cuộn.

- Nhanh nhí!

Từ nãy, Toàn vẫn đứng bần thần ngoài ngõ không dám vào trong nhà. Thấy chị ra, nó sụt sịt khóc.

- Sao cậu không bảo cho tôi biết. Lại đi làm ồn lên như thế?

- Em tức lắm, không chịu được.

- Nó thế nào?

- Nó đi với...

- Ai?

- Thằng Thìn.

Ngây ngạc nhiên:

- Thằng Thìn nó đi lính khố xanh rồi cơ mà. Cậu chỉ nói hão.

Toàn nức nở:

- Thế thôi, chị cũng lại bênh nó nữa!

Ngây dụi dãi:

- Ủ, cậu cứ nói đi. Tôi tưởng thằng Thìn nó không có nhà.

- Nó có nhà. Nó đi lính ở trên tỉnh, nghỉ phép về xem chèo. Nó cứ lượn đi lượn lại qua chỗ con này đứng. Một lúc em không thấy cả hai đứa đâu. Em hỏi chị Khuyên chị ấy bảo nó đi lên phía bờ sông. Em ra bờ sông thấy có mình nó. Em chửi cho nó một trận rồi bắt về. Nó không về. Em

bảo nếu nó không về thì nhất quyết đánh nhau một trận. Nó mới chịu đi về. Nhưng em biết vẫn thấp thoáng có thằng nhân tình nó đi theo. Về đến đây, em quay lại gọi tên thằng Thìn chửi to lên mấy câu. Rõ ràng em trông thấy nó lủi mất. Thế là con này túm lấy em, nó đánh em, chứ em có nên được nó cái nào đâu, mà thầy đánh em.

Ngây vẫn nửa tin nửa ngờ. Nàng đi ra xóm ngoài, vào nhà Lụa. Nàng đi đến đầu xóm thì Lụa trông thấy Ngây, vì Lụa cũng đang đi trở ra. Nhưng Ngây vô ý không trông thấy Lụa. Lụa cuống quýt quay ngoắt lại, chạy vội vào ngõ hẻm rồi chuồn đường tắt ra ngoài đồng. Lụa sợ không dám dấn mặt Ngây.

Ngây vào đến đầu ngõ thì gặp ông thủ Dân.

- Lạy ông ạ. Mợ Ba nó nhà cháu có về chơi dưới nhà?

Tính ông này láu táu, mới nghe có thế, đã nói liền liền.

- Có... có... em nó vừa mới về ban nãy... Đâu ở trong sân... Ba ơi! Chị Đồi Hời... Quái, con ranh này đi đâu rồi! Mời cô hãy vào chơi.

- Vâng, ông mặc con. Tối hôm qua hai vợ chồng lại ủng oảng với nhau...

Hai mép rìa rậm của ông thủ Dân trở vênh ra:

- Sao? Sao? Cãi nhau hả? Hừm, láo thật. Thế ông Nhiều trên nhà bảo cô xuống gọi con ranh đấy chứ gì? Được, được, để tôi hãy cho nó một trận đã. Ông Nhiều trên ấy với tôi là chỗ chí tình, có thể nào cứ đánh bỏ bố nó đi cho tôi.

Ngây kể qua loa câu chuyện. Nàng chỉ nói sơ sơ thôi, và định không dấn động gì đến cái chuyện trai gái vớ vẩn mà Toàn vừa nói. Bởi chính nàng cũng chẳng tin. Nghe xong, ông thủ Dân rên rầm lên:

- Ôi trời! Con tôi láo quá! Con tôi láo quá! Để tôi tống nó về ngay. Tôi lại cứ tưởng nó về chơi như mọi khi. À mà nó cũng vừa mới về đấy cô ạ.

Ngây nói:

- Thầy con bảo mợ cháu đi từ sáng sớm.

- Chết thật! Chết thật! Con bé đoảng đến điều là đoảng. Nó ăn no rồi nó đi chơi. Cái nước này là nó lại muốn người ta réo mả bố nó lên đấy thôi. Cô cứ về đi, chốc nữa tôi xin lỗi nó lên tận nơi.

Ngây cười:

- Ông đừng mắng mỗ gì, cũng còn trẻ con cả. Lạy ông thôi, con vội quá.

Rồi Ngây vội vã đi nhanh về. Vừa đi nàng vừa nghĩ: “Những chuyện nhãi nhép, làm mình đương đánh suốt, bỏ khô cả ống chỉ”. Bỗng nàng nghe có tiếng ai gọi sau lưng:

- Chị Đồi ơi, chị Đồi!

Ngây quay lại thì là cô Khuyên. Khuyên hỏi:

- Chị đi đâu sang đây?

Ngây đứng lại kể cho bạn nghe câu chuyện rắc rối trẻ ranh của vợ chồng Toàn, rồi nàng cười:

- Có thể mà làm mình mất công mất việc từ buổi chuyển giờ.

Nhưng Khuyên nghiêm nét mặt:

- Chị đừng tưởng việc trẻ con đâu. Tối hôm qua em cũng có ở đấy, em biết. Chị lại đây với em, em kể chị nghe. Em đang giặt quần áo ở đằng cầu xóm, trông thấy chị đi qua, vội chạy lên đây.

Ngây theo bạn lại phía bờ ao. Hai chị em đứng nói chuyện ở dưới gốc cây phượng.

- Thằng Thìn nó láo thật, chị ạ! Nó làm em ngượng mặt thay. Em đứng xem hát chèo với Lụa và mấy cô nữa. Nó cứ lượn đi lượn lại, bặng nặng lên.

- Sao bảo nó đi lính?
- Nó được phép nghỉ ở trên tỉnh về. Chết một cái con Lụa lại cứ cười với thằng ấy.
- Thế thì nhảm quá!
- Chú Toàn đặng ấy mà đánh nhau với vợ là tại có lúc con Lụa nó đi một mình ra ngoài bờ sông...
- Chết chữa! Sao lại thế?
- Lại còn sao nữa? Em thì chỉ tức rằng nó là đứa có chồng rồi. Chồng nó là em chị. Chồng chị lại là bạn thằng kia. Chúng nó tồi tệ quá!
- Nhưng chả nhẽ mới có một lúc thế thôi nào.
- Ai bảo chị? À! Thôi chị chưa biết chuyện kia rồi. Thảo nào!
- Chuyện gì?
- Ngày trước, hai đứa đã mê nhau.
- Cái ngày thầy em hỏi nó cho thằng Toàn, nó bằng lòng ngay mà?
- Ai biết được con dĩ đại! Chỉ có cái chuyện ngày trước hai đứa phải lòng nhau thì cả làng ta ai cũng biết. Mà thực em vẫn tưởng chị biết.

Ngây thở dài:

- Thôi cảm ơn chị nhé! Em phải về bây giờ, vội quá. Chiều em lại xuống chơi với chị.
- Chiều hôm ấy, trẻ con trong làng được một bữa nô nức đi xem. Chúng nó xem ông thủ Dân đưa con gái trả về nhà chồng.
- Ông thủ Dân tính nóng như lửa. Lúc Ngây về rồi, Lụa ở đâu lù lù vào, ông mắng nó mấy câu, thế mà nó dám cãi ông nham nhảm. Ông hầm hầm đi lấy gậy, phết cho Lụa một trận mê tơi. Nhưng không hiểu sao, xưa nay Lụa vẫn sợ ông một phép, lần này lại cố ý ra gan với ông. Chẳng những nó không về nhà ông Nhiều Thục mà nó lại lần sang nhà lán giềng nằm lì một xó. Được, để nó đấy. Ông thủ Dân ngứa tiết lắm, nhưng ông hãy đi uống rượu cái đã.
- Rượu mới nốc một chén. Mặt ông đã đỏ phùng phùng. Hai mép ria vênh mãi ra.
- Ông xuống bếp lấy một con dao phay, lăm lăm cầm dao đi bắt con gái. Nhưng Lụa đã đi khỏi nhà lán giềng kia rồi. Sau có người mách, ông đã biết được Lụa hiện trốn ở một nhà ngoài đầu xóm. Ông đến đấy, gọi vẳng lên, Lụa cũng không ra. Ông phải dọa đốt nhà và ông làm như ông sắp châm lửa đến nơi, người ta sợ, phải lôi Lụa ra cho ông.

Tay phải ông móc vào gáy áo Lụa. Tay trái ông cầm con dao phay rộng bản và giơ cao lên. Đôi ria lăm lăm hoa râm của ông rung rung, động đậy. Ông đẩy con gái đi trước. Ông hầm hè ra lệnh:

- Quay cổ lại là ông phạt cụt mũi ngay lập tức.

Và cứ con trước bố sau mà điệu đi như vậy, sang tận cổng, vào tận sân nhà ông Nhiều Thục bên xóm Giếng.

Trẻ con ới ới gọi nhau đuổi theo xem. Bà thủ Dân ngồi ở nhà, hai tay ôm mặt, khóc ti tỉ.

III

LỤA VÀ THẰNG LÍNH KHỔ XANH, thằng tốt đen Thìn lại bờm xờm với nhau thực. Nhưng phải nói rằng tại người con gái. Như mọi người đều biết, Thìn đã thất vọng từ khi người yêu bỏ đi lấy chồng và chán nản đến tuyệt vọng. Từ ngày Lụa gả cho Toàn, Thìn bỏ đi lính. Thế mà, mớ lửa lại còn có ngày bùng lên. Sự bắt đầu, bắt đầu từ cái đêm hội chèo đó. Thìn được nghỉ phép

chủ nhật về nhà, cũng tình cờ mà tạt vào xem chèo.

Lụa trông thấy Thìn. Thìn là một anh trai hơi hớ hai mươi tuổi, thực khỏe mạnh, bảnh bao. Thế là Lụa nhớ lại rằng mình đã tệ với người ta quá. Nàng mà lấy thằng tí nhau Toàn, thực ra cũng chẳng phải bởi cha mẹ ép uống. Con gái dậy thì háo hức lấy chồng như háo hức đi xem hội. Có người hỏi, thì lấy. Mỗi tình suông kia tan mất. Nhưng bây giờ cái háo hức ban đầu bay mất rồi. Bởi vì chồng nàng là một thằng oắt con. Những đứa rồi miệng chế giễu, nói chuyện vụng và cười thầm. Song sự thật, bề trong, nàng đã chán ngắt cái tên chồng vô lý ấy. Đàn ông gì mà bé bằng cái kẹo.

Vậy cũng chẳng đáng ngạc nhiên khi có sự chấp nối trở lại của cặp nhân tình này.

Đêm ấy, Thìn đã được gặp Lụa một lát ở trên bờ sông Lịch. Thìn ôm chặt Lụa, như hai con cóc ủ nhau. Sáng hôm sau, Lụa trốn nhà chồng về và lại ra ngoài ruộng ngồi ôm nhau. Bấy giờ hãy còn sớm lắm. Nhưng bởi Thìn phải lên tỉnh cho kịp giờ vào trại. Lụa khóc lóc. Thìn âu yếm chùi nước mắt cho người yêu. Anh đã sẵn lòng tha thứ ngay. Khi từ biệt, hai người lại hôn nhau nữa.

Thế là từ đấy, những ngày được nghỉ, Thìn về làng Nha. Lụa lén lút gặp chỉ than thở với bạn yêu rằng mình ở cái nhà ấy khổ cực lắm. Và xem chừng Thìn cũng đã mê Lụa với bao nhiêu cái khác trước kia. Anh ta xui Lụa bỏ đi với mình.

- Anh sắp đi đồn Chương Mỹ. Anh vào đấy mà có em cùng vào thì tiện quá.

- Để em trả của nhà nó đã.

Thìn cười, xua tay:

- Việc gì phải mất tiền. Cái ngày thằng Toàn lấy em đã lên hộ lại vào sổ giá thú đâu. Thế là không đúng luật rồi. Anh là người nhà nước, anh biết, cứ việc bỏ thôi.

Vợ chồng Toàn không mấy ngày không hục hặc với nhau. Lụa đã có ý khác, lại càng ghét chồng. Mà Toàn thì tất nhiên là một thằng trẻ con, cũng không ưa vợ theo cái kiểu trẻ con. Những khi giận nhau, tối đi ngủ, mỗi đứa nằm một góc giường, quay lưng lại. Nhưng nhiều lần Toàn giả cách mê ngủ, nhè lưng nhè cổ vợ mà đập. Vợ nó cáu quá, cũng đập thốc lại. Kết cuộc, bao giờ vợ nó cũng được. Thằng Toàn được mấy nả sức. Cứ ngã bấn xuống đất là thường. Đến cái nước thua đậm như thế, Toàn lại không cà khía nữa. Nó nằm nó chửi. Nó chửi từ ông tam đại nhà vợ trở xuống. Nó biết vợ không bao giờ dám chửi đối lại. Nếu vợ có xô lại định nện nó, nó dọa: "Ông kêu lên bây giờ cho thầy biết thì bỏ mẹ mày". Lụa phải thôi, vì dù sao, nó vẫn sợ ông Nhiều - nhất là sợ những khi ông uống rượu vào. Bà Ba thì ghét nó lắm, còn Ngây, Lụa cũng đã có khi chửi nhau. Bởi mỗi lần Ngây về nhà, thường hay bộ tịch ra lối răn dạy em dâu. Một bận, Lụa cãi lại thì Ngây mắng luôn. Hai cô hầm hầm xông vào, túm tóc và xé nhau. Toàn về bè với chị vác néo cửi choang vợ. Bà Ba cản cũng chẳng nổi. Bà ra sân kêu làng nước âm ỉ. Vừa may ông Nhiều ở đâu xông vào đánh toan loạn cả bộ ba mới tan được cuộc xô xát. Chị chồng và em dâu giận nhau từ hôm ấy. Ngây lại giận lây đến cả ông Nhiều. Vì ông Nhiều chiều "con đĩ Lụa" không để cho Ngây "xé tan xác" nó ra.

Nhưng một hôm Lụa cũng lại ghét nốt cả ông Nhiều Thục. Nguyên vì Lụa có nợ Toàn hai hào đã từ lâu. Toàn đòi. Vợ nói: "Chưa có!" Toàn cục, văng luôn một câu chửi. Lụa xô đến. Toàn chòn vòn nghênh địch. Nhưng vợ nó là cả một cây thịt nặng nề đổ xuống nó thì nó hòng chống đỡ làm sao! Mười ngón tay chuối mẩn bóp vào cái cổ ngắc của thằng bé con. Toàn ú ớ kêu không ra tiếng. Mặt nó đỏ rực lên. Đôi mắt tròn tròn lồi bi ve, mồm há thè lưỡi ra thây lầy.

Chân tay nó rẩy run lên. Ngực Toàn lại nhận được cả một đầu gối đồ sộ ấn xuống. Toàn sẽ chết nghẹt thở, nếu không có ông bố tình cờ đi lù khù ở ngoài vườn vào. Vì hôm ấy nhà vắng. Thợ cửi nghỉ. Bà Ba xuống rửa bát dưới ao. Ông Nhiều lúi húi ngoài vườn. Ông vào trong nhà để hút thuốc lào thì thấy cô nàng dâu quý tử đương nhắm mắt, ấn đầu gối, bóp cổ thằng chồng rên ằng ặc. Ông hốt hoảng chạy đến lôi Lụa ra. Quát văng lên: "Nó là chồng mày, mày không được láo thế?" Trông thấy Toàn vẫn nằm quay đơ, hai tay ôm ngực, ở cổ còn hằn tím vết đốt

ngón tay. Ông Nhiêu giận lắm, tát cho Lua hai cái tát trái cực mạnh. Đương bất ngờ, răng vấp vào môi, máu chảy ra lổa lợ. Lua vào buồng nằm khóc rung rức.

Mười hôm sau Lua đi đâu từ sáng sớm. Lúc chưa ai trở dậy. Rồi gọi mãi không thấy. Xem đến quần áo của nó để trong buồng thấy, không còn một manh áo rách. Ông Nhiêu hốt hoảng cho tin xuống nhà Lua hỏi. Ông thủ Dân trả lời lên rằng đã cả phiên chợ nay, Lua chưa về lần nào.

Thế là, ông Nhiêu Thục mất đứa con dâu. Cái tin dữ ấy chẳng mấy chốc lan đi khắp mấy xóm. Ông Ba Cấn và Ngây, và cả Hời nữa, cùng lục tục chạy đến.

Không ai rõ Lua đi đâu? Người ta đồn rằng cái Lua vào Chương Mỹ theo thằng khố xanh Thìn.

Ông Nhiêu Thục ngồi phờ mặt. Đôi chốc, ông nhô ngực lên thở một hơi dài. Ông Ba Cấn, cũng ngồi ngây rầu, vẻ nghĩ ngợi. Cả ông Nhượng cũng đến chơi. Ba bốn chén nước ngổn ngang trên phản. Ông Ba Cấn lên tiếng choang choác:

- Hừm, không biết chừng lại chính lão thủ Dân làm ra cái chuyện này đây.

Ông Nhượng ngược nhìn ông Nhiêu, thủ thủ:

- Khéo không mà thực, cả nhà ạ. Dưới xóm ấy cũng đã có một món tương tự thế rồi. Lão Ba Thu đấy. Lão ta gả con sang Phú Gia, rồi lại lừa gọi về, bán cho một thằng thợ cúp ở phố phủ để lấy món tiền nữa. Chúng nó tệ lắm, chứ chẳng nhân nghĩa, trước sau gì đâu!

Ông Ba Cấn nói lớn:

- À, à... ra nó chỉ hời hợt cái lỗ miệng.

Ông Nhiêu thở dài:

- Quân chó thực!

Giữa lúc ấy, bà Ba xách ấm nước ở dưới bếp lên. Nghe thủng câu chuyện, bà liền nói ngay:

- Để tôi chửi cho chúng nó một mẻ.

Ông Nhiêu xua tay:

- Thôi... thôi... tôi xin bà. Ai cũng sợ bà rồi...

Nhưng ông Ba Cấn gật gù:

- Có nhẽ mà bà Ba cứ xuống. Song đừng có nói nặng. Ta xuống xem binh tình ra sao, họ nói thế nào. Bấy giờ liệu sau, ông Nhiêu ạ.

Ông Nhượng cũng cho là phải và nói:

- Bà sang bên kia bảo cái Đôi cùng đi với.

Bà Ba đi ngay. Nhưng Ngây lại đi chợ. Bà Ba xộc xuống nhà ông thủ Dân một mình. Vì chính bà không ưa gì vợ thằng Toản. Bấy lâu chẳng muốn nói để khỏi ầm cửa ầm nhà đấy thôi. Bà hăm hăm đi... trong đầu bà định những sự “túm lấy tức”, “đào mả ông cha nhà nó lên”. Mà không còn dính một chút nghĩ ngợi ôn hòa nào của ông Ba Cấn và ông Nhượng.

Ông thủ Dân đi vắng. Cả thằng Sự con ông cũng không có nhà. Hai bố con lên tỉnh từ sáng sớm để tậu bò lo việc hàng chòm chòm xóm. Ở nhà chỉ còn mình bà thủ và mấy đứa trẻ con. Bà thủ Dân không hẳn là một người hiền lành. Bà lắm điều nhưng cũng vào hang vừa thôi. Tuy chẳng mấy khi cãi nhau với ai, song bà có cái tính hay cãi nhau một mình. Dù bà bị ông ấy mắng hoặc chửi nữa bà cũng chẳng hé răng ra một lời. Nhưng chỉ một lát sau, hễ ông thủ đi chơi đâu vắng, bà ngồi ở nhà một mình liền kể lể, chửi bới râm ran cả lên. Bà cứ hoa chân hoa tay lên diếc móc dữ dội như chính có một đứa nào đáng ghét đương cãi nhau tay đôi với bà. Nhưng đã mấy năm nay, bà cũng đỡ được cái tính lắm cẩm ấy. Vì mắt bà kém nhem, tai bà đăm ra nghễnh ngãng và nhất là vì thằng Sự đã có vợ.

Bà Ba vào trong nhà, thấy bà thủ không mời mình uống nước, đã tức lắm. Bà nói qua loa mấy câu rồi phàn nàn ra ý trách ngay về việc vợ thằng Toàn bỏ nhà đi. Bà thủ buồn bã:

- Đã năm sáu hôm, nó không về dưới này. Tôi đã tưởng nó vẫn làm ăn như thường. Thực con cái làm xấu mặt cha mẹ. Bà về nói với ông Nhiêu nhà rằng trên ấy dò la xem nó trốn ẩn ở đâu. Dưới này, tôi cũng cố tìm. Hơi một tí là giận với đối, con nhà hư quá.

Bà Ba buông băng quơ một câu:

- Các bà dưới này còn tìm nó làm quái gì nữa. Làm gì chẳng biết chỗ nó đi, nó ở.

- Khốn khổ! Bà đừng nói vậy!

Bà Ba chép miệng.

- Tôi thấy người ta nói thế đấy thôi.

Bà thủ chưa nghe rõ, nghiêng tai ra hỏi lại:

- Bà bảo gì cơ?

- Tôi bảo ai người ta cũng nói thế.

Vì điếc lác, nghe chuyện lấp lửng thì khó chịu, bà thủ nói gần như quát:

- Người ta nói thế nào nào?

- Người ta nói các cụ dưới này giấu giếm cho nó...

- Úi trời ơi! Để mẹ đứa nào ăn nói hàm hồ...

- À, thế ra bà lấp liếm chửi ngay tôi phỏng?

- Không, là tôi chửi đứa này làm cho...

- Thế là chửi tôi. Tôi vừa buông câu nói, bà cất lời lên thế, là bà chửi tôi. Cha...

Bắt đầu, hai bà chửi nhau. Trước họ còn nhip nhàng văng vào mắt nhau những câu cân đối tương tự nhau. Rồi cuộc cãi cọ thành ra sai lạc cả. Bởi vì bà kia điếc, nghe loạc choạc lắm. Bà này cáu thêm, cứ ghé vào tận tai bà kia mà thét. Hai bà cùng đáp lại nhau như thế. Và họ không gọi nhau bằng bà nữa. Bà nào cũng xưng mình là bà, để réo bà kia là mày. Cứ thét ghé vào tai nhau được một lúc, rồi tự nhiên cả hai cùng nhảy lên, chồm vờn, đánh nhau. Bốn cái tay loè ngoèo như bốn cái tay khỉ. Vợ anh Sự ở ngoài ngõ chạy vào và mấy đứa trẻ cũng xô đến. Cả nhà xúm lại, đẩy bà Ba ra ngõ, rồi đóng ập cổng lại.

Bà Ba đập thình thịch. Ở trong này chửi ra, ngoài kia chửi vào. Bấy giờ lại khởi đầu một cuộc chửi nhau cách bờ rào. Bà Ba chửi ra rả. Bà đứng giăng hai chân, chống nạnh hai tay lên mà hét. Nhưng cũng không lại được bọn kia. Họ có những năm cái mồm để chửi ra. Nghĩa là từ bà thủ Dân, đến vợ thằng Sự, cả bà đứa trẻ cùng đồng thanh. Năm người lỗ nhổ cao thấp đứng song song, chắp hai tay ra đằng sau, chửi liên tiếp. Cái con bé mười tuổi, nhỏ nhất đám, mà cũng ngược mắt lên, vừa chửi vừa ngoắt tay vỗ đồm độp. Bà Ba đối lại chẳng kém. Song bởi phe bà có mỗi một mình. Tiếng bà không át nổi năm sáu tiếng lao xao.

Rồi trận đấu khẩu nhạt dần. Chỉ thỉnh thoảng mới văng lên một hồi om sòm, mà không xô xát kịch liệt như trước. Rồi cuộc, bà Ba hện một câu chốt: “Được, rồi chốc nữa bà xuống bà đào mả nhà chúng mày. Bà vạc cái mặt thằng đàn ông có râu có tóc nhà chúng mày, bà không thêm đối đáp với chúng mày”. Ở trong cánh cửa, lại léo xéo rộn rã. Nhưng bà Ba đã quay ra ngõ ngoài. Sau lưng bà, đông nghịt những người xem. Bà Ba chạy huỳnh huých về xóm Giếng. Ai cũng đoán bà chạy về gọi thêm người xuống chửi. Và ai cũng có ý đợi. Nhưng mãi đến quá buổi trưa, cũng chẳng thấy hút bà xuống nữa.

Đến chiều, ông thủ Dân với Sự dắt con bò ở chợ tỉnh về. Hai cái mặt cùng đỏ gay. Bố con đã đánh chén say sưa ở dọc đường rồi. Mới về đến đầu xóm, ông thủ Dân đã được người ta kể lại kỹ càng cuộc đấu khẩu của vợ con ông ban nãy. Ông buộc con bò vào gốc nhãn bên ngõ, rồi

đùng đùng chạy vào nhà.

Ông hét vào tai vợ hỏi chuyện. Chẳng biết cơn khóc ở đâu sẵn, mà bà thủ Dân vừa kể lễ cho chồng nghe, vừa meo máo, nước mắt nước mũi tuôn xuống ròng ròng.

Nghe xong, ông thủ Dân vội lấy cái dãi cửa to bằng chiếc đòn gánh phết vợ một cái vào lưng rồi chạy một mạch đến xóm Giếng. Cản lại cũng không kịp. Thế là cả nhà cũng hốt hải chạy theo ông thủ Dân.

Ông vừa chạy vừa hét. Đến cổng nhà ông Nhiều Thục, ông chửi thục to. Ông Nhiều chưa hiểu đầu đuôi ra sao, hốt hoảng ở trong nhà chạy ra thì bị ông thủ Dân phang cho một gậy xuống đỉnh đầu. May lại trúng chệch xuống vai. Ông Nhiều kêu ầm lên. Ông cũng xông vào đánh ông thủ.

Bởi vì bấy giờ ông thủ đương say rượu quá choảng xong một cái, mất đà, hai tay run run, loạng choạng ngã. Cái gậy buông thông xuống đất. Ông Nhiều xô vào, đập một cái thì ông dậu gia ngã bổ ngửa. Ông Nhiều sấn lên, cứ nắm tay mà đâm xuống như giã giò. Ông thủ Dân không kêu được lên tiếng. Chân tay ông múa quành quàng. Mồm ông ngáp ngáp ra những tiếng khao khao, ồng ọc, như tiếng kêu của con lợn bị chọc tiết.

Mọi người trong xóm đổ đến, lôi ông Nhiều ra. Nhưng ông thủ Dân không dậy được, hai tay hai chân loè ngoè vằn hoa hoa. Những người say rượu đã gục xuống thì dường như bị hơi men dúi ngã, khó lòng mà trở dậy ngay.

Đương lúc ấy, Cả Sự vừa chạy đến. Ông lão trông thấy con, kêu văng:

- Con ôi! Công bố lên phủ! Công bố lên phủ! Thằng Nhiều Thục nó đánh chết bố rồi!

Sự xóc bố lên. Hấn ghé vai, công bố chạy ra đầu làng. Hấn chạy lên trình quan phủ thực. Ra đầu làng, hấn thuê một chiếc xe tay. Bởi vì hấn tưởng người ta đánh bố hấn đau quá. Hấn trông thấy lão Nhiều Thục mặt tái mét, cầm cái gậy đứng lăm lăm trong ngõ. Cả thằng Toàn, cũng cầm con dao rựa dài chuôi. Chúng nó định giết bố hấn. Hấn hăng lắm. Nhất định công bố lên phủ Hoài. Bởi vì Cả Sự cũng đương say rượu không kém gì ông bố.

Bấy giờ cả nhà ông Nhiều sợ lắm. Toàn vội chạy sang xóm Duối vào nhà Hời, vào nhà ông Ba Cấn, lại cả nhà ông Nhượng. Một lát sau, bấy nhiêu người này cũng kéo đến. Thêm vợ chồng Thoại nữa. Mọi người ồn ào về việc phủ, việc đồn. Bỗng bà Ba kêu rầm rĩ:

- Các ông để mặc tôi! Các ông để mặc tôi!

Rồi bà phăng phăng ra cửa, chạy thẳng xuống nhà lão thủ Dân. Bướm và Ngây sợ hãi, chạy theo. Đến trước ngõ nhà ông thủ Dân, bà Ba gào lên mấy tiếng: "Ồi làng nước ôi! Bố con thằng thủ Dân nó đánh chết tôi" rồi bà nằm phục xuống, quằn quại. Đầu tóc bà rũ rượi ra. Miệng bà rên la inh ỏi. Như thế Ngây và Bướm đã hiểu được bà Ba định làm gì rồi. Không chậm, không ngưng, Ngây cũng ôm mặt ngồi xuống bên bà Ba, khóc rưng rức:

- Người ta đánh chết cô tôi! Ối làng nước ôi! Ối cô ơi là cô ơi...

Bà thủ Dân lại đóng chặt cửa, đứng ở trong chửi léo xéo ra.

Khi Cả Sự công ông bố ra khỏi cửa đình làng Nha gọi thuê cái xe sắt, sờ đến túi thì không có đồng trình này cả. Hấn bèn tắt xuống ruộng, vượt qua cánh đồng công bố lên phủ. Được một quãng đã thở hỗn hển. Lão thủ Dân ở trên lưng con, lắc lư ngật nghèo như lên đồng. Không biết có phải vì vậy mà lão tỉnh rượu. Hay là thằng con lão chạy bước cao bước thấp trên mặt ruộng thang trơn, lồi lõm, khiến cho lão bị xóc lên xóc xuống đau nhói đến tận sống lưng, đau gấp mấy lần bị Nhiều Thục đánh. Lão cũng thở hồng hộc bảo con:

- Thôi, bố cu. Mà lại công tao về. Bây giờ tối rồi, lên phủ không kịp được. Để mai tao liệu sau.

Ông nói câu ấy, không thấy nóng nảy như trước nữa. Thằng con ông, chẳng nói chẳng rằng, quay ngoắt lại, lom khom lại công bố trở về. Về đến ngõ xóm Duối thì trời đã tối nhá nhem. Ngoài ngõ nhà lão thủ Dân, cô Đôi Hời vẫn ngồi bên bà Ba, làm điệu khóc lóc tí tê có Bướm

đứng cạnh. Xung quanh, lơ lửng người xem. Chẳng biết ai đã mang một cái chiếu xuống cho bà Ba nằm đắp sùm sụp, tóc và chân thò ra hai đầu, y như một cái xác chết. Việc đương được làm cho quan trọng.

Bướm trông thấy Cả Sự công ông thủ Dân về, liền chạy đến báo Ngây. Ngây khẽ đi đến bên bà Ba, thì thào. Bà Ba thò đầu ra ngoài chiếu; trời đã nhò mắt người. Bà lồm cồm bò dậy, gấp chiếu, cắp vào nách, cùng Ngây và Bướm lui hui trở về.

- Con mẹ nằm vạ về rồi!

Trẻ con reo lên, thế rồi xúm lại, đi theo ra đến cổng xóm, cũng giải tán. Ngoài đồng, bóng đêm xuống mờ mờ.

IV

HÔM SAU CHẲNG CÓ SỰ GÌ XẢY RA.

Họ vẫn hiềm thù nhau nhưng không cãi cọ hoặc đánh đấm gì nữa. Đàng ông Nhiều thì cứ một mực rằng lão thủ Dân dở con gái về để bán cho người khác. Còn ông thủ Dân thì nóng tính như lửa thực, song không dám vác gậy lên xóm Giếng nữa. Bởi hôm ấy, ông bị một trận nặng phải hai vai bóp lá náng mấy hôm và bởi ông cũng nghĩ được rằng có lẽ mình cũng không phải. Thành thử ông vừa oán con gái, cũng vừa oán đàng nhà dẫu gia ở tệ.

Nhưng kẻ thiệt nhất, chỉ là Toàn. Toàn mất vợ thực sự. Chính nó cũng chả tiếc mấy. Cổ nó co lên, nó lại đau bụng đau lưng như thế, thì nó đã sợ có vợ lắm rồi.

Mấy hôm vợ bỏ nhà đi và những việc lôi thôi dồn dập xảy ra giữa hai nhà, mặt mũi nó cứ nhợt nhạt, phờ phạc như người mất hồn.

Một buổi sáng, mặt trời lên khỏi ngọn tre mà Toàn chưa trở dậy. Toàn vẫn đắp chiếu lù lù. Ông Nhiều vào lật chiếu lên, thấy nó nằm co ro, mặt đỏ bừng như người say rượu, mắt sáng long lanh, dải chấy trắng cả một bên mép, khắp người nóng rùng rục. Toàn sốt. Bà Ba đi đâm gừng. Bà lấy một nắm tóc bọc vào một cái giẻ với hai đồng xu rồi rút rượu lên trên. Bà bọc mảnh giẻ lại vạch lưng áo Toàn, xoa khắp người nó. Bà đánh gió cho Toàn. Bà bảo:

- Cứ bao giờ có chú khách đi rao thuốc ê là y như rằng độc trời lắm. Hôm qua có mấy chú khách thuốc ê vào trong xóm này. Nghiệm thật.

Đánh gió mấy bận, nhưng Toàn không khỏi. Nó nằm lì bì luôn ba hôm. Cơm không ăn. Cháo cũng chẳng đụng một hớp. Chân tay nó nóng hầm hập. Môi nó khô se. Ông Ba Cấn sang chơi xem xét bệnh trạng cho Toàn. Không là ông lang chính hiệu bao giờ nhưng trong khi trông thấy người ốm cũng có thể ông bảo những môn thuốc của ông. Bởi vậy ông truyền cho ông Nhiều:

- Trời trở tiết, nó cảm nắng đấy. Để quá, nó nhập tâm thì hỏng. Ông tìm đâu lấy nắm lá ngải cứu khô, sắc cho nó uống một ấm như uống nước vối, là khắc bệnh sốt lui ngay.

Và ông khen:

- Cái lá ngải cứu của ta là bách bệnh tiêu trừ. Tài lắm! Nhà nào cũng nên có trữ một ít.

Ông cũng không quên kể một vài ví dụ mà trong ấy đã có người bệnh khỏi vì thứ lá quý này. Ông Nhiều Thục chạy đi mấy nhà xung quanh xin ngải cứu. Xin được ngay một nắm lớn. Người ta vẫn hay trữ những ngải cứu, vỏ quýt, lá tía tô, rễ lựu, tai hồng, phơi khô buộc lại thành từng gói, treo lủng lẳng ở đầu hiên.

Toàn uống lá ngải cứu. Cũng không bớt sốt. Mắt nó vẫn rùng rục. Mồm đắng như ăn phải mật cá. Lại nhiều người mách nhiều phương thuốc khác nữa. Thành ra, hồ như các ông ở bốn bên hàng xóm, mỗi ông có một môn thuốc. Ông Nhiều, bà Ba, cô Đôi Hời cứ việc chạy đi xin, đi mua. Mà bệnh Toàn vẫn không lui. Bà Ba lại đi xem bói. Ông thầy bói dạy: động thổ địa. Về mua một cái mũ trắng, một con ngựa trắng lễ tạ thì khỏi. Bà về nói, ông Nhiều cũng mua tinh tươm đủ thế. Ban đêm, ông để ngựa, để mũ giấy ra giữa sân, thắp hương, kính cẩn khấn vái. Toàn vẫn sốt

li bì như thường.

Sau ông Nhượng mới nhớ ra một căn bệnh. Ông đến bảo Hời:

- Thăng Toàn bên nhà bị đậu lào đấy. Đậu lào thì bao giờ cũng sốt nóng liên miên, anh sang đánh thử cho nó xem. Mà bảo ông Nhiều chớ cho nó ăn cơm vào thì khốn đấy.

Hời sang đánh đậu lào cho Toàn. Muốn biết có thực phải là bị đậu lào, người ta thử trước. Người ta lấy một nắm lá trầu không vò nát ra, dùng vào rượu rồi xát lên xương sống người bệnh. Hễ có đốm lên những nốt màu đỏ, ấy đúng là đậu lào. Họ kể chuyện có những người bị đã lâu, không biết, khi thử, thì những nốt đỏ ở lưng đã mọc lông ra. Nếu để chậm một hai bữa nữa thì sốt mê man lên, những cái lông kia mọc ngược vào bụng thì mất gỗ. Các nốt đỏ ở lưng mà nổi lên, thì dùng cái kim khâu chọc vỡ tan máu độc, là khỏi ngay. Hời cũng xát lá trầu không vào lưng Toàn. Lưng thăng bé gầy, lộ cả xương sống. Xát đến đâu thì nó đau đến đấy mà uốn cong lưng. Nhưng tuyệt nhiên chẳng nhìn thấy một vết đỏ, vết hằn nào nổi lên ở dọc đốt xương. Hời công Toàn ra giữa sân để nhìn cho thực kỹ, cũng không thấy.

Được mười hôm, tự dưng Toàn cũng khỏi. Dần dần, bệnh sốt nóng biến đi. Rồi cạn hẳn. Chẳng biết ăn thua về mặt thuốc gì và vì lẽ huyền bí gì. Nhưng không phải Toàn hết sạch bệnh. Sốt nóng đi rồi, bệnh sốt rét bò lên. Toàn đương ngồi ăn cơm, thấy trong người gầy gầy. Nó buông đũa xuống, chạy vào giường nằm. Một cơn rét ghê gớm ở đầu kéo tới. Chân tay nó co rúm lại. Hơi thở dốc ra. Tới mấy cái chiếu đắp lên người Toàn, mà Toàn vẫn run bần bật. Sau ông Nhiều mượn đầu được cả một cái áo bông dài quấn vào người nó, lại hai cái chăn dạ trùm lên. Mà Toàn vẫn nhe răng ra kêu rét, và run, và rên hằm hằm. Ông Nhiều, bà Ba cuống lên. Cứ chạy loanh quanh mà không biết làm thế nào cho Toàn khỏi rét. Vì đó là một thứ rét bệnh, nên được độ một giờ đồng hồ, Toàn không run và không kêu nữa. Mồ hôi toát ra khắp người, nhễ nhại như tắm. Nó mệt quá, nằm ngoẹo đầu, dang hai tay, thiếp lả một lúc mới bừng mắt dậy.

Từ hôm ấy, độ hai ngày, Toàn lại lên một cơn sốt rét ghê gớm như thế. Nó mắc chứng sốt rét cách nhật. Ông Nhiều không mời thầy lang, mà cũng không cắt thuốc chén. Ông bảo: “Sốt rét mà uống thuốc chén là uống tiền. Thuốc nam ta cầm chừng rồi cũng khỏi”. Ông nghe người ta mách đủ thứ lá lấu, rễ cây. Toàn lại phải uống một chập thuốc vu vơ nữa. Không có thuốc nào chữa khỏi. Vẫn cứ hai ba ngày một cơn rét rung cả chân giường.

Bệnh sốt rét mòn người chóng lả. Chỉ trong vòng nửa tháng, thăng Toàn gầy đét như một con mấm khô. Chân tay nó là những đầu nửa tép. Các đốt xương đầu gối, bả vai, khuỷu tay lòi trổ ra. Nó ngồi hàu háu trên giường. Ngón tay và ngón chân như dài ra hơn trước. Đầu nó trọc lốc. Ông Nhiều vừa mới cạo cho. Cạo đi để nhẹ. Tất cả người thăng bé, chỗ nào cũng gầy óp, chỉ trừ có cái đầu vẫn to như thường. Trông cái thân hình gầy xác ngồi lom khom, như khó nhọc lắm, mới đỡ nổi cái đầu nặng. Cái đầu lác lư. Toàn thấy choáng váng mặt lại phải ngả người xuống.

Cơn bệnh kéo dài ba bốn tháng. Toàn nằm bệt trong giường, ở một góc nhà.

Rồi Toàn khỏi. Bệnh dần vặt mãi, không làm Toàn chết, thì bệnh rút lui. Lần này Toàn khỏi, lại chẳng hiểu vì lẽ gì hay là vì bao nhiêu thứ thuốc không tên.

Nó đã ăn lại bữa. Ngày ăn bốn bữa năm sáu bát cơm, mà vẫn thấy đói. Mặt nó béo bệu, phì xuống. Da nó trắng bạch, lốm đốm đen. Tại nó ở trong nhà mấy tháng liền và vì từ ngày ốm tới giờ, chưa tắm lần nào, ghét đọng lại thành vết ở các lỗ chân lông.

Từ ngày khỏi ốm, Toàn hóa ra lười hơn trước. Ít nói, ít cười. Nó thường ngồi bần thần suốt ngày, mặt ngẩn ngơ như đương đắm chiêu nghĩ ngợi sự gì. Ai gọi thường cũng quên cả thưa. Ông Ba Cấn đến chơi, bảo rằng: những người ốm khỏi, bao giờ cũng ngẩn ngơ như thế, bởi khi nằm liệt giường thì “hồn” bạt đi. Rồi Toàn cũng hay nói. Nhưng đâm ra hay nói lảm nhảm một mình. Có bận Toàn ở trong nhà, nói thầm, lẻ nhẻ, lúc to lúc nhỏ, tưởng như đương chuyện với ai. Song vào xem thì chẳng có một ai. Nó ngồi nói vu vơ, ba lảng nhảng. Nó lại thêm cái tính đãng trí quá đời. Thường buổi chiều, Toàn đi chơi vợ vẩn ra ngoài bờ sông Lịch. Nó thủng thỉnh, hai tay chấp ra đằng sau. Đến tận tối mịt, ông Nhiều Thục vẫn chưa thấy con về ăn cơm.

Sang bên nhà Hời, không có. Cả nhà đổ đi tìm thì thấy Toàn vẫn đi thùng thỉnh, hai tay chấp ra đằng sau, dạo trên bờ sông. Một lần Toàn lên chợ, vào hàng cúp đầu. Nó bảo người ta cạo đầu cho nó. Nhưng đầu nó chỉ lơ thơ mấy cái tóc. Bởi khi nó ốm, tóc rụng gần hết. Nhưng nó cứ bảo người ta cạo. Người thợ từ chối, thì nó nhe răng ra cười, nói: “Thế hử”, rồi đi ra.

Người ta bảo thằng Toàn hóa tính lẩm cẩm dở người. Có kẻ đoán rằng tại Toàn nghĩ tức nổi mất vợ mà phát ốm và sinh ra chứng ấy. Có người suy nghĩ cẩn thận lý lẽ hơn, thì đoán rằng Toàn mà hóa lẩm cẩm là vì dòng máu nhà nó. Ngày xưa cụ ba đời nhà nó cũng hóa điên, lại cụ để ra ông nó cũng dở hơi. Ngay ông Nhiều Thục cũng nát rượu be bét. Đến thằng trưởng Khiếu, mặt lúc nào cũng bì ra những rượu. Và chính ngay thằng Toàn mới mười lăm tuổi đầu mà đã uống ừng ực từng chén tổng rượu mà không đỏ mặt.

Có chắc chắn bởi những có trên mà Toàn hóa ra như thế, cũng chẳng căn cứ gì rõ rệt. Chỉ biết Toàn càng ngày càng lẩn thẩn tẻ và sự lẩn thẩn càng đổi lạ. Nó trở nên hay làm dáng làm đóm như con gái. Răng nó vốn đỏ như cánh gián, vì nhuộm dở, thì bây giờ nó mua thuốc nhuộm cho thực đen rung rức. Nó đi múa mênh hai cái tay. Ông Nhiều có mắng, nó chỉ mუმ mუმ cười, liếc con mắt lúng liếng.

Rồi có một hôm, ông Nhiều đương ngồi uống rượu, thấy Hời xăm xăm công thằng Toàn vào, buông xuống. Toàn ngồi lử đử, ngơ ngẩn.

- Tôi đi ra đồng, gặp cậu ấy ở ngoài ruộng, cứ đứng múa lung tung như phường tuồng. Gọi thế nào cũng không thừa. Tôi đến gần lại chạy. Đuổi mãi mới tóm được cậu ấy, công về đây.

Từ hôm đó, ông Nhiều cấm Toàn không cho ra ngoài đường. Muốn cẩn thận, ông đóng chốt cửa khóa lại. Nhưng một bữa, không ai để ý, Toàn lần lần xé bờ rào đằng sau nhà, chui ra rồi chạy ra ngoài đầu xóm. Một chốc có tiếng trẻ con gọi léo xéo ngoài ngõ:

- Ông Nhiều ơi! Thằng Toàn nó đang nổi cơn rồ ở ngoài đồng đấy.

Ông Nhiều hốt hoảng chạy ra. Ở góc ruộng, bên bờ lũy xóm, Toàn đứng chong chổng. Tay Toàn cầm một cành tre, như cái roi. Mặt nó tái lại. Cái roi ở tay, nó lại vụt vào đất nó. Nó vụt liên liên. Quần nó mọc gai, đã rách bươm. Gai ở cái roi lại đâm vào da, máu chảy rơm rớm, dính cả vào quần. Ông Nhiều đến tận nơi, mà Toàn cũng cứ tự nhiên vụt roi đồm độp vào lưng mình, như không biết gì hết. Ông Nhiều sợ hãi, giằng lấy roi, công xốc Toàn lên, chạy về. Mất roi, Toàn lại đâm lấy đâm để vào lưng mình, trông buồn cười và ái ngại. Có mấy người đứng xem ở cổng xóm nói với nhau:

- Dễ có đứa nó phản nhà ông Nhiều.

- Phản gì?

- Nó ghét thì nó bỏ bùa.

- Ông ta hiền lành, có ai ghét đâu. Chỉ có thằng trưởng Khiếu là con ông. Chẳng lẽ lại là thằng ấy?

- Ai biết đâu đấy!

Ông Nhiều công Toàn về đến sân thì Toàn tuồi xuống. Nó ngồi xếp bằng tròn ở dưới đất, giữa gian giữa. Hai tay cứ vả đôm đốp lên hai bên má; ông Nhiều tóm nó lại thì nó cúi xuống cắn quần cắn áo. Bấy giờ đã có nhiều người đến hỏi thăm. Họ bàn nên buộc tay Toàn lại. Nó trợn mắt lên, quát: “Ai trói tôi thì tôi cắn lưỡi”. Và nó thè dài ngay lưỡi ra; hai hàm răng sít lại, không ai dám mó đến người nó nữa. Nó lại ngồi vả vào mặt nó. Ai cũng ngơ ngác nhìn nhau. Bà Ba và ông Nhiều - nhất là Ngây - nước mắt vòng quanh.

Bỗng Toàn ngừng tát. Nó chống nạnh vào hai bên sườn. Lúc lắc mấy cái, rồi đảo đầu lia lịa. Mồm hét to:

- Có biết ta là ai không? Có biết ta là ai không?

Tất cả những người đàn bà ngồi quanh đấy nghe câu nói, sửng sốt. Họ thăm thì vào tai nhau:

“Thôi chết, thánh ộp nó rồi!”. Lập tức mấy bà đứng lên, lại gần Toàn, hai tay chấp lại vừa vái vừa xuýt xoa khẩn: “Lạy ngài vạn lạy, lạy ngài mớ bái... Chúng con người trần mắt thịt, ngài khai danh khai tính cho biết... Lạy ngài vạn lạy, lạy ngài mớ bái...”

Toàn cười khẩy một tiếng, nét mặt nghiêm hẳn lên. Trông nó bây giờ có một vẻ quái dị ngậy ngô. Nó lại cười nữa, rồi múa hai tay lên, nói the thé:

- À à... ta là nàng hai hầu bà chúa... hèm... hèm...

Ai cũng rùng người. Thôi thế là ai ai cũng xúm lại, vái la vái liệ, cả ông Nhiều Thục, cả bà Ba và Ngây và Bướm.

Nói xong câu ấy, Toàn buông xuôi hai tay, ngáp mấy cái đứng dậy. Nó đứng dậy ngơ ngác nhìn mọi người, linh linh vào giường đi ngủ. Ông Nhiều rón rén theo, kính cẩn rụt rè giắt lá màn xuống chiếu cho con. Một chốc, Toàn đã ngáy khò khò.

Nhưng bấy giờ, ở ngoài phản, xung quanh ngọn đèn Hoa Kỳ tù mù, là một cuộc nói chuyện nho nhỏ, nhưng đầy vẻ hãi sợ, bí mật. Cũng hãi sợ, bí mật như bóng tối dày đặc ở ngoài.

Một bà ra lối thông thạo:

- Nường hai trên rừng hầu Đức Mẫu đấy. Đây là cô, các ông, các bà ạ.

- Ông Nhiều phải cẩn thận mới được.

Từ nãy, ông Nhiều chỉ ngồi khoanh tay, mặt thờ, ai bảo gì cũng chỉ dạ nhip. Ông đã buồn, đã lo lại sợ nữa.

- Thảo nào, ít lâu tôi trông cậu ấy khác lắm.

- Tôi thấy cậu ấy vẫn sang bên Thượng với bà đồng Mía.

Và từ hôm sau, người ta bắt đầu chú ý nhìn đến Toàn. Chú ý để khảo chuyện với nhau và chính cũng để nhìn phóng đại thêm lên nữa. Đầu tiên, Toàn hay giao thiệp với bà đồng Mía bên làng Thượng. Bà này, tuy là đàn bà, nhưng lại là đồng quan tướng. Mỗi khi bà lên đồng, thường gầm thét inh ỏi. Bà nhai đĩa, nhai bát giòn căng cắc. Bà uống tiết gà, uống dầu ta. Và bà ta ăn xôi cũng khỏe kịch liệt. Trong điện của bà, thờ bức tranh con hổ vàng, mắt trắng, ngồi gùm gùm, vắt nghiêng cái đuôi. Toàn thì bỗng tự dưng có cái vẻ bề mặt của một người đàn bà. Nó đi núng nính ve vẩy hai cái tay; mắt Toàn đã đưa, liếc bên phải liếc bên trái. Mỗi khi ra đường, hễ gặp người lạ, Toàn ngượng ngịu, bước nhanh nhanh.

Thỉnh thoảng, Toàn lại lảo đảo lên đồng. Nhưng lên đồng từ tốn, nhẹ nhàng, không dữ dội như bữa trước.

Người ta gọi thằng Toàn là cô đồng Toàn.

Ông Nhiều nói chuyện với mọi người rằng:

- Cái số cháu nó có đồng. Ngày trước, một bà thầy bói bên Bắc đã đoán cho thế. Tôi vô tâm quá. Lạy thánh mớ bái, số cháu có lấy được vợ đâu!

Và từ đấy ông Nhiều không tiếc cái Lựa bỏ đi, cũng không oán giận gì ông thủ Dân.

Cả bà Ba, cô đôi Hời cũng nghĩ như vậy.

Một ngày phiên chợ lựa, ông Nhiều đi sắm về một chiếc mâm bông, một án thư, một bát cắm hương và mấy cái nón giấy trang kim sắc sỡ. Ông mua đồ thờ cho cô đồng Toàn. Ở nhà, gian bên trái, ông cũng làm một bàn thờ gần hết như bàn thờ tổ tiên nơi gian giữa. Có phần lại vui mắt hơn, vì có treo mấy chiếc nón ngũ sắc, mấy cái hộp quả vàng quả bạc giấy trang kim óng ánh.

Những ngày rằm và mồng một, bà đồng Mía cho cung văn sang nhà cô đồng Toàn. Cung văn hát và đánh đàn để chiêu cho Toàn lên đồng. Toàn lên đồng khéo lắm. Chân tay mềm mại dẻo dẹo, những bà ở quanh trong xóm đem trầu cau, hương hoa đến cúng, thật thành tâm.

BẤY GIỜ NGHỀ LĨNH LỰA ĐƯƠNG THỊNH. Nói theo tiếng nhà nghề, hàng họ đương chạy tay. Vào chập tối những ngày phiên chợ, thợ tơ, thợ cửi đi chơi dong nhan ngoài đường, đứng họp chuyện ở những ngã ba, ngã tư, vui vẻ đông đảo như hội. Buổi chiều, những người trong làng lũ lượt đi chợ về. Tay ai cũng xách các thức ăn. Người này một xâu cá mè. Người kia một dây những miếng thịt trâu bạc nhạc, hoặc vài ba lá mỡ lợn. Có người lại đựng lên trên nón một ôm rau muống, một gói đậu, mấy cái bánh đa, mấy bánh đậu phụ.

Và ai cũng đeo trên lưng một cái dây nâu đựng tơ. Bán hàng ở chợ xong, mua tơ ngay tại đấy. Nhà có một khung cửi, lấy hai nén tơ đã là nhiều. Giá mỗi nén bảy đồng. Hai nén tơ vừa làm ngang vừa làm dọc. Những thứ tơ dễ làm nhất là tơ Phùng, tơ Hưng Yên, hay là tơ Nhật Tân. Từng con tơ chắc nịch, vàng sẫm, đem quay thành nhiều ống. Phải chọn ra từng thứ sợi một. Sợi mảnh, sợi lưa vừa dăm nhỏ, dăm to thì để đánh suốt, làm ngang. Sợi mắc, dăm đều, để mắc cửi làm dọc. Sợi suốt dăm thực to, chỉ chuyên dùng làm mấy đường biên.

Mấy năm nay, hàng họ khá. Làng mạc có vẻ khang trang. Những nhà kiếm ăn được, bắt đầu sửa sang nhà cửa cho được đẹp mắt. Ở đây người ta có tính hoa hòe hoa sói, thích cái gì xốc nổi bề ngoài cho có mẽ. Tuy chưa mấy cửa nả, nhưng thường tỏ vẻ nhà ta khá. Trước hết, mua gạch về xây một cái cổng ngõ kiểu tây. Cái cổng cao hơn đầu người, có hai cánh cửa gỗ. Trên hai cái cột trụ có đôi chấu bằng vôi cát, trên nặn mấy quả phật thủ, quả bưởi, cũng bằng vôi cát. Giữa cổng, trên cùng đắp nổi hình một con dơi to, xòe rộng đôi cánh. Dưới đầu con dơi viết nổi bốn chữ số ngừng ngoèo 1930. Bên dưới nữa, người ra kẻ một bức hoành trong có hai chữ nho; như hai hàng cột trụ, cũng có hai vế câu đối, nhiều khi chủ nhân cũng chẳng biết đọc một chữ nào là sự rất thường. Người ta đắp lên cho đẹp mắt. Khi đắp, tô cho xong, các ông đồ cho những chữ nhỏ ấy, tất cũng có dặn cách đọc và có khi giảng nghĩa cẩn thận, nhưng người ta còn vội dẹt cửi, vội uống rượu, vội vợ, vội con, ai mà nhớ. Cái cổng thì quét vôi vàng. Song ở những chỗ bức thành con dơi, chấu hoa quả lại bôi phẩm xanh đỏ lòe loẹt.

Có tiền xây cổng rồi, người ta bắt đầu trù tiền lát sân, lên hai đầu hồi và xây một cái tường hậu con kiến. Như thế, có thể sau vài năm làm ăn nữa, thì dỡ mái nhà lá đi. Rui, mè thay bằng gỗ xoan và tre cật. Mái được lợp ngói. Xong cái mái ngói đỏ hoe, đã có một nếp nhà ngói, tường hoa, cổng gạch đứng đắn chỉnh chệch rồi. Lúc bấy giờ trong nhà đã có, đã phong lưu. Người ta đã nhàn nhả. Có thể ngày hai buổi cầm cái quạt nan ra ngồi uống nước chè tươi ở đầu làng, nói chuyện phiếm.

Đã nhiều nhà, nhiều người được như vậy. Cũng có người - nói tổng lại là ai ai cũng đương mong được như vậy. Như anh Hời, cũng mong mỗi hy vọng lắm.

Một ngày phiên đi chợ bán lĩnh về, Ngây nói chuyện với chồng:

- Hàng hôm nay xuống tiền. Mỗi tấm lĩnh mất năm hào. Được có bốn đồng rưỡi một tấm.

Bà Vạng ngồi trong giường, lần quay mấy cái suốt mới, hỏi con dâu:

- Chết chữa, sao hàng họ lại xuống nhiều thế?

- Hàng cả chợ cùng xuống. Hôm nay, cái tốt mới được tròn tiền.

Nàng ngồi bọc tơ, đếm chia ra từng thứ. Rồi nàng đếm tiền, tính các món và kể cho mẹ chồng nghe. Bà lão bấm đốt ngón tay, nhắm theo lời con dâu, mà cũng đúng được món nào ra món nấy. Xong đâu đấy, Ngây mới ra ngoài hè ngồi ăn cơm.

Thức ăn bày trên cái mâm gỗ, loang lổ dầu sơn son. Một đĩa tôm muối rang đỏ sạm. Một bát dưa cần. Và một đĩa đậu nướng - món ăn đặc biệt, chỉ những ngày phiên mới có. Nàng chiêu mấy ngụm nước luộc cần, ăn quáng quàng cho xong bữa. Vừa ăn, vừa nói chuyện với cả nhà:

- Mấy phiên nay ở chợ có bán một thứ tơ mới.

Hời nói góp:

- Lại cái tơ Hưng Yên vàng sợi chứ gì?

- Nếu thế đã không phải là tơ mới. Tơ này trắng nuốt. Vặn lại từng bó, to như con sợi mà người ta bán lô, bán bó, chứ không bán nén, bán lạng như tơ của ta.

Bà Vạng hỏi:

- Tơ gì thế?

- Người ta gọi là tơ Tàu, bầm ạ. Quay nó thì phải lồng vào guồng to, như quay sợi vải.

- Có ai mua không?

- Chẳng mảnh đại nào mớ đến. Mấy con mẹ Khách bày chán ra, rồi lại thu vào tay nải. Ai thấy tơ lạ cũng xúm vào xem thôi.

Hời ngẫm nghĩ tùm tùm:

- Chắc cũng làm được, thì người ta mới bán.

- Ấy cũng bảo để làm lĩnh, làm lụa đấy. Nhưng sợi nó nhỏ muốt. Chỉ gỡ một cái mảnh, đã bung ra rồi. Nó không có mảnh, mắc như sợi tơ ta. Chỉ độc mỗi một dặm.

- À thế người ta bán giá cả thế nào?

- Úi già, rẻ quá. Một bó có năm lô. Một lô là bốn đồng. Một con tơ Tàu nhiều sợi gấp ba, bốn con tơ mái của ta. Đã thế lại chỉ rẻ bằng nửa thôi.

Bà Vạng nói:

- Rồi nó lại giống cái tơ Nhật Tân năm nào. Định đổi lối guồng ra như con sợi, chẳng ai mua. Lại phải bỏ. Cái bà ký Chắt thử bán đặng tơ ấy, lỗ vốn mất cả nghiệp.

- Tơ này người Khách nó bán.

Anh Hời vói tay lấy cái đàn bầu ở trên móc cột xuống. Cây đàn bụi đóng, mớ đến chỗ nào, có vết ngón tay chỗ ấy. Anh đi tìm cái giẻ. Và anh nói lẩm bầm:

- Khách người ta giàu phải biết, không sặt nghiệp được.

Rồi cũng nghĩ ngợi theo câu nói ấy, anh dạo đàn, khe khẽ hát:

*Ba mươi Tết, Tết lại ba mươi
Vợ thẳng Ngô đốt vàng cho chú Khách
Một tay cầm cái dù rách
Một tay xách cái chăn bông
Em đứng bờ sông
Em trông sang bên nước người
Ới chú chiêm ơi là chú chiêm ơi*

Trong vài tháng, suốt mấy làng làm nghề lĩnh, không ai mua thứ tơ Tàu mới lạ ấy.

Nhưng rồi cũng có người dùng. Khi ấy, vào cuối ngày mùa, tơ tầm cao giá quá và hàng lĩnh không được đắt mấy. Người ta bèn làm thử tơ Tàu. Làm thử, thấy được - và dễ như tơ mái - dần dần mới làm hồ, những sợi tơ Tàu lướt, khó vuốt hồ vào. Nhưng rồi thợ hồ làm cũng quen. Thực ra, cái dễ người ta dễ quen làm được tơ Tàu trước tiên là vì tơ Tàu rẻ quá. Một con tơ ấy chỉ bằng nửa tiền con tơ mái ta mà khi quay thành ống lại nhiều gấp mấy lần một con tơ mái. Số người làm lụa tơ Tàu, tăng dần lên.

Tuy thế, trong làng Nha vẫn chưa ai đụng đến cái thứ tơ mới mẻ kỳ quặc ấy. Người ta còn nghe,

không cứ cái gì cũng thay đổi. Ông già bà cả bảo:

- Nghề tổ từ xưa truyền lại vẫn làm một thứ linh ấy, một thứ tơ ấy. Lạy thánh, đổi đi thế nào được. Chết sớm.

Ngoài chợ, giá bán linh cho lái buôn sinh ra rất trái ngược. Linh tơ ta thì bán năm sáu đồng một tấm hàng nhẹ năm bàn. Tơ Tàu, chỉ bốn đồng ba đồng. Có khi lại chỉ hai đồng rưỡi. Tất nhiên, lái buôn xô vào mua linh tơ Tàu.

Món hàng cũ ế quá. Ngây đi chợ về, phàn nàn cảnh chợ khó khăn với mẹ chồng. Bà Vạng chép miệng:

- Làng nước sao thì nhà ta cũng vậy. Lạy thánh, lúc thế này còn có lúc thế khác.

Nhưng biết bao giờ “có lúc thế khác”. Những nhà đơn lưng một vốn chỉ lâm vào cái cảnh ế độ vài phiên chợ đã thấy nhao lên. Nhà Hời cũng vậy. Tiền nong đã eo hẹp đi nhiều rồi.

Ông Nhiều Thục không mấy khi có thời giờ rảnh rỗi để đi chơi. Nhất là từ khi thằng Toàn nổi đồng cô, việc gì nó cũng không mớ tay vào, cả ngày đồng đánh vuốt ve, ông càng phải làm nhiều. Ông không cấm, và không dám bao giờ cầm roi đánh nó nữa. Nó có còn là con ông đâu. Nó là con cháu nhà thánh, thánh bắt ra lính vào ghế đệm hầu hạ cửa đền cửa điện rồi.

Buổi sáng ngày phiên chợ linh ấy, Ngây định sắp sửa đi chợ, chột lâm râm đau bụng. Nàng không dám đi, phải sang nhờ ông Nhiều đem bán linh hộ.

Bụng Ngây đã to lắm. Mấy tháng đầu, nàng buộc bụng thực chặt ngặt lại mà đi ra đường vẫn thấy chướng, thấy ngượng. Về sau không thể buộc giữ được, cái thai một ngày một phè ra, nàng cứ đi đứng như thường, thì lại không ngượng. Đã quen. Bà Vạng khoe với người ta:

- Tháng một này cháu nó nằm xó.

Tính ra thì sắp đến ngày. Hôm Hời đi mua một chai nước mắt ngon để biếu chị Thoại. Chị Thoại đã ở cũ từ tháng trước. Chị đẻ con trai. Hời cũng đã để ý đến sự mua cho vợ một chai. Anh rục rịch đồ ăn thức đựng cho vợ đẻ. Anh rất áy náy, hồi hộp, bồn chồn.

Chiều hôm đó, ông Nhiều đi bán linh về đem tiền sang trả vợ chồng Hời. Ông bảo chàng rể và con gái:

- Nhà tao phải nghỉ thôi. Hàng họ thế này, không thể làm được. Cửa nhà mày, bán được có tròn bốn đồng.

Ngây ngạc nhiên:

- Tròn bốn đồng!

- Ấy là còn nài mãi, người ta mới mua cho. Không nói già bọt mép ra thì đến đem về. Mà đem hàng về thì nhà này cũng như nhà bên kia, tiền đâu đóng gạo, tiền đâu mua rau.

Bà Vạng thở dài:

- Nhà kém vốn khổ quá. Mời ông xơi nước đi.

- Bà mặc tôi. Vâng, nhà kém vốn mà cứ đeo đuổi mãi thế này thì đến hết mất. Nhà tôi bên kia nghỉ từ phiên này.

Ngây hỏi bố:

- Thày thử xem cái tơ Tàu làm thế nào. Hay là ta xoay vậy.

- Tơ Tàu cũng quá chết. Phiên hôm nay cứ mười thì tám người mang linh tơ trắng về.

- Tưởng cái ấy đương chạy? Rẻ thì rẻ...

- Tơ Tàu có rẻ. Rẻ thì chạy hàng. Nó chạy hàng được mấy phiên, bao nhiêu khung cử linh tơ vàng, bao nhiêu hàng bán tơ vàng ế chống lên. Thiên hạ xô nhau làm linh tơ Tàu, buôn tơ Tàu. Bà tính, của rẻ có bao giờ là của tốt. Tơ Tàu dẹt linh, mặc nó bỏ bùng bực. May cái quần, xỏ

chân vào được độ bốn bận thì rách toang. Những người buôn lĩnh bảo bên Sài Gòn không mua lĩnh Bưởi nữa. Lĩnh Bưởi giả dối.

Hời nói:

- Chẳng mua thứ này, người ta mua thứ khác. Bơ vợ chỉ chết mình.

Ông Nhiều chép miệng:

- Ừ, bơ vợ chỉ chết người ngẩn vốn! Như cánh nhà lý Chi, hương Nội, ế thế này thì họ không làm nữa. Họ mua tơ trũ lại, bao giờ hàng khá, họ lại làm. Những đứa giàu thì lúc nào cũng giàu...

Bà Vạng tiếp:

- Vâng, người giàu thì giàu mãi lên. Mình quét lá đa vẫn quét lá đa. Mời ông xơi nước.

- Nhịa, bà mặc tôi.

- Cô đồng bên nhà xơi cơm chưa ạ?

Ông Nhiều đáp khẽ:

- Tôi chợ về thì cô đã xơi rồi.

Tối hôm ấy, ở trong buồng, hai vợ chồng Hời bàn chuyện nhà. Ngây ngồi kê bên ngọn đèn để trên nắp thạp gạo, cầm cúi vá cái áo cánh rách. Hời nằm ngửa giữa giường, hai tay lót ra sau gáy, mắt lờ lờ nhìn lên lườn nhà. Thỉnh thoảng lại rút tay ra vỗ muỗi. Trời đã sang tiết cuối thu mà vẫn còn lác đác vo ve tiếng muỗi. Ngây ngẩng mặt lên nhìn chồng, nói:

- Hay là nghe bầm, nhà ạ.

Hời đáp:

- Tôi cũng định bảo nhà thế.

Ngây chép miệng:

- Mà phải. Ta nghỉ quách. Nhà lại đi dệt cử như năm ngoái. Tôi vợ vào con tơ về quay hay là đi làm hồ.

Hời cau mặt, gắt:

- Nhà nói dở! Sắp ngồi ổ đấy, lại còn đi làm gì! Tôi nhờ anh Thoại tìm cho cái khung cử dệt. Mình là người tay bấm, nhà không làm thì đi làm mướn. Ai cười mà sợ!

- Nhà cũng nói dở nốt. Mình làm lấy miếng ăn, sợ gì ai cười!

Hời tủm tỉm.

- Là nói chơi thế. À, bầm bảo nhà nghỉ làm, còn mười tám đồng đấy thì trả đỡ cho nhà chị lý Chi một nửa.

- Tôi cũng nghĩ thế, trả lãi mãi, xót ruột quá. Mười đồng bạc mà mỗi tháng lại một đồng thì có chết người ta không. Trả lãi từ tháng Giêng đến giờ, vừa đúng bằng gốc rồi. Tháng này nữa thôi. Sư nhà nó!

VI

ĐÊM HÔM NAY, THẲNG BÉ LAI KHÓC. Nó khóc dữ quá. Bà Vạng phải thức từ một giờ sáng để ẵm đỡ cho mẹ nó. Đêm nào nó cũng khóc từ sang canh trở đi.

Ngây ở cữ thẳng bé đã được hơn một phiên chợ, vào lúc nửa đêm. Khi nàng xỏ xong, Hời chạy đến đập cửa nhà ông Nhượng để hỏi ông xem là để thẳng bé vào hồi giờ nào. Ông Nhượng ở trong nhà, nói vọng ra: "Tôi biết rồi! Anh cứ về, mai tôi đến". Hời yên trí. Sáng hôm sau, ông

Nhượng đến sớm. Ông ngồi nhà ngoài, uống nước. Ông nói: “Đêm qua, lúc anh đôi vừa đập cửa, tôi biết ngay. Anh về thì tôi chống gậy lên nhà ông Chính xem giờ cho cháu. Hơn mười hai giờ. Vào giờ tỵ. Giờ này cũng vừa vừa”. Ông giơ bàn tay ra bấm, tính lẩm nhẩm một lúc. Rồi lại nói: “Tôi vừa nghe tiếng gà nhà ai gáy thì anh Đôi gọi cửa. Trời sáng trăng gà ngỡ sáng, hóa ra gáy sớm quá. Nhân thế, tôi đặt tên nó là thằng cu Kê. Kê là gà. Đặt tên vào chữ cẩn thận đấy. Tôi đã xem kỹ, chữ ấy không trùng với nhà ai”. Chẳng ai nói gì. Bởi nếu ông Nhượng không đặt cho trước thì rồi cũng đến lại phải nhờ ông Ông chọn, ông xét xem tên có chạm tên húy nhà ai không. Thế là thằng bé tên Kê. Cu Kê.

Thằng cu Kê hay khóc đêm quá. Ba đêm nay, nó khóc liên liên. Mẹ nó ngồi bế con từ chập tối. Nửa đêm thì bà nó trở dậy, ẵm đỡ cho tới sáng. Người mẹ nằm xuống giường, ngủ chập chờn. Thằng bé cứ oe to một tiếng, là nàng đã vội mở mắt ra rồi. Không đêm nào ngủ được yên, mắt nàng trũng xuống, thâm quầng xung quanh, má hóp lại.

Bà Vạng ẵm cháu ngồi khom khom. Không thể đặt nó nằm được. Nằm xuống, nó khóc tưởng là sắp đứt hơi. Bởi vậy, lúc nào cũng phải ngồi ẵm. Bà Vạng bảo: “Nó giống cái tính thằng bố nó đấy. Ngày xưa, tao ẵm bố nó ngồi suốt ba tháng. Cả ngày cả đêm. Ngồi đủ ba tháng thì bố nó cũng khóc đủ ba tháng. Lung tao bây giờ mà còng xuống là tại ngồi ẵm nó nhiều thế đấy chứ. Rõ cha nào con ấy, các cụ nói chẳng câu nào bỏ đi”.

Bà ẵm cháu. Thằng bé vừa nín. Nó muốn khóc, nó muốn im, tùy ý. Đó cũng là một công việc. Đấy, nó lại khóc rồi. Trong canh khuya, tiếng trẻ khóc, vẳng lên. Tiếng e é ngắt nghẽo, nức nở, buồn rợn như tiếng mèo gào khàn. Nó khóc một thôi dài, đều đặn. Bà lão ôm cháu trong lòng vỗ khe khẽ, cũng “ạ, ờ” đều đều theo tiếng trẻ khóc. Một lúc sau, thằng bé lại bắt đầu the thé cao giọng. Gió lọt cánh liếp vào, đưa hắt hiu ánh ngọn đèn Hoa Kỳ để bên góc phản. Bà lão đương mơ mơ mòng mòng, như chợt tỉnh, cất cao cái giọng rè rè, buồn tê người:

A ơi... Học trò đèn sách hôm mai

Ngày sau thi đỗ nên trai mới hào

A ơi ơi...

Tiếng bà to hơn tiếng cháu hờn, vang lên bức vách. Thằng bé đã dịu cơn, hờn nhẹ xuống như cũ. Bà lão cũng ru nhỏ nhỏ:

A ơi... Làm nên quan thấp, quan cao

Làm nên lọng tía, võng đào nghênh ngang.

A ơi ơi...

Bóng bà lão già rờn rờn trên vách đất. Đêm cuối mùa thu, heo may về sớm, rạt rào trong khóm tre đầu ngõ. Gió lách khe liếp, làm lung lay giọt ánh sáng trong cái thông phong tròn mờ khói. Bóng bà lão cũng lung lay. Như là tiếng hát ru ời ời ử ê kia cùng nhịp với tiếng khóc oe oé, làm động dậy cả một vùng ánh sáng nhỏ yếu trong căn nhà vừa tối vừa thấp, vào lúc đêm quá phân nửa, sao mai mới lên lấp lánh.

Thằng bé nằm trong lòng bà lão bỗng lại làm một trận khóc dữ nữa. Nó khóc ngăn ngắt như là nức lên từng cơn. Bố nó, từ lúc bà Vạng trở dậy, cũng bò dậy, ngồi cuối giường, khoanh hai tay lên đầu gối. Anh ta thốt một tiếng thở dài. Tối nào Hời cũng thức lĩnh kính như cả nhà. Anh ngồi hút thuốc lào vặt, anh xuống bếp đun nước và đến gần sáng thì đi thối cơm.

Thấy con khóc nhiều quá, anh sốt ruột, đứng dậy đi ra ngoài hiên. Gió hun hút thổi trong bóng tối thăm thẳm. Anh đứng nhìn vu vơ lên trời, lòng lo lắng xôn xao. Có những chuyện rờn rợn, không muốn nghĩ, không muốn tư tưởng đến, mà vẫn lẩn vẫn quanh quất. Đó là những chuyện ma quái, những vong hồn bà cô, ông mãnh trong đêm hôm hay trêu chọc những trẻ mới sinh. Người ta nói rằng chúng thường hiện về, ẩn vào ánh đèn mà trêu cho đứa trẻ khóc. Đứa trẻ sẽ khóc dai lắm, khóc mãi mãi. Có thể khóc hết hơi rồi đến hết cả thở nữa.

Chợt Hời rùng mình. Trên vòm trời đen kịt có một vì sao đổi ngôi, rót ánh sáng chạy dài xuống

phía dưới. Trong nhà, thằng bé vẫn khóc.

Tiếng khóc át cả tiếng bà ru. Nó khóc nấc, ngắt đi từng lúc.

Hồi mắt môi, quả quyết xuống bếp. Anh sờ tay lên nóc chạn, rút một con dao phay. Rồi anh cầm dao, đi nhón theo bức vách, lần nhẹ nhàng trở lên. Vén lá liếp, anh luồn rất nhanh vào trong buồng. Thằng bé vẫn đương khóc. Hồi giờ con dao, chém phạt nghiêng xuống ngọn đèn Hoa Kỳ đương leo lét.

- Toang!

Như đã biết trước, bà Vạng đưa tay lên giữ ngực thằng bé, miệng lẩm bẩm: “A di đà Phật!” Ngây thì ngồi nhồm dậy, ngơ ngác. Chém vỡ cái bóng đèn xong, anh Hồi xách dao nhảy ra đầu ngõ. Dao trong tay, anh chém lia lịa, ngang dọc vào những bụi cúc tần, bụi dâm bụt. Và anh chửi, anh rủa. Trong bóng tối, như anh đương cãi nhau, đánh nhau dữ dội với ma.

- Cha tiên nhân mày! Dám trêu tay ông à! Đã vỡ đầu ra chưa! Bận sau mà còn bén mảng đến trêu con ông thì toi mạng, toi mạng.

Chém đã chán tay, và có thể anh tưởng tượng đã đuổi được con ma phải chạy đi xa lắm, anh mới quay vào trong nhà. Thằng bé cũng ngớt cơn khóc. Bà Vạng lại cất tiếng ru khe khẽ, mơ hồ.

Tối om om. Hồi quát:

- Khóc nữa hay thôi? Ông thì chém băng cổ đi bây giờ!

Bà Vạng nựng cháu:

- Nao ơi! Cháu tôi đây mà! Cháu tôi có khóc nữa đâu!

Từ bấy giờ cho tới bạch nhật, thằng bé cũng réo thêm đôi ba cơn nữa. Nhưng đến lúc trời tang tảng, có tiếng con chim chích chòe cong đuôi hót véo von ngoài cây đề thì nó thôi. Nó nằm ngủ khò khè. Ánh sáng ban ngày trở về đã làm tan cơn khóc của thằng bé hay hờn.

Hồi xuống bếp thổi cơm. Anh thổi cơm khéo và nhanh lắm. Mà ấy là anh thổi những hai nồi. Một nồi gạo lóc để anh và mẹ ăn. Một nồi gạo dẻo thơm cho vợ. Còn đương lúi húi dưới bếp, đã nghe tiếng chó sủa dồn ngoài ngõ. Rồi tiếng gậy lộc cộc đi vào. Anh nhìn ra là ông Nhượng.

Ông Nhượng vừa vào đến sân đã cất tiếng hỏi:

- Đàng này đã ăn cơm chưa?

Hồi đáp vọng ra:

- Thừa, sắp ạ.

- Thế nào, tối hôm qua thằng cu có còn hờn không?

Bà Vạng đáp:

- Còn ít thôi ạ. Mời ông vào xơi nước.

Ông Nhượng chống cái gậy khoằm sừng hươu...

- Quái nhỉ? Anh Đồi đã làm cái tội bảo chưa?

- Làm rồi. Làm tối hôm qua. Từ bấy giờ thì cũng bớt khóc hơn trước.

- À thế thì mai khỏi hẳn. Cái ấy hay lắm đấy. Ngày trước con mụ Dám đàng kia, khi nó đẻ thằng Biên, thằng bé khóc ngằn ngặt suốt ngày suốt đêm. Một đêm, lão Dám đi tuần về, thấy con khóc ghê quá, có sẵn con dao bẩy cầm tay, lão chém vỡ tan cái đèn để trên giường. Thế mà từ tối hôm ấy thằng bé bớt hẳn khóc đấy. Cái giống ma cỏ trêu trẻ con mới để cứ hay ám vào ngọn đèn. Bao giờ, tối tăm ăm trể, thấy ngọn đèn xanh lơ, rung đi như sắp tắt mà không tắt, là đích thị ma cỏ. Cứ chém luôn một cái vỡ đầu nó ra là nó kệt.

Ông ngồi uống một ngụm nước, rồi luận bàn hùng hồn về những bệnh trẻ con cho cả nhà nghe:

- Bệnh này là bệnh sài khốc. Bệnh sài khốc thì có đến mười ông lang chính tông chữa thuốc trẻ con cũng khoanh tay, lắc đầu. Bệnh sài khốc phải chữa thể mới đúng mẹo. Rồi cứ nghiệm mà xem.

Hời dọn cơm ở dưới bếp lên. Mâm cơm có một bát muối vừng, một bát sung muối và một niêu nước mắm chưng thơm lừng. Hời vào buồng ẵm con cho vợ và mẹ ăn cơm trước. Ngây ra ngoài đầu phủ trùm hụp cái khăn vuông. Chân tay và đầy mặt bôi nghệ vàng bệch. Đôi guốc mộc đi lẹp kẹp. Nàng đi ra đầu nhà lấy bát nước đá mà anh Hời đã đi xin của thằng bé bên hàng xóm từ lúc nãy. Bát nước vàng xọng ngào bọt. Ngây nhắm mắt, uống ừng ực mấy hơi, cạn hết bát nước đá. Mùi nồng chất như mùi nước vôi xông lên, khiến Ngây lại nhắm mắt. Ông Nhượng bảo:

- Cái nước đá trẻ con ấy mà hay hơn thuốc bổ đấy.

Bà Vạng tiếp:

- Hay lắm chứ! Ngày xưa, mỗi bận ở cữ cháu nào tôi cũng uống nước đá liền một năm mười hai tháng. Cái nước đá mà hay thực. Các cô bây giờ hay làm bộ, bảo mãi mới uống, tưởng như khó khăn lắm. Nói thực chứ con nhà nghèo ở cữ mà không có nước đá thì cứ hậu sản mồn mà liệt giường.

Ngây so đũa, đánh cơm. Nàng nhìn mẹ chồng, cười:

- Tôi vẫn uống đấy ạ.

- Ừ, chi vẫn uống, tôi có nói chi đâu. Chị thử trông cái vợ anh Thoại thỉnh thoảng vẫn đến đây đấy. Mắt tôi không nhìn thấy nhưng tôi cứ nghe giọng chị ấy nói khàn khàn, ho khúc khắc là tôi biết ngay là cô ả không uống nước đá.

Ông Nhượng gật gù:

- Nhà neo không có ai bảo. Các anh các chị trẻ trung, ai nói cho mà biết.

Giữa khi ấy, con chó Mực đương ngồi chầu mâm cơm, chạy xổ ra, sủa om. Mọi người nhìn ra, cô đồng Toàn đương đi vào.

Cô đồng Toàn ăn mặc óng ả. Hắn đi guốc sơn then, quai có giấu hoa thị. Áo the dài, quần lĩnh đen nhánh. Đầu chít khăn lượt, ở một bên mái tóc giắt một chùm hoa ngâu và mấy cánh hoa hồng. Hắn đội nón kinh, trong lòng nón trang kim hình chim phượng. Hắn làm điệu vung vẩy hai tay, đi uốn éo như đàn bà. Cái mặt to phèn phẹt, hàm ngạnh hai bên, càng làm rộng lỗ miệng đỏ hoe vì luôn luôn nhai trầu bồm bẻm. Lông mày hắn cao nhỏ lại. Đôi mắt lúng liếng lúc nào cô đồng nghiêng khoé mắt, làm điệu liếc ai, thì bao nhiêu lòng trắng lại lộn lên, như người mắt hiếng. Nhưng đó là cái điệu mà người mộ đồng cho là đẹp nhất của Toàn đồng cô, sau những giá đồng. Độ này nó học làm “ghế đêm cửa thánh”, ông Nhiêu và bà Ba cũng đâm ra sính, mỗi lần Toàn ngồi đảo đồng, lại xúm vào lễ lia lịa. Tiền vốn nghỉ làm lúa, ông đem sắm sửa đồ thờ cho Toàn. Bởi ông nghĩ: “Thờ thánh phải cho thơm tất, mới mong mở mày mở mặt ra được. Cái số nhà mình thế”.

Hôm nay chắc Toàn đồng cô đi đâu lễ sớm tạt vào đây. Nó cặp bên nách một cái thúng nhồi, trên đây vuông vải đỏ. Nó vừa bước chân vào nhà thì cả nhà, ông Nhượng, bà Vạng, vợ chồng Hời ai cũng nhao nhao lên chào, kính cẩn như chào khách:

- Chào cô ạ!

- Lạy cô ạ!

- Cô đi lễ đâu bây giờ?

Toàn rất tự nhiên, nói ỏn ẻn:

- Đi lễ đền.

Ngây mời:

- Mời cô xơi nước.

Toản trả lời:

- Mặc thôi. Thấy thầy về nói thẳng cháu hay khóc, hôm qua tôi kêu lễ được lá dẫu đem sang cho.

Toản mở cái vải đỏ, lấy ở thùng ra cái tráp đen. Trong thùng để mấy tờ giấy vàng khổ hẹp và dài như tờ vàng lá, đóng dấu son đỏ lờ lợt. Toản lấy ra, đưa cho Ngây, dặn:

- Cho nó uống ngay. Mẹ uống cũng được.

- Dạ.

- Thôi, tôi phải đi bây giờ. Các bà đương đợi ngoài kia.

Người ta lại chào rồi rít. Đây là người “ghế đệm nhà thánh” chứ không ai còn dám nhớ rằng đây là thằng Toản mất vợ ngày nọ nữa. Nó tong tả, ngoe ngoáy, núng nính đi ra cửa. Một tay cắp thúng. Một tay dẹo dẹo khua khua ra đằng sau, tung vạt áo the lên. Nhìn theo, ông Nhượng nói:

- Lạy thánh mớ bái, dẫu của ngài là linh lắm.

Ngây nói nho nhỏ:

- Lạy vua lạy mẫu cũng là cái số cậu cháu thế. Số cậu cháu phải hầu cửa đền, cửa điện. Giá như ngày trước, vẫn bản thủ thế, nói đổ xuống sông, thánh lại làm cho thẳng nhơn tiền chớ chẳng chơi.

Ông Nhượng chấm dứt câu chuyện:

- Người ta ăn nhau về cái số, cái vận cả. Ai trái được việc nhà thánh.

Rồi ông đứng dậy, ra về. Lúc bấy giờ cũng đã sáng rõ. Học trò thầy đồ Miêu đã có đũa đi học về, chạy đuổi nhau tới tấp ngoài đường. Hời cũng đi ra với ông Nhượng. Anh đi dẹt cưỡi. Anh rút một cái tăm ở trên ống, vừa đi vừa xỉa răng.

Hời vừa ra khỏi nhà được một lúc thì có tiếng bà lý Chi gọi eo éo ngoài ngõ. Ngây đương ẵm con, giật mình. Bà Vạng chớp chớp mí mắt, thở dài. Đó là cái thứ người gặp thì chào hỏi khúm núm, nhưng bản cùng người ta mới phải gặp và thực bụng chẳng ai muốn để cho đến nhà.

Món nợ mười đồng ngày trước của Hời vay bà lý Chi vẫn chưa trả được một xu nào. Độ nợ trước khi nghỉ làm lính, vợ chồng Hời đã bàn nhau định trả bớt đi một nửa cho nhẹ nợ. Định thì vẫn là định thế, nhưng việc lại xảy ra khác. Bởi vì có anh thơ Bảy bên Bắc sang, tuy anh không dám nhắc gì đến tiền nợ, nhưng anh kêu dạo này túng thì bà Vạng biết ngay rằng: “Người ta nể, không nói đến nơi, thì mình phải liệu. Dâu là con, rể là khách, mà con mình đã chết mất rồi, lại càng xa nữa”. Bà Vạng bàn với vợ chồng Hời thì họ cũng bằng lòng ngay. Hời bảo: “Trả đỡ chú Bảy đi một ít. Cái món lý Chi thì hãy cứ trả lãi thôi, nhà đi làm được ta liệu trả sau” Hời liền đưa cho anh thơ Bảy năm đồng. Tuy thế, vẫn còn thiếu mười đồng. Ấy là chỗ người nhà, anh thơ không dám tính lãi.

Còn hơn một chục bạc, tiêu vào những ngày đầu cũ thì vừa. Tháng này Hời chậm đưa tiền lãi đến trả mẹ lý Chi. Tháng nào cũng vậy, ngày hôm nay là ngày mẹ đi lượt tất cả các nhà có nợ để nhặt tiền lãi.

Con chó cứ cắn nhặng nhặng và lùi dần. Bà lý vào đến giữa sân, hỏi to:

- Có ai nhà không?

Bà Vạng đáp:

- Có. Mời bà vào trong này. Hầy, con chó ranh, mắng không được phổng?

Bà lý Chi thò đầu vào:

- Anh ấy đâu?

- Bố cháu đi làm.

- Chị ấy?

- Mẹ cháu ngồi buồng.

Bà lý giấy nấy:

- Ấy chết, có đồ cung long tôi không đấy! Từ hôm nào?

- Không, không ạ. Ngoài một cử rồi...

Bà nhìn xung quanh rồi ngồi xuống phản, vén hai vạt áo the và co cả hai chân lên, sợ con chó chui xuống gầm căn trộm. Bà Vạng ở góc phản bên, tay sờ soạng ấm nước để rót. Mâm cơm lúc nãy chưa dọn đi, hãy còn lổng chổng bát, niêu, đĩa. Dưới đất là mấy guồng tơ bỏ trống. Bên kia, cái khung cửi rỗng tuếch. Chiếc vỏ khổ gác lên trên nóc. Cái cuốn thì dựng vào một xó vách. Ngây ăm con ở trong buồng ra. Thằng bé đỏ như con chuột lột, nằm co quắp trong cái tã nâu rách mướp. Ra ánh sáng, mắt nó nheo lại.

Hai cái mắt ti hí mà đã đùn lên đầy nhử. Bởi tối nó khóc tợn quá, hai bên kẻ khía xuống đỏ hoe. Bà lý Chi nhớ toẹt bãi quét trầu xuống góc nhà, hỏi:

- Tưởng nhà chị vẫn làm lính?

- Nhà cháu nghỉ đã hai tháng nay. Bà tính hàng họ ế ảm thế này, cả làng cũng không ai làm, nhà cháu dẹt sao lại. Thế mà lúc hết cử cũng lỗ vốn.

- Tiền lãi tháng này chẳng thấy anh ấy mang đến?

- Thừa bà, tháng này cháu ở cũ, túng quá. Bà khoan cho nhà cháu, nhà cháu trả bà vào lãi tháng Tết nhân thế. Thực từ ngày mượn của bà, chưa dám chậm trễ tháng nào. Chúng cháu là những người thật thà.

Bà lý nhai trầu bồm bồm, nói thông thả:

- Tết nhất đến nơi rồi. Chị chỉ hẹn suông rồi lại ì ra đấy.

- Chúng cháu đâu dám.

Bà nhìn chung quanh nhà, cười:

- Nói thế chứ, trây sao được với tôi. Này, đô trước tôi đã bảo có muốn vay nữa thì cứ làm giấy ký kết hẳn hoi, tôi cho vay. Vay ngay một lúc nó tiện cả tôi sổ sách. Mà tiện cái gì cũng thành món. Tôi tính chuyển tử tế cho các người, các người chẳng để vào tai.

VII

BƯỚM VÀO CHƠI NHÀ VỢ CHỒNG ANH HỒI. Đã lâu, họ ít tới nhà nhau. Cũng vì việc làm ăn bây giờ khó khăn quá. Cũng là những cái thân đi làm mướn, trầy trật đêm hôm chưa đủ được miếng ăn, còn thì giờ đâu mà đi chơi.

Vả lại, bây giờ vợ chồng Thoại không ở trong xóm mà ra ở hẻo lánh ngoài đầu cánh đồng, tận cuối làng. Qua xóm Đình, xóm Duối, xóm Giữa, lại cách mấy cái vườn hoang và một ngòi nước mới tới nhà Thoại. Cũng vì một chuyện rắc rối.

Hồi giữa năm, Bướm có đóng được hai đồng bạc gạo, để trong buồng. Đô ấy, hàng đã ế, mấy đứa trẻ nhà ông Cả Phao không ai mượn làm tháng - dù chỉ là làm tháng ăn cơm không. Chúng đói nheo nhóc nằm khàn ở nhà. Vợ chồng ông Cả Phao thì kiếm vào miệng họ cũng chẳng đủ nên chỉ có thể cho hai đứa con thất nghiệp kia ăn bữa thất bữa thường. Túng thì ăn vụng, đói thì làm càn. Hai đứa trẻ táy máy rình biết của thím hai Thoại có thúng gạo để trong buồng, nên thậm thọt vào xúc trộm. Có mỗi một thúng gạo mà khuyết đi mấy đấu, làm gì mà chẳng dễ biết. Và Bướm biết rõ ràng hai đứa cháu đã ăn trộm của mình. Tức quá, nàng chửi bóng gió. Thế là vợ chồng Cả Phao cũng chửi bóng gió. Rồi cãi nhau. Cuộc cãi nhau kéo dài đến mấy ngày. Sau cùng, ông Cả Phao nhất định đuổi không cho vợ chồng Thoại ở nhờ nữa, Thoại bướng không đi.

Hai anh em chỉ rình nện nhau. Mà hai người đàn bà thì rủa rới nhau. Bà Cả Phao nhấc Bướm là đồ đi theo không. Bướm chửi cái đứa lộn chồng. Mụ Phao trước kia là cô nữ của một đám phường chèo, đến hát đám ở làng Nha, tăng tịu với bác Phao rồi bỏ phường hát, bỏ cả chồng mà ở lại đây. Cứ bao giờ hai chị em dâu cãi nhau thực hăng thì hai anh em lại vác gậy ra đánh nhau. Một bận họ đã đánh nhau thật. Nếu không có người đổ đến can ngay thì tất đổ máu. Cuối cùng, Cả Phao triệt Thoại bằng cách bán cái nhà ngang, bán từ chiếc nan đứng bức vách. Thoại mất chỗ ở. Nhưng Thoại cũng chẳng lười thôi vô ích làm gì vì anh nghĩ ruột thịt mà ăn ở với nhau đến như thế thì thực cạn tài ráo máng, có chung đụng nữa chỉ thêm bức mình. Anh bèn ra thuê một miếng đất bỏ hoang của làng ở ngoài chân tre, dựng lên đấy một cái lều. Thăng bé cũng sinh ở cái lều ấy. Bởi thế, anh Thoại đặt tên nó là thằng Đồng, ý rằng đẻ nó ngoài đồng.

Nhưng có người ở trong làng đến xin anh Thoại đừng đặt chữ ấy làm tên con. Vì chạm húy tên ông tam đại nhà người ta. Tiện mồm lại liền dấu chữ quốc ngữ, Thoại gọi chệch ra là thằng Động.

Thằng Động ra đời giữa lúc cuộc sinh nhai eo hẹp quá. Tuy xưa nay hai vợ chồng vẫn chỉ đi làm mướn kiếm ăn, nhưng làm mướn bây giờ cũng khó khăn lắm. Hàng ế, lắm nhà nghỉ. Mà người đi làm thuê thì nhiều ứ lên. Gạo lại kém nữa.

Chưa bao giờ làng Nha ở vào cái quang cảnh tang thương như bây giờ. Xưa kia, lúc nào cũng vang lên, trong các cửa sổ lách tách tiếng thoi đưa, véo von tiếng hát. Chiều đến ngoài đầu ngõ, ồn ào những thợ tơ thợ cửi ra khùng cửi, đứng xúm lại chuyện trò. Bây giờ, vào trong làng vắng tanh. Những khùng cửi, guồng tơ xếp cả lại. Nhiều nhà túng, bán đi, không hòng sinh nhai gì về nghề nữa. Tơ vàng vẫn cao quá, đối với giá tơ Tàu. Hàng xấu, hàng tốt lẫn lộn với nhau, chẳng lái buôn nào biết ra sao mà buôn, người ta không về cất hàng nữa.

Ông Nhiêu Thục đi dệt cửi bên làng Thượng. Cả ông Ba Cấn cũng dệt mướn bên ấy. Ông Nhượng thì kém mắt, không dệt được cửi. Mặc dầu nhà ông khá, chưa đến nỗi phải ăn vay, nhưng ông cũng chẳng chịu ngồi không. Ông bảo: “Miệng ăn núi lở, ngồi rồi có ai cho một xu nào đâu. Tôi không có việc mà làm thì chân tay tôi ngứa ngáy, khó chịu lắm”. Và ông theo người ta đi xe đất đắp đường “cái Tây” cho Nhà nước. Mỗi chuyến đất được ba xu. Ngày ông cũng xe được ngót mười chuyến.

Người trong làng bỏ đi làm đủ nghề. Những gã lên tỉnh gánh nước thuê và kéo xe. Có những người nhập vào đám phu mộ đi các đồn điền trồng cao su ở Nam Kỳ. Lại có những nhà bồng bế nhau lên tỉnh ghi tên vào sổ di dân lên mạn ngược. Trong làng vắng sút hẳn đi. Trừ mấy nhà khá giả, thường nhà nào cũng chỉ ăn một bữa chiều. Buổi sáng ăn cháo hoa hay là không ăn gì. Ai đi làm mướn, bữa chiều mới được ăn no, bữa sáng chỉ được cơm nguội có ba bát vơi.

Khổ lắm. Người ta bỏ làng đi. Nhà trưởng Khiếu cũng đã đi mộ phu từ đạo thăng Toàn nổi đồng cô. Vợ hắn bị chó dại cắn. Chó cắn được một tháng thì lên cơn, sùi bọt mép ra mà chết. Vợ chết, trưởng Khiếu đem đứa con sang bên Phú Gia bán lấy mấy đồng bạc để mua săng cho vợ. Chôn vợ xong, hắn uống một bữa rượu ở ngoài chợ. Hắn lao đảo về, châm lửa đốt nhà, rồi bỏ đi biệt. Cái túp lều cháy hết, đổ sụp xuống. Hắn đi hẩn, không về nữa. Người ta đồn trưởng Khiếu đi ra Hòn Gai làm mỏ than. Có người lại bảo đích hắn lên tỉnh, đi ăn trộm, bị Tây bắt bỏ nhà pha rồi.

Làng đã nghèo lại sinh ra lắm điều rắc rối. Người ta chơi chẵn cạ, xóc đĩa, thò lò suốt ngày, suốt đêm. Sát phạt nhau từ một xu trở lên. Và cái sự mất trộm vặt thì thường xảy ra. Con chó, con gà đi tha thẩn ngoài ngõ, vô ý không ai trông, mất ngoém ngay. Cái váy, cái quần phơi ngoài sân, biến là thường. Thậm chí, ngoài vườn có mấy quả đu đủ xanh cũng bị vặt trụi. Không hôm nào không có người vác gậy, cầm mảnh tre làm nỏ đi rong ra rong vào chửi những đứa ăn cắp. Những đám cãi nhau nổi lên thường ngày, vang vang từ ngõ nọ chỗ qua ngõ kia.

Thằng Động ra đời vào giữa lúc cuộc sống của cha mẹ nó thực eo hẹp quá rồi. Bướm ở cữ nó xong nằm ẵm con, ăn hết hai đồng bạc gạo với mấy chai nước mắm mà vẫn chưa thể đi làm được. Chân bước không vững, tay vừa nhắc đến cái lồng tơ đã run run. Tuy một mình Thoại cố kỉnh cũng kiếm đủ ăn cả cho vợ, nhưng chỉ đủ ăn từng bữa. Nàng ngồi đấy ôm con đỏ trong lòng mà lo ngày ngày.

Mấy bữa nay, lại trở trời. Hai mắt thẳng bé cam díp hẳn lại, không mở ra được. Thoại đã dán cho hai lá nhựa duối vào hai thái dương, song cũng chẳng đỡ. Giá có tiền, nài đi mua cho nó mấy xu thuốc cao dán. Nhưng đào đâu ra tiền! Tiền chỉ vừa đóng gạo lấy cơm ăn đủ bữa. Trong nhà không có cái gì đáng giá được một hào. Những quần áo, giày dép của hai người hồi phong lưu đã cầm bán đi cả rồi. Dấu tích của những ngày trẻ trung ăn chơi, chỉ còn có một bức ảnh tàu năm trước chụp ngoài Kẻ Chợ lồng trong khung gỗ, có kính treo trên bức vách.

Sáng nay, Bướm bần khoản chợt nhớ đến vợ chồng Ngây. Họ cũng chẳng có hơn Bướm, sau thời kỳ làm lĩnh lỗ vốn. Nhưng chắc mượn một hào, năm xu thì cũng sẵn. Vả lại, đã lâu nài chưa vào trong ấy. Bướm buộc cái cổng tắt lại, ẵm con đi vào trong xóm Duối.

Chị em bạn gặp nhau nói cười rồi rít như ngày còn con gái. Họ trao lẫn con cho nhau ẵm.

Chuyện vẫn một lúc, Bướm bảo với Ngây:

- À, tháng sau thì cưới chị Khuyên đấy...

- Thế hả? Sao chẳng thấy ai đồn? Hôm nọ chị ấy cũng xuống đây chơi mà không nói chuyện gì.

- Hôm nọ chắc chưa có chuyện. Đám này hỏi thì xin cưới ngay. Hỏi có thách cả bánh cốm, bánh xu xê.

- To nhỉ? Ai thế? Đáng hẳn không phải người làng ta?

- Làng ta có mặt nào dám nhận thách bánh cốm. Đám này cháu ngoại cụ Bồ. Thằng ấy có về đây mấy bận, tôi cũng biết mặt. Trông bảnh lắm. Ăn mặc kiểu Tây công tử.

- Làm gì thế?

- Thấy bảo làm sở Nhật trình.

- Thế cưới về đâu?

- Cưới ra ngoài Kẻ Chợ.

- Chị ấy lại tha hồ mà sướng. Thế là người tỉnh thành, ăn trắng mặc trơn rồi.

Bướm kể chuyện:

- Nay, cái số người ta như thế đấy. Cứ xem như chị ấy ở nhà cũng quần quật như cánh mình, mà lúc nào cũng óng ả, duôn duốt ra. Đi đứng khoan thai, hòa nhã, ăn nói mềm mỏng. Cái số người ta sướng thì hiện ra cả chân tay. Ở làng ta, mới có chị ấy lấy chồng Kẻ Chợ là một.

- Kể ra thì cái Khuyên đẹp nhất làng - mà nhất cả hàng tổng này chứ chẳng vừa. Thiên hạ cũng tinh đấy chứ nhỉ? Mà cưới ra ngoài Kẻ Chợ thì ai dám đi phù dâu. Chị em mình nái xề rồi mà không thì cũng chịu thôi. Chắc đi bằng xe cao-su chứ nhỉ?

- Chắc thế. Còn phù dâu thì lại cánh con gái ông ký rượu Phong-ten trên phố chủ chứ, đâu đến lượt con gái làng này.

Nói đoạn câu ấy, nét mặt cô Bướm ra chiều ngẩn ngơ. Cô cúi xuống nhìn đứa con trong lòng, thở dài. Và cô nói sang chuyện khác:

- Nhà em cũng chỉ đầu tháng Chạp là hết cử.

- Hàng ế thế này, ai còn lẻo đẻo làm đến tận Ba Mươi Tết. Nhà em cũng hết việc.

- Chị còn làm, bà còn làm được. Cảnh em mới thực rầy rà.

Nàng nói hạ giọng xuống nho nhỏ, để cho bà Vạng ngồi quay tơ sưởi nắng ở ngoài hiên không nghe tiếng:

- Vợ chồng em định thu xếp lên trên ngược, chị ạ. Ở làng thì sống làm sao?

- Đi di dân hả?

- Không, em có người nhà rủ lên chạy chợ đường ngược.

- Rừng xanh núi đỏ, nước độc lắm.

- Mình ở nhà cứ tưởng thế chứ. Bây giờ tàu xe đi lại dễ như đi chợ. Làm gì có ma thiêng nước độc nữa.

- Bao giờ đi?

- Nhà em cứ bảo đi ngay. Nhưng em nghĩ năm hết Tết đến rồi, kéo nhau đi bây giờ coi nó thảm thiết thương tâm lắm. Để cho qua cái tháng Giêng mới mẻ đã. Này chị ạ, trên đất đồng rừng, làm ăn còn dễ. Cái người nhà rủ em đi ấy, bây giờ khá lắm rồi. Giá chị em mình mà đùm đúm được, cùng đi cho vui.

Ngây lắc đầu, nói nhỏ:

- Em thì đi sao được! Vợ chồng chị thanh mảnh chân tay lắm. Em còn mẹ già, chưa biết nhắm mắt lúc nào. Lại nổi bên nhà em càng chán thêm. Cái con dĩ kia thì bỏ đi rồi nhá. Thày em càng hỏng về rượu. Vợ chồng em bỏ đi cho rảnh thân thì không đành lòng. Lắm lúc em nghĩ cứ đổ hai hàng nước mắt.

Không ai nói thêm một lời. Hai người đàn bà nhìn nhau, giá ai có nói thêm một câu khổ não nào chắc là sẽ lại cùng sa nước mắt.

Một lúc sau, Bướm đi về. Ngây ẵm con đưa ra tận ngõ ngoài. Bướm nhìn bạn, ngượng ngịu:

- Thằng cu nhà em cam mắt quá.

- Ừ, phải mua thuốc cao trên chợ mà dán chứ dán nhựa duối thì không ăn thua.

- Em túng quá. Định vào mượn chị một hào để mua thuốc cao cho cháu.

Ngây lần tay vào trong túi:

- Em chỉ có bốn xu. Bốn xu cũng mua được hai lá dấy. Chị cầm tạm.

Bướm ngửa tay ra đón bốn xu đồng của bạn. Bốn đồng xu để lâu trong túi áo, hấp hơi, nóng hầm hập.

Về đến ngoài ruộng, Bướm đã nghe tiếng chồng đương hát tuồng ầm ĩ. Tính Thoại bộp chộp, hay hát hỏng. Trông thoáng bóng vợ ngoài sân, anh cất tiếng hát:

- Ầi! Ầi! Này bớ a mẹ cu! Mẹ cu đi Giang Đô khảo võ về đó chẳng?

Đương buồn, đương chán, Bướm cũng phải bật cười. Nhưng nàng cũng gắt:

- Nằm chổng lên đấy hả? Trở dậy tôi bảo cái này. Sao hôm nay về sớm thế?

Thoại trở dậy, tay vẫn cầm quyển truyện Kiều.

Thoại tươi cười, mở quyển Kiều, nói với vợ:

- Tớ vừa bói xin được quẻ Kiều hay quá.

- Sao?

- Tớ khẩn rồi xin quẻ cầu tài Tất niên, trai tay trái, gái tay mặt, mở ra được bốn câu linh ứng.

Thoại tìm trang truyện rồi đọc ngâm nga:

- Thế này nhé!

*Tiệc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài.
Thuyền trà cạn chén hồng mai,
Thong dong nối gót thư trai cùng về.*

- Nghĩa ra làm sao?

- Mình đương cầu tài, cầu ra đi. Lại gặp ngay vào cái lúc cô Kiều sắp trốn khỏi chùa nhà ả Hoạn. Thế là hợp rồi nhé, đi lúc nào cũng được đấy. Hai câu đầu: “Tiếc thay lưu lạc giang hồ, Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài” đoán trước cái cảnh đi làm ăn lưu lạc của mình được phát đạt, tài vận hanh thông. Còn hai câu sau ứng vào cái cảnh trở về quê lúc bấy giờ có nghìn vàng rồi, ta mới thông dong nổi gót thư trai cùng về. Về là về quê đây này.

Bướm nói:

- Đi mua thuốc cho con. Rảo cẳng lên chẳng có tối rồi!

Bướm nằm xuống với thằng bé. Thoại cầm bốn xu chạy ra cửa. Nàng hát ru khe khẽ những câu truyện Kiều mà chồng vừa đọc.

VIII

CÁI CỔNG TÁN BUÔNG SÙM SỤP; chiếc cán tre tra cẩn thận vào chốt. Bên trong là một khoảng sân hẹp, nhưng dài, trồng đôi ba luống cải. Những cây cải đã ngồng cao lêu nghêu. Trông nữa là một nếp nhà lá. Bốn bên, ba gian cửa đều buông liếp kín mít. Tỏ ra cả nhà đi vắng, đã che liếp và đóng cổng tán.

Nhưng Thoại không tin là nhà đi vắng. Đây là nhà ông Cả Thóc. Anh đến nhà ông Cả Thóc đòi nợ. Hôm nay hai mươi chín tháng Chạp mà hai mươi chín bắt làm Ba Mươi.

Chỉ qua nửa đêm nay đã là sang giao thừa rồi. Sáng mai mừng Một Tết - năm mới năm me rồi. Ai còn nợ ai cái gì, người ta đòi nốt ngày hôm nay cả. Nếu sáng mai đòi người ta chửi cho. Anh Thoại càng cần đòi nợ. Vả lại, ông Cả Thóc nợ cũng không bao nhiêu. Có năm hào tám. Tiền công dệt lĩnh đọng lại từ tháng Mười vừa rồi. Ông Cả Thóc vỡ nợ, đã bán cả nhà, mặc dầu ông Cả Thóc đã hẹn trả anh có đến tám mươi năm hẹn mà ông vẫn hẹn như đóng đinh vào cột. Cho đến cái khất cuối cùng là ngày Ba Mươi này. Ông ta đã thề thệ nào ông ta cũng trả Thoại tất cả năm hào tám với năm xu lãi. Thoại cũng đành tin thế. Và anh đợi đến hôm nay lại lò dò vào. Mà ông Thóc đi vắng!

Anh không tin. Ba Mươi Tết, còn đi đâu. Anh nghễnh cổ, gọi hóng vào trong nhà mấy tiếng. Không ai thưa. Anh lại gọi dồn một hồi. Bao nhiêu chó trong xóm đều nghe tiếng. Chúng sủa om và nhông nháo kéo đến lũ lượt. Anh Thoại tức lắm. Anh cất công đi từ nhà vào đây, nào có ít đường đất. Qua cả con đường đồng. Gió thổi hun hút, trời rét như cắt ruột. Thoại cúi xuống, lấy gân tay nhắc cái dãi cổng lên khỏi chốt. Và anh khom khom lách qua mấy cành dong, chui vào. Anh vỗ tay thùm thụp trên những tấm liếp rơm. Chẳng ai trả lời. Anh thò đầu vào trong nhà. Ba gian trống trơn. Anh nhòm cả xuống gậm phản. Chỉ lù lù mấy đồng đất mỗi đùn. Thất vọng. Vợ chồng lão đi vắng thực. Nói là vợ chồng lão đi trốn các con nợ thì đúng hơn.

Thoại đương đứng tần ngần ngoài sân thì thấy mục hàng nước mắt lù lù quảy hai cái thúng vào. Mục vừa đi vừa gọi. Trông thấy Thoại, mục hỏi:

- Bác có biết ông Cả Thóc đâu không?

- Tôi cũng đương tìm.

Mục đặt gánh xuống, nhòm vào nhà. Rồi mục lu loa kể lễ đầu cua tai nheo với Thoại. Nào nợ nửa chai nước mắt mà từ tháng mấy tháng mấy.

Bác Thoại cũng giải bày tâm sự. Mục nước mắt rõ thêm đấy cũng là một người đi đòi nợ lão Thóc, mục càng tru lên rầm rầm. Mục réo cho cả xóm nghe tiếng. Mục hỏi Thoại:

- Bác tìm kỹ trong nhà chưa?

- Tôi đã tìm cả dưới gậm phản.

Nhưng mục cứ tìm lại. Mục vác đòn gánh vào khua. Không có gì. Mục mò xuống bếp. Chẳng có

mãnh nào dưới cái bếp trống trơn. Mụ thốc cái đòn xuống đồng rơm. Bỗng có tiếng “oái! oái! ối!” văng ra. Hoảng hồn, mụ chạy giật lùi. Thoại sợ không dám vào, đứng dè chân chèo, ghé một mắt vào lỗ vách. Chưa thấy gì, lại nhòm cả đầu vào khe cửa. Mụ nước mắt đứng sau lưng, run rẩy. Trên đồng rơm, bỗng nhảy ra một thằng bé ngồi tây ngậy. Nó là thằng Thóc, con ông Cả. Lúc này mụ nước mắt đã thốc đòn gánh vào lưng nó. Biết rõ là thằng người, mụ vào lôi nó ra. Mụ quát hỏi bố mày đâu? Nó ngẩn ngơ lắc. Mụ hỏi mẹ mày đâu? Nó cũng lắc. Mặt bà lại càng ngẩn ngơ thêm. Bố và mẹ nó đã dặn nó nằm yên trong ổ rơm mà coi nhà, ai hỏi gì, cấm không được nói.

Cáu kỉnh, mụ nước mắt beo tai lôi nó xềnh xệch ra sân. Thằng bé cong người lại, đi theo bàn tay. Nó neho mắt, méo xệch mồm. Nó bịt hai tay vào tai. Bỗng nó giựt tay mụ ra, ù té chạy miết. Mụ đứng nhìn trơ. Rồi đi ra.

Thoại còn gặp đôi ba người nữa. Cũng vào đòi nợ ông Cả Thóc. Một người bán rượu. Một người bán muối. Lại cả người bán đóm nữa. Chẳng ăn thua gì.

Thoại lừ đừ lên chợ Bưởi. Ngày phiên chợ áp Tết người đông như kiến cỏ. Những con kiến người chen, thách nhau và mua bán rầm rĩ. Nhưng anh Thoại chỉ đi lên chợ để ngắm người ta mua bán mà sốt ruột. Trong thắt lưng anh cũng có giắt sáu hào bạc, sáu hào bạc anh định để góp với năm hào tám đòi nợ lão Cả Thóc, thành hơn một đồng và sẽ mua một miếng thịt lợn, một miếng thịt bò, đóng hai đấu gạo nếp. Tất cả cái Tết năm giã dị trong đầu anh như vậy. Mà vẫn chỉ là mộng thôi.

Đi đã chán chân, anh nghĩ rằng cũng nên mua một cái gì hay hay. Cho thằng cu Động ở nhà. Nó tuy chưa biết chơi, nhưng cũng nên mua cái tranh làm khước. Đôi tranh gà, giá hai xu rưỡi, có thể mua được. Đến hàng tranh, anh xĩa ra hai xu rưỡi lấy đôi tranh gà. Cuộn tròn lại, anh nhét vào túi áo trong rồi đi dạo một lúc, anh lại trở vào trong xóm, đến nhà lão Thóc.

Lão và vợ lão vẫn chưa về. Thằng cu Thóc lại chui vào ngủ trong đồng rơm. Chẳng lẽ mà anh cũng nằm xuống phản ngủ một giấc để đợi con nợ cho chắc chắn. Anh lại thơ thẩn đi ra đồng làng nhìn người ta đi chợ về. Trời đã đúng trưa. Nhưng vẫn rét thín thít.

Có một đám ma từ trong làng ra. Gọi là đám ma cho đúng tên mà thôi. Đây là đám ma cụ Vợ, cụ Vợ ngoài bảy mươi tuổi, sống một mình. Cả đời cụ sống bằng còm đi xin, cụ là người ăn mày không biết trí trá gì bao giờ. Mấy lâu nay cụ đau lưng. Nhưng chắc cái bệnh xoàng ấy chưa đủ lực vật được ông cụ nghèo khổ, mà trận rét ghê gớm trong mấy bữa rày mới làm chết được cụ. Cụ Vợ chết bây giờ cũng là vừa may. Mọi nhà đều đã ghét cụ rồi. Bởi vì cụ cứ đi xin người ta mãi. Và còn may nữa là cụ chết vào hôm nay, nếu qua ngày mai, thì chẳng ma nào chịu khiêng cụ đi.

Làng xóm mua cho cụ Vợ một cái quan tài gỗ tạp. Người ta khiêng bằng hai cái đòn tre dài, tròng thùng xuống, cái săng bu lu ở giữa. Những bàn chân lù lũi, thoăn thoắt đi ra bãi tha ma. Cũng có đôi ba tiếng khóc ỉ eo của người họ mạc. Người ta khóc lấy lệ.

Tự dưng anh Thoại cũng ra ghé vai vào cái đòn khiêng cụ Vợ. Người ta vốn hay làm và dễ làm. Và với việc khiêng người chết, hồ như được coi là việc nghĩa, việc làm phúc. Chẳng qua là cái việc luân chuyển đồng lần của người trong làng với nhau.

Nhưng tự dưng Thoại đã gặp lão Cả Thóc ở cái đám chúng sinh đi khiêng đám ma. Lão khiêng đầu đòn bên kia, cái lưng khum khum, đôi môi mím lại.

Bất chợt trông thấy Thoại, lão hé miệng. Không biết để cười hay để mếu. Để cười ruồi thì phải hơn. Còn Thoại, anh khoái chí như bắt được tiền. Lúc hạ huyệt cụ Vợ xong, Thoại bảo ông Cả Thóc:

- Tôi đợi ông từ sáng ở nhà.

Ông Thóc nhanh nhẩu:

- Ấy, bác về với tôi. Nhà tôi đi chợ Tết, giữ cả tiền. Có lẽ bây giờ cũng về rồi.

Hai người lấm như vùi, trở vào trong xóm. Nhưng vợ lão vẫn chưa về. Cho mãi đến sâm sẩm tối, vắng vắng đã có tiếng pháo cúng Tết niên rộn lên, mà vẫn chưa thấy hút mụ Cả Thóc. Thoại tức quá, nói lầu bầu, rồi sinh sự chửi lão Thóc. Lão Cả Thóc cũng không vừa. Tức thì, họ đánh nhau, thật là một trận kịch liệt. Chỉ có cu Thóc đứng ôm mặt khóc tí ti. Lão Thóc dịch sao nổi Thoại. Chỉ lều quều sau vài cái đấm đá Thoại đã tổng cho lão Thóc hai quả vào quai hàm. Lão lăn quay ra, miệng tóe máu. Lão kêu làng om sòm. Hoảng hốt, Thoại co cẳng chạy như ngựa phi.

Thoại chạy thẳng về nhà. Cái nhà ở chân tre bên ngòi nước. Cũng có cái sân trồng cải trước hiên và một bụi chuối ở đầu hời.

Về đến nhà thì trời đã tối mịt. Bướm ăm thẳng cu con, ngồi trong ổ rạ hỏi vớ ra:

- Bố thằng cu phỏng?

- Ầu!

- Mua bán xong rồi chứ?

- Xong cái tiên chân cha nhà nó! Ông đánh nó vỡ mồm ra đấy.

Người vợ không ngại gì câu chửi vu vơ. Chị coi tự nhiên. Vợ chồng đối nhau cũng thế thường. Ấu như một câu đệm lảng nhăng quen mồm. Bởi vậy, chị lại dịu dàng hỏi:

- Thế tiền nợ đã đòi được rồi chứ?

- Chưa.

Chị ta kêu lên:

- Chết tôi rồi... Chưa đòi được mà đã đánh nó. Thế là ngót sáu hào bạc lên chuồng con chim. Anh làm hại mẹ con tôi! Anh làm hại mẹ con tôi, giờ ơi!

Cứ kể Bướm cũng lấm điều. Đàn bà hay lấm điều, nhiều lời. Bởi vì dường như anh Thoại đã hối hận. Anh biết lúc nãy đã quá tay và quá nóng mà đánh lão Thóc. Đánh lão, tất chẳng bao giờ lão trả nợ nữa. Anh hối hận thực. Anh lại hối hận thêm rằng anh đã chạy ngay về nhà, không mua bán được gì. Ngày mai mừng Một Tết, chẳng có xôi, chẳng có hương, chẳng có nén; nghĩa là chẳng có một thứ gì là Tết, để cúng. Vẫn ăn cơm gạo đỏ với sung muối như thường ngày. Người đàn bà nhai nhải, ray rứt.

- Ngày mai mừng Một, nén hương không có. Giời đất ơi! Người ta làm hại mẹ con tôi...

Anh đàn ông tức, không chịu được những lời đóng đinh vào tai ấy.

- Mà muốn kêu trời phỏng? Mả mẹ mà!

- Mả mẹ tôi ở trên giường thờ kia.

- Bốp! Bốp! Huych! Huych! Huych!

- Ồi ông cả bà nhón ôi! Nó giết tôi! Thằng Thoại nó giết tôi. Hu... hu... hu...

- Này ông cả bà nhón! Này giết! Huych! Huych! Mà cứ kêu, ông cứ đánh, xem đằng nào được.

Thằng cu Động ngủ trong ổ, cũng khóc vánh. Nhưng giá vợ chồng anh có giết nhau thực, cũng chẳng ai biết đấy là đâu. Bụi tre kéo kết ào ào gió, bốn bề cánh đồng mông mênh.

Rồi sau, người đàn bà phải đình sự kêu vì bị thui nhiều. Thực rõ lòi thoi quá. Lần nào cãi nhau cũng vậy, chị ta cứ để anh ta cho vài chục quả ục mới chịu cầm miệng. Và giờ chị Bướm chỉ còn khóc tí ti.

Anh Thoại nằm ngửa mặt, im lặng, vất hai tay lên sau gáy, mà ngẫm nghĩ về cái nghèo, cái đói, cái rắc rối, cái khổ sở trong cuộc đời cơ cực.

Nghĩ gần lại nghĩ xa. Thoại quên cả sắp sang canh, một năm mới đương dần dần tới.

Đến khi có tiếng pháo giao thừa, anh ta mới sực nhớ.

Tiếng pháo trời dậy, nổi lên, râm ran trong đêm khuya. Anh lắng tai, nghe mờ mờ từ phía Kê Chợ, tiếng rào rào như thác ngàn đổ xuống. Tiếng rào rào liên miên, tiếp nối nhau của người ta đón xuân ngoài thị thành. Tiếng vang vào các bức tường, dội lên cao ngút rồi tỏa vọng mệnh mông bốn phía.

Cũng từ bốn phương xung quanh, trong các thôn xóm, người ta đốt pháo tạch tạch. Những tiếng tạch, tiếng đùng này gần hơn, ở các lũy tre bốc ra, vang động xuống cả mặt nước ruộng. Lại thêm tiếng chuông, tiếng trống các đình, chùa, miếu, quán đâu đây dâng lên, len vào tiếng pháo. Trong đêm tối thăm thẳm, mọi tiếng râm ran khua động. Chúng hòa với nhau mà reo hò như muốn dựng đêm tối trở dậy. Đêm tối trở dậy, ngơ ngác.

Anh Thoại cũng ngơ ngác, lồm cồm đứng lên. Vợ anh vẫn ngủ yên. Anh đoán thế.

Vì tối quá anh không nhìn thấy. Có khi vợ anh vẫn thức, cũng mở mắt ra như anh. Nhưng chị ta không nói gì, mà lại rơm rớm nước mắt. Bởi vì Tết của thiên hạ vung lên, mà Tết của đôi vợ chồng túng kiết ở trơ vơ trong cánh đồng thì không có. Họ vừa cho nhau một bữa đòn Tắt niên. Và bây giờ người chồng ngồi dậy không biết nghĩ gì và sắp định làm gì.

Anh đương nghĩ về một điều. Anh nghĩ về tiếng pháo và đàn chó làng Hạ Nha.

Trong làng Hạ Nha có biết bao nhiêu là chó. Chó vàng, chó đen, chó nhôm, chó trắng, chó vện. Giống chó chắc ghét Tết lắm. Tết, người ta đốt pháo đi đạch. Chó sợ, chạy ra đồng. Tết năm nào ở cánh đồng làng cũng nhan nhản những chó chạy sợ pháo. Con thì nằm trên gò. Con thì nằm bên bụi tre. Có những con đi lêu đêu, lưng dài ra, đuôi và mõm cúp xuống đất.

Nhiều người ở mọi làng xung quanh đấy, cứ đêm giao thừa là ra đồng, rình đánh chó sợ pháo. Ấy là những người xác xơ, đồng trinh không dính túi, mà chiều Ba Mươi thì trong nhà hết gạo. Họ ra đồng, cộp vài chú cày về làm thịt, đánh chén qua mấy ngày Tết. Nện chó chạy ngoài ruộng dễ lắm. Bởi vì trong cánh đồng rộng, sức chó chạy không được mấy nả, chỉ một lát thì lụy ngay.

Thoại nghĩ đến bọn người đánh chó Tết. Rồi Thoại lò dò ra hé cửa liếp.

Bấy giờ trời đã rạng sáng. Tiếng pháo cũng ngớt. Ngoài cánh đồng, sương bay mịt mờ. Rét đầu mà rét khiếp. Gió rín rít. Nền trời xám và đục, không ẩn một vì sao nhỏ.

Thoại đi ra cánh đồng, men về phía bờ tre ven trong làng. Hắn khom người lại, vừa đi, vừa nhảy như ngựa chạy. Đó là tại gió đấy, thực hắc không muốn chạy. Hắc xách một chiếc gậy tre lớn, đi đánh chó sợ pháo. Hắc đã nghĩ như tất cả những kẻ đánh chó lạc khác, rằng cộp một hai con chó về ăn ung dung mấy ngày Tết. Thực là dễ.

Thoại ngồi núp ở một cái gò cao. Đàng xa, ẩn hiện trong hơi sương, mập mờ mấy bóng người lom khom. Hắc những người kia cũng đang làm cái việc của Thoại làm. Tiếng pháo dội lại, lác đác thưa thớt.

Đội mãi không thấy một nhách chó nào lảng vảng qua. Sốt ruột, gã đi sang phía bên bờ tre.

Bỗng nhiên, một con chó đen chạy qua thửa ruộng trước mặt. Nó cúi lê mõm và rập người xuống. Thoại xoắn chân đuổi theo. Bàn chân lướt qua ruộng rạ khô cứng, buốt thon thót. Nhưng Thoại không hề biết. Con chó thấy người đuổi thì cúp nốt đuôi xuống, phóng như bay. Song người chạy vẫn tài hơn. Dần dần con chó đuối sức. Thoại chạy càng hăng. Sương sớm phả vào mặt lạnh tê. Anh mím môi lại mà chạy. Cái gậy giơ lên lăm lăm. Anh cố vượt. Đầu gậy đã tới đúng được đuôi con chó. Giá vụt bây giờ thì trúng vào giữa sống lưng. Song anh định đánh ăn chắc một gậy đúng giữa sọ cho con chó chết ngay.

Chợt nghe có tiếng lạt sạt gốc rạ trước mặt. Vội ngẩng lên thấy hai người đang chạy đến. Trong tay họ cũng cầm gậy mặt hầm hầm. Và Thoại có thể đoán dáng điệu mà chắc chắn rằng họ chạy đến, chẳng phải để đánh giúp, chia phần với anh con chó đen nọ.

Thoại xanh mặt lại, chạy quay ngay về. Hai kẻ kia đuổi anh. Ra đó là những người trong xóm đi

rình những đứa đánh trộm chó Tết. Vừa rồi Thoại đuổi con chó đen gấp rút thế nào thì hai kẻ nọ đuổi lại anh gấp rút thế ấy. Vượt bao nhiêu là bờ ruộng, là gò đồng. Những gốc rạ, những nham cỏ cứ qua liên liên trước mặt. Cổ anh đã ráo khan lại. Anh bắt đầu nhô ngực lên thở phì phò. Bốn cái bàn chân huỳnh huých theo không ngừng. Mà đằng trước vẫn là sương mờ bao la. Anh lạc cả lối về rồi.

Vụt, anh Thoại bị ngay một gậy vào lưng, khuyu gục giữa ruộng. Liền mấy gậy nữa giáng xuống:

- Chạy nữa đi, ông xem!

- Úi! Úi! Thằng Thoại! Thằng Thoại!

- À thằng Thoại!

Thế là hai gã lực lưỡng đánh Thoại vô hồi kỳ trận. Chúng thực đầu gậy hự hự vào ngực Thoại. Khốn nạn, cái ngực lúm xuống. Thoại nhắm mắt kêu lên khe khẽ, người rúm lại như con tôm khô, lẫn lóc mê tơi trong trận bão đòn.

Đánh chán tay, chúng lại định lôi Thoại về trong xóm cho mọi người cùng được đánh. Tuy Thoại đã quá đau, nằm chổng quèo, nhưng cũng cuống cuống chắp hai tay, vái rồi rít:

- Lạy các ông, tôi lạy các ông. Tha cho tôi. Tôi đã đánh được con nào đâu...

Mắt Thoại lóa mờ đi không trông được rõ ai vào ai. Nói xong câu ấy, Thoại buông xuôi hai tay, mồm há ra. Anh ngất đi. Hai gã kia liền bỏ về trong xóm.

Một chốc, Thoại tỉnh dậy, từ từ ngồi lên. Anh lần bờ ruộng, vừa đi vừa bò về lều. Vào đến trong cửa, anh chỉ kịp lăn xuống ổ rạ, nằm thiêm thiếp, run bần bật. Vợ hỏi sao, cũng không thể nói.

Đến hôm mùng Ba Tết, Hời đi đâu về, mặt mũi ngơ ngác.

- Này, cả nhà có biết chuyện gì không?

Ngây đương ngồi ẵm con sưởi ấm trong bếp, chạy nhào ra.

- Vợ chồng nhà Thoại bỏ làng đi mất rồi!

Bà Vạng hỏi:

- Ai bảo thế?

- Người ta chuyện nhao nhao ở ngoài đường ấy. Người ta bảo rằng sáng hôm mùng Một thằng Thoại đi đánh chó sọ pháo ngoài đồng bị con trai làng Thượng đón đánh hộc máu mồm ra. Phải bò mới về được. Đâu ngay hôm sau, vợ chồng con cái cuốn gói đi sớm. Tôi nghe người ta nói, bán tín bán nghi, chạy ra nhà Thoại thì quả thật chỉ thấy còn cái xác lều. Đâu bảo cái giường tre có ổ rạ với nồi niêu thì kẻ ăn mày lấy rồi. Khốn khổ, lúc đi cũng không dám vào đây. Mà Tết nhất này, kéo nhau đi đâu mới được chứ?

Ngây cắn vành môi lại, nước mắt vòng quanh, nói nho nhỏ:

- Chắc đi lên mạn ngược có người nhà. Đạo trước chị Bướm đã bảo thế.

Bà Vạng im lặng, thở dài.

PHẦN THỨ BA

I

BA... BA... BA... BA...

Thằng Kê ngồi xổm trước mặt bà Vạng, hai chân doạng ra, một tay đưa lên đập đập vào miệng làm ba ba. Một chốc, nó chúm môi lại, nói lơ lơ:

- Bố... bà... bố... bà...

Bà lão cười rúm cả mặt:

- Ấy đấy! Lại chửi bố bà rồi. Con nhà ngoan nhỉ!

Tay bà Vạng cầm một bát cơm trộn ngô xay. Màu vàng lổ đổ, có hai con mắt tép cong queo. Bà đương nhá cơm cho cháu. Dùng hai ngón tay, bà lùa cơm vào trong miệng nhai cho thật nhừ. Rồi bà cắn một chút mắt, lè cả cơm và mắt ra đầu lưỡi cho thằng cháu trông thấy. Kê biết hiệu ngay. Nó liền bò đến, mặt ghéch, vịn tay vào đầu gối bà, run run đứng dậy. Bà lão đưa bàn tay lên xỉ mũi cháu, để liệu chừng mà biết cái mồm nó ở chỗ nào. Thằng bé há mồm. Bà Vạng cúi xuống lè cơm tẩm với nhót dãi vào đầy mồm cháu. Nó nhai phúm phím, vừa nhai lại vừa làm ba ba. Con chó mực đứng chầu bên cạnh, mắt đăm đăm nhìn theo từng miếng cơm, từ miệng bà lão lè sang miệng thằng bé.

Kê lấy bầy đứng. Hai cẳng bé tí của nó, đỡ lấy cái bụng ỏng thườn, bước những bước chập chững. Nó chỉ bước liền được độ ba bước, lại phải ngồi xuống. Nhưng nếu cứ vịn tay mà đi xoay xung quanh bà thì nó có thể đi được mãi. Kể tuổi, thằng Kê đã lên ba. Song tính tháng thì, để nó tháng một năm kia mà bây giờ là tháng Tư, nó mới được mười tám tháng.

Suốt ngày, bố mẹ nó đi làm. Sáng ra, chị Ngây cho con bú một chập thật no; đến trưa chị lại về cho bú lần nữa. Nhưng thường tới chiều, nó hơi đói.

Bởi vậy, bà Vạng vẫn phải nhá thêm cơm cho cháu, để đợi mẹ nó về cho bú buổi tối. Hai bà cháu trông nhà. Từ khi thằng Kê biết bò thì nó cũng quấy ít, ít hơn hơn trước. Mẹ nó giao cho bà nó ẵm cả ngày. Ngây đi làm hồ, quay tơ.

Cái gia đình ấy qua một thời kỳ làm lĩnh lỗ vốn lại trở về những ngày âm thầm, quanh quẽ như xưa, như hồi anh Hời chưa lấy vợ, một mình đi làm để nuôi mẹ. Nhưng bây giờ cái không khí, cái bề trong của những ngày âm thầm quanh quẽ ấy không còn được thực có sự êm đềm thuở trước, dù là Hời rất quý mẹ, Ngây quý mẹ chồng. Những câu chuyện rắc rối eo xèo mẹ chồng nàng dâu vẫn thường liên trong những nhà khác, ở đây không xảy ra. Ở đây, người ta chỉ đau khổ vì tiền. Cái đau khổ ấy, xưa kia, chưa lần nào bị chịu đựng một cách nặng nề như bây giờ. Bởi vì xưa kia, nhà thì nghèo thực, lo ăn từng bữa đấy, song đơn người mà chưa nợ nần ai. Bây giờ có thêm một đứa trẻ, có thêm một người đàn bà. Tuy rằng cũng có đi làm việc thêm.

Gia đình ấy còn vương phải một cái dấp lớn là ngoài món tiền nợ cũ của mụ lý Chi từ ngày Hời cưới vợ, anh lại vay thêm của mụ một chục bạc nữa. Phải viết giấy bán nhà rồi. Đó là cái hồi Ngây ở cũ, mụ đến gạ gấm cho vay thêm tiền mà tiêu.

Chục bạc ấy tiêu vào cái Tết Nguyên đán, vào ăn tiêu khi vợ anh chưa đi làm gì được. Và lại phải gánh ba đồng bạc đóng sưu cho anh sắp Từ ở Nam Kỳ. Bởi không biết tại làm sao, từ sau ngày cưới Hời, Hời chỉ nhận được của anh có mỗi một lá thư gửi về vào dịp Tết để chúc mừng năm mới. Rồi bật hẳn tin tức. Thực Hời cũng không dám mong mỗi, mà bà Vạng cũng không dám trông ngóng thư từ của anh sắp Từ. Mẹ con bà lão cho rằng chỉ khi nào có việc mới nên viết thư. Vì mỗi khi gửi cho Từ một cái thư, không phải là việc làm trong một lúc mà xong. Anh Hời phải đợi ngày phiên chợ, lên mua một tờ giấy. Giá trước kia có Thoại ở nhà thì nhờ ngay Thoại viết nhí nhóáy một lúc là xong. Nhưng Thoại đi rồi, Hời phải mặc áo dài tề chỉnh, đi guốc, cầm tờ giấy ra tận ngoài xóm Đình nhờ ông đồ Miêu viết giúp. Anh cầm cái thư đi ba bốn

cây số lên trên phố phủ mua một cái phong bì, một cái tem lại thuê ông cai trạm đề hộ và luôn thể, nhờ ông ấy gửi Nhà nước đem đi cho anh sắp Từ. Công việc điệu vợ ấy kéo dài tới hai ba ngày. Cho nên, ít khi Hời gửi thư cho anh.

Nhưng đến ngày tháng Tư, Hời sốt ruột lên, vì không thấy anh Từ gửi tiền đóng sưu ra. Cho tới hôm đổ thuế, Hời phải ứng ra ba đồng bạc đóng cho anh. Sau vụ thuế rồi cũng không có thư về. Hời chẳng biết thế nào và chỗ nào mà gửi thẻ thân anh đến.

Món tiền một chục bạc, vì những việc linh tinh ấy, hết cả. Cuối năm ngoái, Hời không trả được đủ lãi, phải viết gộp lại là nợ lý Chi một món tiền ba mươi đồng. Ba mươi đồng bạc nợ! Ba mươi đồng bạc phải viết giấy cầm đoan mai cái đất của Hời ở, cầm đoan mai thì cũng như bán nhà. Giấy má làm theo kiểu văn tự bán đất có chữ ký, có triện của lý trưởng và chương bạ. Và anh Hời phải thò ngón tay cái điểm chỉ vào tờ giấy. Lúc bấy giờ, thực trạng cổ anh nghen ngào và anh rung rung hai hàng nước mắt. Đã nợ to đến thế, cái nhà đành coi như đã mất không đến nơi. Bà Vạng thở ngắn thở dài. Nhưng đối mặt con trai và con dâu, bà không để lộ ý buồn. Và nếu chẳng có thằng cháu Kê là một mối an ủi hàng ngày thì tất bà lại trở lại cái thói khóc thầm ngày xưa mất!

Thằng cháu Kê làm cho bà tạm khuây khỏa mọi nỗi buồn. Nhiều khi ẵm cháu trong lòng, bà lần lần tay sờ mặt, sờ mũi, sờ tai nó mà nghĩ ngợi liên miên. Cái tai thằng bé to mà vảnh ra. Ngày sau nó sẽ làm nên. Cái mũi nó dọc dừa xuống. Chắc rồi nó khôn ngoan lắm. Ấy là nói nếu trời thương, để cho làm người. Và bà chỉ phàn nàn với người ta có một điều rằng: “Giá trời cho tôi hai con mắt lành lặn, để tôi được nhìn cháu tôi một mảy.” Mắt bà không lành lặn, bà chỉ sờ thấy cháu bà thôi.

Bà lão bỏ bát cơm xuống, vỗ hai tay, làm hiệu cho thằng bé chạy lại. Bà quờ tay ra, thì mó thấy nó đã ngồi chồm chồm ở bên cạnh. Miệng nó còn đầy ứ những cơm nhão. Nó không nuốt, mà đẩy phè cả sang hai bên mép. Bà lão lẩm bẩm: “Ngậm bung bung thế này. No rồi đây!”. Bà nuốt ực miếng cơm bà đương nhai trong miệng. Song bà cúi xuống, chúm treo mồm lại, hút đánh chụt một cái thật mạnh vào mũi thằng bé. Bao nhiêu nhót dãi nhoe nhoét ở mũi thằng Kê tuột vào cả mồm bà Vạng, bà nhổ toẹt xuống đất. Con Mực chạy đến liếm ngòm ngòm. Thằng bé bị bà mút rát cả mũi, khóc tru lên. Nhưng chỉ tru lên một tiếng như tiếng còi, rồi nín ngay.

Bà Vạng thôi không cho cháu ăn nữa. Chân bà đụng phải cái bát dưới đất. Bà nhặt lên, định để cất bát cơm thừa đi. Nhưng ngón tay sờ vào lòng bát thì thấy nhẵn cơm, không còn một hột. Ra lúc bà để bát xuống, anh chó Mực đã rình dâu quanh đấy, len lén đến ăn ráo. Bà chửi còn chó và rờ rẫm cất chiếc bát vào trong niêu. Rồi bà dắt cháu đi ra ngoài ngõ.

Thằng bé cởi truồng, hai cẳng chân khéo khư bước xiêu dưới cái bụng kền, phủ trong tấm áo nâu có dấu son nhà chùa đằng lưng áo. Trước ngực, mũi dãi đen kịt nhầy nhựa đóng cứng lại như keo không biết đã từ bao giờ, đầy kịt nhờn mỡ lần vãi. Một tay bà dắt, một tay nó gãi lên cái đầu có tóc trở lưa thưa. Một bãi cứt trâu đen sạm phủ kín cả thóp.

Bà lão dắt cháu đi chậm, nhưng đúng đường nền nhà. Bà cúi mặt, lắng hai tai. Tuy mắt bà chẳng trông thấy gì, nhưng đã nghe mà biết được buổi chiều đương xuống. Buổi chiều mùa xuân. Con chim bạc má rít trên khóm dừa, nghe được những tiếng lanh lảnh ong óng ròi rạc, mà không trông thấy. Nắng vàng đọng vào những tàu lá dừa rách rưới đổ xuống lối đi. Bà lão thấy chân ấm thì biết hầy còn nhiều nắng. Bà ngồi xuống bậc ngõ, ôm cháu vào lòng. Lát nữa, hết hẳn nắng, mẹ nó mới về. Còn bố nó thì mãi đến lúc sao Hôm đã mọc, anh mới ra khung cửi.

Thường thường, chiều nào bà Vạng cũng cho cháu ăn cơm rồi mang cháu ra cửa ngồi chơi như vậy. Đã lâu, tờ không có ai mượn quay, bà lão đành là thông thả bắt đắc dĩ.

Một hôm bà Vạng ra sau nhà bị vấp vào một tảng gạch, ngã lạng đi rồi chúi lỵ xuống. Một lúc sau, bà mới lóp ngóp trở dậy được. Bà đứng lên, khom khom. Trong xương sống, bỗng nhiên nẩy ra một tiếng khục. Bà đau chói. Bà nhăn mặt, ngồi thở dài. Rồi bà lại đứng lên. Nhưng bà vẫn phải đành ngồi xuống như cũ. Dường như cái xương sống không của bà nó đã gãy ngang ra trong người, không dựng thẳng lên được nữa. Bà phải lự, phải lự, liệu khớp như bà liệu khớp lại vết xương gãy, mãi mới chống được hai tay vào đầu gối. Và cứ còng còng vậy, bà run rẩy dặt

cháu vào trong nhà. Kề tới giường, bà nằm vật xuống thở dốc.

Đến chiều, Ngây về, thấy bà rên hừ hừ. Sáng hôm sau, bà Vạng không dậy được, một cơn đau vừa sốt, vừa nhức đầu, vừa đau lưng đến hành hạ bà.

Bấy giờ là lúc giao mùa. Thời tiết đương độ đổi thay. Những ngày xuân có nắng ấm vừa tàn. Gió hiu mềm mềm của năm mới đã lui đi. Nồm về quạt mạnh, một thứ gió mới từ phương nam trở lại, đem tin mùa hạ đến. Gió thổi lồng lên. Trời cao hơn thường ngày. Nhiều mây xanh và cũng nhiều mây trắng, chuyển vùn vụt. Do đấy có nắng dài. Nắng cả buổi sớm, nắng cả buổi chiều. Khí nóng hơi gay, đi ngoài quãng không một lúc thì vắng đầu. Nắng ấy dọn đường cho những ngày oi ả dữ dội sắp đến. Gió mới và nắng mới về thay đổi mùa xuân. Trong mình những người già, trẻ con cũng thay đổi như lúc mùa hạ đương vào mùa thu. Ấy là khi người ta uể oải, hay nhức đầu, sổ mũi, sốt nắng, đau lưng. Bà Vạng cũng mắc trúng phải cơn bệnh quen thuộc của những ngày giao mùa đó.

Nhưng phần vì thuở trẻ phải làm lưng khó nhọc, sức đã nhược, bà lại âu sầu nghĩ ngợi nhiều quá, mà tinh thần cũng bại liệt, nên bệnh bà trở nặng. Không dậy được mà ra khỏi giường. Hai cái đầu gối nhức buốt. Dây xương sống đau nhói nhói. Bà Vạng nghĩ có lẽ mình bị bệnh đau xương, cái bệnh thông thường mỗi khi đổi tiết, của người già.

Hời ra ngoài bờ sông Lịch, tìm hái cho mẹ một nắm lá hôi, một ít dây đau xương. Dem về, Hời bỏ vào cối, giã nhỏ. Anh đổ vào một bát nước giếng, rồi gạn ra cho mẹ uống. Bà lão bung bát nước lá xanh lè, nhắm mắt uống ực một hơi cạn sạch. Mấy hôm liền, mỗi hôm bà uống một bát đầy. Mà bệnh vẫn không thấy cạn. Bệnh li bì và liên miên. Không ai biết bệnh gì. Người ta bảo là bệnh già. Cả ông Nhượng, một tay xưa nay vẫn có lăm món thuốc lãng nhăng đặc biệt, cũng phải bảo là bệnh già, chỉ có thể chữa bằng lá hôi và dây đau xương. Nhưng đã chữa cả hai thứ mà bà Vạng không khỏi. Ban ngày bà nằm yên, đêm đến, bà rên rầm suốt sáng. Ngây đã phải nghỉ làm để ở nhà trông mẹ chồng và ẵm con.

Bắt đầu bà Vạng không ăn cơm. Bà đã ốm được ba bốn ngày. Mọi lần, dù không muốn ăn, bà cũng cố. Nhưng bây giờ chối quá, nuốt cơm vào tắc cổ họng và nhát nhèo như nuốt đất. Mỗi sáng bà húp mấy thìa cháo hoa của Hời dậy nấu sớm, trước khi anh đi dệt cửi.

Ông Nhượng đi lên phố phủ. Ông Nhượng kể bệnh của bà Vạng cho ông lang Bơ, lại mời ông về thăm.

Ông lang Bơ đương là một thầy lang có tiếng nhất vùng. Thành tên lang Bơ là bởi vì ngày xưa mới thành ông lang, ông chỉ có mấy cái ống bơ bằng sắt tây đựng các thứ thuốc vớ vẩn, thuốc ghẻ, thuốc đau bụng, thuốc đi rửa. Ông đến phố phủ, với mười đồng bạc vốn. Ông đóng một gánh thuốc, quẩy đi rong các chợ. Công việc làm ăn cứ tấn tới lên. Cho đến bây giờ thì ông đã làm được một cái nhà gạch giữa phố và có một cửa hàng đẹp để bày những cái tủ to, có nhiều ô vuông, mấy chậu cảnh vạn niên thanh và cái thuyền tán thuốc bằng sắt, kên loong coong. Khi ông Nhượng vừa ngỏ ý muốn mời ông đi thì ông lắc đầu lia lịa mà rằng: “Chịu thôi! Từ đây về Nha thì bố tôi sống lại cũng chẳng đi được”.

- Thừa cụ, có xe kéo gác-đê.

Lang Bơ vẫn lắc đầu:

- Đến xe cao su gác-đê tôi cũng chẳng đi mà. Tôi đã bảo tôi không cần đi đâu khám bệnh, ông nghe chưa. Thuốc tôi là thuốc thánh. Ông cứ kể bệnh đúng như thế, là tôi rõ căn bệnh, đến như ông lang nhất Hà Nội cũng phải đến tận nơi bắt mạch, ông nghe chưa. Tôi chỉ nghe kể là tôi biết, bệnh gì rồi, ông nghe chưa. Tôi chỉ bốc một chén, bệnh tan ngay, ông nghe chưa.

- Nhịa.

Ông Nhượng đem chén thuốc ba hào rưỡi về cho bà Vạng uống. Đến lúc bã thuốc đem đổ lên mái bếp để phơi, đã khô hết mà bệnh bà lão vẫn chẳng chuyển.

Hời lo lắng. Bởi vì, một hôm ông Nhượng nói với anh “Năm nay là năm hạn của mẹ anh đấy. Anh phải nhờ đánh ngay một cái thư vào Sài Gòn cho anh sắp Từ, bảo anh ấy về ngay, bà ở

nhà ốm nặng, chưa biết sống chết lúc nào. Nói thế, anh ấy mới thu xếp về được. Việc Tây của người ta, phải là có sự đến nơi, người ta mới cho nghỉ”.

Hồi đi nhờ đánh ngay cho anh sắp Từ một cái thư. Trong viết đại khái như những lời ông Nhượng dặn.

Dần dần những người bà con láng giềng ở xung quanh trong xóm, đều biết tin bà Vạng ốm. Người ta dập dìu kéo nhau đến thăm. Giường bà Vạng nằm ở một góc nhà. Nhưng ngay chỗ cánh cửa liếp, anh Hồi treo một cái chiếu rủ xuống. Bởi vậy, trong nhà, tối như bưng mắt. Ai cũng đến hỏi thăm, từ những người chẳng thân thuộc mấy. Người ta vào tận chỗ cụ Vạng nằm, lật lá màn lên, cúi xuống hỏi thực to:

- Cụ thức hay ngủ đấy?

Và bởi bà Vạng kém mắt, nên ai cũng phải xưng danh:

- Ba Cẩn đây mà!

- Cháu ạ. Cháu Tý đấy!

- Cụ đã cơm cháo gì chưa?

- Cụ cố nhấp một tí nước cháo cho nó có hơi cơm.

- Mấy bữa nay, quạ về kêu nhiều quá ở ngoài cây đa. Khéo không có cụ nhà nào ăn xôi mất. Cái giống nó bao giờ mà kêu là nghiệm lắm.

Người ốm mệt lử, trả lời làm sao kịp được những câu hỏi của người khỏe. Nhưng nếu bà Vạng có nằm yên thì người ta cứ cố hỏi dồn cho đến lúc bà cụ phải ầm ừ đáp lời mới chịu thôi. Có như vậy, người ta mới hài lòng, vì được người ốm biết cho rằng có mình đến hỏi thăm. Và hỏi thăm người ốm rồi, người ta ra ngồi đầu hiên, nói chuyện trời đất mưa nắng, uống nước vối, hút thuốc lào vặt với vợ chồng anh Hồi một lúc nữa, mới ra về. Ai đến cũng như thế. Chẳng bao giờ vợ chồng anh Hồi lại ra ý phàn nàn. Vợ chồng anh bùi ngùi, cảm kích mọi người đã đến thăm hỏi mẹ.

Thấm thoát, bà Vạng ốm đã được nửa tháng. Một hôm, ông Nhiều Thục sang thăm bà dâu gia. Từ hôm bà Vạng ốm ông cũng có sang một lần vào sau bữa bà ngã được mấy hôm. Hôm ấy, tình cờ mà ông sang. Cũng tưởng là bà Vạng trở trời trở đất, qua loa. Cho đến chiều hôm kia, Ngây về nói chuyện ông mới rõ là bà Vạng phải nặng.

Ông Nhiều mua hai chiếc bánh bột lọc đẳng ngon có nhân hành, hết bốn xu, ở trên chợ, để đem làm quà. Ngây vén cái chiếu lên, để bố chui vào phía giường bà Vạng. Ông Nhiều chẳng trông thấy gì hết. Vì mới ở ngoài nắng vào, thành thử ông quá ngợp mắt. Vả lại, trong nhà cũng tối thực. Ánh sáng không lọt được ở hướng nào. Bóng tối ngưng đọng bốn phía. Một thứ phản quang nhợt nhạt mờ hồ chập chờn trên đầu bức vách. Nhà tối đến nỗi, đàn muỗi tưởng là đêm, từ các khe cửa hắt ra kêu o o. Một mùi mốc tanh tanh dâng lên, lẫn với một mùi thối khẳn. Đó là mùi đất, mùi người ốm, mùi nước đái, mùi phân ở một cái giành đựng đầy tro để ngay giữa gầm giường.

Bây giờ ông Nhiều đã hơi quen mắt nhìn. Lá màn nâu buông sùm sụp trước mặt. Ông đưa tay ra vén lên và thò đầu vào. Bà Vạng nằm không khoèo như một cái thầy ma. Trong bóng tối mờ mờ, rõ những đến da bọc xương đen sì. Còn cái đầu quả là một cái đầu lâu. Hôm kia, Hồi đã lấy kéo, sửa cả lớp tóc ngắn, cho nhẹ và gọn. Chỉ trông chân tay thỉnh thoảng cựa quậy, mà biết rằng bà còn sống. Một mảnh áo phủ nửa người. Nửa dưới, ở truồng. Vả lại, cũng không quần nào có thể chịu được. Mấy bữa nay, bà Vạng thêm chứng đi rửa. Bà đi luôn, cả ngày, cả đêm. Nhiều bận, Hồi nhắc mẹ ra cạnh giường không kịp, tóe vung vãi cả xuống phản. Trước bà hóp cháo được, thì còn đi ra phân. Nhưng sau, chỉ uống nước, rất đi ra lầy lầy đen đen mùi đặc. Nó thối, lậm, con chó mực cũng chịu, chỉ hít hít mấy cái rồi lảng. Ông Nhượng bảo Hồi bẻ mấy cái giát tre thành một lỗ vuông ở giữa giường, xung quanh lót lá chuối. Anh Hồi đặt mẹ nằm kề xuống, dưới để giành tro.

Bà Vạng nằm đấy, nhưng còn thính tai lắm. Nghe tiếng đụng lá màn, thì thều thào:

- Ai...?...

- Tôi đây. Nhiều Thục ạ.

- Lạy... ông... ông...

Rồi có tiếng u ú trong mồm bà Vạng. Bà khóc. Một chốc, bà nói nho nhỏ. Những tiếng ngắn và chấp nối thiếu hơi:

- Ông ơi!... Tôi... chết... mất... khổ...

- Bà đừng nói thế. Bà cố ăn dặm bữa nửa tháng tất mạnh khỏe. Chỗ chị em nhà mình nghèo của, nghèo người, bà đi làm gì vội. Vài năm nữa.

Nghe câu nói thân mật cảm động quá, bà Vạng lại ức ức ú ú khóc. Ông Nhiều cũng rơm rớm hai bên mi. Hời thì nhe răng, nói không ra tiếng. Ngậy đưa vạt áo lên mắt, sụt sịt. Nàng ẵm con ra hiên bóc một chiếc bánh, rồi đưa vào cho ông Nhiều.

- Bà cố nhấp nháp một tí, bánh bột lọc đấy.

Hời cắt một miếng. Ông Nhiều đưa vào miệng bà. Nể lòng, bà Vạng hé miệng. Nhưng bà không biết nuốt thế nào nữa. Lưỡi bà lại đẩy ra ngay, bà đòi uống nước, bà đòi mang thăng Kê đến.

Hôm nào bà cũng bắt vợ chồng Hời mang thăng Kê đến bên giường. Bà cố nghiêng mình, khê nhích lê cái tay ra, sờ lên mặt, lên đầu, lên bụng thăng bé. Rồi bà khóc.

Nhất là về đêm thì bà càng hay khóc. Lúc nào dứt tiếng rên, là lại nổi tiếng khóc ư ư. Và bà nói lảm nhảm:

- Con ơi!... Con đã về ư?

Hình ảnh đứa con trai làm ăn đất khách quê người tận phương trời nào lại hiện về bên giường. Nó vẫn còn trẻ. Nó mím miệng, nhe ra cái răng vàng. Sau lưng nó, một người đàn bà búi tóc thê lể, mặc đồ lĩnh đen óng ánh.

II

- VUA NGÔ BẮM SÁU TÀN VÀNG, chết xuống âm phủ chẳng mang được cái cóc khô gì. Có phải không bác? Ấy thế mà chúa Chổm uống rượu tì tì, thác xuống âm phủ cũng chẳng khác đếch gì vua Ngô! Có phải không bác? Uống vài ba chén rượu đã chết thăng nào đâu? Cho tôi thêm cút nữa! Cút này là mấy nhỉ?

- Là năm!

- Hà... hà... năm cút. Cái thịt hôm nay khớ lắm, thịt bò hay thịt trâu. Còn đấy chứ?

- Chỉ còn có bấy nhiêu để quan anh nhắm thôi.

Ông Nhiều Thục gật gù:

- Được, được. Đã có lạc rang. Cứ chuyên thêm rượu ra đây. Tôi đang nói dở câu chuyện gì, bác quán nhỉ?

- À quan anh đương nói chuyện vua Ngô.

- Phải, phải. Vua Ngô băm sáu tàn vàng... Này bác, người anh em ra đây uống vài chén cay với tớ. Khuya, sắp đóng cửa chứ còn gì nữa. Ra đây uống cho vui. Không sợ thiệt đâu. Rồi tớ tính tiền cả.

Chủ quán cười:

- Xin quan anh cho kiếu. Hôm nay quan anh phát tài gì hân.

- Phát tài? Tớ lại còn có bao giờ phát tài! Nghĩa thì rằng là vua Ngô bầm sáu tàn vàng. Cái lẽ thế đấy. Ra đây! Ra đây! Kiểu thế không được đâu! Có tớ có quan bác anh ra cho vui mà.

Bất đắc dĩ chiều khách, ông chủ hiệu phải ra ngồi cạnh ông Nhiều Thục, rót chén rượu uống nhấm nháp đưa đà với mấy củ lạc rang.

Ông Nhiều vào uống rượu ở đây từ lúc chập tối. Cùng đi làm về với ông Ba Cấn, nhưng ông Ba đã sang Bắc ngay từ chiều, lấy thuốc tràng nhạc cho thằng Tuế. Ông không muốn đi ban ngày, sợ mất công mất việc. Đợt trước, nhà nghỉ dột, hai ông cùng đi dột mướn bên làng Thượng. Nhưng rồi những nhà chủ dột cũng nghỉ, bởi vì hàng càng ngày càng ế. Người ta bán khung cửi đi. Có nhà túng cái đun, chẻ cả ra làm cửi. Những người đi dột thuê hết việc. Trước nhất là những người già như ông Nhiều, ông Ba, vì đến tuổi ấy, làm chậm, được ít việc.

Một hôm, ông Ba Cấn rủ ông Nhiều đi làm xa. Tưởng làm gì, hóa ra đi làm phu thợ nề. Các ông đi sang làng khác, sợ người quen thuộc biết thì xấu mặt. Họ đi rất sớm, chiều tối mới về. Bây giờ thì ông Nhiều Thục, ông Ba Cấn đương làm phu đổ đất lấp hồ ao để làm nhà ở con đường cái Tây chỗ giáp nách làng Phú Gia. Công mỗi ngày hai hào. Nhưng phải làm liền sáu ngày, chiều thứ bảy được lĩnh tiền tất cả. Bởi vậy, chiều hôm nay, ông Ba Cấn mới có tiền sang Bắc lấy thuốc chữa tràng nhạc cho con. Và chiều hôm nay, ông Nhiều Thục mới khề khà vào quán phở.

Gánh phở quà tân thời này mới mở ở ngay đầu làng Thượng, chen giữa mấy túp nhà lá mới dựng ven bờ sông Lịch. Ở đây rượu xong thì về nhà cũng gần. Cho nên, ông Nhiều Thục cứ mềm môi, lử đử uống mãi.

Gánh phở đặt ở một gian nhà để khi quẩy lên chợ, lúc bán ở nhà đằng trước là cái cửa liếp chống lên. Một bên vừa treo một cái khám thờ bằng gỗ mộc và gánh phở ở dưới. Gian bên kia, có một cái bàn gỗ, mùng nước mắm, nước dùng đã lên nước thơm sì, trên bày ống đũa, một lọ nước mắm. Hai bên là hai cái ghế dài.

Ông Nhiều Thục ngồi đầu ghế, đôi ống quần xoe lên tận bẹn. Thỉnh thoảng, ông vỗ đôm đốp tuốt từ đầu gối xuống háng để giết muỗi.

Có biết cơ man nào là muỗi! Ở dưới sông Lịch bay lên, ở ngoài bãi cỏ bay vào, ở trên những cành hoa xoan bay xuống muỗi hợp từng đàn làm ngứa trong nhà. Chúng bay qua bóng đèn. Chúng bay qua cút rượu. Chúng đổ cả xuống cái đầu trọc của ông Nhiều. Vừa cong đuôi lên đốt, chúng vừa vo ve. Ông lão vỗ lên đầu, xoa tay một cái, trong bàn tay lặn ra mấy con muỗi. Có cái bụng đỏ mọng, vỡ loe loét ra máu tươi. Đôi mắt nhòe hơi rượu, ông lão ngấm bàn tay mình thấy mấy vết máu đỏ. Một con muỗi tự dưng lặn xuống chén rượu. Ông ngửa cổ, dim mắt, uống ực một hơi, rồi thở khà.

Đến cút rượu thứ sáu thì ông Nhiều đã trông một lão chủ quán hóa ra bốn lão chủ quán rồi. Lão ngồi đối diện với ông, bên kia cây đèn. Đầu lão trụi tóc, hói lên tận đỉnh. Kia cái tay lão cũng gãi lên đầu, vì bọn muỗi làm hung quá. Cái bàn tay có một ngón thừa của lão mọc thay lấy bên cạnh ngón cái, sần sùi những gân, những chai. Ấy là bàn tay chỉ biết thái bánh phở.

Lão bán phở ở đây từ ngày nào, có lẽ từ ngày lão và ông Nhiều vẫn còn trẻ. Cái thừa xa xôi ấy, sao mà người ta buồn cười. Bởi vì chính ông Nhiều đây đã có lần đánh vỡ đầu lão hàng phở kia. Vào một đêm tháng Tư, có hội trên ấp Hồ, ông Nhiều đi xem hát chèo với một cô nhân tình thợ tơ. Tan chèo về, tay đôi dắt nhau vào hàng. Cô thợ tơ ấy cũng đã là nhân tình gã hàng phở. Thằng hàng phở rõ ràng còn phở, còn đèn sáng lại bảo hết phở. Gã con trai tức lắm. Bởi vì người bạn tình của gã đương đói. Thế là gã nháy vào phang cho anh hàng phở hai cái gậy vào trán. Máu đỏ tóe ra. Cô ả kia sợ, chạy mất. Gã cũng chuồn. Về sau, mấy lần gã hàng phở rình đánh lại gã trai làng Nha. Nhưng cái gã Nhiều vô lý ấy lại nhả dọa rằng: Nếu hấn mà còn lăm le đánh nhau nữa, gã sẽ rủ anh em đến phá cửa hàng. Anh hàng phở đành thôi. Cái cửa hàng của anh quan trọng. Nuôi anh và nuôi sống ông bố già của anh. Đến khi ông lão chết, anh hàng phở ở một mình.

Mình lẻ loi từ thừa tóc còn xanh, cho đến bây giờ tóc xanh hóa bạc rồi tóc bạc cũng rụng mất,

chỉ còn trơ lại cái đầu hói sưng tình. Chao ôi! Lão chưa được lấy vợ lần nào, dù là chỉ lấy một người vợ theo không. Lão chẳng có một cái hòm để đựng quần áo. Quanh năm lão mặc quần áo nâu. Lão thái bánh, thái thịt cồm cộp trên thớt gỗ vuông. Giội một muôi nước dùng, gõ ngón tay lạch tạch vào cái ống nứa có lỗ đựng hạt tiêu hay muối không biết, lão bưng bát phở nóng cho mọi người ăn. Lão bán phở cho thiên hạ ăn chơi, cái quà mới lạ này, để mình cũng được sống kệ. Chóng quá! Chóng quá! Bây giờ râu tóc cả rồi thì người ta cũng quên những chuyện cũ đi. Lúc này, ngồi uống rượu, lão Nhiều cũng không nhớ rằng xưa kia đã có đánh nhau với lão hàng phở. Vô lý lạ.

Lão hàng phở cùng uống rượu với ông Nhiều. Hai người đều buồn cả. Nhưng lão chủ quán chỉ uống cầm chừng. Thịt bò nhằn từ cút thứ năm. Lão nhắm với lạc. Nhưng đĩa lạc rang cũng còn trơ lại nắm vỏ. Lão gào:

- Rượu nữa đây!

Lão hàng phở biết đấy là cái điệu của người say, không đưa rượu ra nữa. Lão Nhiều cứ kè nhẹ, lải nhải. Ừ, thì lão đưa cho mà uống... Lão đưa lão Nhiều một cút nước lã. Lão Nhiều lấy bẩy nghiêng cái cút dài đục ngẫu, rót xuống chiếc chén đàn. Lão uống ực cả một chén, ngẫm nghĩ, nhìn bóng mình chập chờn lắc lư trên vách, rồi khàn khàn nói với lão hàng phở:

- Dễ thường tớ gở chết cũng nên... Sao cứ như uống nước lã!

- Thế là say lắm rồi. Thôi đi.

Lão Nhiều trừng ngược lòng trắng mắt:

- Say à! Tớ không say. Nói láo!

Nhưng uống cạn cút nước lã ấy thì lão gõ chén xuống bàn, nói một mình:

- Mà thôi. Hi hi hi. Sống ở trên đời, ăn miếng dồi chó. Không ăn miếng dồi chó thì ăn miếng thịt trâu. Tính tiền nào.

Lão móc túi, xĩa ra ba đồng hào trắng. Rượu hết hào tư. Tám xu thịt. Nửa xu lạc. Lão hàng phở trả lại lão Nhiều năm xu. Cầm đồng năm xu, lão đút vào một bên lỗ tai. Lão ngật ngưỡng đứng lên. Giá không có cái cột bên cạnh thì lão ngã bổ chửng. Mặt lão tím lịm. Một giọng đặc rượu, khê nặng nặc:

- Này này... cho tớ ngủ đây nhé!

Rồi lão cởi phanh ngực áo, nằm đườn ngay xuống cái ghế dài. Lão hàng phở vội ra dựng ông khách hàng dậy và đùn ông ấy ra cửa. Ông khách miễn cưỡng đi theo cái đà tay đẩy ra cửa, đầu cúi gục. Đường như chiếc đầu lão nặng, cái cổ không mang nổi. Lão lại lẩm bẩm: “Tớ đi tắm. Nóng lắm! Nóng lắm!” Rồi thì lão thấy lão cần phải tắm ngay. Trong người như có đàn kiến lửa đương chia nhau đi đốt khắp mọi nơi. Ôi! Lão Nhiều cúi khom khom, cởi quần ra, buộc quàng hai ống lên cổ. Lão chạy run run, hai bắp đùi gầy leo khoeo. Trong cái nóng nực của lão, có làn nước sông Lịch trong veo, mát rượi trước mặt. Lão hàng phở nghe thấy ông khách bảo định đi tắm, lại trông thấy ông ta ngả nghiêng chạy ra bờ sông, thì hoảng hồn. Đương cơn say, mà mò xuống sông, rành là chết đuối. Lão hàng phở không thể cho người ta uống rượu - dù là uống rượu mất tiền - để nhìn người ta đi trầm mình. Lão hàng phở giết người à? Lão bèn túm lưng áo ông Nhiều, dí mũi vào mặt ông ta, quát to:

- Đi về nhà mà ngủ. Mặc quần vào.

- Tao không có quần!

- Say bét ra rồi.

- Mà bảo ông say? Ông đánh cho gầy cổ bây giờ!

Lão hàng phở không chú ý đến sự hung hăng của ông say. Bởi vì ông này đã mềm người ra rồi. Nếu lão buông tay ra, ông Nhiều gục ngay xuống, mà không dậy được nữa. Lão chép miệng mấy cái, rồi lúi tuột ông Nhiều đi. Ông Nhiều giơ cả hai tay lên, bước tùn tụt theo tay kéo của

lão hàng phở. Lão buông cánh cửa, đẩy ông Nhiều đi về nhà. Chắc lão vẫn quen với những việc đưa khách say về nhà như thế này. Lão làm lì đẩy ông Nhiều như là lão làm một việc thường. Ông Nhiều run rẩy chỉ chực nhào xuống. Sau lão phải xốc cánh dẫn đi bước một. Ông còn luôn mồm, lải nhải: “Tao đi tắm chứ?... Tao có say đâu... Mả bố đũa nào bảo ông say! Ông đánh gãy cổ bố nó bây giờ...”

Lúc bấy giờ chừng quá nửa đêm. Chuông nhà thờ ập Đông gióng đã từ lâu lắm. Mảnh trăng hai mươi bốn, bợt một góc, nghiêng về phía cầu Phượng. Nước sông Lịch một dải quanh co, óng ánh sáng. Gió nồm thổi lồng lộng, rì rào trong bờ tre. Hai người dìu nhau về con đường vào xóm Giếng. Lão Nhiều bước chệnh choạng, khuynh cả tay lên trời. Áo tuột khuy và quần buộc ở cổ, bay phấp phới như cờ đuôi nheo. Hai cái bóng ngả dài về phía sau. Ánh trăng loang lổ nhạt thắm trên đường cỏ, qua những bóng cây phượng, cây duối, cây muỗm.

Về qua cửa miếu Tam Thánh, ông Nhiều nhất định không chịu đi nữa. Lão hàng phở lòi, ông chùn lại. Và ông kêu lên: “... Nhà ông đây rồi... Nhà ông đây...” Thế là ông nằm ịch xuống giữa đường, lòi thế nào cũng không dậy. Lão hàng phở loay hoay lòi hai tay ông Nhiều, ghé vai xuống, lật đặt công ông. Lão cũng chỉ chạy bì bạch vài bước vào cửa miếu, đặt ông Nhiều xuống thêm gạch, dưới bóng cây ngọc lan cổ thụ. Ông Nhiều nằm kènh càng, hoa chân múa tay, nói lảm nhảm.

Lão hàng phở cầm cổ chạy vào xóm Giếng.

Bấy giờ nhà ông Nhiều Thục, đương có một giá lên đồng. Một người đàn bà, ở bên xóm Đình. Xưa nay mù vẫn sùng lễ bái lắm. Mụ đội bát hương mấy nơi. Chùa Vạn, điện cô đồng Toàn... Một ngày kia, mụ ốm. Ồm rờng rã một tháng trời, tóc bết cả lại. Chồng mụ sờ vào đầu mụ thấy từng nạm tóc quấn với nhau thì sợ xanh mặt, vóc vàng đi xem bói. Thầy bói gieo quẻ xong dạy: bà ấy nặng căn, phải về trình đồng ngay, kéo chết oan. Người chồng về lễ giữa sân rồi đun nước trầm, vắt chanh vào gội đầu cho vợ. Tóc mụ liền nuốn ra. Ít hôm sau, mụ khỏi bệnh. Bởi vậy, đêm ấy có cuộc trình đồng. Thế là mụ bị Thánh bắt ra lính, hầu điện cô đồng Toàn.

Trong điện, đèn nến rực rỡ. Trên cùng là một cái ỷ gỗ mộc thờ vua cha Ngọc Hoàng. Kế phía dưới, có bốn chiếc thuyền bằng giấy trang kim vàng chóa đặt trên một cái mâm đồng đại. Ấy là tứ phủ, ngũ phủ công đồng, cả thiên đường, địa ngục, thủy phủ, dương gian cùng họp lại mà thờ ở một cái mâm gỗ tròn đó. Rồi đến một hàng mũ thổ công, mũ của những tay chân, môn hạ. Cuối cùng, bày ba bốn đĩa các thứ hoa quả. Một đĩa lắn lộn vừa sung, vừa khế, vừa ớt. Một đĩa có mấy cánh hoa hồng với một nải chuối xanh. Một đĩa đựng một cái chả trâu thơm xít, để bên ba bốn miếng thuốc lá. Xung quanh giường thờ có những khí giới của Thánh: hai chiếc roi mây, một thanh kiếm đeo bằng tre, bôi mực đen kịt, một cái bơi chèo. Từ nóc nhà, rủ xuống mấy chiếc nón giấy, quay tua xanh đỏ. Và trên những cái món đó, vắt vào trong xà ngang, có hai con rắn hàng mã - hai ông ngài - tô mực xanh lè, châu vào trong điện thờ. Một “ông măng xà” chẳng biết gián hay chuột gặm, rách cụt mất nửa khúc người.

Cô đồng Toàn đương ngồi đồng. Y mặc cái áo trắng dài, một cái quần trắng, chít cái khăn vuông trắng và cả cái thắt lưng ngoài cũng trắng. Đó là cô Ba Thoải Phủ đương lên. Y đứng giữa chiếu. Một tay cầm cái bê chèo gỗ. Một tay cầm cái quạt. Y rún rê, núng nính hai chân. Trông mặt y, như một thằng rồ. Cái vành mặt phèn phet, bôi phấn bột, có đôi mắt đu đưa. Y liếc sang hai bên, chỗ có mấy người đàn bà già úa, những cô gái ế muộn và mấy bà lão. Ai cũng chấp tay lên ngực. Bà Ba cũng chấp tay lên ngực, đôi chốc lại vái lia lia: “Tấu cô... Tấu lạy cô...” Y lại liếc bác cung văn ngồi đàn hát cạnh chiếu. Bác cung văn ôm cái nguyệt trong lòng, tay gẩy, tay đưa nhịp thoăn thoắt trên làn dây. Cổ bác gân lên. Hai mắt bác nhắm lim dim. Tất cả người rướn nhẩy nhẩy theo nhịp hát và đàn của bác.

- ... A... mắt phượng... phình phình... mắt phượng là long lanh... - phình phình... - Cô nàng mắt phượng long lanh... - Phình phính phình... Phình phính phình...

Đồng Toàn run lên, múa quạt và múa bê chèo theo điệu. Mọi người đều im lặng, thành kính chăm chăm nhìn cô Ba Thoải Phủ đương chèo thuyền. Thỉnh thoảng, lại vẩy vẩy cái tay, miệng kêu: “É... é... é”. Lúc ấy bác cung văn vội đổi giọng hát đưa dò khoan lới hồ khoan.

Giữa khi mọi người đang mê man các thứ nhíp nhảy nhót, có một cái đầu trọc lốc thò vào khe cửa. Lão hàng phở. Lão hàng phở thò đầu vào, nói thực to:

- Có ai ra mà khiêng ông Nhiêu về. Ông ấy nằm sắp chết ở cửa miếu Tam Thánh ấy!

Dứt câu, lão chạy mất. Chẳng ai hiểu đầu đuôi ra sao và ai cũng tưởng người ta bảo ông Nhiêu chết ở cửa miếu Tam Thánh. Mọi người hốt hoảng bỏ chạy ùng ùng. Bà Ba chạy trước, vừa chạy vừa kêu trời. Cả cô đồng Toàn đương múa may quay cuồng, cũng bỏ cả Thánh, ruổi theo đám đông. Nhưng cô chỉ ra đến ngõ. Rồi bác cung văn cũng chạy nốt. Tay bác khư khư cái đàn.

Tự nhiên, nhà vắng teo. Gió lửa hây hây. Một nắm tàn hương đỏ rực rơi xuống. Tụm chân hương bén lửa, bùng lên. Ngọn lửa lom đom trong bát bình hương, rồi bắt xuống cái thuyền Tứ Phủ.

Khi đồng Toàn chạy vào thì trên điện cháy sáng rực. Lưỡi lửa đương liếm vươn lên những chiếc nón tua. Cuống cuồng, y lại đảo trở ra.

- Cháy! Cháy!

- Ôi làng nước ôi, cháy!

- Ôi làng nước ôi, cháy!

Tiếng người kêu inh ỏi. Người ta trỗi dậy, ra sân nghe ngóng, nhìn bốn phía. Ngả xóm Giếng, sau những lũy tre cao mờ mờ, nền trời hắng sáng lên, tiếng tù và rúc ở điểm canh, từng hồi dài ghê rợn. Rồi thì tất cả những tù và ở những làng quanh đấy cũng eo óc rúc lên từng hồi não nuột.

- Động ở xóm Giếng!

Người ta dồn về phía ấy, theo dọc bờ sông Lịch. Càng đến gần, ánh sáng càng bùng rõ, trong lối sau người kêu như ri. Và ở tất cả các ngõ xóm khác, chớ sủa vang vang. Đứng là đám cháy xóm Giếng rồi. Ánh lửa đã dồn xuống, rõ mặt và thấy tỏ tường những người làng lố nhố đến chữa cháy. Nào thang, nào câu liêm, nào gậy. Lại có người xách thùng, gõ rầm rầm với tiếng trống ngũ liên thúc trên cửa đình.

- Cháy nhà ai? Nhà nào?

- Ôi làng nước ôi, cháy nhà lão Nhiêu Thục!

- Ôi làng nước ôi, bố con thằng Nhiêu Thục lên đồng lên kèn để cháy cả xóm rồi!

Những người đàn bà rùng rùng ở xóm ra, kêu lên như thế. Mỗi người ôm một bọc. Rồi cùng ngồi xúm lại với nhau ở một chỗ, ngửa mặt lên khóc như cha chết mẹ chết.

Cháy nhà ông Nhiêu Thục. Lửa từ nóc giữa lan ra. Gió thổi tạt lại phía sau, hất ngọn lửa bén dài xuống. Lửa lên ngọn ngụt, dữ quá. Người ta xô nhau nhảy xuống ao, múc nước. Họ bắc thang lên dỡ những mái nhà xung quanh, bao nhiêu người tíu tít loạn xạ. Gà, lợn, vịt ở chuồng xông ra nhảy lẫn cả với người. Người ta khuân đồ đạc ném bừa xuống ao. Cả một cái hòm phản lớn nổi lênh bênh. Lửa càng lúc càng cao, nước tưới lên không có nghĩa nữa. Hoảng hốt thêm, người ta càng hò hét và đàn bà chạy loanh quanh, càng khóc, càng kể lể, chửi rủa.

- Ông khán mang ống thụt đến kìa!

Mọi người giãn ra. Ông khán thủ và mấy tuần đình xắn quần móng heo, thắt lưng buộc ra ngoài, tay cầm lăm lăm cái côn. Đằng sau, ông trương tuần và mấy người vác ba bốn cái ống thụt bằng đồng, như cái bơm xe đạp, dài bằng chiếc đòn gánh.

Người ta dim ống thụt xuống ao rồi bơm nước lên. Khốn khổ nước vọt như tia nước đá trẻ con, không qua được bờ rào dưới. Ngọn lửa bốc cao ngất trời. Những tiếng tre nứa nổ to như ống lênh. Khói lên, lửa lên, tàn đỏ cũng lên theo gió, nhiều bằng sao trên trời. Người ta xô vào kéo đổ những nhà xung quanh để ngăn cho lửa khỏi lan.

Có những nhà ở rất xa, cuối gió, nhưng người ta có thù sẵn, hò nhau đến kéo đổ, chủ nhà ra cản.

Thế là đánh nhau. Lại có anh dưới ao đương xả nước, thấy hai con vịt lạch bạch qua, liền tóm cổ, xách chạy miết. Vừa chạy vừa kêu rống: “Ồi làng nước ôi! Cháy!” Có anh đứng trong bóng tối, đợi người khuân đồ đạc ra thì đỡ lấy, kêu: “Đưa đây! Đưa đây! Cửa nhà để chỗ này!” Rồi ôm lấy chạy ra ngoài ngõ, ngồi đồng. Mâm, nồi xanh, chảo bay đi khắp các ngả. Những người rình biết, vác gậy đuổi. Có đứa bị đánh học máu mồm. Nhưng cũng có anh đuổi ra đến đầu làng thì không dám theo nữa. Thành thử đám chữa cháy cứ nhộn lên, tít lên, hoảng lên, mà không chữa được gì. Người ta đi đánh nhau, đi đuổi kẻ trộm, đi kéo đổ nhà nhau và xúm xít chữa ống đồng để thụt nước.

May làm sao, tuy trời lộng gió nồm, nhưng nhà ông Nhiều ở giữa vườn, nên không cháy lan sang láng giềng. Đến ba giờ sáng, nhà trên nhà dưới ra than hết. Còn trơ lại hai cái cột chống lên trời. Lúc này, những mục đàn bà mà nhà không bị cháy, đã thoi khóc. Chỉ còn bà Ba ngồi ư ử ti tỉ đến tận sáng bạch.

Bà không chạy được đồ đạc gì. Chỉ mang ra độc được một đôi dép quai ngang.

Đến sáng, xóm Giếng hiện ra quang cảnh đổ vỡ rất hỗn độn. Nhà ông Nhiều Thục cháy sạch. Cả đến mấy cái nhà hàng xóm bị lôi đổ, nằm phục vị. Bà Ba và Ngây đi tưới nước, bới những đồng than vụn.

Mọi người trong làng kéo đến, chắp hai tay ra sau lưng, đứng xem.

- Trời ra tai, khiếp thực!

- Rõ ràng tối hôm kia tôi trông thấy con tinh hỏa to bằng cái đèn xếp rơi xuống cuối xóm. Cái này phải cúng tiền mới được.

Người ta tìm thấy ông Nhiều Thục nằm kên ở trong cửa miếu Tam Thánh, dưới gốc cây ngọc lan. Ông nằm cởi truồng, cái quần vẫn buộc lờ xòe ở cổ như đêm qua. Ông vẫn đương ngủ mê man. Tiếng ngáy rền lên như kéo gỗ. Xung quanh, bữa bãi mấy đồng com mưa, mùi chua hăng hăng.

Còn cô đồng Toàn chưa ai tìm thấy đâu.

III

ĐÊM HÔM QUA, bà Vạng thở hơi cuối cùng.

Hời vuốt đôi mắt đầy lòng trắng, màng trắng của mẹ cho khép kín lại và ấn lên cái hàm bị trề ngật xuống. Rồi anh quay lại, bảo vợ:

- Thôi, bầm đi rồi.

Thế là Ngây cất tiếng khóc. Lúc bấy giờ vào khoảng ba giờ sáng. Canh khuya, tiếng khóc nỉ non đưa vắng vắng. Nhà ông Nhượng ở đầu xóm cũng nghe tiếng, ông chạy ngay lại. Ông bảo vợ chồng Hời:

- Hãy để bà nằm nguyên đấy. Đừng ai khóc lóc vội, đến sáng hãy hay. Anh đôi sang Phú Gia mà xin bùa liệm về.

Dần dần, trời sáng. Mọi người trong xóm kéo đến đầy nhà. Vài người đàn bà ở xóm khác, có họ với nhà Hời, cũng tất tả chạy đến, vừa chạy vừa khóc lu loa. Những người quen thuộc, những họ xa họ gần, hiện đương có mặt ở nhà người chết, đều tự coi như họ là người thân thuộc, mà chia nhau làm cả mọi việc. Các công việc phải làm, khi trong nhà có người nằm xuống. Những cánh liếp buồng lụp xụp xung quanh nhà đều được dựng gọn lên. Cái màn the bị đứt xuống. Người ta bắt đầu bó và liệm bà lão.

Anh Lực trèo lên giường, lấy cái váy treó go mặc vào cho bà Vạng. Anh đương hý hoáy mặc, bỗng hoảng hốt nhảy vọt xuống đất. Thì ra không biết bao nhiêu là kiến lửa, từ lúc bà lão chết, chân tay vừa cứng lạnh, ở những lỗ tổ dưới chân giường bò lên. Người ta phải đốt đóm thui kiến, rồi mới làm tiếp được. Bà lão được mặc váy, mặc áo nâu dài, thắt lưng chỉnh chện như khi

còn sống. Người ta tết dây, buộc từng ngón tay, ngón chân cho khép chặt chẽ với nhau. Rồi dùng giấy bản bọc tròn bà lão lại, chỉ để hở có cái mặt xám xịt, trên đây hờ một mảng giấy phủ diện.

Hồi đi xin bùa ở Phú Gia về thì ông Nhượng và anh Lực đã bó cho bà Vạng xong xuôi. Ông Ba Cẩn cũng đã đi mua quan tài về. Xe bò lạch cạch kéo cái săng gỗ vào tận ngõ trong.

Anh Lực đem bỏ một lá bùa vào trong mồm bà Vạng, rồi rút cái đĩa ngáng ra.

Còn mấy lá khác, chốc nữa dán áo quan, dán xung quanh nhà và để đem cho vợ chồng Hồi với thằng cu Kê. Người ta khiêng bà Vạng ra đặt vào săng. Những quần áo cũ, chiếu, chăn và cả cái giường của bà nằm cũng khiêng ra để ngoài đầu ngõ. Chốc nữa, kẻ ăn mày kéo đến hàng lũ, tranh nhau xin và bùng cả đi. Lúc nhập quan bà Vạng, ông Ba Cẩn phải tránh mặt ra sau nhà, không được đứng đấy. Hôm nay là ngày tuổi của ông. Anh Hồi run rẩy trèo lên cái thang bắc vào mái nhà, khóc và hú to lên đúng ba lần:

- Hú ba hồn bảy vía Nguyễn Thị Vạng ở đâu về mà nhập quan!

Trong khi ấy, người ta đẩy nắp quan lại. Anh Lực kê chổi mà nện chày lên trên, tiếng thỉnh thỉnh vang đi khắp xóm. Trẻ con hãi quá, đương đứng xem đầy ra ở ngoài ngõ, nhón nhác bỏ chạy.

Ai nấy đều khóc lên thực to, nhất là đám đàn bà. Ông Nhượng cũng cúi mặt. Mũi ông hỉ luôn đỏ ửng. Hồi ngồi gục dưới chân thang, mếu như một đứa trẻ. Mặt bà mẹ anh đã khuất sau tấm ván gỗ. Từ nay trở đi cách biệt đời đời. Trong đầu anh, rõ rệt nhất là cái hình ảnh rất gần của mẹ: bà nằm trên giường, thò bàn tay gầy như que ra sờ khắp mình mấy thằng Kê. Tưởng tượng lại như thế, anh khóc nức lên.

Ngay chiều hôm ấy, đám ma đưa ra. Vì tang gia không có gì, chẳng muốn để dây dưa đến hôm sau. Ông Nhượng bảo vợ chồng cháu:

- Nhà ta đương cơn bần bách. Gói ghém giấu giếm thế nào cho xong thì thôi, để đến khi thay áo cho bà, nhờ trời ta hãy nói chuyện với làng nước sau.

Hàng xóm, mỗi người một chân một tay, giúp cái việc nghĩa cuối cùng ấy. Đám ma đi vòng ra cửa đình xuống gốc gạo theo con đường dọc bờ sông Lịch rồi quặt về phía sau xóm Giếng, luồn ra hai vòm tre kín mít, ra tha ma, ở ngoài cánh đồng.

Trong ánh chiều nhạt, nhưng nặng nề, đám ma đi lúi lúi, không có kèn, không có trống. Cái áo quan trắng bệch - trên thấp mấy nén hương, đặt vài trăm vàng, một bát cơm và một quả trứng luộc - được để vào hai chiếc đòn gỗ. Xung quanh, người ta buộc gióng ngang ra hai bên, lấy chõ cho vai ghé vào khiêng. Ở đầu đòn, treo lủng lẳng một cái mũ gai và một cái gậy vòng. Dấu hiệu sự vắng mặt của một người con trai, anh cả Từ.

Hồi chống gậy, lừ đừ theo sau chiếc quan tài. Bà con đi đưa đám, họp thành lũ ai cũng sụt sùi khóc lóc. Tiếng nỉ non rền rĩ vào trong bóng chiều. Những người đàn bà, tóc xõa kín ôm mặt gào lên, vừa khóc, vừa kể lể. Và ở hai bên lề đường cái, có nhiều người đi xem. Họ nghe, xem ai khóc khéo, kể lể được những câu gì. Ngây bước vào đám. Nàng kêu thảm thiết như một con mèo gào đói:

- Mẹ ơi! Mẹ bỏ các con, mẹ đi đâu vui thú một mình. Mẹ ơi a!... Từ đây vắng cửa vắng nhà, trông trước chẳng có mẹ, trông sau chẳng có mẹ, mẹ ơi là mẹ ơi!... Ơi mẹ ơi!... mẹ bỏ các con, mẹ đi đâu a... vui thú một mình...

Người ta thì thầm rằng Ngây khóc mẹ chồng chỉ thảm chứ không khéo. Là vì từ lúc bà Vạng nằm xuống, nàng chỉ kể đi kể lại có mỗi một câu khóc ấy.

Trong bọn đi đưa đám ma bà Vạng, vắng ông Nhiều Thục.

Sớm hôm ấy, lúc bà Vạng vừa chết, thì ông cũng chạy đến. Từ hôm cháy nhà, ông ở nhờ bên ông Ba Cẩn. Ông đến qua loa, rồi đi ngay. Ông phải đi tìm thằng Toàn.

Nguyên là từ sau cái đêm nhà ông bị hỏa hoạn, mất tích cô đồng Toàn. Ông đi tìm nó hai hôm thì gặp nó ngồi dưới gốc cây đa ở đầu ấp Đông, một lũ trẻ xúm quanh nó. Quần áo nó rách xơ ra như lá chuối. Nốt muỗi đốt lấm tẩm đỏ đầy mặt. Nó đương nói ba hoa. Khi ông Nhiều tới, nó đứng phắt lên, cười khanh khách. Ông gọi thì nó chửi ông. Rồi nó lại hát. Lũ trẻ cười hê hê. Ông Nhiều trừng trừng hai mắt nhìn con. Rồi bỗng ôm mặt khóc rưng rức. Chao ôi! Có đến bao nhiêu năm nay, ông không hề khóc. Ngày bố mẹ khuất núi, ông không khóc. Đến vợ ông chết, ông cũng chẳng khóc, mà chỉ nhớ thoang thoảng. Rượu giúp ông quên những nỗi buồn. Nhưng bây giờ ông khóc. Ông khóc như mưa như gió. Bởi vì đời ông còn có gì nữa! Bởi vì đời ông chán quá, ngán quá! Cái công gây dựng nhà cửa bấy lâu, nay còn trơ hai chiếc cột cháy đen. Thằng trưởng Khiếu đi, thì có tin đồn về nó chết sứt đất ở ngoài mỏ. Ông chẳng hy vọng gì ở nó, nhưng nó cũng là giọt máu của ông. Bây giờ còn mỗi một thằng Toàn này thì nó lại hóa rồ. Than ôi! Lúc ông Nhiều vợ con khóc ngất đầu lên thì thằng Toàn đã lủi đầu mất từ lúc nào. Ông lại lật đật đi tìm. Nhưng không thấy.

Cho đến hôm nay, ông được mấy người làng đi mua bèo về mách rằng cô đồng Toàn đương lội ở sông Lịch, phía dưới ấp Hồ. Ông tất tả chạy sang ấp Hồ.

Tuy đám ma hết sức tiêu sơ, mà cũng có đôi chút cỗ bàn rửa mặt. Ông Nhượng đã bảo thế, nhưng đôi ba mâm không phải là cỗ bàn. Mọi người đi đưa đám, sau khi đã hạ huyệt bà Vạng, đều trở về nhà đám rửa chân tay, uống nước rồi ăn cỗ. Bữa cỗ đặc biệt, rất một thứ thịt chó. Con chó Mực của tang chủ phải chịu hy sinh cho những bà con anh em đã có lòng tốt mà đi đám bà Vạng. Con chó cũng có một tiểu sử dài dòng. Nó đã sống ngót mười tuổi ở nhà này. Nó là một con chó của cô Nghiên đem ở bên Bắc sang cho mẹ. Bởi vậy, sinh thời bà Vạng quý Mực lắm. Bây giờ nó đã lão. Lông nó quện đám lại, bợt ra từng mảng, lộ những khoảng da xám ngoét. Nó yếu đến nỗi, lúc anh Lực lôi ra để mổ, mổ một chày không trúng vào lỗ huyệt giữa đầu, mà nó cũng tóe phân ra, gục xuống chết, chẳng kịp kêu được nửa tiếng.

Người ta ăn uống ồn ào. Ngồi ba mâm trong nhà. Thêm một mâm phụ ở ngoài hiên cho đàn bà, trẻ con. Đương dở chén, đã ngà ngà, thì ông Ba Cấn bới chuyện ra cà khía với ông Nhượng. Cái câu chuyện cũng đã cũ rích. Nhưng ông Ba Cấn còn tức lắm. Thế này, ngày nọ ông Ba Cấn và ông Nhượng cùng đi đội đất làm đường “cái Tây”. Hai ông vừa đào, vừa đội thay đổi. Cứ kể như ông Ba Cấn bây giờ thì cũng nghèo, nghèo không khác nhà ông Nhiều Thục, nhà anh Hời. Còn nhà ông Nhượng, tuy hàng họ ế ẩm, nhưng vẫn đủ bát ăn. Được cái tính chất chiu, hà tiện của ông không để cho ngồi dung. Ông đi đội đất thuê, thế cũng đã quen rồi. Một hôm ông Ba Cấn và ông Nhượng đào đất, bắt được một cái điều sành. Hai lão hí hửng xuống ao cọ, rửa sạch sẽ rồi đem bán. Bán cái điều được hai đồng cho ông lý So bên Thượng. Cái điều có dáng cổ, nên người ta chịu mua đắt. Tiền bán được, hai lão chia đôi. Nhưng ông Nhượng định tiêu cả hai đồng, mà điều đình gạt thế cho ông Ba Cấn một cái áo cánh. Đương thiếu áo, lão này cũng bằng lòng. Song vốn cái áo cánh của ông Nhượng chẳng được là của thực tốt. Nó màu nâu già, không rách miếng nào và cũng chưa bạc, nhưng ông Nhượng mặc nó đã ngoài mười năm. Ông vốn là một người rất xốt áo. Mùa hè, ông cởi trần suốt ngày đêm. Mùa đông, ông mặc những thứ quần áo vá chằng đụp đến tám tầng. Chỉ những khi nào có việc đi khỏi làng, hoặc ra đình, ông mới xỏ guồng nhẹ hai tay vào áo. Lão Ba Cấn mặc cái áo cánh đã sinh ra được mười năm ấy vừa nửa tháng thì mọi chỗ đường khâu và những nơi cửa tay, lưng, nách, đều rách bung ra. Ấy bởi cái áo sống đã quá lâu, quá cái hạn sống của nó rồi. Bây giờ, dùng mạnh đến, lại sang mồ hôi người khác nó toạc ra hết. Lão Ba Cấn cúi tiết đem cái áo rách đến tận nhà, vút vào mặt lão Nhượng. Lão Nhượng xem xét cái áo rồi nói: “Mặc như cấn vải ấy. Người ta mặc hết năm ấy sang năm khác thì sao!” Tuy nói vậy, rồi lão cũng bằng lòng đền ông bạn ba hào. Ông Ba Cấn cũng bằng lòng và nhân thể vay thêm của ông Nhượng hai hào để đóng tiền cúng cầu mát ngoài đền về tháng Tư này.

Mấy lần ông Nhượng đòi hai hào. Ông Ba Cấn gắt: “Không có!” Ông Nhượng nói: “Ông định vô nợ tôi đấy phỏng?” Phải có mấy người khéo can, nếu không, ban nầy đã xảy ra cãi nhau to ở ngay sau cái quan tài.

Đến bây giờ ông Ba Cấn vẫn chưa nguôi cơn tức. Ông ngồi uống rượu phản trong, nói oang oang ra:

- Nó lại khinh tôi không có tiền? Hừm, nó đã bằng ai. Nó lừa tôi đấy chứ!

Ông Nhượng ngồi phản ngoài, gân vào:

- Tôi lừa gì ai?

- Nói thực cho mà biết chứ, cái áo ấy thì đến chó cũng không mặc được!

Ông Nhượng cười khẩy:

- Thế mà có người mặc đấy!

Ông Ba Cấn quát:

- À mày định nói xỏ ông hử? Cha mày!

- Bố mày!

- Thôi thôi. Tôi can cả hai ông.

Ngây đương ngồi khóc cũng nín khóc. Nàng gắt ông Ba Cấn: “Ông Ba hay chữa!” Ông Ba trợn mắt:

- À mày lại bênh người nhà chồng mày hử? Cha chúng mày!

Lúc bấy giờ, nếu không có ông Nhiều Thục, lủi thủi ngoài ngõ đi vào, ắt đôi bên... đã nhảy ra choảng nhau. Bởi vì ông nào cũng đã xoe tay áo lên rồi. Ông Nhiều đi vào, mặt lử đử. Ngây chạy ra. Nàng định hỏi bố một câu, nhưng tiếng nàng khản đặc, vì khóc liên miên cả ngày, chỉ nghe khao khao, không ra hơi. Hời cũng chạy ra:

- Mời thầy về xơi nước. Thế nào ạ?

- Nó không về.

- ...

- Nó thực phát rồ rồi. Bây giờ tuần ở ấp Hồ người ta nhốt nó lại trong điểm. Để sáng mai, nhờ người sang công nó về. Tao không lôi nổi.

- Sao lại không mang về bây giờ. Để nhờ anh Lực...

- Bọn tuần đòi chuộc công nhốt một đồng bạc.

Cái đám cãi nhau, tự nhiên tan. Người ta lại tiếp tục ăn uống rào rào, từ trong nhà ra ngoài hiên. Ngây ngồi cho con bú dưới bếp. Hời vào quét dọn chỗ giường của mẹ. Có lẽ chỉ một mình chàng ngơ ngẩn buồn.

Đến khi mọi người lẻ tẻ ra về. Ông Ba Cấn khệnh khạng ra ngõ, còn chửi đồng vào một câu. Ông Nhượng tức quá, nhảy xổ ra. Hai người rậm rịch đuổi nhau ra tận ngoài đầu xóm.

Chẳng ai buồn chạy theo cản ngăn. Mọi người còn xúm lại quanh ông Nhiều để bàn cách đi chuộc cô đồng Toán về. Không biết hai lão say rượu có đám được nhau cái nào chẳng.

Nhưng mười ngày sau, khi vợ chồng Hời dọn nhà sang ở bên xóm Giếng thì cả hai lão cũng cùng đến làm giúp. Lão Nhượng đã mở lịch xem ngày rồi. Công việc thế này. Nhà cháy, ông Nhiều không có tiền đâu mà làm nhà được. Mấy bố con bàn với nhau rằng khiêng cái nhà của Hời sang đây. Bởi miếng đất Hời ở thì cũng đã thuộc về tay lý Chi. Người ta cho ở ngày nào hay ngày đó.

Mấy bố con ở quây quần với nhau cho đỡ buồn. Bà Ba bây giờ cũng sinh ra lắm cảm. Cả ngày chỉ cứ ngồi nói rì rầm một mình. Còn thằng Toán thì ông Nhiều phải đóng một cái cũi tre nhốt nó vào đấy, hãy để nhờ bên nhà ông Ba Cấn rồi liệu sau. Ông Ba cũng bằng lòng ngay, quên cái hận áo rách. Thằng Toán rồ cứ cười, cứ hát, cứ chửi luôn mồm.

Hôm nay bắt đầu dỡ nhà anh Hời. Lá gồi đã bỏ xuống hết. Chỉ còn cái khung nhà thì phải dinh ra ngoài, mới tháo được những cái xà, cái cột. Tháo cho khéo, kéo gẩy mất thứ gì, chẳng lấy đâu

ra tiền mà mua. Ông Nhiều Thục bảo mọi người:

- Các anh em, mỗi người ghé vào một vai, cố khiêng ra là được đấy.

Ông Ba Cấn, ông Nhiều Thục, ông Nhượng, anh Hời, anh Lực cùng bám vào mấy cái bậu cửa và mấy cái cột.

- Nào, nâng lên nào.

Anh Lực cong cái lưng bóng nhẫy mồ hôi, cố nâng chiếc bậc cửa lên. Anh cũng thực là người tốt với bạn. Anh chẳng phải là họ xa họ gần gì với Hời. Tội nghiệp, chỉ phải cái nổi nghèo, hai mươi tám tuổi đầu rồi mà vẫn chưa có vợ con chi hết. Lực quay lại hỏi Hời:

- Cho tớ cái đòn nhá!

- Vỡ mất cái bậu rồi mà.

- Cũng được.

- Ừ, lúc nào đến mà mang về.

Cao hứng, anh Lực vừa ráng kéo, vừa hò:

- *Chiếc thuyền không đổ bến Giang Đình.*

Anh nay chỉ quyết lấy mình mà thôi.

- Ta dô ta

- Ta dô tà

Bỗng cái khung nhà xiêu đi, gãy răng rắc, rồi đổ lăn nghiêng về một phía. Mọi người sững sốt nhìn lên. Lão Ba Cấn và lão Nhượng đã buông tay khiêng ra từ lúc nào, thì ra cái thù chiếc áo rách vẫn chưa nguôi. Và hai lão đương giơ chân, giơ tay đâm đá nhau huỳnh huých. Lão Ba Cấn đá một cái, ống quần lão Nhượng rách toang. Lão này tức quá, loanh quanh, luống cuống, tìm hòn gạch vồ.

Ông Nhiều Thục kêu văng lên:

- Trời ơi! Sao các ông cứ giở chứng ra thế? Gãy mất cái xà ngang của tôi rồi!

Trung Nha 1941

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>